

Thư Quán Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Giới thiệu : Nhà thơ
Luân Hoán



tranh Nguyễn Đình Thuần



Số 47 tháng 7-2011

- Với những đóng góp bài vở của Khuất Đầu, Nguyên Minh, Đặng Kim Côn, Lê Sa, Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Nguyễn Trung Dũng, Nguyễn Thanh Châu, Nguyễn Dương Quang, Phạm văn Nhàn, Trần Hoài Thư, Trần quý Phiệt, Nguyễn thị Hải Hà, Du Tử Lê, Trần văn Nam, Mai Khắc Ứng, Lãm Thúy, Khoa Hữu, Lê văn Trung.....

- Những sáng tác sưu tập khó tìm lại sau 1975 của Phạm Công Thiện, Lý Hoàng Phong, Trần Thanh Diệu.

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 47, THÁNG 7, NĂM 2011

MUC LUC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và Viết / 4:

Trần Hoài Thư (4), Luân Hoán (8)

Nguyễn Minh (11)

Chủ đề Giới thiệu Luân Hoán /20

Trần văn Nam (21) ● Phước Khánh (29) ● Lâm Thúy (33) ●
Nguyễn thị Hải Hà (42) ●Phan Xuân Sinh (47) ●Du Tử Lê
(53) ● Phạm văn Nhân (54) ●Mai Khắc Ứng (63) ●
Lữ Quỳnh (66)

Trích thơ văn Luân Hoán /67

Phần thường lệ

Truyện

Đặng Kim Côn (93), Lê Sa (103), Cam Li Nguyễn thị Mỹ
Thanh (108), Khuất Đầu (119), Nguyễn Trung Dũng (125),
Trần Hoài Thư (158)

Truyện dịch

Trần Quý Phiệt (Nguyễn thị Hải Hà dịch) / 165

Thơ

Lê văn Trung (91), Nguyễn Dương Quang (132) , Nguyễn
Thanh Châu (157)

Sưu tập

Phạm Công Thiện (150), Trần Thanh Diệu (180), Lý Hoàng
Phong (197), tạp chí Sóng (203)

Chân dung văn thi sĩ miền Nam:

Lý Hoàng Phong (Khoa Hữu viết) / 191

Điểm sách, giới thiệu sách báo
Phạm văn Nhân giới thiệu (173)

Thân hữu và tòa soạn / 217

Phụ trương (Supplement)
My father by Phiet Q. Tran /210

Tranh bìa : Nguyễn Đình Thuần
Phác họa chân dung Luân Hoán: Hồ Đình Nghiêm

Tòa soạn:
P.O Box 58
South Bound Brook
NJ 08880
Email: tranhoaithu@verizon.net

THƯ TÒA SOẠN

Số báo kỳ này, ngoài những mục thường lệ như Sống và Viết, *Sưu Tập Di Sản văn chương miền Nam*, giới thiệu sách báo, những sáng tác văn chương mới nhất của các tác giả quen thuộc, chúng tôi dành nhiều trang cho chủ đề giới thiệu nhà thơ Luân Hoán.

Đây là dịp để chúng tôi giới thiệu một người bạn thơ cùng một thế hệ, đã bỏ một bàn chân trái trên chiến trường, và đã không ngưng nghỉ mang hơi thở của mình, kinh nghiệm của mình, trái tim của mình đóng góp cho nền văn học miền Nam trước 1975 và hải ngoại bây giờ.

Cùng với kỳ phát hành tạp chí TQBT này, chúng tôi cũng thực hiện một phụ bản đặc biệt. Đó là thi phẩm mới nhất của nhà thơ Luân Hoán, mang tên Thanh Thi. Sách dày 127 trang, giấy in toàn bằng loại giấy đặc biệt.

Quý bạn nào thích xin liên lạc với tòa soạn, chúng tôi rất vui để biếu tặng. Nếu quý bạn cảm thấy áy náy, cứ tùy tâm bỏ tem thư cước phí vào phong bì là đủ.

Thật ra, chính quý bạn là những người mà chúng tôi phải cảm ơn. Quý bạn đã mang niềm vui cho chúng tôi. Giúp chúng tôi biết con đường chúng tôi đi, và việc chúng tôi làm.

Cuối thư, xin được cảm ơn các thân hữu đã nhiệt tình đóng góp bài vở. Kính chúc quý bạn và gia đình những mùa vui, bình an bất tận...

Trân trọng
Tạp chí TQBT

SỐNG VÀ VIẾT

Rong bút

Trần Hoài Thư

Nỗi buồn nở bông

● Cuối cùng chúng tôi là những kẻ may mắn được sống sót sau cuộc chiến tàn khốc. Bầy ngựa của một thời Tăng Nhơn Phú sau khi rời cổng quân trường đã tan tác trong chiến tranh thì trong hòa bình lại càng tan tác hơn... Những người viết văn làm thơ của thời chiến trở nên thưa thớt, cạn dần. Cạn về sinh lực và cạn về khí trời. Nhưng vẫn có những người vẫn tiếp tục cuộc hành trình văn chương không mỏi mệt.

Tôi biết một người. Đó là nhà thơ Luân Hoán (LH).

Những ngày layout tập thơ **Thanh Thi** của anh, tôi mới có dịp đọc thật kỹ suốt cả tập thơ. Khi đọc một đoạn trong bài thơ anh viết về lần bị thương ở Núi Vàng, tôi muốn rung rung

*cái chân một thuở đánh rơi
hình như đang nhớ đến tôi, khóc thầm
nỗi buồn bất chợt nảy mầm
gió mang về nở nụ bông núi Vàng
(LH – Thanh Thi)*

Anh nhớ đến bàn chân. Còn tôi, tôi nhớ đến những đầu đạn sỏi bọt chi chút quanh tôi, bên tôi... Nhớ lắm, khi một viên đạn xéo đi núp vú trái, chỗ trái tim, nhớ cả chiếc áo ướt đầm máu. Và cứ mỗi lần nhớ là mỗi lần nhắm mắt cảm tạ. Cảm tạ cuộc sống, cảm tạ hơi thở, tri ân đời... Chỉ một ly mong manh là mình đâu còn dịp ở Mỹ này để mà in sách cho bạn bè và làm tập chí Thư Quán Bản Thảo này!

Bây giờ nơi đó nhà cửa có lẽ đã được cất lên hay nhựa đường và bụi bặm đã phủ ngập. Cát bụi của thời gian đã xóa mờ quá khứ. Nhưng ở đây, vẫn có những người lính già, như anh như tôi, như bạn bè đồng đội chúng ta, giữ gìn nỗi buồn này, dù đôi khi muốn chảy nước mắt.

Tản mạn dưới hầm nhà

Tưởng tượng 1, 2 giờ sáng có bóng tôi soi trên vách, có những tĩnh vật dường như có linh hồn, đang cùng tôi tham dự một trò chơi bất tận, không mệt mỏi. Như cái máy computer và những trang chữ nghĩa của tôi hay của bạn bè để tôi đọc, layout hay tiếp tục trang trải thêm những ý tưởng... Như những chiếc máy in HP5SI, laserjet màu CP1215, CP2025, hay 4550. Chúng quây quần bên tôi, nghe lệnh tôi từ computer để nhả ra những trang chữ in, để rồi cuối cùng trở thành những trang sách mới. Chúng do chính tôi điều khiển, in bao nhiêu trang, in loại giấy nào, một mặt hay hai mặt. Chúng giúp tôi có việc làm. Ít ra một việc làm do chính tôi tự nguyện và ưa thích. Đó có phải là hạnh phúc?

Có lẽ bạn nghĩ là tôi phải bỏ vốn ra nhiều để thành lập cái cơ sở xuất bản in ấn này. Không phải vậy đâu. Hầu hết những máy in dưới hầm nhà này đều được mua với giá rất rẻ mạt hay được cho không, vì chúng đang ở vào một thời về chiều. Chúng là nạn nhân của một thứ luật tàn bạo. Đó là luật thời gian. Luật đào thải. Như cái máy đánh chữ thời nào, hay mới đây, như chiếc TV to lớn kèn càng..

Giờ đây không ai cần chúng. Mang về chiếm chỗ chật nhà.

Lúc này, người ta cần những máy chạy nhanh hơn, nhẹ nhàng hơn, nhưng kết quả thì hữu hiệu hơn...

Như cái mẫu rao "cho không" một cái máy in laserjet HP 5SI trên mạng craigslist.com sau đây. Nó nói lên cái luật đào thải không thương xót này:

I bought this Laserjet 5si about five years ago for home use. It's a monster (weighs about 80lbs and prints up to 11 x 17. The printer is really too big for our use anymore, so I didn't feel like getting the maintenance kit (costs about \$130 last time I checked). Rather, I got

a smaller laser printer. Please contact via email to set up a time to come pick up.

Nhưng chắc gì lời rao "cho không biếu không" được đáp ứng.

oOo

Có lẽ chỉ có một mình tôi. Bởi vì tôi rất cần nó. Tôi không thể đợi trúng số để tậu những giàn máy in tân tiến, máy đóng hay ép sách tự động, máy cắt chạy bằng điện. Tôi cần nó bởi vì chuyện vực dậy những di sản văn chương miền Nam là chuyện không thể hô hào, mà là một chuyện phải làm, phải thật sự bắt tay mà làm, dù tay da tróc vảy.

Có trí óc, có đam mê nồng cháy, chắc chắn tôi sẽ vượt qua.

Đời buồn tẻ lắm nếu không có sự thách đố. Phải không bạn ta ?

Tôi nhớ lại sau khi ra tù, không biết làm gì để kiếm sống. Bỗng nhiên tôi nghĩ đến việc đi bán cà rem - một việc mà từ cha sinh mẹ đẻ đến bây giờ tôi nào nghĩ đến. Nhưng mà muốn bán trước hết thì phải có thùng cà rem. Mà tiền bạc không có thì lấy gì mà mua mà tậu cái bình thủy dung tích lớn ?

May quá trong nhà còn có sẵn một thùng *móp* trắng. Thế là nó được biến cải thành thùng cà rem. Dễ lắm mà. Dùng xăng để hàn cho kín gio. Thêm một bọc nylon để làm vật cách nhiệt. Và nhờ nó, cái thùng *móp* mà trước kia vất không ai thèm lượm ấy, lại giúp đỡ gia đình chúng tôi đắp đổi qua ngày trong thời khốn khó nhất.

*Ta bán cà rem hề, thì bán cà rem
Bà con ơi, đừng nhìn ta mà khóc
Ta đang đứng trong chuồng thú vật
Ít ra ta vẫn là một con người*

...

Bây giờ, cũng vậy. Những chiếc máy nặng nề sắp phế thải mà thiên hạ chê ấy đã giúp tôi thực hiện được giấc mơ. Là có một

nhà in để in tác phẩm của mình và của thân hữu, cũng như xuất bản một tạp chí văn học nghệ thuật mà mình mong ước từ lâu.

Cái khó ló cái khôn. Có người hỏi tôi làm cách gì để mang những chiếc máy to lớn cồng kềnh mỗi máy nặng trung bình gần 100 pounds mà sức hai người thanh niên mới có thể khiêng - từ chỗ bán ra xe, từ xe mang xuống hầm nhà ? Tôi chỉ vào đầu. Dễ lắm bạn.

Chỉ cần một cái vít (screwdriver) là xong ngay. Cứ tháo hết những bộ phận đến khi mình không thể tháo nữa.. Rồi tha từ từ. Những thùng giấy cũng vậy. Cứ tha từ từ. Thanh niên thì khiêng một lần. Còn lão già thì tha 3, 4 lần. Kiến tha lâu cũng đầy tổ mà.

Sáng kiến đã giúp chúng tôi tiết kiệm rất nhiều công sức, tiền bạc, giúp dễ dàng hóa, và tự động hóa công việc khi mà anh em cứ ngỡ là cơ sở Thư Án Quán quá giàu, hay nhận một nguồn tài trợ từ đâu đó.

Đề đòi lại là niềm vui vô tận. Niềm vui như Trịnh Công Sơn đã chọn.

Và như thế tôi sống vui từng ngày

Và như thế tôi đến trong cuộc đời

Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi

(TCS)

██████████

Luân Hoán

Cuộc họp mặt đầu năm Kỷ-Dậu

(trích từ tạp chí Trước Mặt - Quảng Ngãi số 13 xuất bản vào năm 1969 hiện được lưu trữ tại thư viện đại học Cornell do tạp chí TQBT sưu tập)

Cuộc chiến đã toàn diện, có người đã ngã xuống, người đã mang tàn phế. Một Y Uyên tử thương ở Nora (Phan Thiết), một Chu Tân bỏ một chân cho chiến trường Quảng Ngãi và bây giờ đến lượt Luân Hoán. Trong một cuộc hành quân tại Mỹ Đức, Luân Hoán tức thiếu úy Lê Ngọc Châu đã để lại cho quê hương chúng ta một ống chân trái vào ngày 25 Tết vừa qua. Trong đau đớn này, Luân Hoán đã ôm từng người bạn thân, và bài thơ sau đây là những giọt lệ biếc của Châu khi nằm điều trị tại bệnh viện ...

hỡi toàn thể bạn bè
những người tôi chưa hề biết tên quen mặt
những người tôi từng bắt tay
từng ôm nhau ngủ
tôi sắp sửa nói cùng các anh
những lời vinh hiển
những lời chân thật
mà từ trước đến nay tôi chưa bao giờ nói được
dù tôi đã làm thơ
dù tôi đã dùng chính máu mình hòa vào những giòng thơ đó
hỡi các bạn thân yêu
thật khó mà tin tôi còn đủ bình tĩnh đủ lạc quan
để nghĩ và viết
cho các bạn bài thơ này
chắc các bạn sẽ không đánh giá
sẽ không tìm ý nghĩa nội dung hay bố cục
mà cũng hiểu được tôi
ôi tôi còn nói làm gì ? còn nói những gì ?
tôi nói cùng ai đây ?
cho các bạn hay cho chính tôi ?

hỡi Khắc-Minh hỡi Trần-Anh-Lan
hỡi hai cây thịt mang áo màu như ta

đã hân hạnh được ta gặp mặt đầu tiên trong đầu năm Kỷ Dậu
này
hôm nay ngày mừng tám âm lịch phải không ?
ngày bánh mứt đã cạn
ngày những câu chào mừng xã giao đã ngưng
hai đứa mày còn nhớ gì không ?
khi chiếc xe thô và người tài xế già đưa ta về
ngôi nhà trước khi ta và Lý ở
ngôi nhà có giàn hoa
có tổ chim se sẻ
ôi những giọt nước mắt
ta có khóc bao giờ đâu
sao ta không nhìn được hai đứa mày
sao ta cúi mặt
hai bàn tay ta bận cầm nặng gỗ
còn bàn tay nào để nắm tay nhau ?
còn bàn tay nào gạt trôi vết lệ ?
buổi chiều thật lặng yên
ta nào dám nhìn chung quanh
ta nào dám nhìn mái tóc bạc trên đầu người mẹ già của Minh
đang run run mừng ta về đó
và những nụ cười trên môi bé Ý
và những tiếng chó sủa vang
ta bước đi
một bên Trần-Anh-Lan
một bên là mày phải không Khắc-Minh
sao không ai nói cùng ta hết
lời chia vui sao nở cạn rồi ?
ơi cái bàn này ta đã ngồi
ơi cái giường này ta đã nằm
thân mật quá
ta muốn nói ta muốn tỏ tình ta muốn thét
ta muốn đi chỗ này
ta muốn lại chỗ kia
ta muốn ra chuồng heo
ta muốn ra giếng nước
ta muốn vào thăm cầu tiêu
nhưng than ôi ta phải nằm đây
đĩa mứt cuối cùng để dành cho ta
những cái bánh cuối cùng để dành cho ta

ta đã nhai thật lâu thật nhỏ
mà nuốt vào vẫn nghẹn

rồi Vương-Thanh
rồi Hà-Nguyên-Thạch
rồi Phan-Nhự-Thức
và biết bao nhiêu người ta chưa hề quen
vội vã vào thăm ta
vào thăm ta hay xem một vật lạ
một vật mất một chân
còn đứng đi nói cười
ôi Thanh ôi Thạch ôi Thức
tại sao chúng mày lại khóc
tại sao chúng ta không nắm được tay nhau
tay ta vẫn còn đây
vẫn còn nguyên năm ngón
năm ngón ngũ hành của Tường Linh
trong một bài thơ nào đã nói
ôi Thanh ôi Thạch ôi Thức
ôi những con mắt đỏ ngầu
những con mắt căm hờn
những con mắt thương xót
chúng mày đã nhìn lên ta
bằng những bàn tay xoa dịu vuốt ve
như một cơn gió mát
cơn gió của trái tim hợp lại
cơn gió làm túi lòng ta
nào ta có dám trách đâu
nào ta có dám nghi ngờ đánh giá
bồ thí tình thương
hay chia nhau nỗi đau xót ?
sao ta khổ sở thế này
mười bốn ngày trong bệnh viện Mỹ
ta chưa bao giờ được khóc
không phải là ta sợ
không phải là ta không đau buồn
nhưng bây giờ nước mắt ta chảy được
chảy hân hoan
và cả bọn mày nữa
vô duyên và hèn nhát

cũng khóc được cho một bàn chân
gởi cho quê hương yêu dấu
ôi nên tha thứ hay kết án đây ?
có tình nào cao hơn tình yêu và tình bạn
ta cảm ơn đất trời
đã cho ta những người bạn như bọn mày
những người bạn không thể nào kể hết trên giấy
gọi hết trong bài thơ
nhưng trong trái tim ta
ta đã ghi đã khắc rõ
đã dành mỗi chỗ ngồi cho mỗi đứa
hồi những bạn đã đến cùng ta.



ĐỨT RUỘT

NGUYỄN MINH

Nghĩ là không còn viết gì về T. nữa sau khi được tin từ Trần Hoài Thư ở Mỹ cho hay T. đã tái giá và sống rất hạnh phúc bên cạnh người chồng mới. Điều này từ lâu tôi muốn T. được yên bề gia thất với tuổi già sắp đến. Tôi cũng đã cắt đứt liên lạc với T. qua email. Tôi muốn T. không bận lòng về tôi. Và, ngược lại.

Nhưng, hôm nay thì khác. Một chuyến du lịch với các bạn đã từng là cựu học sinh Quốc học trên 50 năm về trước; cùng đi có thêm thầy cô năm xưa. Thầy Hồng Giũ Lưu, cô Diệu Trang. Vợ chồng Bác sĩ Thân Trọng Minh, Thanh Hằng. Vợ chồng Tiến sĩ Luật sư Trần Anh Tuấn, Hồ Thị Mộng Loan. Vợ chồng Kịch tác gia Sâm Thương, Vũ thị Bích. Riêng tôi. Nguyễn Minh. Nhà văn. Chỉ một mình. Lên cao nguyên. Buôn Mê Thuột.

Chiếc xe 16 chỗ ngồi, đời mới, máy lạnh, thông dong trên quốc lộ. Mọi người vui vẻ nói chuyện huyên thuyên. Trần Anh Tuấn bỏ bỏ cho biết lịch trình chuyến đi. Mộng Loan nhắc đến bài viết của tôi về chuyến đi thăm cô giáo cũ Giáng Châu, có đoạn viết về T. Mộng Loan là người quen biết T. qua cô em gái ở Mỹ. Mộng Loan nói có gởi bài đó qua cho T. Còn tôi thì không. Bài đăng trên TQBT số 45. Trong một email của THT cho biết T. gọi điện thoại qua nhờ chị Yến gởi cho T. số báo đó. THT đã đáp ứng. Thư trước đã lâu, vài tháng, THT cho hay T. đã tái giá và sống rất hạnh phúc. Tôi buồn nhưng sau đó lòng tôi thanh thản, không còn ray rứt về một mối tình xưa đó nữa. Tôi hứa với mình sẽ không bao giờ viết về T. nữa. Nhưng, hôm nay, vô tình Mộng Loan báo cho tôi biết những bất hạnh mà T. vừa gặp phải về cuộc hôn nhân muộn màng đó. Tôi điếng người. Suốt thời gian trên Buôn Mê Thuột, hai ngày, tôi ngậm câm. Tôi không biết tin nào trước tin nào sau. Của Mộng Loan, tôi buồn. Của Trần Hoài Thư, tôi vui.

*

Chuyến đi lên cao nguyên đã được chuẩn bị từ lâu, nhưng đến lúc lên xe, tôi cũng chưa biết được mình sẽ ở tại khách sạn nào. Trần Anh Tuấn cho biết từ Sài Gòn con gái anh đã lấy phòng trước cho chúng tôi tại Đam San, một khách sạn lớn nhất. Tôi hỏi lại: “Có đúng là Đam San không?” – “Sao lại không? Nguyên Minh có biết Đam San hả?” Tôi chưa trả lời, móc túi lấy điện thoại gọi lại em tôi ở Phan Rang báo tin tôi đang lên Buôn Mê Thuột, cần địa chỉ gia đình người chị. Em tôi cho hay, chỉ cần anh đến khách sạn Đam San thì rõ.

Đến nơi, tại quầy tiếp tân, tôi nói tôi muốn gặp giám đốc khách sạn. Cô gái cho tôi số điện thoại di động, tôi gọi nói muốn gặp anh để anh ta dẫn đến thăm người mẹ là người chị con người cô ruột của tôi, mà từ lâu, cả đến sáu mươi năm qua tôi chưa gặp lại. Anh ta trả lời đang bận ở xa, bảo tôi ngồi chờ ở phòng khách sẽ cho cậu em kế đến chờ tôi về nhà người mẹ.

Gặp chị, một cụ già trên 90 tuổi đang nằm trên giường nệm, tôi nhận ra ngay. Tôi chỉ nhắc đến một kỷ niệm mà tôi không bao giờ quên được là thuở còn là cậu bé 7, 8 tuổi đã từng nằm trong lòng chị để được chị ngoáy lỗ tai. Ngày ấy chị sống với chồng trên Đà Lạt, còn tôi sống ở Phan Rang có dịp theo mẹ

lên Đà Lạt chơi.

Cái cảm giác đầu đời vừa sợ vừa khoái cảm từ thời thơ ấu đã theo tôi đến tận tuổi già. Còn chị, qua hơn nửa thế kỷ, với tuổi già người ta thường quên hết những chuyện đã qua nhất là chuyện không đáng nhớ, thế mà chị lại cười gật đầu nhớ ngay và gọi đúng biệt danh của tôi thời ấy. Bui đó à. Tôi nắm chặt lấy tay chị. Bui đây.

Như đưa tôi về lại thuở xa xưa. Như đưa tôi về vùng cao nguyên với đồi thông vi vu, với những hàng cây nở đầy hoa anh đào, với bờ hồ Xuân Hương có nhà thủy tạ, với những con phố dốc trên dốc dưới, những dãy biệt thự trong những vườn hoa rực rỡ tỏa đầy mùi hương. Buổi sáng sương mù lãng đãng trên núi đồi, buổi chiều mưa lâm râm. Lạnh buốt, tôi, một thằng bé con, hết run rẩy và ấm áp trong lòng người đàn bà chưa đầy ba mươi tuổi. Tôi nằm nghiêng, gối đầu lên đùi chị, một tai áp sát, một tai ngễnh ra, mắt nhắm lại, chỉ thỉnh thoảng hé mở nhìn khuôn mặt chị và đôi mắt chị đang chăm bắm vào lỗ tai tôi. Bàn tay chị nhỏ nhắn cầm chiếc que nhỏ nhẹ nhàng đưa sâu vào lỗ tai tôi. Một nỗi sợ hãi chợt lóe lên nhưng rồi biến mất ngay nhường lại cho một cảm giác tê mê làm tôi thiếp đi trong một giấc mộng ngắn ngủi. Giọng nói chị đầy âm điệu như tiếng hò mái đẩy, kẻ lẻ, thổ lộ nỗi nhớ quê nhà mà chị phải đành bỏ nó ra đi. Chị thủ thi rót vào tai tôi về quê chị, còn trong tâm hồn tôi đang liên tưởng bằng ảnh tượng, như mình đang đứng trước ngôi nhà từ đường có rường cột to tướng, bóng lảng màu gỗ lim, cùng mái tranh dày cộm tỏa hơi mát xuống nền nhà xi-măng lúc nào cũng được lau chùi đến nổi lên nước như đá thạch. Chị dẫn tả con đường dẫn vào nhà chị, quanh co bên bờ sông Hương lúc nào cũng một màu xanh như có rêu rong nằm dưới đáy, đến chiếc đò ngang chờ khách qua sông, từ Bãi Dâu qua con đường Chợ Mai đến làng Ngọc Anh. Ngày đó chị còn là đứa trẻ thơ theo mẹ về thăm bà ngoại đến lúc trở thành người con gái mà con đò vẫn còn người đàn ông cầm sào chống xuống lòng nước đưa chiếc đò chòng chành đầy khách từ từ cập bến. Lúc ấy, tôi nghe chị kể lẻ như tôi nghe một câu chuyện cổ tích, và tôi thiếp đi trong giấc ngủ êm đềm, trong giấc mơ tôi gặp một người thiếu nữ có khuôn mặt hình trái xoan cùng đôi mắt hiền từ, đẹp như một nàng tiên. Lớn lên, mười năm sau, tôi thành cậu thiếu niên 17 tuổi, mới trở về quê nội, tôi sững sờ khi đứng trước ngôi nhà từ

đường, lần đầu tiên mà tôi thấy quá quen thuộc như đã từng sống nơi đó từ lâu. Trên chiếc đò ngang, nhìn dòng sông Hương tôi không ngạc nhiên vì màu xanh rêu mà chưa bao giờ tôi thấy ở những con sông khác nơi tôi đã từng đi qua. Đến làng Ngọc Anh, trước nhà vẫn là lũy tre cao vút, vẫn có cái hồ nhỏ làm hòn non bộ, vẫn còn giàn hoa thiên lý trước sân. Bấy giờ tôi mới nhận ra đúng là cảnh chị tả quê nhà mình cho tôi từ thuở ấu thơ.

Hơn sáu mươi năm qua chị em tôi mới được gặp nhau lại. Từ lâu tôi cũng muốn tìm chị nhưng biệt tăm từ ngày chị bỏ Đà Lạt lên Buôn Ma Thuột.

Trước khi từ giã chị tôi nhận thấy đôi mắt chị hình như hướng về một nơi xa xôi nào đó và giọng chị run rẩy:

- Tất cả đều đổi thay rồi em ạ. Đâu còn chiếc đò ngang. Đâu còn lũy tre làng. Đâu còn mái nhà tranh.

Tự nhiên tôi thốt lên:

- Màu xanh của dòng sông Hương, vẫn còn.

*

Hai ngày đêm ở Buôn Mê Thuật, chúng tôi đi thăm vài buôn làng với những ngôi nhà sàn bằng gỗ, đến những nhà mồ, vào tận trong núi sâu, lên dốc xuống dốc, băng qua những ghềnh đá nhỏ trơn tru để đến những thác nước hùng vĩ. Ban đêm Thân Trọng Minh, Sâm Thương, Trần Anh Tuấn, thầy Hồng Giũ Lưu kéo nhau qua phòng tôi ngồi uống rượu whisky nói chuyện đời. Rượu ngon phải có bạn hiền nên chai rượu đầy đã vơi cạn lúc nào không hay.

Buổi sáng sớm hôm sau, chúng tôi lên xe về Đà Lạt. Không ngờ con đường đèo quanh co khúc khuỷu lại bị cây xới, đất đá lởm chởm, ổ gà ổ voi, chỗ khô chỗ nước vũng lầy, chiếc xe lắc lư và chúng tôi cũng lắc lư, mệt nhừ. Đến giữa trưa, xe đậu lại ở một cái quán bên đường theo lời đề nghị của tôi. Giữa cái hẻo lánh, đìu hiu, hai bên đường là đồi núi, không có một nhà cửa, buôn làng lại mọc lên cái quán nhỏ, trước công lại giăng một bảng quảng cáo ngày khai trương Quán Thung Lũng. Tình cờ chúng tôi là khách đến đầu tiên.

Ngồi dựa đầu vào chiếc ghế cạnh kê gốc cây, bên cạnh ly cà phê phin đang chảy từng giọt màu đen sậm, thở một hơi dài

nghư trút hết cái buồn ngủ đã dật dờ trên xe, nhìn xuống phía dưới cái quán nhỏ này, cheo leo trên sườn đồi, một dòng suối nhỏ, đục ngầu màu đất phù sa, quanh co dưới thung lũng, như một bức tranh vẽ, dòng nước đứng yên. Lòng tôi nhẹ tênh trong phút chốc rồi lại bay bổng theo mây, theo khói bốc lên từ núi rừng phía xa lơ lửng mỏng như sương mù, trong tiếng hát phát ra từ cái điện thoại di động của thầy Hồng Giũ Lưu đặt trên bàn nhỏ. Tôi thả hồn theo ca từ:

.....
*Có những niềm riêng gần như hơi thở
Nuôi ta cô đơn nuôi ta đợi chờ
Có những niềm riêng một đời dấu kín
Như rêu như rong lắng trong bể khơi
Có những niềm riêng gần như cảm nín
Nên khi xuôi tay còn chút ngậm ngùi*

.....
Có lẽ nhìn về ưu tư của tôi, thầy Lưu hỏi:
- Nguyên Minh biết bản nhạc này của ai không?
Tôi lắc đầu và nói nhỏ:

- Thầy cho em nghe lại vài lần.
- Bản nhạc đầu tay của vợ bạn anh đó. Lê Tín Hương.

Trong chuyến đi này, tình cờ ngồi ở nhà hàng bên bờ hồ Lắc để ăn trưa, chị Mộng Loan nhắc đến cuộc đời của Lê Tín Hương thời còn ở Việt Nam. Tôi kể lại cuộc đời của Vô Thường những ngày trước năm 1975 ở quê anh, một thị xã nhỏ Phan Rang. Hai đứa tôi là bạn từ thuở thiếu thời. Một thằng mê văn chương chữ nghĩa. Một thằng mê âm nhạc, đàn ghi-ta. Một thằng viết văn bằng tay mặt. Một thằng khảy đàn bằng tay trái. Tôi viết văn hẩn đọc. Hẩn khảy đàn tôi nghe.

Lịch sử sang trang. Tôi ở lại quê nhà, gác bút làm nông. Hẩn lưu lạc nơi xứ người tiếp tục khảy đàn, thổi băng đĩa. Trong một tình cờ hy hữu tôi nghe được tiếng đàn ghi-ta độc đáo của hẩn khi ngồi với Lữ Quỳnh ở một quán cà phê dưới cơn mưa bất chợt, trước khi Lữ Quỳnh rời Việt Nam sang định cư ở Mỹ. Âm thanh từng giọt réo rắc của đàn ghi-ta phát ra từ một máy ghi âm cũng đủ làm tôi nhận ra tiếng đàn của Bảy Rìu sau 20 năm vắng bóng. Tiếng đàn đó đưa tôi vào cõi xa xưa nào đó, với một không gian nào đó, với khuôn mặt ngây thơ của một người con gái thuở còn là nữ sinh trong trắng đã từng làm nát tim tôi. Tôi không cầm được nổi xúc động, để mặc cho

nước mắt chảy dài. Sau đó tôi viết được một truyện ngắn mang tên Hình Như Trời Đang Mưa tặng Bảy Riu, sau này tôi mới biết là Vô Thường, gửi qua đăng trên Thư Quán Bản Thảo của Trần Hoài Thu. Không ngờ Trần Hoài Thu in ra một bản sao gửi cho Vô Thường ở Mỹ. Từ đó Vô Thường và tôi liên lạc qua email. Cũng một tình cờ khác, có một người quen nhờ tôi sao lại hình Lê Tín Hương. Tôi gửi email hỏi thật tình Vô Thường ở Mỹ có biết Lê Tín Hương cùng mấy bản nhạc của cô ta không. Tôi muốn nhờ Vô Thường kiếm hộ, gửi về Việt Nam cho tôi. Vô Thường tưởng tôi đùa dai. Thư qua thư lại tôi biết té ra Lê Tín Hương là vợ của Vô Thường. Nhưng giờ họ đã chia tay nhau sau 7 năm chung sống. Vô Thường tâm sự với tôi, những năm tháng đó là những tháng năm hạnh phúc nhất trong đời của Vô Thường.

Vô Thường hẹn với tôi sẽ về Việt Nam và hai thằng sẽ ra Nha Trang tìm thuê một căn nhà nhỏ gần bãi biển. Xa lánh mọi người thân để một thằng viết văn, một thằng sáng tác những bản tình ca mà Vô Thường ấp ủ. Chúng tôi quên là mình không còn trẻ. Chúng tôi quên tuổi già sẽ làm mình gục ngã, xuôi tay lúc nào không hay.

Thật vậy, chưa thực hiện lời hẹn đó, Vô Thường đã ra đi sau cơn bạo bệnh. Khi nhận email của tôi hỏi thăm bệnh của Vô Thường bớt chưa mà cả tháng nay không thấy, Vô Thường thư cho tôi như bấy lâu nay chúng tôi vẫn liên lạc với nhau. Trước đó Vô Thường chỉ cho biết dạo này anh thường ho dữ dội, khám bác sĩ cho hay chẳng có gì quan trọng. Trả lời email của tôi là của một người em gái nuôi tên D. báo tin cho tôi hay Vô Thường đã chết mấy ngày nay rồi. Tôi bàng hoàng và tưởng rằng cô em gái nuôi nào đó đã đùa dai nên tôi gửi thư qua cho Trần Hoài Thu kiểm chứng lại tin dữ này. Đúng.

Thế mà từ ngày Vô Thường ra đi về cõi vĩnh hằng đã gần 8 năm qua, tôi mới được nghe lần đầu tiên bài “Có Những Niềm Riêng” của Lê Tín Hương.

Sau chuyến đi chơi Tây Nguyên về, sáng nào tôi cũng dậy sớm, ngồi bên song cửa nhìn xuống bãi cỏ xanh rờn, ngút ngàn sau nhà, uống một tách cà phê và vào mạng để nghe lại tiếng đàn ghi-ta của Vô Thường trong ca khúc của Lê Tín Hương mà anh đã thu vào đĩa CD và hứa sẽ đem về tặng tôi.

Thời thì tôi pha thêm một tách cà phê, đốt một điều thuốc Pall Mall, xích người qua một chút, nhường cho hương hồn

người bạn có ngón đàn ghi-ta độc đáo bằng tay trái ngồi cạnh bên. Tôi nói nhỏ:

- Bầy Riu uống cà phê, hút thuốc đi mày, nghe tiếng đàn của chính mày đó. Có Những Niềm Riêng đó. Hạnh phúc nhất của đời mày đó. Minh Bui đây. Hẹn gặp lại mày nơi cõi vĩnh hằng một ngày không xa.

*

Đoạn đường từ Buôn Mê Thuật về Đà Lạt ngang qua những khu vườn cà phê, hoa đang nở và bầy bướm vàng bay lững lờ hai bên đường cái. Tôi lấy làm lạ cứ nhìn đắm đắm theo loài bướm vàng đó trong khi cô giáo Diệu Trang kể cho chúng tôi nghe về con bướm mang hồn người chết lảng vảng bên cạnh người thân yêu trước năm mồ vừa xây xong. Tôi nhớ đến tác phẩm “Hồn Bướm Mơ Tiên” của Khải Hưng mà thời còn đi học mình đã từng say mê. Thân Trọng Minh lại nói: “Là bướm và cũng có thể là con chuồn chuồn”.

Nên khi ngồi trên ghế sa-lông trong ngôi nhà trên lưng đồi ở Đà Lạt nhìn tấm tranh anh vừa vẽ xong, để chuẩn bị cho cuộc triển lãm chung với Đinh Cường, Hoàng Trọng Bân tại nhà trưng bày nghệ thuật của Phạm văn Hạng. Bức tranh có con chuồn chuồn màu hồng đậu trên cánh hoa, phía dưới vẽ một phin cà phê trên cái tách nhỏ. Giản dị như thế nhưng sao cứ làm lòng tôi bồn chồn xúc động. Có phải con chuồn chuồn là hồn của con trai anh cứ luôn luôn tìm về. Tôi biết nỗi đau mất con của anh. Anh là bác sĩ từng cứu người nhưng với người con trai đầu đã lớn có vợ lại vừa có con trai đầu lòng chưa đầy giáp năm lại chết đi vì căn bệnh quá ngặt nghèo. Anh bó tay. Cùng năm tháng đó, tôi cũng nằm mê man trên giường bệnh, mồ lui mồ tới, vứt bỏ hũn túi mật, cắt bớt một phần gan. Thân Trọng Minh tưởng sẽ mất hẳn một thằng bạn thân thiết là tôi. Còn người con trai cũng đang nằm trên giường bệnh ở một nhà thương khác sẽ qua khỏi con nguy. Anh không mất bạn mà anh phải chịu đau khổ phải xa lìa mãi mãi người con yêu quý. Những bức phác họa bằng mực tàu tại phòng khám bệnh riêng của anh những ngày sau đó toàn là vẽ những con chuồn chuồn. Chuồn chuồn đậu trên tách cà phê. Chuồn chuồn bám vào tấm màn che cửa sổ. Chuồn chuồn đậu trên thành ghế dựa trong phòng làm việc của anh. Trên giường anh ngủ, chuồn chuồn cũng đậu trên thành cây đèn nhỏ.

Nếu anh khóc được như tôi mỗi lần nhớ đến người thân đã mất thì nỗi đau trong lòng vui đi một ít. Anh vẫn cười, anh vẫn nói huyền thuyên, nhưng tôi biết con chuồn chuồn đang cắn vào tim anh.

Tôi nhìn bức tranh chưa có tên đó, tôi nói nhỏ với anh để tôi đặt tên là Đứt Ruột. Anh không vẽ nổi một con dao nhỏ nằm trên bàn và một khúc ruột vừa mới cắt. Nhưng tôi đã mừng tượng ra.

*

Nhút quỳ, nhì ma, thứ ba học trò.

Chúng tôi chơi trò học trò đây. Những tên học trò giờ đã xấp xỉ bảy mươi tuổi chọc phá cô giáo tuổi gần tám mươi. Chúng tôi bày trò cô giáo cỡi voi. Cô giáo ngày xưa từng dạy môn triết học ở trường Quốc Học - Huế. Thường môn học khô khan ấy chỉ dành cho mấy ông thầy lớn tuổi, sao lại có một cô giáo trẻ, đẹp, quý phái dòng Tôn Thất vừa mới ra trường Đại học Sư phạm đảm trách dạy chúng tôi. Có lẽ nhìn vẻ duyên dáng của cô, nhìn nụ cười tươi rói của cô, nghe giọng nói dịu dàng khi giảng bài nên thu hút được sự chăm chú của chúng tôi. Chúng tôi đam thích những giờ dạy của cô, chắc chắn không phải vì bài học khô khan đó rồi.

Sau bao nhiêu năm qua, sau bao nhiêu cuộc bể dâu, chúng tôi gặp lại thầy cô ở Sài Gòn. Từ đó chúng tôi thường có những buổi đi du lịch hoặc tụ họp nơi quán cà phê dùng điểm tâm, nói chuyện phiếm cùng thầy cô giáo cũ. Trong những lúc ấy, nhất là Thân Trọng Minh, Trần Anh Tuấn hay đùa cợt với cô, nhưng tôi thấy cô vẫn cười đón nhận. Cả bọn học trò già chúng tôi xúm nhau ngồi xem cô giáo già mặc váy dài nương tay vịn vào vai ông chồng già lom khom từ cái đài cao bằng gỗ bước qua để ngồi trên yên đặt ở đầu con voi to tướng. Cả bọn chúng tôi, như lũ học trò đứng hai bên đường xem mặt hai cô nữ sinh Đồng Khánh đóng vai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị đang cỡi voi thật diễn hành trong ngày lễ Hai Bà Trưng.

Có tiếng ai đó trong bọn thốt lên:

- Hôm nay cô Diệu Trang đóng vai bà Trưng Trắc nghe, không có Trưng Nhị đi cùng, cô cứ nghĩ mình đang ngồi với Thi Sách, chồng mình, chứ không phải Tô Định, giặc Tàu, kéo cô hất thầy rớt xuống đất mà voi giầy xéo đó nghe.

Cô giáo gật đầu, cười ra tiếng:

- Vâng, vâng.

Ông thầy cười nắc nẻ:

- Thi Sách đây. Tô Định chạy về Tàu rồi.

Lũ học trò già vỗ tay reo vui.

Ngày cuối cùng ở Đà Lạt, buổi tối tại một nhà hàng, bắt ngờ tôi mới biết mình đang dự buổi tiệc chiêu đãi của thầy cô nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày cưới của thầy cô. Cô giáo trang điểm nhan sắc lại đôi chút, vẫn đài các như bà hoàng ngồi bên người chồng cao tuổi nhưng tóc vẫn còn đen. Những câu chúc tụng chân thành của học trò chúng tôi. Lời đáp lại với nỗi xúc động của cặp vợ chồng đã từng chung sống, từng chia xẻ ngọt bùi cay đắng với nhau đúng nửa thế kỷ. Cả thầy cả cô thốt lên:

- Cảm ơn các em học trò ngày xưa của chúng tôi.

Cả thầy trò đều say ngất ngưỡng, nhưng cũng cố kéo nhau vào một quán cà phê trên dốc cao để nhìn xuống bờ hồ Xuân Hương cùng thành phố cao nguyên ban đêm với muôn ngàn ánh đèn cao thấp như tưởng mình đang lơ lửng giữa những vì sao.

Ngồi cuối bàn, tôi im lặng, chỉ nhìn vào khuôn mặt cô giáo mang đôi kính cận, thỉnh thoảng nở nụ cười duyên dáng và hồn nhiên đón nhận trước những lời tình nghịch của lũ học trò ngày xưa. Bỗng chốc, ý nghĩ chợt đến: "Chúng tôi thì già, bầm dật với cuộc đời. Còn cô giáo thì trẻ lại hồn nhiên với cuộc sống".

Nguyễn Minh

GIỚI THIỆU NHÀ THƠ LUÂN HOÁN

Với những bài viết của:

**Trần văn Nam, Nguyễn thị Hải Hà, Phạm văn Nhân, Phan
Xuân Sinh, Mai Khắc Ứng, Du Tử Lê, Phước Khánh,
Lữ Quỳnh, Lâm Thúy**



Một vài dòng về tiểu sử của nhà thơ Luân Hoán:

- Tên thật Lê Ngọc Châu, sinh năm Canh Thìn, 10-01-1941, Hội An, Quảng Nam.
- Định cư và trưởng thành tại Đà Nẵng từ 1953. • Sĩ quan trong QLVNCH, mất chân trái tại mặt trận Mộ Đức, Quảng Ngãi, 1969.
- Hiện tạm cư tại Montreal Canada từ 02-02-1985.

Trang nhà: <http://www.luanhoan.net>
email: lebao_hoang@yahoo.com
luanhoan@hotmail.com

Các bút hiệu đã dùng: Luân Hoán, Lý Phước Ninh, Cự Hải, Châu Hải Châu, Lê Bảo Hoàng, Trần Gia Nam, Hà Khánh Quân

TRẦN VĂN NAM

NGHĨ VỀ ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH, TÌNH YÊU VÀ SIÊU HÌNH, TRONG THƠ LUÂN HOÁN

Nhà thơ Luân Hoán đã có bề dày văn chương qua số lượng sáng tác hiện diện trong sách báo, thời gian đóng góp từ trước 1975 cho đến nay ở hải ngoại, và phẩm chất tác phẩm làm người viết bài cảm thức được cái hay qua đề tài chiến tranh, tình yêu và siêu hình. Cảm thức những phẩm chất hay đó, xin lần lượt nêu ra trong ba phần. Dĩ nhiên còn biết bao đề tài khác, người viết mong được đưa bài này đến đứng cạnh để có được tổng thể về sự nghiệp văn chương của nhà thơ Luân Hoán, chẳng hạn như còn đề tài quê hương sinh quán, đề tài tổ quốc, đề tài tình bạn, đề tài từ ngữ thơ đôi khi điều cợt....

Đề tài chiến tranh đáng lý phải bao gồm tình yêu đất nước, nhưng đề tài tổ quốc ấy có lẽ nên dành riêng cho một bài khác, vì chiến tranh được nói đến ở đây gắn liền với chiến thương mà tác giả gánh chịu từ lúc mới 35 tuổi. Bàn chân trái bị cắt lìa khỏi thân thể do chiến trận là điều Luân Hoán thường kể trong thơ. Cho nên ta nói thơ chiến tranh của ông gắn liền với chiến thương. Có gì khác với màu sắc thơ chiến tranh thuộc khuynh hướng không ưa chiến tranh của một số người? Ta thấy không có gì khác, vì trước khi bị thương thì tác giả đã không ưa chiến tranh rồi. Tác giả nhấn mạnh lòng yêu chuộng hòa bình hơn là muốn biểu lộ chủ trương phản chiến có tính cách chính trị:

*... cuối cùng rồi cũng xong
vắt mình xuống ổ quân trang vừa tha về
nghĩ về em
ngủ thiếp
giá trái pháo kích rơi đúng chỗ nằm
đời đã đỡ ngang dọc.*

(Trích: **Bài học vỡ lòng ở trường Bộ Binh Thủ**

Đức)

Coi tình yêu trai gái đáng lưu tâm hơn việc phải đối phó với lửa đạn, ta nghĩ tác giả hơi cường điệu để biểu lộ nỗi bất mãn

không được sống ở thời bình yên. Bất mãn sự quấy nhiễu thời cuộc, vậy không hẳn do chủ trương phản chiến, mà chỉ là thái độ không ưa chiến tranh. Không ưa mà phải tuân lệnh là không quyết liệt chống đối. Tác giả nói súng đạn địch không kiêng giờ tác giả đang nghĩ đến người yêu, làm mất bình yên tư lự:

*... chiều ngày thứ tư ngồi dựa ngửa
bên con đường sắt ở Nghĩa Hưng
trùng trùng lửa đạn từ âm phủ
ta chột hết hồn chột nổi xung
địch phá đám ta không kiêng nể
cái giờ tịnh khẩu nghĩ về em
cuồng tay rút súng phơ bờ bụi
phơ cả đất trời đang muốn quên.*

(Trích bài: **Đệ nhất thiêng liêng là giờ nhớ em**)

Tác giả rút súng bắn vu vơ vào bờ bụi cho hả giận thời thế, có khi cho hả giận nỗi bất hạnh của đồng đội chết trận, và có khi cho vui niềm đau xót súng đạn vô tình giáng xuống một người thay cho mình được về phép. Kẽ gây ra đau thương chiến tranh mang tên là Thời Thế, là Định Mệnh. Những người từng lâm trận, từng chứng kiến may rủi của chết chóc, nhiều phen hóa ra khinh bại, nhiều nữa thì hóa ra chai lì. Đôi khi nhà thơ Luân Hoán đã có được tính khinh bại này. Ta không biết nên dùng những từ ngữ “*có được tính khinh bại*” hay “*biến thành khinh bại*”; biến thành do thụ động biến đổi tính tình, còn “*có được*” do ý thức tự rèn luyện. Cũng như chai lì, do tâm hồn biến tính hay được rèn luyện?:

*... từ đồn Đức Hải ta về phép
bạn thế chân ta kích xóm đêm
... đâu có chỗ nào vừa mắc võng
nằm hoài cũng mỏi cái lênh đênh
....bạn mới ngã lưng lim dim mộng
cạc-bin, bầy-chín, lẫn AK
trời xanh thăm thăm hồn nhiên quá
phận số dành riêng mỗi chúng ta?
... ta trở lại đồn qua xóm cũ
rút colt bắn lấy cái lu sành
nước tràn, lu vỡ, trời ta khóc
bóng bạn chập chờn đóm lệ xanh
... Nam ơi, Đức Phổ trưa nay vắng
biến lặng ngồi không, xót phận mày*

*ngày mai nhỏ trại lòng Đức Phụng
đến lượt ta, hay đưa nào đây?*

(Trích bài: **Bàn giao cho bạn địa-bàn. Bàn giao cho bạn nghĩa-trang vô tình**)

Đề tài chiến tranh bao gồm đề tài chiến thương, riêng với nhà thơ Luân Hoán. Trong thơ, thi sĩ có nhắc khá nhiều lần về điều này, có khi nó mang đến điều mặc cảm làm đời vô dụng đối với gia đình, có khi mừng nó là khúc rẽ để được cắt đứt cuộc tình-ngã-ba (sẽ bàn đến sau trong phần thơ tình và tình gia đình). Có một bài thơ tác giả dành trọn vẹn cho biến cố mất bàn chân trái trong chiến trận. Điều văn cho bàn chân trái, bạn hiền bàn chân gỗ, bia mộ cho bàn chân, cái chân một thuở đánh rơi, bàn chân tuyệt tình, tất cả là những từ ngữ đặc biệt tác giả ưu ái nói về chiến thương của mình. Ngôn ngữ đặc biệt ấy rải rác đây đó trong thơ của Luân Hoán. Ta muốn biết rõ nơi nào nhà thơ gặp nạn, trong trường hợp nào, và một phần thân thể đó nay ở đâu... tác giả ghi lại đầy đủ như sau:

*... thế rồi tôi lên Núi Vàng
bằng trực thăng giữa chiều loang cánh đồng
nằm im mà thấy bệnh bông
nghe như mây đảo vòng vòng trong tim
tình ra sừng sốt giật mình
một đoạn chân đã tuyệt tình bỏ đi
....núi Vàng, côi đặt mộ bia
cho bàn chân trái năm kia, mơ hồ
....cái chân một thuở đánh rơi
hình như đang nhớ đến tôi, khóc thầm...*

(Trích bài: **Núi Vàng, nghĩa địa một bàn chân**)

(Núi Vàng, nơi có bệnh viện quân đội Mỹ, ở Đức Phổ, Quảng Ngãi)

Thứ hai là **Đề tài Tình Yêu bao gồm Tình Gia Đình** trong văn chương Luân Hoán, thi tứ cũng dồi dào như thơ với đề tài chiến tranh. Ta có thể kể theo thứ tự tình lúc gặp gỡ thời son trẻ; tình khi thành vợ chồng; tình ở khúc rẽ ngã ba; tình gia đình hiện tại. Tình yêu gặp gỡ lúc son trẻ nếu không có đặc điểm riêng thì đều tương tự với các nhà thơ khác. Tác giả như cố tránh trùng hợp nên quy vào điều đặc biệt ngay, như trường hợp cảm hứng viết nên bài thơ dám theo em đến vùng “xôi đậu” giữa thời kinh dịch của hai phe lâm chiến: bài thơ “Theo Em Về Đại Lộc”. Ta không biết “tình theo em về vùng bất an”

đó đã đi đến đâu, nhưng “tình theo em về quê em” có lẽ đã thành duyên nợ. Có lẽ thôi, vì tác giả cũng không nói rõ phần chung cuộc như thế nào. Bài thơ tình này cảm động, đại ý nói quê nàng không có gì rực rỡ nhưng tình của tác giả đối với người yêu làm nó rực rỡ. Cảnh vật tác giả nói trong thơ tưởng đâu không có gì đáng kể như bụi chuối, con rắn mồi, cò gà, đôi chòm mả, ao bèo nước xanh xao... nhưng tất cả chan chứa đầy tình yêu, và còn hẹn vì nàng mà nhà thơ sẽ đào xới cải tạo đất đai dù chỉ quen với nghề cầm bút:

*... em chỉ ta xem đĩa cá nhỏ
đục cam nằm núp bóng hàng keo
chà tre, thanh chống, vạt giường cũ
chìm nổi xanh xao giữa đám bèo
em chỉ ta xem đôi chòm mả
mấy đời nội ngoại đã nằm đây
xương tàn cốt rụi xanh chân mạ
quần quít hồn ôm bụi đất này
em chỉ ta xem dòng sông cái
đã buồn từ thuở mới luân lưu
bao nhiêu đò đã thay trên bến
bao kẻ qua sông biết ngậm ngùi?
... quê em có vẻ không giàu lắm
ruộng thấp ruộng cao úng nước phèn
lông leo vài tiếng gà cục tác
đời lún dần vào nổi bắn khoăn
yêu em ta nguyện yêu màu lúa
màu mái rạ thâm sì nắng mưa
tay ta tuy đã quen cầm bút
luống chữ hẹn thơm những đường bừa...*

(Trích bài: **Quê em lộng lẫy quá bởi vì đã có em**)

Thơ tình của Luân Hoán bao gồm tình trai gái lãng mạn và tình gia đình. Tình lãng mạn dồi dào dĩ nhiên, cũng nhiều như ở các nhà thơ khác, và tình gia đình trong thơ của ông thêm cảm động ở những đoạn tác giả nghĩ mình vô dụng với đời phé bình làm nặng gánh cho vợ. Nhưng trong đó có vài điều tác giả không tiện nói ra làm ta thắc mắc, như tự hào “không bán nốt lương tâm”, chỉ ban phát đạo lý trong việc “bán chữ nghĩa” mà thôi:

*... em không hỏi vì sao ta bỏ cuộc
giữa chợ đời không bán nốt lương tâm*

*... em không hỏi vì sao ta bắt lức
ngồi bó đầu chờ đợi áo cơm em
... rượu đã hết, xin cho ta giọt lệ
giọt mồ hôi, em đổ sáng sang chiều...*

(Trích bài: **Vết thương**)

Nhưng tình gia đình có một lần tác giả tự thú đã bị mình làm vẩn đục vì đeo bông thêm một hình bóng khác. Tác giả lấy ẩn dụ một ngã tư để nói về việc đeo bông này, cũng như ở Mỹ người ta thường dùng hình ảnh tình “tam giác tay ba”. Ngã ba (thật ra là ngã tư) trong thơ Luân Hoán không trừu tượng, vì ngã rẽ làm lạc hướng đó có thật, là một địa điểm ở vùng Sông Trà tỉnh Quảng Ngãi. Việc xảy ra khi tác giả tham dự một cuộc hành quân, dĩ nhiên ở thời điểm nhà thơ Luân Hoán chưa mất một bàn chân. Chuyện đã qua khá lâu trong thời chiến, và chuyện bị tiết lộ rồi cũng mau chóng được giải quyết xong. Nay tác giả kể lại như một câu truyện vui. Vui về cả làng, vì trái mình làm nhà thơ mất đi bàn chân trái, đồng thời làm mất đi mối tình đeo bông, vì nàng thiếu nữ lãng mạn yêu thơ yêu người ấy cũng đã xa bay khi hay tin chàng đã thành phế binh, và người phế binh trở về trong vòng tay của vợ:

*... tình chẳng thông dong như dòng mây trắng
bà xã hay, và em cũng ngộ ra
từng lá thư buồn nhạt nhòa dấu lệ
vợ cũng quay lưng về lại quê nhà
ta bỗng hiện nguyên một thằng thua cuộc
ngồi mé ngã tư, đứng dựa ngã ba
thơ thần bỗng không hơn gì giấy lộn
đắp mặt không xong, phủ lòng xót xa
định mệnh bất ngờ giúp nhau mở lối
trái mình oan khiến như vị cứu tinh
em chọt vội vàng làm cô dâu mới
vợ đã yên lòng nuôi gã thương binh
... ta phỉnh ai đâu, phỉnh ta đấy chứ
cho đến bây giờ ta vẫn phỉnh ta
nhớ nước sông Trà quay bờ xe nước
lòng đậu hay trôi ngã tư Ba La?*

(Trích bài: **Đôi mắt ngã tư Ba La**)

Ta dễ nhận ra tác giả có những từ ngữ đùa cợt trong thơ, phải nói là rất dồi dào, những từ ngữ thường có trong đối thoại của đại chúng, chẳng hạn như: đồ quạu, mập ú, sống nhăn

răng, làm hết hồn, đúng y-bon, rút súng phơ bờ bụi, cái ngắt cái véo, đúng châu rìa, đêm tối thui, tỉnh bơ, bà xã, ai dạy em háy nguyệt, đêch cần đời... khiến thơ tình của ông có vẻ đùa cợt, lúc lãng mạn cũng như lúc đau thương. Cả khi không dùng từ ngữ thuộc về đối thoại đời thường như trên mà thơ tình của Luân Hoán cũng có vẻ cợt đùa:

... ai cho em về gõ cửa
hồn ta nào phải cỗi không
mà em neo tình cư ngụ
sầu ơi găng nếp trong lòng
... ai cho em về tìm bóng
hồn ta nào phải tắm gương
lệ đây ta nhờ em khóc
cho vừa đủ rửa vết thương
yêu em ta ngêu ngao hát
một mình ta giẫm bóng ta
tiếng không lời sao bi đát
nhạc không điệu cũng xót xa
... trắng đêm ta ngồi uống rượu
ly rồi ly nữa nghe em
mừng ta được mời ăn cưới
mừng em... vâng, để mừng em.

(Trích bài: **Bài ca của người thất tình**)

Chủ đề thứ ba người viết muốn nói đến là **đề tài siêu hình** trong thơ Luân Hoán. Siêu hình ở đây chỉ là những ý nghĩ về thời gian đời người, về kiếp người có lúc muốn dứt bỏ có lúc bám níu sự sống. Không phải bàn về thơ siêu thực hay tôn giáo, điều ta ít thấy biểu lộ trong thơ Luân Hoán. Luân Hoán đôi khi bi quan, đó là do hậu quả của chiến thương, có những mặc cảm thành phế nhân vô dụng. Lúc bi quan nhất ông mới 59 tuổi, và cũng đã là thời gian ông sống nơi hải ngoại ở Canada. Ta nghĩ không phải do eo hẹp vật chất, vì Canada là nơi vốn hào sảng về phúc lợi. Bi quan đây là do cảm thức sự đều đặn chảy trôi của hàng ngày, do mặc cảm phế nhân trong một thời gian ông cho là đã dài rồi, sẵn sàng đón nhận cái chết. Bây giờ nghĩ lại chắc nhà thơ thấy 60 mươi năm chưa phải là kỳ hạn của đời người trong những xứ văn minh như Canada, Nhật Bản hay Hoa Kỳ:

tàng sáng nghe chim hót
xế trưa nhìn mây bay

sấm chiều gác chân đợi
trừ đời thêm một ngày
không nặng như đá tảng
chẳng nhẹ như lông hồng
thỉnh thoảng nghe gió lọt
qua lòng chút bẽnh bồng
có lẽ vào buổi sáng
không chùng vào buổi trưa
biết đâu vào chạng vạng
kết thúc đời dư thừa.

(Trích bài: **59, tôi**)

Cảm thức sự nhàm chán trôi chảy của ngày tháng mà sinh ra yếm thế, đúng là do tâm-sinh-lý hòa quyện vào nhau. Cơ thể không vận động do thương tích đã tác động lên tâm hồn mà gây sự buồn rầu, điều này chỉ hiện diện đôi lúc khi thời tiết khó chịu. Còn những khi dễ chịu như buổi sáng tung bừng tiếng chim hót hay sấm chiều chờ đợi người thân trở về thì nhà thơ lại mong một ngày dừng trôi qua. Rõ ràng nhà thơ cũng như mọi người trong chúng ta đều ham sống. Ta có thể khẳng định vài cảm nghĩ yếm thế của nhà thơ Luân Hoán chỉ trong phút chốc nào đó mà thôi. Nhà thơ Luân Hoán từng nói ông tiếc mỗi ngày trôi qua, thời gian còn lại của đời người thật quý báu cần duy trì cả mỗi phút giờ. Ta ghi nhận được như vậy, qua bài thơ rất cảm động ông thương tiếc cái chết của con chim hồng yến nuôi trong nhà, sau vài ngày cố tranh thủ sự sống cho con chim bị mắc bệnh:

nhỏ cho mây giọt thuốc
trùm khăn ẩm trần lồng
đặt vừa tầm dòng sưỡi
mừng mây đứng vững dần
... sáng sớm ta xuống lầu
lòng nhẹ bớt lo âu
khi thấy mây vẫn đứng
dù hơi cúi thấp đầu
... mây chiêm chớp vài lần
mắt nhìn ta trân trân
có điều gì muốn nói
mà lòng còn băng khuâng?
... yến ơi mây đã chết
sau đêm dài đợi chờ

*nhìn mặt ta lần cuối
rời lịm vào hư vô
... cuộc sống ta còn lại
quý báu từng phút giờ
mất thêm một bằng hữu
ta đành hành hạ thơ...*

(Trích bài: **Vĩnh biệt Hồng Yến**)

Lần lượt nói về ba chủ đề “chiến tranh bao gồm chiến thương – tình yêu bao gồm tình gia đình – siêu hình về kỳ hạn đời người”, như vậy cũng có phần nào viết về tác giả. Viết về tác giả vốn là điều người viết bài thực sự muốn tránh, vì việc này đòi hỏi tìm hiểu thấu đáo các tác phẩm của một người. Tìm hiểu thấu đáo như thế thuộc về khuynh hướng nghiên cứu hay phê bình. Còn chỉ vì cảm thấy cái hay của một số bài thơ liên hệ đến các chủ đề trên, rồi bàn theo suy xét riêng của mình, nghĩa là tự giới hạn ở vài nhận định mà thôi. Tóm lại, những cảm nghĩ của người viết mong cùng bên cạnh những nghiên cứu của một số người khác để có một cái nhìn tổng thể về Luân Hoán, một tác giả với thi ca có những đặc điểm và cũng đã nhiều đóng góp văn chương.

Walnut, California, tháng 4 năm 2011

TRẦN VĂN NAM

Thơ Luân Hoán, từ tôi, một bạn đọc Phước Khánh

Nói đến nhà thơ Luân Hoán, một điều xác quyết khó phủ nhận. Đó là một nhà thơ có một trái tim thật nồng nàn. Trong ông là cả một bầu trời thơ. Lúc nào cũng chỉ có thơ và thơ. Giống như thơ là hơi thở, là lẽ sống của ông vậy ! Những dòng thơ thật giản dị, không cầu kỳ, suốt mượt, không ước lệ khuôn khổ. Nhưng chân tình lẫn đa tình. Hình như trong hoàn cảnh nào, môi trường nào ông cũng làm thơ được. Ông viết như đang đối diện với nhân vật, chuyện trò, tâm sự với họ. Điều này có thể đã giúp thơ ông được nhiều người ưa thích.

Không chọn lối triết lý xa vời, từ ngữ cao siêu cũng là một thành công của Luân Hoán. Từ đó, dù chưa có đánh giá thiết thực nào, chúng ta cũng nghĩ, ít ra Luân Hoán đã có một chỗ khiêm nhường trong lòng người yêu thơ và đọc thơ.

Được biết ông sinh tại Hội An. Một thành phố cổ hiền hòa của đất Quảng Nam. Với dòng sông Thu Bồn mơ mộng, một bãi biển sầm uất một thời, những ngôi nhà mái âm dương, và nhiều đặc thù khác, Hội An đã sinh sản khá nhiều nhân vật, tạo dựng được tên tuổi riêng qua nhiều bộ môn nghệ thuật. Những Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, Thái Tú Hạp, Hoàng Quy, Hoàng Lộc, Tần Hoài Dạ Vũ, La Thoại Tân, Nguyễn Hữu Thiệt... là những khuôn mặt cụ thể. Riêng với người viết, rất hãnh diện vì có được một hiền mẫu cũng từ vùng đất nổi danh này. Vùng đất đã cho tôi nhiều kỷ niệm đầy trân trọng, nên khi đọc thơ của những người Quảng Nam, nói chung, Luân Hoán nói riêng, đã sẵn có một thiện cảm chân tình. Có lẽ cũng từ đó đã dễ nhận ra những ưu điểm trong dòng thơ mà mình ưa thích.

Có sự ưa đãi trong nhận xét của cá nhân tôi chăng ? Là một bạn đọc khiêm nhường, chưa hề viết ra những ý nghĩ của mình cho bất cứ ai. Tôi có thể tự hào không có sự đề cao không cần thiết ở đây. Những điều tôi viết, tôi nghĩ, những bạn khác cũng dễ nhận ra.

Trong thơ, qua thơ Luân Hoán, một tình yêu bất tận được nhìn thấy: Tình quê hương, bằng hữu, đáng sinh thành, anh chị em và nhất là sự chung thủy với người tình muôn đời, gọi thật thà là vợ hiền.

Không phải để minh chứng, nhưng ít ra cũng nên trích dẫn phụ họa cho vài nhận xét chân tình, tôi đã nêu trên.

Về tình yêu trai gái, hãy nghe nhà thơ thú thực:

*Nhớ năm hết tuổi mười ba
cái lòng đã muốn lân la cái tình*

Với cái lãng mạn khá sớm, Luân Hoán đã diễn đạt tình của mình bằng những tình tứ riêng: có ý tưởng, có hình ảnh, có màu sắc, không máy móc, không cầu kỳ, không đơn điệu. Nhanh chóng, dễ dàng nhưng không dễ dãi để cho thơ nhিপ nhàng, giàu âm điệu như một ca khúc. Thử đọc:

*Em từ bụi chuối bước ra
ánh trắng làm nũng chao qua ống quần
niềm vui giấu dưới bàn chân
vờ theo sợi gió lảng lảng ngậm ngùi*

Chắc chắn mỗi người đọc sẽ dựa lời thơ để tưởng tượng ra nhiều cảnh sắc tâm trạng riêng, thanh tục đều có đủ. Sự giản dị trong thể lục bát trở nên thơ hơn nhờ vào cách dùng chữ, cụ thể: *làm nũng, chao qua, giấu dưới, vờ theo...*

Qua trả lời trên đài Voa, Luân Hoán công nhận mình nhút nhát. Những người ít gan dạ trong tình yêu thường rất nghèo những cuộc tình. Tôi vốn nghĩ vậy. Và vì vậy khá bất ngờ khi đọc thơ tình yêu nam nữ của ông. Lãng mạn dẫn đến si mê, si mê mở ra tha thiết, nồng nàn. Dĩ nhiên sẽ không thiếu những rạo rực, ước muốn, nói chung là đam mê. Thật khó tin Luân Hoán nhút nhát khi đọc:

*Theo bóng hồng qua mấy phố vui
mắt em háy nhẹ, đẹp như cười
thơ ta, ta lột đường em dạo
trời ngát hương da thịt tiểu thư*

hay:

*yêu em, yêu quá nên không dám
viết bấy lòng ra năm bảy câu
dẫu chẳng cần khai em cũng biết
hồn vía ta chừ đang ở đâu*

hay:

*bao nhiêu mộng ước để dành
bao nhiêu tình cảm ngọn ngành lâu nay
dâng người với cả hai tay
lễ quà gồm cả gió mây lòng thành
người nghiêng má, mắt long lanh
dưới chân nhan sắc tôi đành nín hơi*

và:

*lạ quá khi không mà tương tư
đêm nay lại thức nữa, hình như
có ai đổ rượu vào ngôn ngữ
tôi nói ra toàn thơ với thơ*

cũng như:

*tôi tưởng tượng ra những chiếc răng
ngọc ngà óng ánh những giọt trắng
ước chi người cắn tôi nhẹ nhẹ
để ngấm tình yêu giữa kẽ răng*

Thật đúng như chính anh tự thú:

*tiếc rằng chỉ một trái tim
viết hoài không hết cái ghiền yêu em.*

Một cái ghiền mà nhà thơ Đỗ Quý Toàn khi viết về ông, đã có những lời ngợi ca thật thú vị.

Chúng ta thấy Luân Hoán rõ ràng là một người rất si tình. Nhưng thật ra, chính xác hơn, ông chỉ lãng mạn, mê đắm trong thi ca mà thôi. Sự thương yêu, chung tình với người vợ, dù gì, cũng là một biện minh cho nhận xét này. Ông có một đời sống lứa đôi hạnh phúc. Phần đông bạn ông, những người sinh hoạt văn học nghệ thuật đều có chung sự nhận xét trên, không

cường điệu.

Viết về người đầu ấp tay gối có lẽ người làm thơ nào cũng lì xì, nịnh vợ một đôi bài, Riêng Luân Hoán có thể nói ông đã viết “hoi bị nhiều”. Tuy vậy đọc cũng không quá nhảm. Mời đọc thử:

*Em vẫn là người tình
dẫu đã thành chồng vợ*

*chiều hôm nay ngồi vợ vẫn trông mưa
em ngoài hiên lại vọc nước như xưa
ta bỗng thấy em vẫn còn con gái
em có biết em vẫn còn trẻ mãi
bởi vì ta còn mãi mãi yêu em*

*yêu em ta làm thơ
yêu ta, em rộng lượng
thơ thì thường vu vợ
nhiều khi toàn tưởng tượng*

Và hạnh phúc biết bao cho người vợ:

*đóng cây đinh treo ảnh em lên vách
nhìn mắt em cười trong ảnh muốn hôn
xinh đẹp như ri sao mà lặn đục
theo ta làm gì hời ả mèo con*

Nói về thơ Luân Hoán thật vô cùng. Ở đây, tôi xin lặp lại và nhấn mạnh ưu điểm của thơ ông. Cuồng nhiệt, chí tình, chân thật. Với một kỹ thuật nhẹ nhàng, vũng vàng, Luân Hoán giúp người đọc gặp chính họ trong cảm xúc, tư duy. Là một người không chuyên. Tôi viết về nhà thơ này như một sự chia sẻ. Và thú thật, tôi cũng từng là một trong nhiều nhân vật trong thơ ông. Thích thơ ông cũng là một thường tình.

Cuối cùng xin chúc ông có sức khỏe, để tiếp tục làm thơ tình.

Phước Khánh

Đọc thơ Luân Hoán bằng trái tim nhạy cảm của một người phụ nữ

LÃM THÚY

Khi nhà văn Phạm Văn Nhân nhờ Lâm Thúy viết cảm nghĩ khi đọc thơ Luân Hoán, thực lòng mà nói, anh đã ban tặng cho Lâm Thúy một hạnh phúc, một niềm hân hạnh và đồng thời cũng giúp cho Lâm Thúy một cơ hội làm việc.

Ở điều thứ nhất: Được đọc thêm thơ, nói lên cảm xúc của mình về một tác giả mà mình từng nghe danh, từng ngưỡng mộ, đó là hạnh phúc. Được tin tưởng, giao phó. Đó là hân hạnh.

Còn điều thứ hai: Cảm ơn anh Phạm Văn Nhân đã thúc đẩy một Lâm Thúy bận rộn để làm một việc hữu ích và có ý nghĩa, “*một công tác văn chương*”.

Thật không dễ khi nói về thơ Luân Hoán: Một tác giả đã lừng danh từ trước 1975, những điều hay, điều đẹp, điều tuyệt vời về ông, thiên hạ đã nói hết cả rồi, mà lại toàn là những bậc “*tiền bối*” mới chết chứ. Thôi thì, có lẽ chỉ còn một lối thoát duy nhất đó là: Đọc thơ Luân Hoán bằng trái tim nhạy cảm của một người phụ nữ. Hay có thể thêm chút chẳng?

Một phụ nữ yêu thơ và cũng biết làm thơ.

Trước hết, mượn ý của nhà thơ Du Tử Lê, Lâm Thúy xin được ca ngợi sức sáng tác dồi dào của nhà thơ Luân Hoán. Theo thiên ý, điều ấy có được là do tác giả biết nuôi dưỡng những cảm xúc của mình, hay nói khác đi, trái tim thi nhân không bao giờ nguội lạnh những đam say, những nồng nàn. Tình yêu trong tim ông chảy tràn bao ngõ ngách, ban phát cho bao nhiêu giai nhân trong đời, có khi thực, có khi mộng, có khi chỉ là những hình ảnh yêu kiều trong sách vở, trong truyền thuyết, trong giai thoại.

*“ Tình cờ mở đường tảo bạo
Em cho ta những bất ngờ
Cũng may ta nhất như thơ
Kịp làm một gã ngây ngô*

.....

*Viết vội vài câu thật vụng
Như là dấu chấm tròn vo
Kỷ niệm vốn đầy một bụng
Đôi khi còn phải giả đồ”*
(Một thoáng thơ Lê Quyên Châu)

Thơ tình Luân Hoán vậy đó, êm ái, chân thành. Có khi chỉ là một “ *gã ngây ngô*”, “ *nhát như thỏ*” để rồi khi trở thành người lính đã “ *từng hư thân xấu nét*” nhưng tình yêu chân thành của những cô gái ngây thơ đã giữ tác giả bên này bờ thánh thiện:

*Chỉ vuốt tóc, chỉ ngồi nghe em thở
Hương trinh nguyên con gái quả nhiệm màu
Ta vốn dĩ từng hư thân xấu nét
Nhưng giữ lòng thánh thiện được nhờ đâu”*

Bốn mươi hai năm, chưa một lần nhắc đến, vậy mà hình ảnh người con gái “ *Tuổi bẻ sừng trâu - mộng*” “ *Tuổi núp cau nâng vãi- mọc thành hoa*” vẫn hiện diện trong tim tác giả “ *Em vẫn còn hít thở rất gần ta*”, đề niềm hồi tưởng bỗng rục rờ, chan hoà:

*“ Mắt sáng quá và môi hồng thơm quá
Làm sao nhai, sao nở cắn cho đành
Chẳng lật áo đề thơ, chẳng tặng mần ra chữ
Tình như dòng nước đọng giữa mây xanh”*
(Nước mắt Đức Hải)

Và niềm xót xa, ray rứt bỗng bất ngờ đọng lại trong khổ cuối của bài thơ, dường như có pha lẫn chút hối tiếc:

*“ Ngày tháng cũ không có hoa để tặng
Hoa hôm nay cũng nở vụng, bất ngờ
Trong mớ chữ ta vừa xào nấu lại
Có nước mắt em ta cảm nhận mơ hồ”*

Ngần ấy cũng chùng lòng người đọc thơ, đủ nghe nước mắt người con gái Đức Hải như muối biển thấm mặn trong hồn cho mỗi tình mong manh, ngăn ngủi, khi người tình chiến binh ra

đi không tiếng giã từ.

Nêu “ *Nước mắt Đức Hải*” là mỗi tình pha lê trong suốt, thì “*Chút tình Sông Vẹ*” có phần “ *Nhuốm mùi tục lụy*” bởi mỹ nhân đang có “ *bạn tình trắng gió*” mà còn “ *Hai tay bắt cá*” cùng thi nhân “ *Vun cuộc tình cho xanh gốc thi ca*” để kỷ niệm cất giấu ăm ờ trong “ *Bãi dưa bãi cát trắng gò đầu*”, hay “ *những tiếng súng nổ cầm chừng khi ta trốn giữ cầu*”

Tình yêu trong thơ Luân Hoán thật chân thành, ông yêu nhiều người và với mỗi người đều lưu dấu những kỷ niệm ngọt ngào, nên thơ, vì thế, dù:

*“ Đã xa lắm, đã xa rồi Sông Vẹ
Em hồng nhan giờ đã biệt thanh xuân
Nhưng chắc chắn tình yêu xưa còn đó
Cũng như ta tìm vẫn đó thắm màu”*

Với lòng tin vào người tình từ lòng tin chính mình, tác giả kết thúc bài thơ như một câu đùa cợt mà hết sức êm đềm:

*“ Một chút gì còn đẹp giữa chúng ta”
“ Một chút gì coi bộ rất bao la”*

Lâm Thúy đặc biệt thích câu cuối, chỉ một câu ấy thôi cũng đủ ấm lòng một đời xa cách.

Trong bài thơ “*Đôi mắt xứ Ngọc Điền*” tình yêu lén lút, lẩn trốn mà vẫn nồng nàn, thắm đượm:

*“ Và những ngày sau chuyện gì không nhớ
Ngoài nỗi lằng lằng ta đã của nhau
Phổ gọi không về, bạn kêu không ghé
Ta khờ dại như thuở mới lần đầu”
(Đôi mắt xứ Ngọc Điền)*

Tâm trạng người đàn ông “ *Trồng trầu thì phải khai nương*” thật đa đoan, hỗn tạp, mâu thuẫn:

*“ Khi ở bên em lòng thương bà xã
Vuốt tóc vợ hiền, lòng lạc về em
Nhiều bận ra đường chợt quay hướng khác
Đi quẩn đi quanh lạng quạng một mình”*

(Đôi mắt xứ Ngọc Điền)

Định mệnh dun rủi, trái mìn oan khiên đã giúp tác giả mở lối cho sự bế tắc ấy:

*“ Em chợt vội vàng làm cô dâu mới
Vợ đã yên lòng nuôi gã thương binh ”*

Mối tình nào cũng để lại trong lòng thi nhân những dấu ấn khó phai mờ:

*“ Máy chục năm qua, tình thành cổ tích
Nhắc lại nao nao nhức nhối như là
Tội nghiệp chồng thư ta không giữ nổi
Để vắt tình cho chữ thêm thiết tha ”*

(Đôi mắt xứ Ngọc Điền)

Để giải thích cho hạnh ngộ trái ngang ấy, tác giả chỉ viết:

*“ Ta phình ai đâu, phình ta đây chứ
Cho đến bây giờ ta vẫn phình ta
Nhớ nước sông Trà quay bờ xa nước
Lòng đậu hay trôi ngã tư Ba la ? ”*

Và thế là đủ, tình yêu vô tội, nào ai có lỗi khi rơi vào tiếng sét ái tình!

Có lẽ bởi quan niệm phóng khoáng:

*“ Ôi yêu là thế nào
Tại sao phải từng cặp
Trái tim rộng biết bao
Sao qui định hạn hẹp ”*
(Thơ dành riêng)

Nên Luân Hoán đã trải rộng tình yêu, nổi đắm say trên rất nhiều đối tượng.

Có khi, đó chỉ là mối tình con trẻ , như trong bài “Trốn mưa” gan lắm thì cũng chỉ dám “ Tay trong tay cũng đã đến bất ngờ ”

Có khi, là nổi ngậm ngùi khi “ Chợt thấy nụ tình xưa ” để cho:

*“ Nghìn trùng xa chợt hoá gần
Như hơi thở chạm tay chân ngày nào”
Và rồi:*

*“ Cái gì như chút sắt se
Ngày xa xưa ấy thoảng đê nội tâm
Mảnh dăm yên ngủ bao năm
Chợt ngo nghe thở, hương trầm xót xa
Hóa ra là vậy, hóa ra
Nụ tình khác với nụ hoa rất nhiều”*

Một so sánh nghe như ngây ngô mà thực ra vô cùng thâm thúy. Cái ngạc nhiên ở hai lần lặp lại “*Hóa ra*” để đưa tới một kết luận nghe như ngớ ngẩn: “*Nụ tình khác với nụ hoa rất nhiều*” phải chăng , nhà thơ muốn nói hoa nở rồi tàn, nụ tình còn thắm mãi trong tim, dù năm tháng phai pha. Nói như nhạc sĩ, thi sĩ, văn sĩ Nguyễn Đình Toàn trong một nhạc phẩm nào đó, mỗi lần nghe lại, Lâm Thúy vẫn rung lòng xúc động.

*“ Tình là chi mà nhiều khi chôn được ở lòng ta ?”
“ Tình là chi mà nhiều khi chôn lại nở thành hoa”*

Có bao nhiêu nụ hoa tình vẫn thắm mãi trong trái tim nồng nàn ấy, trái tim yêu hoài không mỏi mệt của nhà thơ Luân Hoán ? Khi tưởng nhớ những “*Nụ tình*” (chữ của tác giả), nhà thơ Luân Hoán rất hào phóng trong ngôn từ ca tụng. Mỗi người đẹp của ông đều được vẽ lên với bao nét yêu kiều:

*Người đẹp sông Vệ thì “ Lộng lẫy giáng tiên”
“ Với đôi mắt Diêu Thuyền thời Tam Quốc
Với cánh môi thơm ngát Vương Chiêu Quân
Với bàn tay Tây Thi mềm tơ lụa
Với Quý Phi hơi thở ngấm ngàn trùng
Em gom đủ tứ mỹ nhân cổ sử
Để làm nên một nhan sắc chân quê
Trắng lặn, chim sa, cá chìm, nhận lạc...”*

Còn trong “*Đôi mắt xứ Ngọc Điện*”, hình ảnh người thiếu nữ
“ Ai uốn cong vòng từng cọng chỉ đen

Những nguồn nước nào chứa đầy đôi mắt”

Thảo nào chẳng:

*“ Hai ánh mắt nhìn như nguồn điện chạm
Trời chẳng mưa đông, sấm chớp đường dài”*

Vậy mà những nhan sắc ấy còn phải nhường cho một mỹ nhân mà tên nàng được ghép cùng tác giả thành Lê Quyên Châu

*“ Phải xin công bằng xác nhận
Em là một đại mỹ nhân
Trong đám nọ tình ta có
Đứng đầu nhan sắc tuyệt trần”*
(Một thoáng thơ Lê Quyên Châu)

Và còn bao nhiêu khuê các nữa, bao nhiêu hồng nhan đã lướt qua đời nhà thơ rồi tồn tại mãi với nhan sắc chẳng hao mòn như “ **Tiểu thư Đại Lộc**”

*“ Ta vẫn chưa già , sắp bảy mươi
Và em vẫn vậy, tuổi hai mươi
Cho dù chỉ kém ta con giáp
Vẫn nhớ y nguyên giọng nói cười.”*

Hay “ Nhanh hoa súng Ái Nghĩa”

*“ Sẽ rất nhảm nếu vẽ em bằng chữ
Hay bằng thơ, bằng nhạc, bằng hoa
Xin nói gọn: em là tuyệt sắc
Đệ nhất giai nhân trong cõi người ta”*

Trong bao la nhan sắc , có “ *Chân dung một người*”

*“ Người ngày xưa , vẫn bây giờ
Da nâu mắt ướt môi chờ băng quơ”*

Mà cũng có khi:

*“Đẹp thì không đẹp bao nhiêu
Chỉ lấp ló những điểm kiều bất nhơn”*

(Say)

Đó là hình ảnh:

*“ Hoá ra là tại vì em
Váy cao sải bước chênh vênh phố chiều”*

Nói sao bây giờ ? Thơ hay quá, tình nồng quá, người thơ say đắm quá!

Nên mới:

*“Lim dim hít một hơi tròn
Nghe khắp da thịt bồn chồn nôn nao*

Nhạy cảm như thế , khi nghe Thu về , tác giả đã vội vàng :

*“ Gói vội một chút băng khuâng
Ra xe xuống phố ngắm dung nhan người
Lạnh chưa hồi những em tôi
Váy còn hờ cả cánh đùi trắng thom
Giày còn bày ngón chân thon
Mau sơn móng tay môi son đậm đà.”*

Ngó thế , chẳng trách sao tác giả bày tỏ :

*“ Yêu em điều hẵn nhiên rồi
Trái tim mới rọi như hồi mười lăm”*

Khiếp thật ! Trái tim thi sĩ không già, vậy mới sáng tác hăng say ngần ấy. Nhưng điều đáng nể nhất là ông làm những bài thơ tặng vợ tuyệt vời !

*“Đôi không đẹp và thương hay khắc khẩu
Chuyện tâm phào, gân cổ cãi văng răng”
Vậy mà vẫn:*

*“Anh yêu em vì những thứ trời cho!”
(Thêm một bài tặng vợ)
Một bài thơ khác, trước đó, đã viết :*

*“ Hú hồn, thuở ấy ... hôm nay
Chắc ta đã phải đưa tay vào còng
Cảm ơn chiều tặng cơn đông*

Giọt mưa tiếp tục trở bóng đến giờ”
(Tình cho một nửa của nhau)

Vậy cho nên, nếu có thể nói như thi sĩ họ Lê đã nói:

“Ông là người tình thủy chung của thi ca” trong bối cảnh bế tắc, lụi tàn của rất nhiều nhà văn, nhà thơ sau biến cố 1975, hơn nữa ông còn là người chồng chung thủy và biết ơn như tiền sĩ Đàm Trung Pháp đã khẳng định. Riêng Lãm Thúy lại cho rằng ông là người tình thủy chung của bao nhiêu nhân tình, bởi trong trái tim rộng lượng của ông, những kỷ niệm êm đẹp không bao giờ phai mờ, những nhan sắc thanh xuân không bao giờ tàn tạ.

Trong một bài viết về nhà thơ Luân Hoán, nhà thơ Hoàng Lộc (ông anh phía trước) có kể rằng hai anh em đã từng chung giường, chung mộng nhưng không hề nói với nhau về chuyện tình riêng. Theo thiên ý, những mảnh tình riêng người ta chỉ kể ra khi nó là những bí mật không có dịp phơi bày. Còn đối với nhà thơ Luân Hoán ông đã kể hết từng chi tiết những cuộc tình trong thơ rồi còn gì. Này nhé, mỗi tình trẻ con với cô học sinh đệ tứ khi tình cờ được đón nhận lòng trắc ẩn bao dung đã hé cửa cho vào trú mưa, rồi đến người thiếu nữ có tên được ghép cùng tác giả thành Lê Quyên Châu, cùng đi xe đồ rồi xích lô để được ôm em thật chặt khi cùng đi thăm chị Hội An.

Đâu đó, loáng thoáng hình ảnh cô bé Đức Hải tuổi mười bảy xuân nồng, đánh rớt trái tim bên trời biển mặn, mỗi tình chỉ ba tuần ngắn ngủi mà hương mật đậm tràn dù thánh thiện bao dung. Đến “ *Chút tình Sông Vẹ*” chấp nhận cho người đẹp “ *bắt cả hai tay*”, hay mắc võng hành quân nhờ hiên nhà của “ *Đôi mắt xứ Ngọc Điền*”

Này là “ *Tiểu thư Đại Lộc*”, cùng nhau về quê thăm mái nhà lớn như đình nơi em lớn lên, thăm cây đa, cây mít dây dọc, nhà ngang quê hương thi nhân ; kia là “ *Nhàn hoa súng Ái Nghĩa*” chỉ tình cờ qua ngõ một lần là đã lọt vào mê hồn trận của nhà thơ “ *Yêu gái đẹp*”

Nói về nội lực thi ca thâm hậu của nhà thơ Luân Hoán, về trái tim say đắm hừng hực lửa yêu đương, đã có Đức Phổ (Xin lỗi, Lãm Thúy không biết phải đề từ nào trước tên ông), ca ngợi thơ ông đã có biết bao người. Điều đó không hẳn chỉ cho ta thấy tài năng của nhà thơ này, mà còn nói lên một điều quan trọng hơn bội phần: Đó là lòng yêu mến, quý chuộng của bao

nhiều văn nhân, bằng hữu dành cho ông. Có quá lời không khi Lâm Thúy, suy ra rằng ông là một thi sĩ khiêm cung, dễ mến và duyên dáng như thơ ông.

Luân Hoán không chỉ làm thơ, ông thở ra thơ, làm đẹp cuộc đời bằng ngôn ngữ, làm đẹp ngôn ngữ bằng thi ca, làm đẹp thi ca bằng tình yêu say đắm. Trong thơ ông, nhan sắc nở hoa. Trong thơ ông hương tình tỏa ngát.

Lấy vài ba trang giấy để viết về một thi tài như thế, có quá hẹp hòi không?

Cuối cùng, để khép lại những cảm nghĩ lan man, Lâm Thúy xin bày tỏ lòng biết ơn đến nhà thơ Luân Hoán, đã để lại cho đời những bài thơ hay, duyên dáng, chân tình. Đã để lại cho đời những chân dung tuyệt mỹ. Cầu mong ông, cho dù vài mươi năm nữa, nếu phải trả lời câu hỏi của nhà thơ Hoàng Lộc, cũng sẽ sẵn khoái đáp rằng:

-Nhờ trời, vẫn ngon lành.

Có thể, mới còn hứng thú để thở ra thơ tình.

Lâm Thúy



Đi Tìm Bóng Dáng Nhà Thơ Luân Hoán qua tập thơ Thanh Thi người đọc: **NGUYỄN THỊ HẢI HÀ**

Theo bìa sau của tập thơ Thanh Thi do Thư Án Quán xuất bản năm 2011, nhà thơ Luân Hoán tên thật là Lê Ngọc Châu sinh ngày 10 tháng 1 năm 1941 tại Hội An, nhập cư Đà Nẵng cuối 1952. Ông hiện đang định cư ở Canada từ tháng 2 năm 1985. Ngoài bút hiệu Luân Hoán ông còn dùng các bút hiệu khác như Lý Phước Ninh, Cự Hải, Châu Hải Châu, Lê Bảo Hoàng, Trần Gia Nam, Hà Khánh Quân.

Trang mạng: <http://www.luanhoan.net>
email: lebao_hoang@yahoo.com
luanhoan@hotmail.com



(Thi phẩm Thanh Thi, ấn bản đặc biệt của Thư Quán Bản Thảo - hình chụp bởi Luân Hoán)

Tác giả đoán trước độc giả sẽ thắc mắc Thanh Thi là gì nên giải thích bằng hai câu thơ lục bát trên bìa sau của quyển sách. Câu lục ông viết: *Thanh thi không phải thánh thi.*” Còn câu bát thì xin bạn hãy email ông mà hỏi, tác giả sẽ rất vui mà chuyện trò với bạn đọc.

Tôi thú thật là tôi rất dốt thơ, không biết làm thơ, do đó tôi không dám bình thơ. Hôm nay ở vai trò độc giả, tôi cố vẽ chân

dung nhà thơ Luân Hoán bằng những bài trong tập thơ này.

Luân Hoán là một người si tình, vì si tình nên ông trở thành thi sĩ đề cao ngòi tình yêu và người yêu. Tác giả là người mẫu mực ngay cả trong sự si tình. Yêu người ông yêu có qui luật hẳn hoi. Bài thơ đầu tiên, Nội Qui, có mười qui luật cho người trong cuộc tình. Từ một đến mười gồm có: *biết mơ màng, đừng quá chàng ràng kẻ bên, giả bộ lem nhem vắn vè làm dáng, phỉnh em đúng lúc làm thình đúng giờ, biết vào biết ra, sành điệu đào hoa, hài hước nghiêm trang đi đôi ăn khớp, hiền trước dữ sau, nuôi dưỡng cặp chim, chân thật đàng hoàng.*

Luân Hoán yêu suốt đời, trong bài thơ Nếu Như ông viết:

*nếu như còn sống một ngày
tôi quyết dành cả suốt ngày hôn em*

*nếu như còn sống một đêm
tôi sẽ nằm áp lên em cầm chùng*

Người mẫu mực nên ông không say sưa la cà. Ông làm thơ Say nhưng không say rượu, mà say người đẹp:

*hóa ra là tại vì em
váy cao sải bước chênh vênh phố chiều.*

*quả nhiên em là rượu đào
loại rượu chẳng uống ào ào được đâu
phải ngậm cho môi ngấm lâu
cho mạch hạnh phúc len sâu tế bào*

*rượu em, say chẳng dật dờ
say chẳng cần phải làm thơ làm gì*

Ông có nhiều bạn bè nhưng ông không thích uống rượu:

*anh hùng hào kiệt đều mê rượu
ta không hào tửu, làm tiểu nhân
so vai đứng ngó đời ngang dọc
té đài trong quần chuyện tiến thân*

*văn nhân thi sĩ đều hảo tửu
ta không mạnh rượu, làm thường nhân*
(Vô Duyên Cùng Mỹ Tửu)

ông uống nhâm nhi để chịu bạn nhưng không thích không khí
ồn ào của tiệc rượu:

*một phút ngồi nghe nói
sốt ruột hết một ngày
một giờ nghe rượu hót
một năm còn như say*
(Nhậu)

Luân Hoán bảo là ngày xưa ông nhát gái, nhưng ông *chỉ toàn
thỉnh thích những em xinh*. Theo đuổi tán tỉnh nàng mãi rồi
cuối bài thơ thì chàng si tình lại lém lỉnh chối phăng *tôi bảo
chưa yêu em có tin?*

Đã rõ ông là người si tình bây giờ tôi thử xem diện mạo ông ra
sao. Đây rồi trong bài Nhìn, ông bảo *ta chừ đích thực đã già,
cho dù ta vẫn là ta thuở nào*, có cái sống mũi *hơi hơi lồi*, có
mấy sợi râu dưới cằm, ông nhìn chăm chú mình rồi bảo *già
đâu mà già, tào lao, đầu gối mắt cá bảnh bao vô cùng*. Ở một
bài thơ khác, Chân Dung Một Người, ông nhận xét về ông: *tôi
hôm xưa, tôi bây giờ, và trăm năm vẫn gã khờ vô duyên*.

Thật ra ông không mẩu mực lắm đâu. Ông thú nhận là đã
Ngoại Tình với nàng Thơ.

*Làm thơ là đã ngoại tình
nhớ vu vơ loại ngoại tình dữ hơn*

...

*nhưng ngoại tình . . . rất đau đầu
phập phồng ngó trước nhìn sau tối ngày
thú vị nằm ở điểm này
lắm la lén lút mặt mày trăm tư*

Ông để lại một phần thân thể ở núi Vàng

Núi Vàng, Nghĩa Địa Một Bàn Chân (1)

gửi bác sĩ Kenyon Kugler và bé Phúc xa xưa

...

*thế rồi tôi lên núi Vàng
bằng trục thẳng giữa chiều loang cánh đồng
nằm im mà thấy bênh bồng
nghe như mây đảo vòng vòng trong tim*

*tỉnh ra sững sốt giật mình
một đoạn chân đã tuyệt tình bỏ đi*

*bỗng thành câu bé tức thì
thút tha thút thít như khi bị đòn*

Tôi đã thấy ông là người si tình, nhìn thấy dung mạo của ông, và tôi cũng biết ông là người thích triết lý Phật Giáo, phân vân giữa cái còn và mất, hữu hình và vô hình. Mời bạn đọc một đoạn trong bài Nhớ Tiểu Thư Đại Lộc trang 26:

*ta đã làm thơ chép tặng em
nhiều bài ngớ ngẩn chẳng đáng xem
nên ta đòi lại và ta mất. . .
dù chưa bao giờ ta có em*

cũng cái phân vân giữa cái còn và mất, ảo và thật, ta lại thấy trong bài Thơ Dành Riêng trang 82

*ta thiếu em lúc nào?
nhưng chưa hề đánh mất
vẫn còn em sờ sờ
trong lòng ta chắt ngắt*

Luân Hoán làm thơ thật dễ dàng. Ông có thể đưa tên của tất cả các bạn, thi sĩ và văn sĩ, vào thơ. Không ngủ được, rón rén thức dậy tránh không đánh thức người nằm bên cạnh, ông làm thơ. Viết bài thơ xong ông lại *ngả lưng lên khép nép một bên*

tình, hơi thở ấm hâm trái tim trở lại (Sớm Mai Làm Thơ). Nằm bệnh viện được người đi thăm, ông làm thơ (Một Lần Ghé Thăm) những câu thật nồng nàn *yêu không nói yêu một lần nào cả, môi khóa môi nhốt nhịp tim đầy*. Về thăm lại Đà Nẵng sau 18 năm xa cách ông làm thơ. Trong 125 trang với 56 bài thơ, hơn sáu mươi phần trăm của 56 bài này là thơ tình.

Điểm độc đáo nhất của thơ Luân Hoán là độc giả sẽ không tìm thấy những câu thơ diễm lệ trau chuốt, không có cách thổi xao của Giả Đảo, không có cách trau chuốt đánh bóng chữ của Lê Đạt, không hận đời như thơ Nguyễn Tất Nhiên; bước vào cõi thơ của Luân Hoán tôi thấy một tâm hồn dung dị chấp nhận cuộc đời với những thăng trầm của kiếp người. Bất cứ cái gì trong cuộc sống cũng có thể là nguồn cảm hứng của ông, các cô nữ sinh ở trường Hồng Đức, cú điện thoại của người quen, bức ảnh, chạy xe trên bến Bạch Đằng Tây, sinh nhật năm 67 tuổi. Khó mà tưởng tượng được một câu nói thường nghe trong cuộc sống hằng ngày vào tay ông lại biến thành một câu lục bát đậm đà. Không phải lúc nào cũng mẫu mực tuân theo luật lục bát, ông có những câu thơ lục bát trúc trắc, duyên dáng phá nhịp điệu như một chiếc răng khênh nghịch ngợm của một cô gái xinh đẹp. Thơ của ông như tôm chua càng ăn càng nghiện, như rượu nếp than bà ngoại ủ trong bếp. Uống vào không biết là uống rượu, say mà không biết mình say, vì cái say rất đậm.

Tôi nói nhiều làm bạn đọc chán, xin mời thưởng thức thơ ông.

Nguyễn thị Hải Hà

Phan Xuân Sinh

LUÂN HOÁN ĐÙA VỚI THƠ

Nghe phong phanh Thư Quán Bán Thảo của anh Trần Hoài Thư sắp làm một số đặc biệt về Luân Hoán, tự nhiên tôi nảy ra một ý là viết một cái gì đó về Luân Hoán để kỷ niệm. Có lẽ trong tất cả văn nghệ sĩ, Luân Hoán là người bề thế có một độ “dày cộm” trong sinh hoạt văn học và người có lòng với anh em bạn bè nhất. Muốn tìm một tài liệu về văn học, về tác giả thì địa chỉ website Luân Hoán sẽ cung cấp cho ta đầy đủ. Ngoài chuyện làm thơ ra, anh còn sưu tầm đủ thứ chuyện trên đời, chuyện nghiêm chỉnh cũng có, chuyện tào lao cũng có, chuyện buồn cũng có mà chuyện vui cũng nhiều. Vài ba hôm tôi lại vào web của anh một lần, xem thử có tin gì mới về anh em, đọc bài thơ mới nhất của anh, đọc tin tức văn học từ trong nước ra tới hải ngoại. Có lẽ web này cập nhật đầy đủ nhất và có một số lượng độc giả đáng kể.

Cách đây mấy năm, Hà Khánh Quân có viết về một số anh em văn nghệ trong đó có tôi. Hà Khánh Quân gửi cho tôi đọc trước. Thật tình, lúc ấy tôi không biết Hà Khánh Quân là ai, lần đầu tiên tôi mới nghe tên, nhưng cách viết rất chuyên nghiệp. Tôi ngờ ngờ một người nào đó rất quen, vì khi viết về tôi có những chi tiết mà anh em bạn bè mới biết, còn người khác làm sao biết được. Tôi có trả lời cảm ơn và khen bài viết rất súc tích. Anh có hỏi tôi về một số anh em văn nghệ khác. Tôi tình thật thừa với anh bằng những gì tôi biết về họ. Sau đó tôi hỏi Trần Trung Đạo về Hà Khánh Quân, nhưng Trần Trung Đạo cũng mù tịt như tôi. Vài tháng sau, tôi gọi điện thoại thăm anh Thành Tôn và trong những câu chuyện trao đổi tôi có hỏi anh Thành Tôn về Hà Khánh Quân. Anh Thành Tôn lúc đầu cũng ầm ờ, tôi biết anh Thành Tôn biết mà không nói, nên tôi hỏi riết, anh Thành Tôn mới bật mí cho biết đó là một bút hiệu khác của anh Luân Hoán. Tôi giật mình, cũng may cho tôi thấy tên lạ mà không khoác lác ba hoa, nếu có, thì bây giờ không

biết ăn nói làm sao. Anh Luân Hoán chơi “ngắc” như vậy, thiệt chết người chứ không phải chơi.

Khi định viết về anh, tôi dạo một vòng trên website của anh. Một lần nữa tôi giật mình, không thiếu gì hết. Chuyện văn nghệ đã đành, chuyện tào lao cũng lắm, có thể nói trong web của anh là một quyển tự điển bách khoa bỏ túi. Có cái mục mà không tìm đâu ra, nhảy vào web của anh hy vọng sẽ có, chẳng hạn như “Nghĩa Trang”. Ngoài những văn nghệ sĩ đã mất mà anh tìm tòi ghi lại, đôi khi anh còn ghi lại cả vợ của họ nữa, chẳng hạn như vợ thi sĩ Thái Can cũng có trong danh sách Nghĩa Trang của anh. Tôi ghé qua phần “Thương Tiếc” xem thử trong đó có gì. Đã có Nghĩa Trang rồi lại thêm Thương Tiếc có dư không? Bên “Nghĩa Trang” chỉ thông báo ngày giờ mất, còn bên “Thương Tiếc” thì mỗi người được anh làm thơ Tống Tiễn. Viết về Đynh Hoàng Sa có những câu:

*“...bạn biết khóc – tôi không có lệ
giờ không vui, đùa cũng không hay
nhắm mắt lại thấy ngay ra bạn
Đynh Hoàng Sa ơi, thương nhớ vui đây...”*
(Tống Biệt Người Tống Tiễn – Luân Hoán)

Trường Kỳ là một nhạc sĩ và cũng là một người nhận định về âm nhạc. Ông là một trong những người có những dòng nhạc bút phá, mở đầu phong trào nhạc trẻ thập niên 60 – 70 tại Sài Gòn thuở trước. Ông sinh sống tại Montreal gần gũi với Luân Hoán. Khi Trường Kỳ mất, anh làm bài thơ khóc bạn, xin trích một đoạn sau đây:

*“...bạn đi thanh thản như không
mà sao ta thấy mệnh mông nỗi buồn
bài thơ vịn nắng không suôn
xấu hổ vịn bạn đi luôn mấy dòng*

*chẳng thơ nào đủ trở bông
có thương tiếc cũng lòng vòng bấy nhiêu
đời ta cũng đã xế chiều
nhưng lòng còn rộng ít nhiều luống hoa
ta xin phép được mở ra*

làm cái huyết mộ thiết tha bạn nằm

*Kỳ ơi, tâm sống cùng tâm
tại sao nước mắt đôi dòng rung rung »
(Vịn – Luân Hoán)*

Đó là những câu thơ khóc những người văn nghệ đã nằm xuống, trong « Phần I – Vái Tiễn ». Thực lòng những câu thơ cảm động, những giọt nước mắt chí tình khóc những người bạn văn nghệ nằm xuống. Hình như mục Thương Tiếc này buồn quá, anh chêm thêm « Phần II – Vái Sống » để cân bằng khi người đọc thăm viếng mục này. « Vái Sống » những văn nghệ sĩ còn sống nhấn rằng được anh trịnh trọng đặt trên bàn thờ làm lễ tống tiễn trước. Những câu thơ Tống Tiễn trên, ta cảm động rơi nước mắt bao nhiêu, thì Vái Sống ta cười ra nước mắt bấy nhiêu. Cái tài hoa của anh ở chỗ thọc lét người ta bằng thơ. Trong mở đầu phần này, anh có một bài thơ, tôi trích ra đây 4 câu tiêu biểu :

*để tròn chút thân tình
dự trừ phúng điếu trước
mỗi bạn mười câu thơ
thay dòng lệ sụt sụt*

Như vậy chúng ta xem đây là chuyện đùa? Thưa không, đây là chuyện nghiêm chỉnh. Trên cõi đời này rồi ai cũng phải ra đi, cái tuổi này đã đến lúc xếp hàng chờ Chúa gọi, thương tình Chúa gọi sớm một chút, còn như Chúa bận rộn việc khác, Chúa ghét thì cho ở lại chịu thêm cay đắng cho biết thân. Anh Luân Hoán sợ rằng đến lúc Chúa thương anh, gọi tới ảnh sớm hơn người khác, ảnh không còn dịp phân ưu với bạn bè, nên anh ấy mang bạn bè lên bàn thờ “Vái Sống”. Mang ra một vài người được anh vái sống:

Người hàng xóm của anh nhà văn Song Thao. Hiện giờ Song Thao là người còn sung sức trên văn đàn. Chuyện “Phiếm” của anh hiện nay chiếm một vị trí hạng nhất. Song Thao được Luân Hoán trịnh trọng đặt trên bàn thờ vái sống một cách “duyên dáng”. Tôi nghĩ đến trăm tuổi anh quả thật quý tiên, anh nên trời lại với vợ con đem bài thơ này viết trên lá phướng treo

trước quan tài cho khách thăm viếng thường lãm:

*“...Song Thao ơi, nhớ là anh đang ngủ
như một ngày hai cữ một thói quen
anh đừng quên thức dậy để than rằng:
dưới âm phủ đúng là không chơi được*

*chết một bữa để tỏ ra biết trước
chuyện âm tào về viết Phiếm mà chơi
hắn cũng là cái thú của cuộc đời
người thông thái nhìn đâu cũng thành chuyện*

*anh nhớ nhé tôi sẽ không támm liệm
xác hồn anh bằng tha thiết câu thơ
đồn nhớ thương tôi tập từ bây giờ
làm dấu thánh cho bàn tay nhuần nhuyễn...”*

Người bạn thứ hai tôi đề cập tới là anh Trần Hoài Thư. Riêng với Trần Hoài Thư, anh mở đầu bằng cái tên Quý Sách mà cha mẹ đặt, cái tên gắn liền với cuộc đời văn nghiệp của Trần Hoài Thư, như một định mệnh:

*đã mê chữ từ trong bụng mẹ
người cha yêu quả khéo đặt tên
gói kỳ vọng mẹ cha gọn nhẹ
trong bút danh sự nghiệp vững bền*

*bởi hoài thư nên đời quý sách
tám lòng thành thử hít văn chương
ngọn đèn thấp từ thời thanh bạch
bừng sáng an nhiên mỗi chặng đường*

Sau đó, anh kể về những hoạt động văn nghiệp, những tác phẩm của Trần Hoài Thư sáng tác. Đời Thám Kịch oanh liệt và nếu lỡ...thì Trung Nghĩa Đài sẽ ghi tên trên đó. Ai xuất thân từ trường Bộ Binh Thủ Đức đều biết đài Tưởng Niệm ở Vũ Dinh Trường gọi là Trung Nghĩa Đài. Dụng ý của anh Luân Hoán nói về Trần Hoài Thư là tên tuổi của anh người đời luôn luôn nhắc tới và nhớ ơn, vì công lao của anh không nhỏ đối với văn

học Miền Nam:

*“...giả dụ như bạn chơi nước rút
tôi trải thơ tiễn bạn lên đường
Trung Nghĩa Đài hẳn còn mở cửa
bạn nhớ ngòi, tôi tạ trầm hương*

*bốn mươi bốn năm, qua quá lẹ
bạn hiền ơi đùa chút cho vui
bạn đang viết hay ngòi thư viện
nhặt hương người để lại cho đời...”*

Và người tiêu biểu thứ ba được anh vái sòng là chính tôi. Tôi đọc bài thơ này cho vợ tôi nghe, vợ tôi cười quá chừng: « Sao anh Luân Hoán biết rõ chồng em quá ! » Thấy không, anh được người trong cuộc của tôi khen anh nói trúng phong phúc mặc dù anh ở tận Canada:

*“....tôi với bạn, nghệ kỹ
cũng đã là khá thân
cùng quê, gần lứa tuổi
cùng chơi chung một sân*

*sở trường cùng sở đoản
sàn sàn loại tâm phào
tài năng không mấy sản
chia đều nhau tào lao*

*ngoài ra cùng điểm nữa
mỗi thằng còn một chân
và một khúc ngọc quý
còn sừng sỏ mạnh gân...”*

Cuối cùng rồi anh cũng thổ lộ biết đâu anh sẽ biếu cho tôi cái “chân thật” của anh. Tôi không nhận cái chân phải của anh còn lại, mà tôi nhận cái “chân thật” mà anh đã dành cho tôi bấy lâu nay. Cảm ơn anh, cảm ơn ân tình anh đã dành cho:

*“...nhưng chừ sống tiếp đã
mai mốt nhớ ghé chơi*

*không chừng tặng luôn bạn
cái chân thật của tôi*

*đời hai thằng què cụt
chi bằng dồn một thằng
thượng đế đỡ ân hận
tạo cuộc đời nhỏ nhẻ...*”

*

Trong một bài viết về Luân Hoán trước đây, tôi nhận xét rằng đọc thơ Luân Hoán ta có cảm tưởng anh làm thơ dễ dàng như lấy đồ trong túi. Bây giờ lại thêm một nhận xét khác, tôi thấy anh đùa với thơ ở bất cứ hoàn cảnh nào. Đọc anh tôi thấy anh đang cười, đang đùa giỡn thể nhưng không kém phần nghiêm túc. Cái khó của người làm thơ ở chỗ biết vận dụng chữ nghĩa đúng chỗ và anh đã làm điều đó một cách nhuần nhuyễn, khi nào phải buồn và khi nào phải vui.

Houston, 15 tháng 5 năm 2011
Phan Xuân Sinh

Du Tử Lê,

Những tế bào gốc trong thơ Luân Hoán.

Trong số những nhà thơ khởi nghiệp từ trước 1975 ở quê nhà, theo ghi nhận của riêng tôi thì, Luân Hoán là một trong những cây bút cho thấy cường-lực sáng tác của ông, chẳng những không sút giảm theo thời gian - - Mà, ngược lại. Điều đáng ghi nhận hơn nữa, chúng ta không nên quên, môi trường sống ở những xã hội tây phương vốn dĩ ửng, nếu không muốn nói là khắc tinh của những rung cảm cần thiết, cho những ấu trùng văn chương triển nở thành những cánh bướm rực rỡ. Dâng hoa. Nhất là lãnh vực thi ca.

Nhiều người không giải mã được hiện tượng nghịch chiều này, nơi tác giả Thanh Thi.

Cá nhân, tôi nghĩ, ngoài nguồn mạch tình yêu, thủy chung dành cho người bạn đời của mình, sinh-phần thơ Luân Hoán còn có những *tế-bào-gốc* như: Tế-bào-gốc-quê-hương. Tế-bào-gốc-bằng-hữu. Tế-bào-gốc-nhân- bản...

Thực tế cho thấy, có những thi sĩ thành công với loại thơ đối kháng nhưng, thất lạc ở tự trào. Cũng có những nhà thơ nhuần nhuyễn với loại thơ khẩu khí, nhưng lại ngơ ngác khi bước vào thể dạng thơ tình, bằng hữu, hay quê hương, nhân bản.

Luân Hoán, ngoại lệ. Ông làm thơ dễ dàng. Phong phú. Thơ ông, như những cánh diều chữ nghĩa, tâm tưởng, bay được với bất cứ thời tiết nào dãn xóc hay lặng lẽ nào của những khoảng trời bất trắc.

Luân Hoán, ngoại lệ. Bằng vào những tế bào gốc như tôi đã nói, thơ ông đi tới. Chảy-xiết-những-nụ-cười-đôn-hậu.

Vì thế, tôi cho rằng, chúng ta không nên ngạc nhiên, khi sinh-phần thơ Luân Hoán, có nhiều câu thơ đẹp.

Mà, thi phẩm Thanh Thi là một thực chứng, mới nhất.

Du Tử Lê,

(Calif. June 2011)

Luân Hoán, nhà thơ Thế Hệ

Chiến tranh

Phạm văn Nhân

Luân Hoán, nhà thơ, không phải tôi gọi anh như vậy, mà nhiều người khác cũng gọi anh như vậy. Ngay cả bạn bè của anh cũng gọi anh như vậy. Có sai không khi gọi Luân Hoán là nhà thơ mà không gọi anh là “thi sĩ”. Tôi không thích gọi anh là thi sĩ. Tôi thích gọi anh là nhà thơ. Vì, với Luân Hoán, nhìn lại đoạn đường dài sáng tác thơ của anh, trong bài viết của nhà thơ Thái Tú Hạp: *Những tác phẩm của Luân Hoán trước 1975 (...Luân Hoán học làm thơ từ năm mười một tuổi. Anh đã cho độc giả biết điều này, qua câu hỏi của nhà văn Hồ Trường An (dưới bút hiệu Đào Huy Đán). Người dạy anh làm thơ đầu tiên là thân phụ anh...)*

11 tuổi, tính từ năm sinh 1941 anh đã học làm thơ. Nhưng 12 năm sau cộng thêm 11 năm trước đó “cậu bé” Lê Ngọc Châu đã trưởng thành. Và, tập thơ đầu tiên của anh đã xuất bản năm 1964 (Về Trời - Văn Học). Với bút hiệu Luân Hoán. Từ năm đó, Luân Hoán đã đi vào lòng độc giả và bạn bè. Chẳng những thế, Luân Hoán đã có một chỗ đứng trong “văn học miền Nam” ngay tập thơ Về Trời thời điểm ấy. Nhà thơ Thái Tú Hạp viết về tập thơ Về Trời, xin trích: *“Với gần 60 bài thơ đủ loại, viết về quê hương và thân phận nhược tiểu của một dân tộc giàu chiến tranh...”*

Và, nhà văn Dương Kiên viết lời bạt cho tập thơ Về Trời: *“Gia tài quê hương của chúng ta đã bị xâu xé gần hết, chúng ta chỉ còn lại một di sản quý báu : tình tự con người. Tình tự con người bất chấp mọi tương tranh, chia cắt, vùi dập, thủ đoạn... nó sáng ngời trong đêm tối kéo dài từ hai chục năm nay, nó là ngọn lửa sưởi ấm những tâm hồn còn biết hướng về nhau, những con tim còn biết xôn xao mơ ước. Nó làm thành một thế giới trên những thế giới của tham vọng và hận thù. Anh Luân Hoán, Chính thơ anh đã đưa tôi vào thế giới ấy...”*

Về Trời, phát hành năm 1964 và những năm sau, anh tiếp tục cho ra đời nhiều tác phẩm khác trước 1975 và sau này ra hải ngoại, trên dưới gần hai mươi tập thơ. Với số lượng thơ đã phát hành, anh đã có một chỗ đứng rất trân trọng trong Văn Học Việt Nam.

Cho nên, với chủ trương của tạp chí Thư Quán Bản Thảo, chuyên làm những số chủ đề về những cây bút đã thành danh trên “văn đàn” miền Nam trước đây. Anh Trần Hoài Thư gọi điện cho tôi làm chủ đề về nhà thơ Luân Hoán. Như bao lần đề nghị của anh. *Luân Hoán, một nhà thơ sinh ra và lớn lên trong bối cảnh cuộc chiến Việt Nam khốc liệt nhất.*

Viết về Luân Hoán, đã có quá nhiều người viết về anh. Chỉ cần gõ trên bàn phím hai chữ Luân Hoán, nhấp chuột một cái nhẹ thôi, là ta đọc được nhiều bài viết về anh qua nhiều cây bút một thời nổi tiếng trong nước trước năm 1975. Chỉ có một vài người mới viết sau này khi anh ra định cư ở nước ngoài. Nhưng là những bài viết rất có giá trị, nếu ai cần đọc để hiểu và để nghiên cứu viết về thơ Luân Hoán.

Tại sao tôi viết Luân Hoán lớn lên trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt nhất. Có đúng như thế không? Nhìn năm sinh của anh 1941, lớn hơn tôi một tuổi. Thử nhìn lại lịch sử cận đại một chút, vào những năm này Nhật nhảy vào Đông Dương giải giới Pháp (chiến tranh thế giới thứ II). 1945 chấm dứt Thế chiến thứ II. Một năm sau, Pháp quay trở lại VN lần thứ hai với khí tài của Mỹ. Chín năm kháng chiến (giữa Pháp và Việt Minh) cho đến năm 1954 hiệp định Genève ký kết, đất nước chia đôi. Trong tiểu sử của anh, *năm 1946, năm tôi lên năm. Chẳng thể là một tình cờ, ba tôi công tôi đến đây. Cuộc chiến Việt Pháp là gốc rễ cho một nhánh ấu thơ tôi bén lên vương đất rừng Tiên Phước.*

Đất nước qua phân (1954). Quân Pháp rút về nước. Hai năm sau “tổng tuyển cử”. Người dân chờ đợi mù tăm. Những năm đầu, miền Nam có chút “ánh nắng hòa bình”. Nhưng mầm mống chiến tranh bắt đầu âm ỉ từ những tiếng súng lẻ tẻ nơi thôn ô, nhất là ở miền Trung chúng tôi. Từ những tiếng súng lẻ tẻ đó, tháng 12-1960 hình thành “Mặt trận giải phóng miền

Nam”. Và, cũng từ những tiếng súng lẻ tẻ đó, chúng tôi bắt đầu lên đường nhập ngũ. Người đi trước kẻ đi sau. Cái không khí âm ảm chiến tranh bao trùm. Nhà thơ Thái Tú Hạp viết trong tập thơ đầu của anh, tập Về Trời: “...và thân phận nhược tiểu của một dân tộc giàu chiến tranh...” Ngẫm cụm từ “giàu chiến tranh” của nhà thơ Thái Tú Hạp viết về anh, tôi thấy hay và đúng quá. Luân Hoán lớn lên từ một mảnh đất giàu chiến tranh. Và, cũng từ mảnh đất này, quê hương anh ngập tràn khói súng. Từ đó, trong thơ của anh, ngoài tình yêu ra, hình bóng quê hương lúc nào cũng “mãnh liệt” trong tâm thức của anh:

*Bạn ở đâu ? đang làm gì ? Sao ngần ngại ?
Sự xa lạ chẳng phải là khoảng cách
nếu bạn đã hoặc đang thở hít cùng hơi đá núi
đi loanh quanh qua những góc chà là
và gói trong lòng những mùi hương đủ để.*

*Xin hãy nói về quê hương mình cho nhiều người biết
cho nhiều người cùng được thưởng ngoạn
để xứ sở thân yêu ấy càng khởi sắc
càng giàu thêm tình người.*

Bởi vì, quê hương anh “giàu chiến tranh” quá. Từ khi tiếng súng của Thực dân Pháp đã nổ phát súng đầu tiên để mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam trên cửa biển Đà Nẵng vào năm 1858. Đà Nẵng quê anh, cho mãi tới năm 1963 (?) lại cũng gót giầy đinh của “ngoại nhân” những toán lính TQLC/Mỹ lại một lần nữa đổ bộ vào cửa biển này (Đà Nẵng) dưới chiêu bài bảo vệ Miền Nam Tự Do. Nhưng dưới hình thức nào, chiêu bài nào thì cuộc chiến Việt Nam sau năm 1954 càng ngày càng khốc liệt, nhất là ở quê anh nói riêng, và miền Trung nói chung. Cuộc chiến mang tính chính trị (Quốc Cộng) giữa hai miền Nam và Bắc. Và, đám thanh niên cùng một thế hệ với anh, cùng một năm sinh với anh, phải lên đường nhập ngũ. Cho nên, với một nhà thơ như anh nổi ray rút về quê hương, thân phận con người trong cuộc chiến, trong tình yêu “thơ” anh đã đánh thức lòng người.

Anh lớn lên trong cuộc chiến. Chúng tôi cũng lớn lên trong cuộc chiến. Thế hệ chiến tranh mà nhà văn Trần Hoài Thư

thường nói với chúng tôi mỗi lần gặp nhau, không phải ngày hôm nay mà là những ngày xa xưa của 36 năm về trước (1975) khi chúng tôi còn khoác trên người bộ quân phục. Chiến tranh, đối với những người cầm bút đã viết nhiều. Nhiều lắm, như Y Uyên, Trần Hoài Thư, Huỳnh Hữu Võ. Mỗi người viết thật khi nhìn cuộc chiến dưới con mắt của người cầm bút tự do. Chiến tranh Việt Nam mà Nguyễn Bắc Sơn đã viết trong bài Chiến Tranh Việt Nam và Tôi : “... *Ta bắn trúng người vì người bạc phước/Vì căn phần người xui khiến đó thôi/Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi/Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí...*”. Còn anh, nhà thơ Luân Hoán, trên quê anh là một “chúng tích” với bao thế lực từ bên ngoài đã ồ ạt đổ bộ vào đây. Với anh, chiến tranh chỉ cần vồn vện vài câu thơ thôi, cũng đủ để ta suy ngẫm. Xin trích:

*“ một con gà trống đỏ
một con gà trống đen
cùng nhìn về phương đó
khát vọng và bản năng
cả hai cùng hăm hở
đá nhau không nói năng”*

(Chiến tranh)

Quê hương của anh, của chúng ta cũng vì hai con gà trống “đen đỏ” này đã tạo nên một cuộc chiến khốc liệt. Mà đã là chiến tranh thì xóm làng (điều hiu), con người (tan tác, chết chóc). Trong bài thơ Tiên Phước, một nhánh ấu thơ của anh, Luân Hoán đã viết về một mảnh đất quê khi nhỏ anh chạy giặc:

*Bạn hãy kể cho tôi một chút gì về Tiên Hội !
Bạn hãy nhắc cho tôi một vài hình ảnh Tiên Châu !
Những xã, những thôn của Tiên Phước một thời.
Đã bốn mươi chín năm xuống núi,
chưa một lần thăm lại
tôi nhớ
tôi thêm biết bao nhiêu.
Những đợt khói, những rẻo gió...ngào ngạt xanh một góc đời.*

Bạn ở đâu ? đang làm gì ? Sao ngần ngại ?

*Sự xa lạ chẳng phải là khoảng cách
nếu bạn đã hoặc đang thở hít cùng hơi đá núi
đi loanh quanh qua những gốc chà là
và gói trong lòng những mùi hương đủ dễ.*

*Xin hãy nói về quê hương mình cho nhiều người biết
cho nhiều người cùng được thưởng ngoạn
để xír sở thân yêu ấy càng khởi sắc
càng giàu thêm tình người.*

Vâng, qua bài thơ này, tôi được biết vào năm 1946, năm *nhà thơ lên năm, chạy giặc về vùng rừng Tiên Phước*.

Có phải chỉ mới một năm, sau khi Thế Chiến thứ II chấm dứt, tưởng rằng yên ổn, nào ngờ lại chạy giặc. Mà giặc nào đây? Ồ, lại là giặc Pháp, với tiếng súng nổ đầu tiên vào năm 1858 ấy. 9 năm kháng chiến sau khi Pháp trở lại lần thứ hai, anh theo gia đình về Tiên Phước. Còn tôi được mẹ bỏ vào một đầu thúng gánh chạy về một làng quê Phú Hội vào năm tôi 4 tuổi, để tránh giặc Tây. Làng quê ấy tôi còn nhớ trong tâm trí của tôi, nhưng tôi không thể nào làm thơ như anh được. Đọc bài thơ của anh về Tiên Phước, tôi cũng nhớ làng quê Phú Hội một thời cu rùa mang gia đình tôi chạy giặc (dù địa danh có khác nhau).

Với Luân Hoán, anh viết nhiều thể loại : Chiến tranh, Thân phận con người, Tình yêu, Quê hương. ...Nhưng trong chiến tranh, chính anh là người tham dự trực tiếp (giai đoạn khốc liệt nhất). Nhưng, hình như anh cũng như tất cả những người cầm bút miền Nam trước đây hay những người bạn của tôi, chẳng mang trong lòng chút hận thù nào. Chỉ buồn thôi cho thân phận.

Cũng như những người bạn của anh một thời. Đọc tiểu sử, nhập ngũ 1966 (khóa 24 TĐ), ra trường cuối năm. Những câu thơ “ dí dỏm, tung tung” nhưng rất dễ thương và rất thật khi Một Ngày Trước Khi Trình Diện:

bỏ lệnh gọi trong túi quần

*tôi đi qua từng đường phố
không biết phải làm gì
tôi trở về rửa mặt
quyết định ngủ một ngày
thản nhiên không mơ mộng*

Rồi những ngày ở Thủ Đức, anh vẫn “đi dóm, tung tung” qua những câu thơ đi vào lòng những ai xuất thân từ Quân trường này: *và rồi màn hít đất tập thể / bài học vỡ lòng, dần mất / tôi thêm đái / nín đã lâu / nghe tức / cuối cùng rồi cũng xong / vất mình xuống ổ quân trang vừa tha về / nghĩ về em / ngủ thiếp / giá trái pháo kích rơi đúng chỗ nằm / đời đã đỡ ngang dọc.*

Nhưng đến năm 1969 anh loại khỏi cuộc chơi từ chiến trường Quảng Ngãi, để lại chiến trường một chân trái. Tôi nhớ vào năm 1968, người bạn tôi, nhà văn Trần Hoài Thư, cùng khóa với anh, cũng bị thương nơi cây xăng Ông Tề trên đường Gia Long, cửa ngõ vào thành phố Quy Nhơn. Cũng may, viên đạn của “người anh em bên kia” bắn chưa chính xác, chứ vào ngay tim thì THT đã bị loại ra khỏi cuộc chơi (chữ của Nguyễn Bắc Sơn) có thể đã đi về “Trung Nghĩa Đài” nơi mà chúng tôi đã một lần quỳ xuống nơi quân trường ấy.

Luân Hoán, đại diện cho những anh em chúng tôi, cũng như Trần Hoài Thư ở vào cái tuổi không sao tránh khỏi cuộc chiến này, nếu không có hai con gà “đen và đỏ” tranh giành một miếng mồi nhỏ bé trên quê hương chúng tôi, thì anh đâu có để lại chiến trường một phần xác thịt của Cha Mẹ anh tạo nên hình hài một Luân Hoán, phải không? Nếu không có những thế lực “xanh đỏ” ấy, thì chắc chắn chúng tôi lớn lên trong cái không khí thanh bình ở một vùng quê nào đó. Như: *buổi sáng đi vào núi / gặp được một con chim / lặng lẽ nhìn chim hót / lòng vô cùng bình yên*

Nhưng đâu phải vậy! Anh đang tham dự vào cuộc chơi thì anh phải nhìn thấy cái thực trong cuộc chơi đó, do hai thế lực “con gà trống đỏ, con gà trống đen” gây nên.

Và, hơn ai hết, anh lại là người cầm bút, với cái nhìn thực như

bao người trẻ tuổi khác trực tiếp tham dự vào cuộc chiến (không chạy chọt để về một nơi an toàn) thì chắc chắn những câu thơ hay những câu văn của người lính cầm bút viết lên sự thật không có nghĩa là “phản chiến”. Hình như cũng có người cho anh là thế, cũng như có người cho Trần Hoài Thư là thế. Với tôi, cũng tham dự vào cuộc chiến này 10 năm thì lại cho là “không”. Với cuộc chiến mà chúng tôi trực tiếp tham dự vào. Mùa xuân. Trong bài: Trái Tim Hành Quân. Đọc để thấy tuổi trẻ của chúng tôi ngoài chiến trường. Xin trích:

....

“anh bây giờ là tên lính mù
chỉ huy một trung đội điếc
với chiếc còi trên môi
và hàng trăm câu chửi tục
anh ném vào lính của anh
niềm âu lo thương mến
biết chúng đã nghe được gì
ôi một trung đội điếc
lựu đạn nổ chẳng bằng tiếng gà gáy
lựu đạn nổ chẳng bằng dạ dày cháy lờn thêm khát
chúng tiến
chúng tiến đến mục tiêu
anh dừng
chẳng phải một người bỏ mạng
cả bọn anh rồi sẽ hy sinh
ôi mục tiêu
mày là cái gì hồi ?
có phải là miếng ăn
có phải là lá cờ tự do nào treo đó ?
anh đã biết nó là gì
em hồi em, làm sao anh nói
anh chỉ là tên lính mù
chỉ huy một trung đội điếc
dù còn đủ tâm hồn
anh cũng sẽ đốt nhà
cũng sẽ bắn trâu bò, bắn gà vịt
không hổ ngươi
như lính của anh

*phải sống
phải ăn
phải tàn bạo nữa
đó là điều cần trong cuộc hành quân”*

....

Hay:

*bôi mặt vẽ mày mời các người xem
tôi vắng tục luôn như thằng mất dạy
đã thế thì đừng cố gắng ngạc nhiên
khi mày không hơn gì tao mấy tí
lính tráng bây giờ như chiếc đinh đen
đóng chặt đời vào động cơ và nổ
bắn giết bình thường như bài tiết như ăn
vậy hỏi làm chi lương tâm bốn phận
bôi mặt vẽ mày đi đứng vô tri
đó chính là tôi
tôi là người lính trận*

(Giới Thiệu)

Không hẳn chỉ có anh không đâu! Còn nhà thơ Huỳnh Hữu Võ, người lính trực tiếp ngoài chiến trường, đã viết: *tôi vào quê hương mang theo quà tặng/ carbin, Thompson, garand, tiểu liên/dành phát cho nhau mỗi thằng mỗi đứa/ dành phát cho nhau mỗi đứa một thằng*. Và Huỳnh Hữu Võ còn viết Dưới Chân Đồi Xích Thổ những dòng thơ: *Anh phải ngủ thật nhiều ban ngày/để đêm từng đêm ngời om súng gác/anh phải cười nơi đây thật to/để khỏi nghe tiếng súng/anh phải vắng tục nơi đây cho đã/vì thiếu bóng đàn bà suốt tháng/anh phải thủ dâm*.

Đây, những người lính vừa cầm bút ở vào cái tuổi “Thế Hệ Chiến Tranh” nghĩ gì khi chiến tranh càng ngày càng khốc liệt trên quê hương mình. Người nuôi chiến tranh thì cho là phản chiến. Còn chúng tôi, những người trực tiếp ngoài mặt trận,

thì: hòa bình ơi, sao lâu quá vậy!

Qua ngần ấy năm, từ năm 1964 (tập thơ đầu tay được phát hành) cho mãi đến tận hôm nay 2011, với Luân Hoán, tôi vẫn nghĩ anh là một nhà thơ “đích thực” nặng tình với quê hương đất nước. Không phải chỉ trên mảnh đất miền Trung đầy bom đạn mà anh “khắc khoải” nhớ quê. Ngoài ra, những nơi khác anh đã một lần đến đều là những “ray rức” trong anh qua những bài thơ anh đã làm với những con chữ rất “giản dị” không mang tính “phù thủy chữ nghĩa” trong thơ (chữ của Trần Hoài Thu), gây cho người đọc một cảm nhận thích thú qua thơ của Luân Hoán.

Viết về Luân Hoán, như đã nói, có nhiều người viết. Nhưng với anh, (một người cùng thế hệ chiến tranh với tôi) viết và nghĩ về anh, một người dù chưa lần gặp mặt. Dù anh đã gởi tặng tôi vài tập thơ anh đã xuất bản.

Viết về anh, với vài đoạn thơ ngắn được trích ra từ trang nhà của anh, chưa hẳn là đủ với một chiều dài làm thơ của anh. Nhưng, ít ra, tôi nghĩ, phải viết một cái gì đó về anh trên một tạp chí văn học, chứ không phải trên mạng, như lời đề nghị của Trần Hoài Thu.

Vâng, Luân Hoán, đã gần nửa thế kỷ qua thơ anh đã hiện diện.

Phạm Văn Nhân

Độc giả tra * độc tác giả tra* ***thấy trẻ*** **Mai Khắc Ứng**

Chưa chi bập vào hai câu :

*nếu như hấp hối đến nơi
tôi nằm vuốt cái bụng tôi mỉm cười*
(Nếu Như)

đã thấy phải rồi.

Tác giả vượt dốc “cổ lai hy” 24 ngày đã bình thân, tỉnh bơ “vuốt cái bụng” với sự tự tại an nhiên. Sao mà THIÊN vậy. Độc giả “tổng tâm sở dục” dăm ba năm vẫn “*như chưa có gì*”. Thi ra người xưa nói đúng: “Một lần tra hai lần con nít”. Cái con nít trong Thanh Thi Luân Hoán “dễ ghét” làm sao.

*“xuân này lên bảy chục
thừa thêm hăm bốn ngày
sao mà thọ quá vậy
với đời giàu đặng cay”*
(Xuân Và Tuổi Thọ)

Vì “dễ ghét” nên kẻ viết những dòng này ôm ngay Thanh Thi vào lòng để “ngâm” cho lâu. Có “ngâm” lâu mới thấy trẻ.

Điều chia sẻ đầu tiên là nuôi tiếc những gì đã qua. Càng nuôi tiếc, càng trẻ trung.

*ta xưa vốn chưa biết
yêu nhau làm những gì
nắm tay còn chưa dám
nói gì những chuyện chi*
(Cổ Tật)

Cái “Cổ Tật” làm nên nuôi tiếc tưởng lỗ hóa ra lời. Nếu

mà đã có “*những chuyện chi*” thì làm sao viết nên được “Cổ Tật”. Trẻ khi tra là từ chỗ đó. Từ chỗ đó, đề quá khứ trẻ trung ủa vào thơ tra Luân Hoán những dòng chia sẻ với mọi độc giả tra đã từng

*sóng là của biển vô cùng tận
chưa tiến thêm lên đã quay mình*
(Yêu Và Thất Tình)

Sóng biển, sóng lòng, sóng của tuổi thanh tân sao mà cùng nhịp vậy: “*chưa tiến thêm lên đã quay mình*”? Sóng biển vượt khỏi sự bình thường “*tiến thêm lên*” là sóng thần. Tai họa khôn lường. Sóng lòng tiến thêm lên. Chuyện gì sẽ xảy ra? Khó nói trước. Và, nếu đã xảy ra về già trẻ sao dặng? Được vậy mới “Chợt Thấy Nụ Tình Xưa”, mới viết nên “Chân Dung Một Người”, mới có “Nhành Hoa Súng Ái Nghĩa”, mới “Nhớ Tiểu Thư Đại Lộc”...

*“sóng hình như không gọi cát...
như là dấu chấm tròn vô”*
(Một Thoáng Thơ Lê Quyên Châu)

Trẻ gọi trẻ để trẻ bao quát hầu như toàn bộ Thanh Thi làm nên xanh giữa tuổi tra, càng đọc càng thấy mình trẻ lại. Thơ xanh hồn nhiên giữa cuộc đời đi, ở của một kiếp người không còn tra thêm nữa. Người xưa nói rồi. “**Thân như điện ảnh hữu hoàn vô**” mà.

Ngoài sự trẻ bao la giữa tình người, Luân Hoán còn để lại một phần thân thể thời trai trẻ giữa cuộc chiến mà ông lựa chọn.

*“Mây trời đang dẫm dưới chân
Vẫn quần quai muốn phân trần điều chi”*
(Núi Vàng, Nghĩa Địa Một Bàn Chân)

Day dứt của một tâm hồn trong sáng khẳng định đường mình đi chưa tới đích đã đánh rơi mất một bàn chân trai trẻ trên chóp núi Vàng. Giá mà toàn vẹn. Giá mà đạt đích thì đâu đến nỗi xót xa khi đi giữa quê nhà ở buổi xế chiều với đất đá

cô hồn. Máu trẻ trong tác giả tra lại mừng lên những ước mong
mà bàn dân đang muốn:

*“xin lòng làm được lớp da
bọc lên đất đá hương hoa tình người”*
(Chạy Xe Trên Bạch Đằng Tây)

Lòng của lớp da trẻ, tâm hồn trẻ, nhân tình trẻ làm nên
sức trẻ của Thanh Thi rồi cô đọng lại cho ta ngẫm dài dài.

*“nhớ nhung lúc cạn lúc sâu
lòng trăm năm vẫn thấm mầu tình yêu
trong bình thường có cao siêu
người trong cuộc hiểu, bấy nhiêu đủ rồi”*
(Hương Chỗ Em Nằm)

Không chỉ “*người trong cuộc hiểu*” mà người ngoài
cuộc cũng hiểu “*bấy nhiêu đủ rồi*”. Mỗi chúng ta, độc giả tra
hay trẻ, đều đã được Luân Hoán đánh thức như một tay võ lâm
cao cường bấm đúng huyệt. Mai Lan Cúc Trúc là gì nhỉ nếu
không phải tứ quý, không phải non sông, không phải quê nhà?
Trẻ mãi trong mọi lớp độc giả đều sẽ chia với niềm tâm sự này.

*“cả quá khứ đời chúng tôi đọng đó
trên bốn tấm tranh thuộc loại xưa rồi
Trúc có thấy, Lan có nhìn rõ nét
nhưng linh hồn vẫn chỉ khoảng đời tôi”*

“*trên bốn tấm tranh*”, trên bốn mùa hay trên bốn nghìn
năm! Một cõi *linh hồn*.

Saint Laurent, tháng 5 năm 2011
Mai Khắc Ứng

(*) tra: Theo Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, tra là nhiều tuổi,
già. Tuy nhiên theo một số người miền Trung cho biết: Tra là từ của miền
Trung có nghĩa đã lớn tuổi, không còn trẻ, nhưng chưa già (chủ thích của tòa
soạn TQBT)

LỮ QUỲNH

Bài thơ của người bệnh tâm thần

*Gửi Luân Hoàn, sau khi xem vòng hoa
phúng điếu trước các bạn văn của anh.*

Có cuộc chia tay nào vui
bằng cuộc chia tay sự sống
đã là cõi tạm thì có gì buồn
phải không thân chết
đang lảng vảng quanh đây?

Mùa đông mặc áo phong sương
mùa hạ khăn trùm kín mặt
đầu hiệu đèn đường
màu đỏ ta bằng màu xanh đứng lại
đi dẫm bước nghỉ chân chờ bạn
bạn bè ta ở tận cuối trời
vẫn bên nhau vui buồn ngày tháng
công viên buổi chiều
lớn vồn bóng ma trôi
tiếng ai hát
như từ trái tim ta
đập nhịp không đều cao huyết áp.

Ngồi giữa ngã tư đèn xanh đèn đỏ
đèn tím đèn vàng đèn trắng đèn đen
ta không biết đèn nào cho đi đèn nào đứng lại
bỗng bật khóc
ở ngã tư giờ chỉ có một màu đèn
màu xám than cô độc.

San Jose, 1-2011

Trích thơ văn Luân Hoán

Tướng Vọng Hoàng Sa Đảo

tưởng dễ viết bài thơ thời sự
như thời luận chinh chiến bằng thơ
lòng không trơ, đầu không trống rỗng
sao để yên trang giấy nằm chờ

hôm nay gió lớn như là bão
cả tuyết lẫn mưa cùng hoành hành
ngồi trong phòng ấm nghe sóng biển
từ đại dương xa gọi thất thanh

trước mặt lù lù trăm đảo mọc
xanh xanh cây lá thở thông dong
vô tư ngàn loại chim đua hót
trời biển chờ nghe những tiếng lòng

ta đã ghé chưa ghénh đá dựng
đời đời sóng vỗ ầm quanh lưng
Đảo Cây, Đá Bắc, Linh Côn...đợi
tiếc một thời qua, đã lừng khừng

còn dịp nào lên hòn Hữu Nhật
trình diện cùng ông Quảng Ngãi ra
đo về chi li từng tấc đất
ngắm xương máu Việt mà trở hoa

còn dịp nào lên hòn Quang Ảnh
cao nhất Nguyệt Thiềm hóng gió khơi
thả bộ giáp vòng hình bầu dục
vớt san hô làm báu vật tạ trời

còn dịp nào lên hòn An Vĩnh
trông về Vạn Lý Hoàng Sa Châu
Nguyễn triều một thuở trang trọng giữ
từng trái mù u cũng nhiệm màu

còn dịp nào lên hòn Duy Mộng
đất không cây mọc, xếp chân ngồi
con đồ ai rẽ vào lạch nhỏ
chở nặng lòng ghe tiếng chim trời

còn dịp nào lên hòn Bạch Quý
bầy chim ba nổi đá, san hô
thủy triều rút xuống bao lâu nhỉ
có kịp chớm vừa một ý thơ

còn dịp nào lên Quang Hòa đảo
đông tây địa chất khác biệt nhau
chim muông thảo mộc tùy phương thổ
lộng lẫy tồn sinh những sắc màu

còn dịp nào lên Tri Tôn đảo
thấp đủ thông chân chạm nước sâu
hải sâm chao cánh ba ba lội
ai phủ san hô lộng lẫy màu

còn dịp nào lên Phú Lâm đảo
ngóng về Đà Nẵng gọi không không
tiếng tình vượt mấy trăm cây số
để nhắc chừng người nhớ núi sông

còn dịp nào lên hòn đảo chính
Hoàng Sa, da thịt của quê cha
ba mươi cây số vuông lời lồm
thơm ngát hơi người lính Quốc gia

ta sẽ vào ngay Đài khí tượng
báo tin thời tiết thẳng về em
biển lặng, trời xanh hăng chờ đợi
công bình, lẽ phải cùng trái tim

chợt thả tầm nhìn về phương bắc
lập lòe chớp tắt ngọn hải đăng
mười hai hải lý còn trông rõ
hướng-về-quê-mẹ sáng như trăng

chẳng nhắc làm gì ta cũng ghé
Miếu Bà thời Minh Mạng lập bia
hãy nhìn thẳng góc tây-nam-đảo
thấp thoáng hồn ta đứng chầu rìa

và lẽ dĩ nhiên ta qui gối
sờ lên mặt chữ đã bao năm
chủ quyền bia đá không là đá
là máu Việt Nam sống thâm trầm

ta sẽ nhìn sâu những bãi ngầm
ngâm thân trong biển đã bao năm
bàn chân của đảo ngàn năm ấy
sẽ bước về đâu theo tháng năm

ta sẽ trèo từng mỏm đá cao
hai bàn tay bám gió hư vô
nghe hương, phân loại đàn chim đậu
xem chúng định cư từ thuở nào

bỗng chợt lạnh mình, ai thổi ra ?
hồn anh hạm trưởng Ngụy Văn Thà
cùng bao đồng đội theo về đất
mộ nước vỗ hoài sóng xốt xa

chiến sĩ, anh hùng nối tiếp nhau
máu xương chẳng mai một về đâu
tình yêu tổ quốc không cần học
vẫn dậy từ tâm rất nhiệm màu

chợt giận, chợt thương, chợt hổ người
câu thơ chợt lấm những ngậm ngùi
ai lần hồi bán từng hạt cát
để sống không ra một kiếp người

Núi Vàng, Nghĩa Địa Một Bàn Chân (1)

gởi bác sĩ Kenyon Kugler và bé Phúc xa xưa

núi Tròn, núi Đẹp, núi Ngang (2)
một phần đời lốt dưới tàn lá xanh
đàn chim hốt hoảng bay nhanh
bỏ rơi tiếng gọi nhau thành thơ tôi

qua nương lội suối băng đồi
chợt đi chợt đứng chợt ngồi phân vân
mây trời đang dầm dưới chân
vẫn quần quai muốn phân trần điều chi

nắng rồi mưa có kể gì
cái thân lính chiến lầm lì ngu ngơ
đụng rồi - quả thật bất ngờ
tự nhiên cảm thấy tỉnh bơ, nhẹ nhàng

thế rồi tôi lên núi Vàng
bằng trực thăng giữa chiều loang cánh đồng
nằm im mà thấy bênh bồng
nghe như mây đảo vòng vòng trong tim

tỉnh ra sừng sốt giật mình
một đoạn chân đã tuyệt tình bỏ đi
bồng thành cậu bé tức thì
thút tha thút thít như khi bị đòn

gượng nhìn ra bóng hoàng hôn
trải mình giữa đám lá còn thanh xuân
lót lờ chia buồn dưới lưng
tôi nằm đếm bước mùa xuân đang về

núi Vàng, cỗi đặt mộ bia
cho bàn chân trái năm kia ... mơ hồ

lang thang trên mạng... tình cờ
gặp hồn đất cũ thần thờ mấy hôm

cảm ơn bạn đã có lòng
dưỡng nuôi kỷ niệm xanh dòng nhớ thương
bạn giờ về lại cố hương
phận tôi trôi nổi tha hương hết thời

cái chân một thuở đánh rơi
hình như đang nhớ đến tôi, khóc thầm
nỗi buồn bất chợt nẩy mầm
gió mang về nờ nọ bông núi Vàng

04-3-2010 (41 năm sau một buổi chiều)

(1) Núi Vàng thuộc Đức Phổ Quảng Ngãi, bản doanh
căn cứ Bronco thuộc lữ đoàn 11 kỵ binh Hoa Kỳ, nơi có bệnh
viện dã chiến Mỹ

(2) Tên riêng, đích thật của ba dãy núi

Đà Nẵng Sau 18 Năm Ly Biệt

sợ khóc ngất khi đứng trên ga cũ
nhưng lạ lùng, tôi tỉnh rụi như không
càng lớn tuổi vốn càng mau nước mắt
lệ tôi đâu, không lẽ chảy trong lòng ?

cảm ơn gió e dè thơm mái tóc
cảm ơn đêm sập tối sớm hơn xưa
tôi lọng cọng bước theo sau chân vợ
mắt nhìn quanh như thủ thế, lạ chưa ?

không mộng寐 nhưng bất ngờ chợt tỉnh
tôi vừa nghe ra tên gọi của mình
và trước mắt đám thân nhân ruột thịt
đang vỡ òa những âm khúc nhân sinh

ông anh tôi, cũng giống tôi ngượng ngập:
- chú thím đó à, đi có mệt không ?
một cái vỗ vai nhiệm mầu xóa hết
mười tám năm thương nhớ đọng trong lòng

bà chị tôi, hóa ra còn dễ khóc
sờ đưa em như tìm những vết thương
chị sùi sụt, tiếc chưa từng ngắt véo
mà sẹo đầu ra, tím khắp thịt xương

thằng em tôi, đứng lặng yên quan sát
mắt như cười, tay như nói điều chi
trời đất biết và cả tôi cũng biết
tình anh em đâu có mới mẻ gì !

đám cháu tôi, mười mái đầu xúm xít
khép nép cười, chỉ chỗ, nói vu vơ
riêng Mỹ Hạnh không dung mà thút thít
làm sui rồi còn mít ướt hay sao ?

đêm thông thả đưa tôi vào thành phố
đường nào đây sao tôi nhận không ra
trốn đâu rồi cổng Mê Linh, Chợ Mới
đèn đỏ xanh hay nhân ảnh lập lờ

vịn đột quy hiểm nghèo của nhạc phụ
tôi theo vợ về thăm lại ổ tình xưa
mừng lẫn tiếc theo vòng xe hồi hộp
thừa vô tư lòng vẫn chột nắng mưa

nhớ câu nói đời “phồn vinh giả tạo”
đâm hoang mang nhìn sinh hoạt đồng bào
lỡ sung túc, đua nhau vào quán nhậu
hay uống cầm hơi để được chiêm bao ?

không rộng lượng nhưng chẳng còn định kiến
sung sướng bước lên mặt đất quê tình
cây cầu mới là món quà hãnh diện
tôi soi mình cho sông mãi lung linh

biết đã mất dốc tuổi thơ thân thiết
cũng xuống xe ngồi cho sát Cầu Vòng
mặt lộ nóng vài giây hâm thương nhớ
chuyện đương nhiên sao vẫn xót xa lòng

tôi qua phố, ngày suốt ngày tôi qua phố
ba tuần liền sao chẳng gặp lại tôi
đứng chụp ảnh những nơi quen thân nhất
cảnh với người như đã ngại đi đôi

không dám nhắc những tên bè bạn cũ
những tên người yếu điệu thuở mười lăm
bước mỗi bước vẫn hiện linh hiện diện
lạc đi đâu khi đã nhốt trong lòng

tôi cúi lượm cọng rác nằm thoi thóp
thổi cái vù cho nó biến ra thơ
thơ chẳng có tình tôi đành phiêu lãng
quê tình ơi, tôi được đậu chỗ nào ?

05-02-2009

Chạy Quanh Cuối Năm

gợi bằng hữu

gió khúc khích và nắng vàng nháy mắt
cười nhạo hay là khích tướng ta đây
đúng, ba ngày ta chưa ra khỏi cửa
nhưng sẽ đi đâu với hai đứa mày ?

dù đã hắt ta ngồi trong xe chạy
từ đường này qua đường khác theo hương
xăng tăng giá, Montréal bát ngát
mấy mươi năm chưa hết góc tư đường

cũng muốn chạy luôn tuần qua nẻo mới

nhưng hôm nay lối cũ vẫn chìa tay
hai đứa mây yên tâm chờ đợi đây
gió nhẹ thôi, nhưng nắng phải tràn đầy

ta sẽ bắt xe qua dòng xa lộ
nhắm hướng tây mê mải chạy một lèo
sortie ra Jean Talon, quẹo trái
để đi vào Côte-Saint-Catherine

con đường cũ một thời ta qua lại
tối thiểu bốn lần thường nhật thân quen
có đoạn ngắn chạy theo rìa chân núi
với những villa trầm mặc thiếu đèn

ta sẽ chạy qua Bourret yêu dấu
đường một chiều, lên dốc, rộng, thông dong
giờ thứ nhất và bốn năm ở ké
lội bộ, lái xe mặt đất thuộc lòng

đường lân cận, đi thì không quên được
thử gọi tên, chán thật nhớ không ra
hình như có Darlington, Van Horne
De la Peltrie, Carlton, Lavoie...

Côte des Neiges tên đường, tên khu phố
vẫn đông vui tràn ngập bóng Á đông
Tàu, Phi, Thái, Việt Nam, Lào, Cam-bốt...
sắc trắng đen hội nhập thật cân phân

khó quên được những điểm ngồi một thuở
với đám bạn bè đã như máu trong tim
Nguyễn Ngọc, Song Thao, Trang Châu, Lưu Nguyễn,
Hoàng Chiêu Nhân, Nguyễn Đông Ngạc, Hồ Đình Nghiêm,

còn ai nữa, những nụ tình thấp thoáng
Võ Kỳ Điền, Phạm Nhuận, Hoàng Xuân Sơn,
suýt bỏ quên Lê Quang Xuân lững thững
lội bộ quanh năm vẫn tình bạn bên lòng

và dĩ nhiên bóng thập phương chẳng nhạt

những Trịnh Cung, Hồ Thành Đức, Đinh Cường
những Võ Đình, Nghiêu Đề, Thái Tuấn
những Trần Doãn Nho, Trần Sa, Khánh Trường

những Bé Ký, Phan Xuân Sinh, Vĩnh Điện
những Trần Hoài Thư, Thụy Khanh, Lâm Chương
những Tôn Nữ Liên Chi, Phan Ni Tấn
những Lê Hân, Bắc Phong, Chân Phương...

còn nhiều nữa, bất ngờ không nhớ hết
những người đã về hội ngộ Montreal
Côte-des-Neiges vốn đã là điểm hẹn
của một thời tình nghĩa dạt dào

ta vừa lái xe đi vừa tưởng nhớ
từng nét môi từng hơi thở biết cười
mới mười mấy năm giờ xa tất cả
tứ tán muôn phương, đơn độc qua đời

ta vẫn giữ trong tim thói quen cũ
mỗi cuối năm nhớ tưởng đến từng người
muốn gọi lớn danh xưng từng người một
lòng ơ lòng xin chớ vội khuây nguôi

xưa gặp mặt, ta vốn lười biếng nói
giờ xa nhau lòng tưởng bất tận ngôn
sao lạ quá, nghĩ mà ra nước mắt
bạn ta đâu ? có còn nhớ ta còn... ?

xe vẫn chạy, mắt nhạt nhòa bất chợt
ngâm trong lòng bao thương tiếc vu vơ
muốn dừng lại đặt lòng lên ngọn cỏ
may trời cho chút linh hiển hóa thơ

rùng mình sợ nhẩn ga xe chạy tiếp
qua Barclay nhớ cụ Trương Bảo Sơn
đến Plamondon thương thầy Lê Hữu Mục
chạy đến đâu cũng thấp thoáng chờn vờn

bóng dĩ vãng bóng chạng đời xưa cũ

vẫn theo ta qua mọi nẻo đường
gió, nắng hơi hai đũa mây được lắm
đã tặng ta một ngày sống dễ thương

28-12-2010

Vô Duyên Cùng Mỹ Tửu

anh hùng hào kiệt đều mê rượu
ta không hảo tửu, làm tiểu nhân
so vai đứng ngó đời ngang dọc
té đái trong quần chuyện tiến thân

văn nhân thi sĩ đều hảo tửu
ta không mạnh rượu, làm thường nhân
bất chúc làm thơ chỉ cho một
làm tình nhẹ nhõm sướng hơn không

người xưa hữu lý, không sai lệch
“nam nhi vô tửu kỳ vô phong”
ta đâu có thể bay ngàn dặm
đuối sức nhàn du bước lòng vòng

Lý Bạch bên Tàu ôm trăng chết
ta ôm gì để chết quang vinh
ngó đi ngó lại ngoài người đẹp
chẳng có gì hơn xứng với mình

không làm cách mạng không yêu nước
thỉnh thoảng buồn buồn chuyện núi sông
biết đâu tưởng nhớ mười ngọn cỏ
cũng đủ làm nên kẻ có lòng

nhiều khi cũng muốn nường hương rượu
viết bậy cho tình biết trở bông
bao tử tim gan ... không chấp nhận
cũng đành xếp lại mộng viễn vông

có phải hôm nay nhờ nắng đẹp
mười câu quờ quạng đầu trong lòng
thở ra may được đời hấp thụ
tụ lại thành dòng đủ rửa chân

11-5-2010

Say

chưa lột dạ giọt rượu nào
nhưng sao chao đảo muốn nhào bốn bên
hoá ra là tại vì em
váy cao sải bước chênh vênh phố chiều

đẹp thì không đẹp bao nhiêu
chỉ lấp ló những diễm kiều bất nhon
cái thì trắng trắng trơn trơn
như được ngâm rượu đã hơn ngàn ngày
cái thì phẳng phát màu mây
chùng như hương rượu đang bay chập chờn

lim dim hít một hơi tròn
nghe khắp da thịt bồn chồn nôn nao

quả nhiên em là rượu đào
loại rượu chẳng uống ào ào được đâu
phải ngâm cho môi ngấm lâu
cho mạch hạnh phúc len sâu tế bào

rượu em, say chẳng dật dờ
say chẳng cần phải làm thơ làm gì
mỗi lần say chỉ muốn đi
loanh quanh mười phút nhâm nhi chuyện đời

từ lượng tôi chỉ vậy thôi
chưa chắc Lý Bạch hơn tôi điểm nào

03-7-2009

Nước Mắt Đức Hải

bốn mươi hai năm, chưa một lần nhắc đến
em vẫn còn hít thở rất gần ta
ơì cô gái tuổi bè sừng trâu-mộng
tuổi núp cau nâng vải-mộc thành hoa

chẳng ai nhắc, ta vẫn còn nhớ rõ
xóm-biên-mô-côi Đức Hải năm nào
dừa cụt đầu cát không dung cây cỏ
vài mái nhà nằm phơi nắng hanh hao

ta một thuở đã chắm nhâm tọa độ
may pháo binh đã bắn chệch nhà em
để sau đó khi nằm làm chột chặn
ta vô tình lượm được một trái tim

em hẳn nhớ mặt trời còn ngủ nướng
đã có ta thấp thoáng quần bên nhà
áo giáp, bản đồ hình như sáng tướng
làm lòng em sớm nhận diện ra ta

dưới nắng nóng tường chừng như thường trực
của cát nông vị gió biển bao vây
ta chợt có một mái hiên tĩnh lặng
hạnh phúc tuyệt vời em ngã vào tay

chỉ vuốt tóc, chỉ ngồi nghe em thở
hương trinh nguyên con gái quả nhiệm màu
ta vốn dĩ từng hư thân xấu nét
nhưng giữ lòng thánh thiện được nhờ đâu

mắt sáng quá và môi hồng thơm quá
làm sao nhai, sao nỡ cắn cho đành
chẳng lật áo để thơ, chẳng tăng mần ra chữ
tình như dòng nước đọng giữa mây xanh

lời thủ thi như ngón tay cù léc
trái tim nghe nhột nhột chột hiên lạnh
em trong tay ngỡ như hoa đang nở
ta lắng nghe tình lấp lánh mong manh

cứ thỏ thẻ ngày này qua ngày khác
ba tuần dài cho mỗi bận thay quân
ta được lệnh rời chỗ nằm dã chiến
nghĩa là rời em, rời Đức Hải mỏng lung

tình đến đi thật tình cờ, vội vã
không chia tay, không đau nỗi dòng thơ
em của biển của đất trời Đức Hải
và bây giờ đã thật sự của thơ

ngày tháng cũ không có hoa để tặng
hoa hôm nay cũng nở vụng, bất ngờ
trong mớ chữ ta vừa xào nấu lại
có nước mắt em ta cảm nhận mơ hồ

Chút Tình Sông Vệ

danh Sông Vệ nghe từ thời thơ ấu
mãi tới thanh xuân mới chạm đất hiên
chưa kịp thấy dòng sông Nghiêu Đề kể
đã được gặp em lộng lẫy giáng tiên

với đôi mắt Điêu Thuyền thời Tam Quốc
với cánh môi thơm ngát Vương Chiêu Quân
với bàn tay Tây Thi mềm tơ lụa
với Quý Phi hơi thở ngấm ngàn trùng

em gom đủ tứ mỹ nhân cổ sử
để làm nên một nhan sắc chân quê
trắng lặn, chim sa, cá chìm, nhạn lạc
lãng tử chưa đi lòng đã quay về

ta gặp nhau khi em đang hạnh phúc
với bạn tình trắng gió rất nên thơ
ta ngấm nghe nhưng cam đành chép miệng
gió theo mây thâm lặng... có ai ngờ

em không ngại dĩ nhiên ta chẳng sợ
vun cuộc tình cho xanh gốc thi ca
tháng mấy bận sau hành quân ghé lại
ngồi ngắm em và vui miệng ba hoa

tưởng nói dóc nói đùa cho có chuyện
đâu có ngờ đôi lúc cũng nhớ nhưng
em tô vẽ nụ tình cao mấy bậc
chắc chỉ đùa nhưng ta nghĩ lung tung

cũng từ đây trong ta trời Sông Vẽ
chợt bỗng thành mái ngói với tàn cây
và ta đã như chú chim se sẻ
lúc thúc nhớn nhor bay lượn cả ngày

ta đã thuộc từng lối đi lòng chợ
nhà của em cũng là một cửa hàng
ta thuộc mặt những gì me em bán
còn lạ gì mắt liếc ngọt hành lang

ta nhớ cả ngón chân em kiêu diễm
hột nút-ruồi-kín mọc sát chân lông
em chẳng tỏ nhưng ta thường đọc rõ
giấc mơ đêm em khép mở nỗi lòng

ta cũng biết em hai tay bắt cá
nhưng chẳng sao khi ta cũng linh tinh
cái gọi nhớ cái vời tình vội vã
chẳng vì ai ngoài thủ lợi riêng mình

ta thành thật tưởng chừng như giả dối
ta mê em như làn khói thơm môi
em lãng mạn muốn sưu tầm nhân ái
sắc nhan em mỗi khắc một tuyệt vời

cầu Sông Vệ, ta không còn xa lạ
dù chưa một lần nhảy xuống tắm sông
nước mơn ngọt thân thể ta từ độ
em vui chân vào lô cốt ngồi mong

nhắc không hết, kể không tròn câu chuyện
chẳng vì đâu, đâu biết bởi vì đâu
em chẳng trách ta chẳng hờn chi cả
thế nghĩa là ngầm thông cảm cho nhau

chắc chẳng phải mượn cớ em để viết
về bãi dừa bãi cát trắng gì đâu
cũng không phải viết về những tiếng súng
nổ cầm chừng khi ta trấn giữ cầu

đã xa lắm, đã xa rồi Sông Vệ
em hồng nhan giờ đã biệt thanh xuân
nhưng chắc hẳn tình yêu xưa còn đó
cũng như ta tìm vẫn đỏ thắm màu

gởi tặng em bài thơ này đây nhé
hơi lẩm lờ, lũng củng lẫn ba hoa
nhưng có thể em đang nhớ, gặp
một chút gì còn đẹp giữa chúng ta

một chút gì coi bộ rất bao la

18-8-2010

Đôi Mắt Ngã Tư Ba La

đã đến phiên trở về trấn giữ
cửa đồng sư đoàn vài tuần lễ, dưỡng quân
bố trí xong chiều ngả màu tím sẫm
phổ gọi lòng dành phiên đến đôi chân

lững thững về ngang bến buồn xe ngựa
gió bụi nặng ruổi theo gót ngu ngơ
bóng áo trắng ai lênh đênh xe đạp
mắt chạm tình cờ rung động băng quơ

vẫn bước đều chân sao cùng ngoái lại
một kẻ cúi đầu, một kẻ nghiêng vai
hai ánh mắt nhìn như nguồn điện chạm
trời chẳng mưa đông, sấm chớp đường dài

sao lại nhớ nhung hàng mi lạ quá
ai uốn cong vòng từng cọng chỉ đen
những nguồn nước nào chứa đầy đôi mắt
ta chợt thấy mình bơi giữa lá sen

gần hai giờ sau ta quay trở lại
nhìn đám anh em bố trí quanh nhà
vườn giàu cây xanh, lá thom mùi nước
lòng dạ sông Trà đang độ nở hoa

đệ tử đã xin hiên người mắc võng
cho chỗ ta nằm bớt chút hắt hiu
định mở giày sault thả chân thư giãn
thân võng chao nghiêng lòng tựa cánh diều

thấy ánh đèn soi lọt ra cửa sổ
tiếng gọi không lời chợt thấy nao nao
gõ cửa bước vào chân tay khựng lại
cặp mắt đôi môi... từng chẳng kịp chào

và những ngày sau chuyện gì không nhớ
ngoài nỗi lằng lằng ta đã của nhau
phổ gọi không về, bạn kêu không ghé
ta khờ dại như thuở mới lần đầu

tay ở trong tay mà lòng vẫn sợ
bởi vẫn nhớ yêu cô vợ ngoan hiền
bởi vẫn giấu em điều quan trọng đó
trái tim không hề nặng nhẹ ưu tiên

khi ở bên em lòng thương bà xã
vuốt tóc vợ hiền lòng lạc về em
nhiều bận ra đường chợt quay hướng khác
đi quân đi quanh lạng quạng một mình

từng ghé trường em, từng vào tận lớp
từng đón giữa đường tặng mấy bài thơ
báo chưa kịp đăng em cầm đọc trước
khoe với bạn bè cả nỗi ước mơ

chiếc ảnh em cho nghiêng nghiêng mái tóc
dải băng-đô vàng như một đường hoa
ta giấu ngay sau ảnh bà xã đẹp
lòng vẫn hân hoan như có hai bà

tình chẳng thông dong như dòng mây trắng
bà xã ta hay, và em cũng ngộ ra
từng lá thư buồn nhạt nhòa dấu lệ
vợ cũng quay lưng về lại quê nhà

ta bỗng hiện nguyên một thằng thua cuộc
ngồi mé ngã tư, đứng dựa ngã ba
thơ thần bỗng không hơn gì giấy lộn
đắp mặt không xong, phủ lòng xót xa

định mệnh bất ngờ giúp nhau mở lối
trái mìn oan khiến như vị cứu tinh
em chợt vội vàng làm cô dâu mới
vợ đã yên lòng nuôi gã thương binh

mấy chục năm qua tình thành cổ tích
nhắc lại nao nao nhức nhối như là
tội nghiệp chồng thư ta không giữ nổi
để vắt tình cho chữ thêm thiết tha

vẫn thấy như in ta đang nằm võng
em nhìn trước sau rồi ghé vệt qua
một tờ lịch ngày chữ em viết vội
anh nhớ nghe không... đừng phỉnh người ta

ta phỉnh ai đâu, phỉnh ta đấy chứ
cho đến bây giờ ta vẫn phỉnh ta
nhớ nước sông Trà quay bờ xe nước
lòng đậu hay trôi ngã tư Ba La ?

Nhớ Em

quà sinh nhật 2002, cho Lý

nhớ em .
đại khái ra sao ?
là nghe
 tim,
 ruột
 cồn cào xốn xang
 cái đầu,
 cái óc
 hoang mang
 lỗ tai,
 con mắt
 lang thang ngoài đường
 tay thừa,
 miệng thiếu
 mùi hương
 tâm,
 thân
 trống rỗng
 bốn phương gió vào
cái bàn
 cũng biết chiêm bao
cánh cửa
 cũng biết nôn nao đứng chờ

nhớ em.
nhớ những chỗ nào ?

 hàm răng
cặp mắt

đôi bờ vai thon
cái cằm đầy búp da son
vành tai như phiến lá non óng ngời
nhớ em,
cái chỗ
để ngồi
cái nơi
để gởi cho đời mầm non
nụ cười
ngọt nhăn, bòn bon
tiếng nói
cóc,
khế,
ôi...
dòn, thanh, vui

nhớ em.
tổng thể tuyệt vời
từng xanh lục bát,
từng ngời ngũ ngôn

nhớ em
từ cái tôi còn
dĩ nhiên
là trái-tim-tròn yêu thương

Tặng Phẩm

1.
em mê tôi những điểm nào ?
cái đầu
rối tóc ngát ngào mùi chua ?
môi thâm
giấu đám răng thưa ?
cặp mắt
bất chính đầy đưa lòng vòng

tôi còn gì nữa hay không ?
vô tri một khối
từ lòng đến chun (chân)

2.

em yêu tôi nhất
cái lưng ?
ngón tay ?
cái lưỡi ?
hay chùm râu thưa ?

nhiều khi
cái
tưởng, dư thừa
hóa ra
là cái
thật vừa lòng nhau

tôi còn gì quý nữa đâu
đành cho em
cái nọc sâu của thơ
em không cần phải nằm mơ

Thêm Một Bài Tặng Vợ Hiền

“gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”
ta được gần em kể đã rất lâu
sáng không sáng, mà đen hơi có chút
chẳng phải vì em, tại cái... chi đâu

đôi không đẹp và thường hay khắc khải
chuyện tâm phào, gân cổ cãi văng răng
em bảo thủ trong khi ta hủ lậu
năm mươi năm chẵn chiếu vẫn thẳng băng

thua một giáp nhưng em thường chứng tỏ
trúng khôn hơn vịt đập má ngon lành
ta cầm lái em ngồi bên điều khiển
lối đi gần em dẫn đến trời xanh

ta làm thơ, được kể như nghề ruột
em ngon hơn Nguyễn Hưng Quốc rất nhiều
câu ưng ý em phán rằng tối nghĩa
rồi em xì, em háy rất... tự kiêu

chẳng những thế em còn thò tay sửa
hoặc làm thơ... may, cũng rất ra trò
tả tình yêu, em rất là tỉnh tẻ:
anh yêu em vì những thứ trời cho !

những thứ ấy chắc không là mái tóc
hoặc mi xanh, mày liễu, mắt rau răm...
thứ phòng vệ, loại tấn công mới chuẩn
hợp cùng thơ, em đánh giá: ba lăm

ngày tiếp tháng ta và em hực hặc
chuyện trời ơi đất hỡi của người ta
chuyện hai đứa thì không cần cần đắp
ngày bảy đêm ba chừ đến lúc tà tà...

Rằm Tháng Tư Âm Lịch

*gởi chị Lê Thị Kim Anh và em Lê Hân...
để nhớ rằm tháng tư, ngày giỗ má chúng ta*

nằm im dưới ánh trăng mù
nghe trong hương gió điệu ru đầu đời
lơ mơ thả gót rong chơi
gặp bàn tay mẹ xoa đầu, à ơi...

chùm ca dao trái xanh trời
chở tôi bay bổng một đời cùng thơ
lòng nôi lòng võng ngày thơ
lót bằng lòng mẹ bây giờ còn thom

đời tôi chưa biết ỏ rom
chỉ ngấm hương ỏ tình thơm mầu từ
mẹ đi biệt giữa tháng tư
vàng trắng tròn lấm, hình như tròn hoài

tôi nhìn rõ lấm hai vai
mẹ xuôi trong chiếc quan tài bình an
nhớ như in, nhớ rõ ràng
tôi im lặng đứng cạnh bàn khói hương

tôi không là đứa bình thường
mắt không có lệ lòng vươn trần nhà
tôi đi tôi đứng như là
những cánh hoa huệ nở ra âm thầm

ngậm câu kinh Phật trong lòng
hóa ra tôi khóc bằng dòng khói hương
mẹ tôi chừ ở mười phương ?
không đâu, mẹ vẫn ngồi đầu giường tôi

câu thơ tôi ngát tình đời
chỉ nhờ hơi ấm mẹ tôi thổi vào
mẹ không biến thành ngôi sao
mẹ là tất cả dòng thơ tôi trồng

già nửa đời tôi lưu vong
rằm tháng tư vẫn chờ trăng xứ người
nằm im đắp ánh trăng mù
nguồn ca dao cũ từ từ mở ra

Bế Tắc

gặp vẫn không có bút
có bút lạc mất vẫn
vẫn chơi trò cút bắt
lâu ngày thành thói quen

đâu phải đã quăng bút
(đâu có bút để quăng)
lòng rộng làm sao vết
chút bụi bọ thơ vẫn

đảng phái không có chỗ
hội đoàn chẳng có chân
thỉnh thoảng nề bẻ bạn
ghé thăm chơi đôi lần

bản khoán nghĩ trong bụng
lấy gì gói cái ta
trái khô chờ gió rụng
thử thêm lần ba hoa

đêm nằm chợt gặp hứng
sáng ra lạc mất vẫn
tới lui trong phòng chật
hồn có nằm trong thân ?

Xuân Và Tuổi Thọ

xuân này lên bảy chục
thừa thêm hăm bốn ngày
sao mà thọ quá vậy
với đời giàu đáng cay ?

hồi lên mười tám tuổi
tưởng gắng đến ba mươi
thời leo được bốn chục
hoài nghi mức sáu mươi

bây giờ ló bảy chục
không tin sẽ tám mươi
nhưng truyền thống gia tộc
xấp xỉ mức chín mươi

có thể tạm kết luận
càng trầy trật ốm đau
càng sứt mẻ da thịt
càng vững vàng sống lâu

ta nuôi trong cơ thể
loạn thiên những vi trùng
ta giữ trong nguồn máu
tình yêu rộng vô cùng

giữa hai dòng sức mạnh
tình yêu đã lấn chân
trái tim khó ngừng đập
khi còn đủ phong trần

lạc quan có bằng chứng
ta thượng thọ như chơi
có điều ta không muốn
sống lâu mệt hụt hơi

sau ngày lên bảy chục
vào mười tháng một này
và qua Tết Tân Mẹo
sẽ định ngày xuôi tay

bây giờ xin vui vẻ
đón Xuân từ hôm nay
xuân khác gì hít thở
khác chỉ tình trần đầy

sớm mai hôn một chỗ
dĩ nhiên chưa đủ đâu
tối ngủ hôn hai chỗ
mùa xuân sẽ thấm sâu

kính nghiệm chỉ chừng đây
tặng những ai có lòng

Thơ LÊ VĂN TRUNG

MẶT TRỜI - BÓNG TỐI VÀ TÔI

1. Có tiếng ai đó đã khóc lên

Trong đám tang mặt trời mùa đông

Người linh mục già cầu nguyện

Niềm tin thâm chủng lời thánh ca hiu hắt

Mặt trời sẽ được chôn

Bên triền núi phía tây

Khi bóng tối của học thuyết

Phủ trùm lên mộ huyết

Chúng ta sẽ trở về

Nơi hố thẳm vĩnh cửu.

2. Tôi đã băng qua đời mình như con lạc đà băng qua sa mạc
bong cháy

Kiêu hãnh với niềm cô đơn thâm lặng

Niềm cô đơn băng giá ân phúc của tình yêu bất tuyệt

Trên những con đường rực lửa đam mê

Máu xương tôi bùng cháy niềm khát vọng sau cùng.

3. Tôi vẫn mong có một ngày

Trên cánh đồng khô cháy đời tôi

Các em sẽ quay về

Như đã từng ba mươi năm trước

Long lanh những giọt nước mắt rạn ngời đam mê

Run run những vòng tay đợi

Cháy bỏng cuồng si

Sắc hương xưa dù nhuộm sương chiều

Vẫn còn vọng muôn lời thu réo gọi

Các em sẽ quay về

Như một thời thanh xuân thơ dại

Áo hồng áo đỏ nhuộm hồn tôi

Các em về



Tranh Đinh Cường

Nguồn: vanchuongviet.org

Như một thời
Ong bướm xôn xao
Hoa vườn tôi muôn sắc muôn màu
Thơ tôi chảy những dòng tinh khiết nhất
Tôi vẫn mong các em về
Dù trên cánh đồng khô cháy đời tôi
Mệnh mang chiều cô độc
Một mặt trời rụng xuống cõi hư không.

LÊ VĂN TRUNG

ĐẶNG KIM CÔN

Tình Xưa

¶...Hải ngồi chết trân nhìn chị khóc, linh quỳnh đôi tay, đôi tay đã qua thời vụng dại, đã từng nhiều phen biết lợi dụng thời cơ, và cũng đang muốn nhích tới, muốn vượt qua cái khoảng trống ngắn trên mặt bàn chỉ cách một ly nước chanh, muốn luồn mấy ngón tay vào mái tóc đã ngắn bớt đi kia. Mái tóc ngày xưa dài dưới lưng quần, mái tóc mà từ rất xa cũng không khó nhận ra một Bảo Ngọc đơn giản, hiền dịu và cũng rất chân thành...¶

Ông Hải tắt máy chiếc xe Honda, dựng trước sân một căn nhà gạch, bước vào nhà.

Căn nhà lặng lẽ. Một người đàn bà dưới bốn mươi đang ngồi đút com cho đứa con gái chừng bốn, năm tuổi ăn, ngược mặt nhìn ông, cũng lặng lẽ, nếu không có cái ánh mắt sáng lên thật nhanh thay lời chào thì giống như họ không quen.

- Chú đâu rồi?

Và không đợi mời, Hải ngồi xuống một chiếc ghế đầu của một bộ bàn chữ U nơi phòng khách.

- Chắc chiều hay tối gì Ba mới về.

- Cháu là...?

Chị vẫn chăm chú vào đứa con, trả lời mà không ngẩng đầu lên:

- Út của Ngọc. Đứa lớn là con trai.

Người đàn bà tên xưng Ngọc đặt chén com xuống đi-văng, lau nhanh miệng con, nói nhỏ:

- Lại chào cậu đi con.

Đứa bé bước rụt rè đến trước mặt Hải:

- Thưa cậu tới nhà con chơi.

Ông vuốt đầu bé:

- Con giỏi quá.

Rồi hỏi trống:

-Ba cháu?

Người mẹ đứng dậy, bước lại vừa bông con vừa trả lời, run run, không giấu được nỗi xúc động:

-Ngọc đã trở về đây rồi...

Và chị nói tiếp:

-Ngồi một mình nha, Ngọc tắm rửa cho mấy đứa nhỏ nó ngủ chút.

-Bảo Ngọc...

Hải lấp bắp không nhớ định nói gì tiếp. Bảo Ngọc dẫn con ra phía sau nhà. Hải ngồi nhìn vắn vợ. Cái lồng chim yến phụng mấy chục con đủ màu sắc của chú Quý, cha chị, đặt ở góc nhà, đang không lặng lẽ, con thì rìa lông, con thì dùng mỏ quặm lấy mấy thanh lồng bằng sắt để leo từ từ lên nóc lồng, con thì hót riu rít, tiếng riu rít trầm bổng của những lời thơ mang mang mực tím một thời, những buổi sáng bồi hồi mở những mảnh giấy còn ngái ngủ, những dòng thơ ngô nghê quuyến luyến, có cặp đang nựng nịu, âu yếm nhau như không biết có Hải đang sốt ruột, nôn nao cho lần hội ngộ bất ngờ này...

“Ngọc đã trở về đây rồi!” không có nghĩa là Ngọc đã về với ông, nhưng rõ ràng cái câu nói dứt khoát ấy có nghĩa là Ngọc sẽ không còn ở “trong ấy” nữa. Có phải vậy không? Không phải là Ngọc đã ấm êm, hạnh phúc như Hải vẫn mong sao? Hải không nghĩ là phải xảy ra nông nổi nào dù loáng thoáng có lúc ông nghe chú thím than van cái anh con rể “không nên” sao đó. Hải nghĩ, có phải định mệnh muốn bắt anh phải dày vò với lỗi lầm mình ngày trước? Sao tuần rồi đến thăm chú Quý, ông đã không nghe chú nói gì? Và nếu sáng nay, giữa giòng người nhộn nhịp trên chợ, họ đã không tình cờ chạm mặt nhau, cả hai cùng mở to đôi mắt thẳng thốt lấp bắp gọi tên nhau, thì liệu chú có sẽ nói cho anh biết là em đã về không? (Lâu nay hai chú cháu đã rất ít khi nhắc tới cái bóng giữa hai người, dù cả hai đều hiểu đó là cái cầu nối tình thân). Có phải chúng ta hoàn toàn không thay đổi gì trong mắt nhau suốt gần hai mươi năm không gặp? Hay là chúng ta đã không phải nhìn thấy nhau bằng mắt? Chuyện gì đã xảy đến với em?

Gần hai mươi năm ấy, không phải là họ đã già đi? Không phải những nét vui tươi, tinh nghịch ngày ấy đã không còn chút dấu vết nào sót lại nơi họ? Họ không cao lên, hay mập ồm chút nào sao? Chỉ là giống như mới chiều qua, rồi một đêm, rồi

một giấc ngủ, mở mắt dậy, họ lại thấy nhau. Có điều, là bất chợt thấy nhau. Trong tim họ, họ vẫn vậy. Khác chăng là cái giấc ngủ ấy dài quá.

Không thể dừng lâu giữa giòong người, xe như nước ấy, trước khi lách tay lái sang một bên, một lời (mà ông nghe vẫn ngọt), nhanh, dịu, lọt kịp vào tai “lát xuống nhà...”

Chắc “mấy nhỏ” của Ngọc đã ngủ. Chị bung ly nước chanh lên đặt trước mặt Hải và ngồi đối diện với ông. Hai cánh chỏ tay chị dựng lên bàn cho mười ngón tay đan nhau làm giá cho chiếc cằm tựa lên đó. Chị mở tròn đôi mắt (đôi mắt to, đen, không biết từ bao giờ đã trở nên xa xôi một môi, nhàn nhạt mấy vết quầng thâm) nhìn sững vào mặt chàng. Cái nhìn dịu dàng, sâu thẳm, làm cho Hải thoáng chút bối rối, hơi nhỏ:

-Ngọc không uống?

Bảo Ngọc lắc đầu nhẹ nhẹ. Thốt nhiên, mấy giọt nước mắt rơm rớm ra mi, lơ lửng lặn xuống má. Cùng lúc, thoáng trên môi chị một nụ cười chua chát không giấu giếm. Hải hốt hoảng:

-Ô hay, Ngọc làm sao vậy?

-Không...

Đôi tay Bảo Ngọc rũ xuống bàn, để mặt nàng úp lên đó, thấy rõ chị đã rất cố gắng giữ không cho tiếng nấc bật ra môi. Như chiếc xe phải thắng gấp, hai vai Bảo Ngọc rung lên cơ hồ cả người chị muốn rã ra từng mảnh. Hải ngồi chết trân nhìn chị khóc, linh quỳnh đôi tay, đôi tay đã qua thời vụng dại, đã từng nhiều phen biết lợi dụng thời cơ, và cũng đang muốn nhích tới, muốn vượt qua cái khoảng trống ngắn trên mặt bàn chỉ cách một ly nước chanh, muốn luồn mấy ngón tay vào mái tóc đã ngắn bớt đi kia. Mái tóc ngày xưa dài dưới lưng quần, mái tóc mà từ rất xa cũng không khó nhận ra một Bảo Ngọc đơn giản, hiền dịu và cũng rất chân thành...

Từ xa ấy, Hải đã kịp nhận ra, người con gái mặc áo dài trắng ôm cặp ngồi sau một quân nhân trên chiếc xe Honda hai bánh chạy phía trước đó không phải là Bảo Ngọc sao? Cái mái tóc dưới eo ấy, cái dáng mảnh khảnh xinh xắn ấy, và nữa, chiếc Honda Dame thường ngày của nàng. Hải run bắn lên, chàng đã khao khát cái vị trí của người lính ấy biết bao. Có bao giờ Bảo Ngọc đã cho phép chàng được lái chở nàng đi? Chiếc xe vẫn chạy chậm chậm phía trước, và chàng cũng đang

cố để không vượt qua mặt hai người. Không thể để họ nhìn thấy mình, chàng nghĩ. Hình như họ vừa đi vừa nói chuyện?

Coi bộ Bảo Ngọc ngồi phía sau cũng khá lúng túng, tay trái ôm cặp, tay phải vịn thật chặt chiếc yên xe. Chắc là mới quen, chứ nếu lâu thì sao nàng không ôm eo ếch anh chàng cho dễ chịu. “Hai anh chị” ghé vào một quán cà phê, chết chửa, lại đứng vào cái quán mà Hải ăn dầm nằm dề ở đây. Trống ngực Hải đánh liên hồi như trống hát bội lúc mấy tay cầm chầu sắp sửa “thương thế”. Bình tĩnh. Bình tĩnh. Hải tự nhủ. Dừng xe kề xe hai người, chàng vượt ngực. Có lẽ mặt mình đang tái lấm. Chàng bước thật nhanh vào quán, ngang qua bàn hai người đang ngồi ở sát vách, may quá, Bảo Ngọc đang ngồi quay lưng ra lối đi, đối diện với tay lính nên không thấy Hải. Hải đi thẳng ra phía sau, khu pha chế, vỗ vỗ ngực một lần nữa cho hạ hỏa, nói với cô chạy bàn “để mình lo cho”, rồi đứng đỉnh bước lên chỗ hai người, đứng ở đầu bàn giữa hai người, đặt tám thực đơn lên bàn, cúi đầu chào:

-Thưa, anh chị uống gì ạ?

Như chợt giật mình, khuôn mặt đẹp ấy thẳng thốt ngược lên, mở to mắt nhìn chàng. Hải quay về phía người lính để khỏi phải nhìn Bảo Ngọc. Gã lính không nhìn thực đơn, nói:

-Cho ly đen đá, Ngọc uống gì?

Không nghe tiếng Bảo Ngọc trả lời, anh ta nói luôn:

-Hay là uống đá chanh đi. Cho ly đá chanh.

Hải quay đi, và cũng không lâu sau đó, cô chạy bàn (lúc này cũng đang sửa soạn kiêm luôn cái nhiệm vụ kết-sê) chuyển cho Hải cái khay thức uống để chàng mang đặt lên bàn hai người “khách”. Người lính lại lên tiếng, nói trống:

-Cho một gói Cotab và một hộp diêm.

Hải cố tình “dạ” nho nhỏ. Và sau cái lần đặt gói thuốc cùng bao diêm quệt lên bàn, chàng bước thẳng ra cửa. Có một điều không ngờ, Bảo Ngọc đã phá cái không khí “trịnh trọng” ấy:

-Hải ngồi xuống uống nước. Để Ngọc giới thiệu...

Nhưng Hải không nghe thấy gì nữa. Chàng bước thật nhanh. Thoáng thấy dáng Bảo Ngọc loạng choạng bước theo:

-Hải...

Hải không muốn cái vở kịch đó có hậu. Hải không muốn câu chuyện khác với sự hình dung của chàng. Hải lao xe vun vút về nhà, lục hết những trang thơ chép bằng giấy vớ của Bảo

Ngọc ra châm lửa đốt. Vừa đốt vừa đọc lại một lần cuối cùng “Đừng để nắng xuân nhạt màu hoa thắm, Đừng để lá rơi ngập lối thu vàng...”. Không hiểu. Không muốn hiểu. Không muốn nghĩ ngợi, nhức đầu. Bất giác nghe buồn đầu kéo tới như mây xám chiều đông. Anh hùng lưu huyết bất lưu lệ, “Ô hay, nước mắt đầu mà sẵn...”. Không có gì cả. Buồn một chút thôi, cười lên đi.

Đang ngồi thờ ra nhìn đồng tro tàn còn hâm hấp khói thì Bảo Ngọc đến. Hương, bạn cùng lớp Bảo Ngọc, chở nàng đến bằng chiếc Velo Solex của Hương. Chiếc Dame kia chắc đã thắng đó đi rồi. Hải mời họ vào bàn ngồi, Hương cười cười:

-Hòn anh giận em kiểu gì đến nỗi lái xe không nổi, nó bắt Hương chở giùm nó đây.

Hải nhát gừng:

-Ai làm gì thì biết.

Bảo Ngọc vẫn nhẹ nhàng:

-Anh con ông bác của Ngọc mà. Lúc này chịu ngồi xuống là hiểu ngay thôi.

-Sao từ đầu không mời, đợi người ta làm hề cho mấy người xem rồi mấy người mới tính chuyện dàn cảnh chọc gan tôi?

-Gì dàn cảnh?

-Tôi theo chiếc xe hai người lâu lắm rồi.

-Đủ rồi, tin hay không tùy Hải. Những gì cần nói thì Ngọc đã nói. Không phải một mình Hải có lá gan to. Nội cái chuyện đem những kỷ niệm ra đốt đi kia đủ để trời sập rồi.

Hương xen vào:

-Cho tui can hai ông bà. Êm đềm quá chắc thấy không vui. Cái tuồng này tui trong lớp nghe được chắc nó chết tập thể vì bể bụng quá.

-Trời đã sập trước rồi, đừng có ăn được nói được. Mấy người đi về cho. Tôi không rảnh...

Bảo Ngọc giận tái mặt. Đến nước này thì đúng là không còn gì đáng nói. Giá như nàng và Hương đứng dậy ra về thì đỡ tủi hơn... Nhưng Bảo Ngọc hãy còn tàn nhẫn... Còn Hải thì được thể làm tới, vùng vằng đứng dậy:

-Tôi có việc phải đi. Mấy người ngồi đó nghĩ cách nói dối cho hay đi.

Và chàng bỏ hai người ngồi chơ vơ đó, nổ máy xe, phóng đi.

Thế chiến 1, thế chiến 2 cũng đã xảy ra bắt đầu từ những

chuyện nhỏ. Sẽ không có gì xảy ra nếu chiếc xe của Hải đã không tình cờ nhận ra mái tóc dài ngồi sau chiếc xe Dame chạy phía trước vào buổi trưa hôm ấy.

Sau này, khi họ đã xa nhau, ở ngoài đơn vị thỉnh thoảng Hải cũng có viết và nhận được thư thăm của nhau, chỉ là thăm hỏi, không ai trách móc gì ai, và cũng không nhắc gì tới kỷ niệm, hầu như quá khứ của họ đã bốc khói theo những bài thơ mộng mị năm nào. Có cái gì đó để họ thấy càng lúc khoảng cách giữa họ càng xa. Cái tựa một bài thơ Bảo Ngọc gửi cho Hải “Mưa Trên Cư Xá Minh Mạng” vô hình chung làm cho chàng Trung sĩ Hải hiểu được cái vị trí của chàng.

Tiếng khóc nho nhỏ của Bảo Ngọc cũng đủ tuôn tràn ra át tiếng kêu “rích rích” của mấy con chim yến phụng đang tình tự trong lồng.

Chú Quý, ba của Bảo Ngọc, nhiều năm qua, vắng Bảo Ngọc, vẫn xem Hải như chiếc bóng của chị, dẫn hai đứa cháu ngoại vào. Hải đứng dậy chào, liếc thấy con gái đang gục đầu trên bàn, ông nói đùa với Hải:

-Đang xử án hả?

Ông bảo hai đứa cháu chào cậu. Đứa nhỏ ôm tay mẹ nó lay lay, lí nhí gì đó. Bảo Ngọc vẫn lì lợm không ngẩng đầu lên. Chú Quý sai mấy nhỏ lấy nước và thực phẩm cho chim, rồi ông hỏi Hải đến lâu chưa, ở chơi ăn cơm chiều với chú luôn. Thay vì trả lời, Hải nói như phân trần:

-Con cũng là con hư đó chú. Thôi đủ rồi đó, gái hư.

Chú Quý cười. Hải bước ra cửa, dứt khoát, không muốn để chú Quý nài ép:

-Con có việc bận, thưa chú con về.

O

-Đêm qua Ngọc đã lục tìm được tập nhật ký này. Cũng may là nó nằm trong tủ sách của ba nên không bị lũ mối mọt xếp vào danh sách văn hóa đòi truy.

Bảo Ngọc nói giọng đều đều, không vui không buồn. Mà đáng lẽ cái câu bông đùa ấy phải được đi kèm với một nụ cười, hay ít lắm cũng với ánh mắt hấp háy. Không biết là nếu cho chị một chút hạnh phúc sẽ có thấy được chị tươi vui lên không?

Hải hỏi vu vơ:

-Của ngày xưa hở?

Bảo Ngọc ngồi xuống bàn:

-Ngọc muốn Hải đọc.

-Đọc hết?

-Không cần, chỉ mấy trang, chỗ đã làm cho Hải vui. Hải uống café chứ?

Hải ngạc nhiên, nhưng riu ríu gật đầu:

-Mấy nhỏ đâu?

-Ông ngoại dẫn ra chợ cho bà ngoại khoe với hàng xóm...

Bảo Ngọc mở tập nhật ký, đẩy tới trước mặt Hải, rồi đứng dậy đi pha café. Trước mặt Hải, một quá khứ đã ngả màu, những trang chữ rất quen thuộc đang lộ ngược giòng mực tím, nhẩy nhót tung tăng như phố xá ngày xưa xôn xao những bước chân về lớp.

...Chỉ có một điều không ai biết là chiều qua em đã về nhà đóng cửa phòng, khóc. Lo bữa cơm chiều xong, em lại nằm bất động trên giường. Ba đi xa, má bán ở chợ về tối nên nghĩ là em bận bài vở không để ý tới em. Sáng nay em không đến lớp. Có thể nhỏ Hương đến trường đã phổ biến rộng rãi cái tin động trời ấy. Không ai dễ gì chịu bỏ qua một cuốn phim hấp dẫn giữa đám bạn tò mò, sôi nổi, rất ưa chọc phá và cũng rất thích thú trước những sóng gió của người khác. Đối với chúng, nắng rồi phải mưa và mưa để rồi nắng đẹp. Chúng nói tình học trò là những bản nháp của những áng văn hay. Cứ tẩy xóa đi rồi viết lại. Em không phải là chúng, anh yêu. Nhưng mà cái bốc đồng vô lý của anh đã làm cho em thất vọng. Đâu phải mới năm bảy tháng một năm gì, anh nhớ không, gần ba năm với tất cả những êm đềm phẳng lặng dễ thương nhất. Tất cả yêu thương ấy đã không cần phải nói ra bằng lời, bằng hò hẹn. Ngoại trừ có những lúc hai chúng ta sóng bước đến trường hay về nhà, lặng lẽ, như những người bạn học đi bên nhau, anh chưa hề nắm tay em, chưa hề hôn em một lần, mà như vậy không có nghĩa là tất cả bạn bè anh và em không biết chúng mình là gì của nhau. 1001 đêm kia, đã đủ làm cảm động một ông vua chưa từng hiểu gì người đối diện, đã lấy người con gái kể chuyện đó làm vợ, hưởng chi chúng ta, không phải là anh đã quá hiểu em sao? Anh ghen thật hay anh cố tình si nhục em? Có thể em dùng chữ si nhục là sai, nhưng chắc anh biết rõ là anh đang si nhục hay hành hạ em. Sự bước bình cố chấp của anh đã làm em thất vọng. Nếu anh ấy là gì của em tại

sao em phải hạ mình đến van nài anh? Mà nhất là bên em còn có Hương nữa (điều tui nhục chính ở chỗ anh đã tạt những gáo nước lạnh vào mặt em ngay trước mặt Hương. Em có thể tha thứ cho anh được không?). Bạn bè, có thể nhiều đũa gạnh tị với hạnh phúc của mình, nhưng chắc nó sẽ không tha cho em nếu quả thật em có một người khác.

...Anh nhập ngũ rồi. Ba rất buồn chuyện này. Ba quý anh, nhưng kỳ vọng của ba về anh, em biết, cũng không nhỏ. Hôm đến trung tâm nhập ngũ thăm anh, em đã không khóc, và chắc chắn anh không biết khi trở về em đã ngất xỉu thế nào. Sức chịu đựng của em chỉ đủ để em đến nhìn anh thật sự đang muốn cho em đau khổ. Em bệnh la liệt đến cả tuần lễ. Anh to gan thật, cũng chà thềm giã từ em một tiếng. Có thật anh tin là em đã có người yêu khác sao? Dễ vậy sao? Bây giờ anh đang ở ngoài mặt trận, chúng ta vẫn viết thư cho nhau, vẫn có những bài thơ nói nhớ nói thương (dĩ nhiên, xa cách vẫn là đề tài nhiều hương vị nhất) nhưng em biết, có gì đó đang làm tình yêu mọc cánh.

...Cái que diêm nhỏ ấy đã làm cho nhà cháy thật. Vô lý, bây giờ hẳn anh đã hiểu em không có lỗi gì? Anh đã thấy sự bốc đồng của anh là con nít quá? Xin lỗi anh, em cũng là con nít mà, nhưng ba em thì lại là người lớn, người lớn có sự suy nghĩ của người lớn, anh là niềm hy vọng của ba nhưng em mới chính là trái tim của ba. Anh còn nhớ có một lần anh đến nhà thăm Tết, người bạn anh đã chụp cho chúng ta những tấm ảnh chung. Lần đầu tiên em đã cho phép mình hư như vậy, và em đã giữ gìn chúng như báu vật. Ba có biết nhưng không la. Giờ thì những tấm ảnh đó em không còn được giữ nữa. Ba đã “muộn” cắt mất tiêu rồi...

...

Hải say sưa đọc, quên cả không để ý là Bảo Ngọc đã bung ly café lên từ bao giờ, chị cũng ngồi vào chỗ hôm qua, cũng tư thế hai tay chống cằm, nhưng ánh mắt hôm nay không đắm đắm nhìn Hải mà nhìn băng quơ xuống ly café. Hải vẫn còn tham lam đọc lan man đến những trang khác, không hiểu ông đang tìm kiếm lại mình hay tìm những vết sẹo trong tim Bảo Ngọc. Có điều chắc chắn là ông không muốn lỡ phải gặp một lần lỗi nào của chị.

-Chuyện con nít cũng vui phải không? Uống café đi, đá tan lạt hết rồi đồ thừa Ngọc không biết pha.

-Chưa dám nói gì hết đó nha! Chuyện vậy mà kêu cũng vui.
Hôm qua làm gì khóc dữ?

-Vui khóc.

-Đã có từng vui như vậy?

Ngọc đánh trống lảng:

-Coi thử café có vừa uống không?

Hóp một ngụm café, đặt ly xuống bàn, Hải hí hửng gật đầu:

-Dễ thương lắm!

-Già đầu cứ như con nít.

Được trách yêu, Hải sung sướng lên mặt:

-Ai dám chửi Hải vậy?

Bảo Ngọc liếc thật nhanh, để lại đuôi mắt đắm thắm trong đôi mắt đầy ắp hạnh phúc của Hải. Bảo Ngọc nói lấy:

-Ngọc tưởng Ngọc vẫn còn có quyền với tội phạm của Ngọc. Thôi thì, đành hoàng chút được không?

-Thì nói café thôi mà. Hôm nay mà khóc nữa thì đôi tay này không còn khờ đâu đấy. Mà sao về đây vậy?

Bảo Ngọc nghiêm giọng:

-Giới thiệu. Mới nói bậy xong là làm bộ đánh trống lảng hỏi một câu. Mà công nhận Ngọc hư thật, chắc tại chửi không được nên khóc cho đỡ tức ngực, có muốn nghe trả lời không?

-Nghe thì muốn. Nhưng mà già không cho nói thì bao giờ mới trể lại được?

-Nữ! Nghe “trích ngang” đây: không còn gì nữa, về ngoại xin ăn, có gì cũng còn có gia đình.

Hải lợi dụng cơ hội, truy vấn:

-Có gì là có gì? Trong đó không có gia đình hờ?

Bảo Ngọc lấp lửng:

-Không mà có hai đứa con sao?

-Huê vốn. Trả lời kiêu dễ tức ngực không.

Bảo Ngọc hỏi lại:

-Mấy đứa nhỏ Hải vẫn đi học chứ? Ngọc ít đi về nên cả chục năm mới nghe mẹ cháu mất.

Hải xa vắng:

-Biết sớm hơn để được gì?

-Xem con của Ngọc kia, đứa lớn còn nhỏ hơn đứa nhỏ của mấy người.

-Chắc tại chung thủy với người xưa quá? Hay muốn đồ thừa tại người ta lấy vợ trước? Không lấy thì có còn ai bận lòng đâu!

-Mà bệnh sao chết vậy?

-Tại chồng bị nhốt kỹ quá, tận trong núi sâu, toàn là muỗi chống Mỹ, độc lắm, ở tù thì có chuẩn bị mừng mà người đi thăm thì không có, nên lên thăm về bị sốt ác tính chết. Đợt đó nghe nói thì xã mình chết ba bốn người gì đó.

-Kiếm mẹ khác cho con rồi phải không? Hình như Ngọc cũng biết người đó?

Hải trả bài:

-Biết còn hỏi. Có mong vậy không?

-Vui không?

-Vui chút chút, buồn chút chút.

Bảo Ngọc nhủu mày:

-Cũng huê vốn. Học trò thuộc bài nhanh đấy.

Chị muốn nói đùa cho vui, nhưng về mặt chị thì như đã kéo cả người chị xuống đầu tận một vực sâu hun hút nào. Chị cắn môi, cố nhếch một nụ cười nửa miệng, mà lại không giữ nổi mấy giọt nước mắt vô kỷ luật đang lăn xuống môi. Không biết có phải vì bối rối nhớ lời “hăm dọa” mới rồi của Hải hay không mà chị vội chớp mắt cúi thấp đầu xuống. Hải bối rối hơn, nói một câu vớt vát vô duyên:

-Mình là anh em nhé!

Bảo Ngọc ngược lên, lắc đầu:

-Đẹp. Chỉ còn có hận thôi.

-Ngày ấy...

-Không là gì hết. “Hình như là...” vậy thôi.

Và chị hít một hơi thật sâu, như để lấy lại chút thăng bằng:

-Uống café đi. Ngon không?

-Ngon mà đắng. Uống miếng nhé?

Im lặng. Không khí như chùng xuống. Hai người không ai nhìn ai, cả hai cùng nhìn ly café, như muốn tìm trong đó những giọt ngọt đắng hai mươi năm nằm ở đâu đó.

Chập sau, chùng như khó nén một tiếng thở dài, Bảo Ngọc lên tiếng:

-Trả nhật ký lại Ngọc.

Hải đẩy ly café tới, tiếc rẻ:

-Hải muốn giữ luôn?

Bảo Ngọc hớp một ngụm nhỏ:

-Không được.

-Vậy có trang nào mới viết đêm qua không?

LÊ SA

Những Hạt Mầm Trên Cát Bông

¶Thấm thoát niên học rồi cũng sắp qua. Nhiều đêm nằm một mình nơi phòng vắng trường vắng, mơ hồ như có chút ngậm ngùi thân phận. Nhưng biết làm sao bây giờ. Nghĩ đến những bạn bè đồng lớp sư phạm với mình - Đứa thì bán rau ngoài chợ, đứa thì bung café góc phố...¶

1.

Ngôi trường tiểu học hai tầng mười phòng nơi tôi đang dạy được xây dựng từ hai năm trước, giờ vẫn cứ lèo nhèo với đám học trò đầu trần chân đất, tóc tai khét lẹt mùi nắng rom, một phòng cho Thầy Thoại hiệu trưởng, một phòng cho tôi trú ngụ, một phòng cho lũ đầu trần chân đất ê a. Vị chi còn thừa những sáu phòng. Ông Hiến vận động mượn được một phòng cho chị Lèo làm việc.

Chị Lèo. Ngay từ hôm đầu gặp chị, chị đã cho tôi ấn tượng mạnh. Mái tóc bông bênh lòn lộn, thả rọp xuống chiếc vai bè của chị. Thấy tôi cứ nhìn trân trân lên mái tóc của chị, chị hề hã cười:

- Nè em. Ông Thoại hiệu trưởng cứ chắc lưỡi khen chị có bờ tóc đẹp như Merin... Môrong bên tây đó ghen.

Tôi tính giúp chị lấy lại đúng tên người nữ diễn viên một thời tài sắc ấy, nhưng kịp nghĩ có nên không?

Mỗi sáng chị Lèo đến chỗ làm. Chị thường tần mẩn đưa hai ngón tay se se hai lọn tóc mai của chị. Tôi thấy tận da đầu chị lòi ra bao chân tóc bạc ngà. Tôi đếm đủ trên mười ngón tay nung núc của chị chèn đúng tám chiếc nhẫn vàng (vàng thật) chỉ chừa lại hai ngón cái là còn chút tự do ngọc nguyệt. Chị Lèo xoa xoa bàn tay áp vào má tôi. Những chiếc móng dài lấp dầy lớp kim nhũ, trông cứ nhấp nhóa nhấp nhóa dội lên một màu

tím rìm. Chị nghiêng đầu hỏi tôi:

- Đố em. Nghe chị có mùi gì?.

Đố tôi nhưng chị lại trả lời luôn:

- Nước hoa Hàn đấy. Đưa em gái ở bên gọi về cả chục ổng lụng đó...

Chị Lèo xòe úp hai bàn tay mình, san qua lật lại:

- Mấy hộp sơn móng nữa nè. Mai chị cho em tuốt... Ông Thoại dở ồm ghét ghê nước hoa ngoại thơm lừng lụng thể này mà cứ nói là thua mùi hoa bầu hoa bí...

Tôi cười vui đưa tay vuốt vai chị bụng chị. Chiếc áo pull màu hoàng hạc bó cứng khúc này, khiến bụng chị cứ đùn lên từng vòng từng vòng xuống tận điềm dưới cứ trông như những luống khoai lang giữa mùa nắng cạn.

Mỗi sáng thức dậy, tôi nghĩ rằng mình cũng nên hào phóng mà khen ai đó một câu gì cũng được, chẳng hạn như cái răng, chóp mũi, bờ môi... thì cũng chỉ là cuộc đánh lừa nhân hậu thôi mà. Đánh lừa chính mình, phui đi lớp bụi mù tâm cảnh. Tôi khen chị:

- Chị Lèo dễ thương ghê. Giống Siu Black nữa đó...nhất là vòng hông và cái miệng giống hoa hậu Thu Cúc quá chừng.

Chị Lèo toe miệng cười đầy cảm khoái. Chị cười hết độ trên đôi môi dữ dằn son phấn:

- Siu Black chị rành. Ngày mới dọn qua đây. Ông Thoại, ổng cứ nhìn trao tráo vô miệng chị... Ngượng chết mờ.

Tiếng xe nổ lạch phạch ngoài cổng trường. Chị Lèo nhìn ra, chột bĩu môi:

- Bí thư bí thiết gì mà ăn mặc lè phè.

Dừng xe. Ông Hiền đi thẳng đến chỗ tôi và chị đang ngồi, giơ cả hai tay lên chào:

- Ô... Chào đàn bà phụ nữ. Phong trào sinh đẻ nhà ta sao rồi chị Lèo?.

Biết không phải chuyện của mình. Tôi cầm tờ báo cũ ra ngồi lên chiếc ghế dưới tàn cây trứng cá. Chủ nhật, sân trường lại càng vắng ngơ vắng ngắt. Chiều nhuộm dần xuống cánh đồng lơ thơ gốc rạ vàng nhưng cái nóng vẫn cứ hầm hập. Cách chân tôi ít bước, hai chú cừu nhà ai thả rong nằm thờ phì phò dưới bóng râm. Chợt dung tôi cười. Nghĩ cũng lạ. Sao chị Lèo cứ phải chống lại mình, chống lại trời dữ thế. Chị cứ ních vào người bộ Jean xanh dày cộm. Chiếc nón tai bèo cách tân đội lệch trên đầu trông chị như một cowboy viễn tây chính hiệu.

Tôi cứ nom nớp sợ chị sẽ bị quay chín như một con cừu bảy lần ký, trong lúc tôi đã phải thay đi thay lại những bốn năm lần chiếc áo ngực bởi mồ hôi thấm đong.

Ông Bí thư đi rồi. Chị Lèo chạy lục khục đến ngồi cạnh bên tôi:

- Thiệt là phá đám! Mà này... Chuyện chị em mình tới đâu rồi nhỉ?

- Ừ, nhớ rồi. Ông Thoại khen chị. Ảnh khen chị có cái cổ năm ngón, mười ngón tay măng trúc măng tre nữa nè.

Bỗng dưng chị dùng gang tay đo lấy vòng eo tôi, lằm nhăm đếm một hai... làm tôi nhột muốn chết. Chẳng vui chẳng buồn chị nói:

- Anh Thoại nói chị cứ ăn kiêng là được. Chị có ăn sậm ăn nhung, uống bổ thận hoàn gì đâu mà kiêng với không kiêng. Anh Thoại hỏi thúc chị nên ra Trung tâm Văn hóa tỉnh ghi tên học lớp Alôbíc Alôbóp gì đó, tiện thể học luôn lớp nhảy đầm hít hóp, van van gì đó. Đã nhờ ông dẫn chị ra giới thiệu, mà ông cứ hẹn lần hẹn hồi. Xung quá chừng!

Mỗi câu chị nói ra đều nhắc anh Thoại anh Thoại, mắt chị Lèo trông hấp hừng hấp hừng, ngom ngóp độ lên men:

- Chị đã mua sẵn tới sáu bảy bộ áo thun quần đùi bó nịt, đều là hàng xịn cả đó em. Anh Thoại nói học lớp này quần dễ bị rách đấy lắm, áo vú cũng dễ mau mòn lắm vì cần phải cọ cạ luôn hà.

2 .

Thấm thoát niên học rồi cũng sắp qua. Nhiều đêm nằm một mình nơi phòng vắng trường vắng, mơ hồ như có chút ngậm ngùi thân phận. Nhưng biết làm sao bây giờ. Nghĩ đến những bạn bè đồng lớp sư phạm với mình - Đưa thì bán rau ngoài chợ, đưa thì bung café góc phố... thấy mà chạnh lòng. Mình được như vậy là phúc lắm rồi. Xét cho cùng nỗi buồn nào cũng giống nhau thôi, cùng một tên gọi thôi. Những Lý, những Linh, nhỏ Ngọc và cả tôi - trên dòng nước xiết, chúng tôi hi hục chơi vơi. Một cọng rom trôi qua, chúng tôi cũng phải cố mà bấu lấy đến ngiệt ngã tội tình.

Từ ngày Chi hội Phụ nữ xã về trường ở tạm, tôi thấy mình có chút gì vui vui, nhất là có chị Lèo. Stress có phải là một căn

bệnh? Sự đa sầu đa cảm của một người đàn bà có phải là một căn bệnh? Kịch bản do tự mình dựng lên để tự mình diễn, tự mình cười, tự mình khóc. Tự mình vo bóp nhào nheo, và cũng chính tự mình mặc ý san vát nó đi. Sàn diễn chỉ còn mỗi mình thôi khi cánh màn đã khép. Giữ làm gì mớ tàn tro đã nguội. Kịch bản toàn cảnh cho một xã hội nó vốn thế. Nhìn chị Lèo, chị cũng như tôi, tôi cũng như chị. Nhìn chị như thể nhìn mình. Nó giúp tôi nhìn rõ cái thực ngã của mình hơn, để mà so sánh rồi đứng dậy tiếp tục bước đi để không còn là kẻ ở trọ trăm năm. Ở trọ trong chính căn nhà mà ông bà tổ tiên ta để lại. Để ta được ngộ cảm một cách thần khôi - rằng ta không là chiếc lá khô héo, trôi dập dềnh trên dòng sông hư huyền. Thôi! Hãy đứng dậy mà bước đi cô bé Khương Liên ạ. Tôi tự nhủ lòng như thế.

3 .

Mấy hôm nay hiệu trưởng Thoại cứ buồn buồn u oải, mắt thâm quầng thiếu ngủ, đến trường có phần trễ nải điều mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy ở anh. Anh đúng là tư chất thiên sứ của người thầy, một cán bộ cần mẫn. Và đôi khi cũng có chút tiểu lâm thư giãn của giống đàn ông .

Sáng nay chưa đầy 6 giờ đã thấy anh Thoại ngoài cổng trường. Anh đến bên tôi với chút ngáp ngừng:

- Liên em! mấy hôm nay vợ anh bệnh tim trở nặng phải nằm viện. Cơm nước giặt giũ chỉ mình anh. Việc trường lớp anh có lơ là. Có gì nhờ em đảm giúp... Anh phải về lại bây giờ.

Ngồi nói chuyện với anh Thoại trong phòng, cửa khép hờ. Thoáng bóng ai như chị Lèo áp tai ngoài cửa kính. Đứng chị thực!

Không hiểu chị đến tự bao giờ. Anh Thoại đi rồi mà chị vẫn cứ đứng ngẩn ra đấy. Dưới chân chị là chiếc bị to tướng.

Chị Lèo kéo mạnh ghế. Chân ghế nghiêng kìn kít trên mặt thảm. Không hiểu có chuyện gì khiến chị cáu giận đến thế. Mắt chị buồn buồn:

- Ông Thoại bị ma ám

- Là sao chị? Tôi hỏi.

Cứ lo lo cái bị gì của chị còn bỏ ngoài cửa sổ. Mấy ngày nay lũ chó trong làng cứ chạy rong, nhón nhác tìm kiếm bạn

tình giữa mùa đông dục. Tôi vội nhắc chị cái bị. Chị Lèo xua tay:

- Thôi cứ để đó chị em mình ăn. Chả ế ai. Vợ ốm nhom mà quý dữ tợn.

Tôi ồ lên kinh ngạc. Ồi, trong bị nào bia lon, nào thịt chả, nhãn, xoài, chôm chôm. Tôi ồm ờ:

- Sao chị không bồi dưỡng anh nhà ?

Nói xong kịp thấy mình đại dột, bởi không chừng làm chao động nổi lòng của chị. Nhưng không, chị cười, cái cười dài đại đồng bóng:

- Anh với chị gì nữa trời! Chị mỗi cặp bò, sáng dắt đi, trưa cắt về bao cỏ. Ngày nào cũng chân đá chân xiêu. Đêm nằm phè, ngáy nghiêng phì phò như trâu cui dầm sinh. Này em...ngó vậy mà ông Thoại thương vợ ông dữ ta.

Tôi chợt thấy những ngấn nước lập lênh như cứ lan dần trong mắt chị. (Đúng là chị đã nghe được chuyện nhà anh Thoại).

Phòng làm việc của Chi hội Phụ nữ mỗi ngày mỗi vắng. Mấy chị tuyên truyền viên cũng dần dần mất. Cả bà cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phái về cũng chỉ đâu được mấy ngày đầu, sau đó tuần lễ chỉ thấy bà có mặt một hai lần. Mỗi lần đến, bà đứng nhìn nhớn nhác căn phòng rồi ra xe rồ máy cuốn đi.

Chị Lèo. Ngày hai bữa chị Lèo vẫn đến đều đặn, mặc dù sắc mặt chị không được tươi lắm. Nhất là hôm nay nhìn vào mắt chị càng ủ héo hơn. Chị Lèo chấp tay đi loanh quanh. Mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà, nhìn lên đồng hồ rơi trên đầu tủ. Chị kéo ra từ ngăn hộc chiếc hộp giấy, ngòai tản mẩn đếm... một bao này, hai bao này, ba bao này... Chị lăm bằm một mình:

- Mấy trăm bao mà chỉ có xài có năm bao, trời ạ!

Chị Lèo bóc vỏ một chiếc, đưa lên miệng thổi phì phì. Chiếc bao dần phồng lên, dài ra dài ra rìn rìn, trơn láng trông to hơn cả trái chuối hột. Hốt nhiên, chị đưa sát mũi tôi lất vất lất vất... Tôi hét lên suýt té ngựa! Chị Lèo cười ngây ngất, cười điên dại. Tiếng cười thốc tháo của chị đánh động những ngấn nước âm thầm từ mắt chị ứa ra. Lây theo chị, tôi một tay ôm bụng, một tay che mặt cũng cười lên thốc tháo, cười xiêu xiềng. Cứ tưởng chị Lèo đang chọc trái chuối hột lang lang kia vào nách tôi vào mông tôi ngo ngoay... ngo ngoay ./.

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thấp thoáng áo về

(Chủ thích của tác giả: Đây là câu chuyện tưởng tượng. Mọi chi tiết trùng hợp ngoài đời, nếu có, đều là ngoài ý muốn của tác giả, kính mong quý độc giả lượng thứ)

¶

- *Ngoại à, con đã nghiên cứu rất lâu về chiếc áo dài Việt Nam. Con thấy có nhiều biến cải rất lạ mắt và đầy thú vị. Nhưng cuối cùng, con chỉ chọn kiểu áo này, chiếc áo dài nguyên thủy không kiểu cọ gì cả. Đó là kiểu áo dài của các nữ sinh. Theo con, đó là kiểu áo dài hoàn hảo nhất.*

Bà ôm siết đứa cháu trai vào lòng:

- *Cám ơn con. Ngoại ưng ý lắm!*

- *Ngoại có thấy cô gái này giống ngoại ngày xưa không?*

- *Có! Có! Giống ngoại lắm! Mà... cũng giống rất nhiều người, con ạ!* ¶

Trước cổng trường đông đúc, nhộn nhịp. Bà đón cháu.

Thật ra bà chỉ việc lên một chiếc xích lô nhờ đạp tới trường, và bà đứng chờ trước cổng, bên vệ đường, như bao nhiêu phụ huynh khác. Bà không lái xe như ở “bên kia”.

Tùng đột, từng đột học sinh đi ra. Các bạn dắt xe đạp, hoặc xe gắn máy. Ra đến cổng rồi các bạn mới leo lên xe. Bà có một chút hài lòng. Chỉ có một điều rất khác so với ngày xưa. Ngày xưa chỉ có nữ sinh. Bây giờ có cả nam và nữ.

Ngày xưa... Ô! Bà như thấy trước mắt, cảnh các nữ sinh mỗi sáng lũ lượt nối đuôi nhau vào trường. Cái cổng trường và ngôi trường cổ kính, đã có từ một thế kỷ trước, hàng ngày chứng kiến một quang cảnh không đổi. Có vẻ như không đổi mà thôi! Thật sự ra, cô giáo ngày ấy, vẫn biết rằng trong cái “có vẻ” đó, nhiều cuộc đời đã tiếp diễn, nhiều tâm tư đã biến động, không phải chỉ ở ngoài kia, mà chính trong ngôi trường bình yên này.

Cô giáo dạy môn Anh văn của các lớp đệ nhị cấp, cũng đảm nhận làm giáo sư hướng dẫn cho lớp Mười A9, buổi sáng. Lớp Mười A9, một lớp không có gì đáng nói, vì cũng là một lớp khá ngoan. Học trò học rất đều. Không có em nào dưới trung bình. Các thầy cô rất yên tâm về lớp này. Trường công, cần có những lớp đều như vậy. Được rèn luyện rất cẩn thận, cộng thêm sự học hành tự giác, tinh thần ganh đua và chí phấn đấu, thế là học sinh cứ tiến đều, và sẽ có kết quả tốt trong những kỳ thi lấy bằng Tú Tài.

Cô giáo năm ấy ngoài bốn mươi. Cô vui tính, hay kể chuyện hài hước, nhưng lại có một đặc điểm chưa hề thấy ở một vị giáo sư nào. Đó là cô rất khắt khe với các nữ sinh để tóc dài. Giờ học của cô, các nữ sinh đều phải cột tóc gọn gàng, không ai được xõa tóc. Ngay cả những bạn tóc mới chấm tới vai cũng phải cột lên thành một cái đuôi gà cụt ngắn. Làm trái ý cô ư? Ra khỏi lớp! Giờ Anh văn của cô, ai ai cũng chuẩn bị một cái kẹp tóc hoặc một sợi dây. Cô vào lớp, việc đầu tiên là cô đặt lên bàn một mớ dây thun. Bạn nào quên đem kẹp, cứ tự động bước tới bàn của cô, lấy một sợi dây thun mà cột tóc lại. Chỉ có các bạn cắt tóc “demi-garçon”, nghĩa là tóc tém như con trai, hoặc tóc “bum-bê” thật ngắn mới khỏi phải cột tóc. Trời nóng cũng thế, trời lạnh cũng như thế. Không ai dám cãi lại. Không ai dám thách mắc.

Thế rồi, đến một hôm, cô trở mắt khi nhìn thấy một cô học trò cột tóc theo kiểu rất lạ. Cô bé chỉ cột dây thun một nửa mái tóc, và vẫn để lớp tóc bên trong chảy lòa xòa trên vai. Cô từ trên bục bước xuống, đứng trước mặt cô học trò. Đây là trò Hương, người nữ sinh giỏi Anh văn nhất lớp. Cô không nói. Hương ngược nhìn lên, thấy ánh mắt của cô, Hương cũng im

lặng. Hai thầy trò nhìn nhau. Cả lớp nín thở.

Mấy giây sau, cô ra lệnh:

- Em đứng dậy!

Hương đứng lên, thẳng người, trông rất ngoan như bao lần. Cô giáo nghe hai má mình hơi nóng lên với cảm giác bị học trò cãi lời. Cô hỏi:

- Hôm nay em biết em đã phạm lỗi gì không?

Hương lắc đầu, giọng chắc nịch:

- Thưa cô, không ạ!

Cô nghe mặt rần rần một cảm giác bị xúc phạm. Cô xẵng giọng:

- Em thật không biết?

- Thưa cô, không ạ!

Cô cố dần, lần đầu tiên cô thấy mình có hơi nhượng bộ đối với học sinh. Cô cố nói một cách bình tĩnh:

- Từ đầu năm đến giờ, tất cả học sinh khi vào giờ học Anh văn, đều nghe lời tôi, cột tóc gọn gàng. Chưa một ai làm trái lại. Hôm nay em đã làm trái đi. Tại sao?

Hương thông thả đáp:

- Thưa cô, em không thấy mình làm trái điều gì. Em có nghe lời cô. Em có cột tóc ạ!

- Em không làm đúng.

- Thưa cô, cô có nói chúng em cột tóc cho gọn, thì em đã cột tóc cho gọn ạ!

- Không phải!

- Thưa cô, xin cô chỉ cho em... làm sao cho phải ạ!

Cô nói lớn, mặt đỏ bừng:

- Tôi bảo các em cột tóc hoàn toàn, không có một sợi nào được bay lòa xòa. Em nhìn em kia, cột mà như không cột.

- Vậy thưa cô, em xin làm lại ạ!

Hương thông thả tháo sợi thun buộc tóc ra. Cô giáo và cả lớp chờ đợi. Hương đặt sợi dây thun lên bàn, và lắc đầu nhẹ một cái. Mái tóc đen mượt của cô bé đổ tràn đầy hai vai, như một dòng suối. Cô bé đứng thẳng như người lính đứng đợi lệnh cấp trên. Cô giáo trở mặt. Cả lớp như nghẹt thở.

Lại một khoảng im lặng khó chịu tỏa ra. mấy giây sau, vẫn là cô giáo lên tiếng trước:

- Em làm vậy là có ý gì? Em không muốn nghe lời tôi

hả?

- Thưa cô, em không có ý chống đối cô. Nhưng... thưa cô, em cảm thấy... cô rất vô lý khi bắt buộc chúng em cột tóc. Nếu là trong phòng thí nghiệm thì không nói gì, nhưng giờ này là giờ Anh văn. Trong khi ở các giờ học khác, chúng em không bị các giáo sư gò bó, mà giờ của cô thì chúng em lại phải... làm cho ra vẻ lam lũ. Chúng em thật sự không hiểu ạ! Hôm nay, nếu cô phạt em, em cũng đành chịu. Nhưng em phải nói giùm các bạn em, giùm cả lớp này và giùm cả các lớp khác, vì... họ không dám nói ạ!

Các nữ sinh len lén nhìn nhau, ánh mắt thay cho lời nói chuyện. Họ vừa hả dạ, vừa lo lắng cho Hương. Cô giáo nói giọng run run:

- Giỏi lắm! Em giỏi lắm! Tôi sẽ giao em cho phòng giám thị giải quyết.

Rồi cô mở sách ra, lặng lẽ bước lên bục gỗ.

Sau hôm đó, cô học trò bị một điểm xấu về hạnh kiểm.

Nhưng cô giáo thì cũng từ hôm đó, khi vào lớp không còn đặt một nắm dây thun lên bàn nữa.

**

Ngày xưa... Vâng, cô giáo còn nhớ lắm!

Cô bé học trò lớp Mười A9 tên Hương, khi xõa mái tóc chảy đầy vai, làm cho cô giáo có một thoáng sững sờ!

Sao cô lại không sững sờ cho được, vì hình ảnh đó giống hệt như cô mà! Tấm áo dài trắng tinh, mái tóc đen nhánh dài đến gần thắt lưng, công phu của nhiều tháng nuôi dưỡng, nâng niu. Cô chỉ xõa tóc ra khi mặc áo dài đi học, còn khi ở nhà, giữ em, làm việc trong bếp, ngoài vườn, cô cột hoặc bới cao lên cho gọn. Nhiều cậu nhóc hàng xóm cứ nhìn theo cô, ngẩn ngơ. Và rồi trong đám “nhóc” ấy, một cậu đã rơi vào đôi mắt của cô, đã trao cho cô những tờ giấy màu xanh trên đó có những dòng thơ dịu dàng. Cậu nhóc đã hẹn được cô đi chơi. Cô gan lắm! Cô đã đi chơi với cậu nhóc. Cũng là quanh quẩn nơi những hàng quà vặt trước trường, rồi lại về nhà, giữ em, làm

việc nhà, học bài. Rồi một buổi kia, cô trốn học để đi xem xi-nê với cậu.

Đi của cô – vắng, cô học trò ấy không còn cha mẹ, ở với người dì họ, làm việc nhà cho dì ấy và nhận cơm ăn áo mặc – biết được chuyện, đã túm lấy mái tóc của cô mà cắt lấy cắt để, cho đến khi tả tơi ra hết rồi dì mới hả giận. Và thế là cô học trò xinh đẹp phải trùm khăn đi học, chờ cho đến khi đầu tóc mọc thêm cho dễ nhìn mới dám để lộ ra. Cái mặc cảm bị hành tội ám ảnh cô học trò cho đến rất nhiều năm sau, khi cô đã xong bậc trung học, lên học Đại học Sư phạm, tốt nghiệp ra trường và trở thành cô giáo dạy Anh văn.

Cô giáo trở thành một hình mẫu tiêu biểu đáng kính trong nhà trường. Nhiều năm qua, cô hồ như quên mất kỷ niệm chua cay mà mình đã gánh chịu. Cô có gia đình, có con cái. Cô lập ra một cái nếp áp dụng với nữ sinh học môn Anh văn của cô: cột tóc lên cho gọn gàng, dù lớp học Anh văn thì không bao giờ giống như phòng thí nghiệm. Cái nếp ấy, năm này qua năm khác, áp dụng mãi rồi thành quen thuộc không ai dám phản đối. Và cũng không hại gì cho nên nhà trường không can thiệp vào.

Nhưng cô bé Hương đã dám phá vỡ cái bức tường đó, dù biết sẽ nhận lãnh một điều không hay cho mình. Như một tiếng chuông vang lên phá vỡ sự im lặng đáng ghét, Hương đã làm cho cô giáo mất mấy đêm không ngủ. Lúc nào cô cũng thấy cô bé học trò thật đẹp, thật thánh thiện trong nếp áo dài, mái tóc xõa trên bờ vai. Cô bật khóc trong đêm. Trời ơi! Là tôi đấy mà!

**

Biến cố 30 tháng Tư 1975 xảy ra. Có nhiều thay đổi trong hệ thống quản trị nhà trường. Cô giáo vẫn được lưu dụng để dạy môn Anh văn. Nhưng cô bé học trò tên Hương không còn tiếp tục đến trường nữa. Cô bé đã đi đâu mất.

**

- Bà ơi! Cháu đây! Bà đi với ai?

- Bà đi một mình, đi xích lô, cháu ạ! Bà cháu mình sẽ đón tắc-xi về nhé!
- Vâng. Bà đợi cháu một chút, cháu dặn bạn cháu cái này.

Cháu của bà chạy tung tăng chân sáo, gọi bạn ơi ới. Bạn là một cậu con trai cùng trang lứa, lái chiếc xe gắn máy, đang chống chân chờ đợi. Cháu của bà dặn dò một lát, rồi đi về phía bà. Trong khi đó, một cô học trò khác, đến bên cậu học trò kia, leo lên yên sau của chiếc xe gắn máy. Cô bé đang hai chân ngồi thật vững vàng và thoải mái, vạt áo dài được túm lại cột thành một búi trước bụng. Cô bé ngoái lại vẫy tay chào. Cháu của bà vẫy tay theo.



nguồn: www.vietvaluetravel.com

Bà hơi khựng lại một chút. Ngày xưa... Ồ, lại ngày xưa! Bà khi còn là cô học trò trung học, lần đầu tiên mặc áo dài, lúng ta lúng túng, không biết vén thế nào cho gọn. Khi đi xe đạp, cô

học trò lột vạt áo dài lên yên, vuốt thật thẳng rồi ngồi đè lên. Hoặc cẩn thận hơn nữa, thì ràng chiếc cặp nơi yên sau bằng một sợi dây thun thật lớn, có hai móc hai đầu, rồi sau đó nhét kỹ hai góc của vạt sau áo dài vào dưới dây thun. Gió có mạnh mấy cũng không thể làm vạt áo bung ra được. Lại còn những khi ngồi ở yên sau cho bạn chở, thì mấy cô nữ sinh bao giờ cũng ngồi khấp nép, hai chân để về một bên, vạt áo vén thật gọn gàng thẳng thớm vì sợ nhăn. Vậy mà cũng có một kỷ niệm đau khổ xảy ra cho cô: một hôm cô ngồi sau xe cho cô bạn chở, hai đứa lo nói chuyện cười vui không để, cô đã để vạt áo sau rơi xuống, quần vào bánh xe, bị rách toạc đứt lìa. Cô run rẩy bước về nhà và nhận lãnh một trận đòn vì tội lơ đãng.

Tà áo dài nữ sinh, đề tài muôn thuở cho các văn thi nhân, nhạc sĩ, họa sĩ, có đâu ngờ cũng mang lại nhiều đau khổ cho các nữ sinh. Thời của cô, áo dài lúc nào cũng phải thẳng thớm, kín đáo. Đã vậy mà trò nào vô tình hay cố ý “quên” mặc áo thun lá bên trong thì sẽ bị đuổi về, không cho học ngày hôm đó. Con nhà nghèo đến đâu cũng phải ủi áo dài đi học, không để bị nhăn nheo hay gấp nếp. Trời nắng hay mưa, bão hay lụt, cũng không được mặc thứ gì khác. Học trò xứ cao nguyên thì đỡ khổ hơn, phần trên đã luôn có áo len che, các bạn chỉ lo ủi cho thẳng hai vạt áo. Học trò miền thôn quê càng đáng nể hơn nhiều, khi mỗi ngày xắn quần áo lội bì bõm qua bao nhiêu đoạn nước non sinh lầy, hoặc lên ghe xuống đò, khi lên tới đường cái rửa chân và thả lai áo quần xuống, áo quần vẫn trắng nguyên, và như vậy là có thể đi đến trường.

Sau năm 1975, trường của cô không bắt buộc nữ sinh mặc áo dài. Trường có thêm nam sinh. Nam nữ đề huề. Học sinh đi học mặc quần tây xanh, áo sơ-mi trắng. Nét e dè khấp nép ở nữ sinh dần dần mất đi. Cô cũng không còn nhớ đã có một thời cô bắt các học trò của mình cột tóc cho gọn. Như cô đã quên quá khứ buồn của mình vậy!

Cháu của bà mang đến cho bà một bịch chè. Ô, con bé nhanh chân thật, vừa mới chạy đi dặn dò bạn, đã tạt ngang gánh hàng rong mua chè bịch rồi! Bà bật cười, nói:

- Bà không ăn đâu!
- Bà ăn đi, ngon lắm! Không ai nhìn đâu! Ngày nào

cháu cũng ăn như vậy.

Bà liếc qua “xóm hàng rong” thấy nào là chè, nào là bánh, rồi thì trái cây - cóc ổi xoài, rồi nước mía, chuối xào dừa, xấp-xấp khô bò ... Bà lắc đầu. Đứa cháu gái ăn chè bịch một cách ngon lành, không cần chén muỗng, chỉ việc cắn một góc nhỏ ở cuối bịch và kê miệng hút, thế là xong. Bà cảm thấy vui lây với nó. Cháu cũng mặc áo dài như bà ngày xưa - vâng, theo bà biết thì đến một lúc, các trường cũng trở lại cho nữ sinh mặc áo dài trắng - nhưng cách thức của các cháu có nhiều khác biệt. Các cháu nhanh nhẹn hơn, mạnh bạo hơn, không khép nép rụt rè. Các cháu sẵn sàng xắn tay áo lên cao, hoặc cột nui vạt áo dài trước bụng khi ngồi ở yên sau xe gắn máy. Bà cười dễ dãi, tự nhủ “mỗi thời mỗi khác”.

Một cô bé chạy đến, đưa cho cháu bà một quyển vở.

- Trả lại vở cho bạn nè! Mình đã chép bài xong. Cảm ơn nhé!

- Không có chi. Nè, giới thiệu với bạn, đây là bà của mình. Bà ơi, đây là bạn Hoa học cùng lớp với cháu.

- Cháu chào bà ạ!

- Nhưng không phải bà nội hay bà ngoại đâu! Bà là “bà trẻ” ấy!

Cô bạn tròn mắt chưa hiểu. Bà giải thích:

- Chào cháu, “bà trẻ” có nghĩa là bà cô hoặc bà dì. Bà là “bà dì họ” của bạn đây.

- Dạ cháu hiểu rồi ạ!

Cháu của bà giải thích thêm:

- Bà và gia đình của bà ở bên Mỹ hết cả. Bà năm nay mới về chơi, thăm gia đình của mình. Bà với bà ngoại mình là “chị em bạn dì họ”, nghe rắc rối không? Nhưng họ thân lắm, vì bà chỉ có người thân là phía bà ngoại mình thôi. Bà về chơi, rồi bà lại đi qua bên ấy.

Cô bạn nhỏ gật gù:

- Vậy cháu chúc bà có những ngày ở chơi vui vẻ. Cháu chào bà ạ!

Bà chào lại. Cô nhỏ chớp nhanh đôi mắt tròn, và quay lưng đi. Cô lắc nhẹ mái tóc. Một dòng suối đổ tràn vai. Cô đi thật nhanh và lẩn vào dòng người áo trắng. Bà chợt nghe trái tim mình thất lại một cái đau nhói. Hình ảnh quen thuộc quá!

Cô cháu nói khẽ:

- Con nhỏ Hoa này... coi vậy mà tội nghiệp lắm bà ạ!
- Cháu nói sao?
- Dạ, đề hôm nào cháu kể bà nghe...

**

Trước cổng trường vẫn đông đúc, nhộn nhịp. Có vẻ như không đổi. Thật sự ra, cô giáo ngày ấy, vẫn biết rằng trong cái “có vẻ” đó, nhiều cuộc đời đã tiếp diễn, nhiều tâm tư đã biến động, không phải chỉ ở ngoài kia, mà chính trong ngôi trường bình yên này.

Thầy trò họ gặp lại nhau. Cô giáo dạy môn Anh văn và cô học trò xinh đẹp tên Hương của lớp Mười A9. Hình như những nét tươi đẹp và tinh anh của mình đều truyền hết cho đứa con gái, Hương hiện ra trước mắt cô giáo, là một phụ nữ trung niên với nét khắc khổ trên gương mặt.

Họ cùng nhau đến kéo ghế ngồi bên một chiếc xe nước mía. Khuôn viên nhà trường trong kia không còn thuộc về họ.

- Hương à, sau ngày ấy, em đã đi đâu?
- Thừa cô, em đi kinh tế mới, cùng với ba má và các anh chị em của em. Một nhà sáu miệng ăn, vất vả lắm thừa cô. Nhưng không thể ở lại thành phố vì áp lực nặng nề quá! Tụi em ra sức tập tành trồng trọt, chăn nuôi. Sức vóc học trò yếu ớt, không cày cấy nổi trên sỏi đá. Cho đến một ngày.... Ba của em cuốc trúng mìn và chết trên rẫy. Cả nhà đành trở về thành phố, bươn chải làm đủ mọi nghề để sống tạm. Chỉ có hai năm mà nhà em đã trắng tay, gia sản tiêu tan hết. Em cũng bỏ học luôn.

- Cùng thời gian đó, cô và chồng con của cô cũng trốn đi.

- Cô đã qua Mỹ?
- Phải. Cô và chồng cô làm mọi nghề để nuôi con. Bây giờ cuộc sống đã tạm yên. Em hãy nói tiếp cho cô nghe, sau khi về lại thành phố, em sống ra sao?

- Em cùng mẹ và các anh chị em lầy lắt qua ngày, rồi cũng xong. Em lập gia đình trễ nhất trong các anh chị em. Con của em là bé Hoa đó thừa cô.

- Cô đã biết, cháu giống mẹ như đúc. Cô đã giật mình khi nhìn thấy cháu. Đúng là hình ảnh của em ngày xưa, không

khác một ly.

- Thừa cô, em xin lỗi cô!
- Xin lỗi chuyện gì?
- Chuyện ngày xưa... Em đã cãi lời cô, không chịu cột

tóc.

- Cô quên rồi! Nếu cô không quên, cô sẽ còn đau khổ với cái kỷ niệm đau đớn của cô. Em đừng hỏi cô đó là kỷ niệm gì. Để cho nó chìm luôn đi em nhé! Cái hình ảnh em xoắn tóc dài, mặc áo dài trắng, thương lắm, chính là hình ảnh của cô, và bây giờ đã là hình ảnh của các cháu.

- Vâng! Nhìn bên ngoài là như vậy, nhưng cô ơi!....

- Sao? Em muốn nói gì?

- Cô ơi! Nếu cuộc đời bình lặng như chúng ta muốn thì chắc sẽ không là cuộc đời. Em tưởng những gì mà thế hệ trước gánh vác thì sẽ không xảy ra cho đời sau. Em tưởng thế hệ con của mình sẽ được may mắn hơn. Nhưng sự thật thì còn tệ hơn nữa...

- Em muốn nói gì?

- Chỉ mới gần đây thôi, một ngày kia em không thấy con của em về nhà. Cháu theo bạn bè trốn đi chơi, nghe lời dụ dỗ và sa vào một cái bẫy buôn người. Chúa ơi! Khi em đến khách sạn thì vừa kịp thấy bọn đó tổ chức cho các gã ngoại quốc chọn lựa các cháu như chọn nô lệ. Em như nổi điên, em phá phách tan nát cái động đó, cùng những bà mẹ khác cứu các con về. Cô ơi, cháu cũng còn chút may mắn hơn những bạn trẻ khác trôi giạt qua xứ người không biết đâu mà tìm. Cô thấy đó, cháu có vẻ ngoan ngoãn thuần hậu, nhưng không thể ngờ, đằng sau lớp áo trắng kia là một kỷ niệm đau đớn. Từ đó em mang tâm bệnh trầm cảm. Em rất buồn, thưa cô!..

**

Cô giáo ngày xưa trở lại Mỹ. “Bà trẻ” chỉ chơi với cháu được mấy tuần. Ngoài một vài giúp đỡ vật chất nhỏ nhoi, bà cũng không làm được gì hơn. Đối với gia đình Hương cũng vậy. Bà cảm thấy nặng lòng quá! Khi máy bay rời phi đạo và cất cánh bay lên không, bà bật khóc. Bà bỏ lại những con đường đầy cỏ xanh, những khu xóm nhà cửa chen nhau chỉ chít, những tòa nhà cao ngều nghện đứng bên cạnh khu ổ chuột, trông như những anh “đại bàng” hách dịch trước đám

dân đen. Rồi thì dòng sông, đồng lúa, rặng núi, khu rừng... tất cả chìm vào màn mây và màn nước trong mắt bà trắng xóa.

Bà ngủ vùi mấy ngày. Trông có vẻ như người bị mệt mỏi vì sai mũi giờ. Thật sự bà muốn quên. Bà cũng có cảm giác bị trầm uất như lúc xưa bị người di họ ra tay xõn tóc. Có một cảm giác mất mát đeo nặng trong trí bà. Nhiều đêm ngủ chập chờn, bà thấy vô số những tà áo dài trắng vờn bay trước mặt, vỡ ra thành những giọng cười hồn nhiên, rồi lại quẩn quít quanh người bà, khóc lóc tí tê làm cho bà ngạt thở.

Khi đã yên tĩnh lại một chút, bà quyết định làm một cái gì. Bà nghĩ từ nay bà sẽ viết sách, bằng tiếng Anh, về những cuộc đời trầm luân của những người phụ nữ bất hạnh. Bà bắt tay vào việc ngay. Con cháu thấy bà hồi phục, ai cũng nhẹ nhõm.

Riêng có đứa cháu ngoại trai của bà, một hôm đã làm cho bà ngạc nhiên khi trao cho bà một bản vẽ và nói:

- Con tặng cho ngoại đó!
- Cái gì đây, thằng cháu cưng?
- Ngoại coi sẽ rõ. Ngoại có ưng ý không? Ngoại dùng nó để làm bìa cho cuốn sách đầu tay của ngoại nhé!
- Được! Nếu “thiết kế sư” vẽ đúng ý ngoại thì ngoại sẽ dùng...

Bà mở tròn đôi mắt. Trên bản vẽ là một tà áo dài mềm mại. Người con gái trong hình tươi tắn, cười hồn nhiên, mái tóc buông dài trên vai. Bà ghen ngào không nói được. Cháu của bà, cậu thanh niên sinh ra và lớn lên trên đất Mỹ, nói hơn hờ:

- Ngoại à, con đã nghiên cứu rất lâu về chiếc áo dài Việt Nam. Con thấy có nhiều biến cải rất lạ mắt và đầy thú vị. Nhưng cuối cùng, con chỉ chọn kiểu áo này, chiếc áo dài nguyên thủy không kiểu cọ gì cả. Đó là kiểu áo dài của các nữ sinh. Theo con, đó là kiểu áo dài hoàn hảo nhất.

Bà ôm siết đứa cháu trai vào lòng:

- Cám ơn con. Ngoại ưng ý lắm!
- Ngoại có thấy cô gái này giống ngoại ngày xưa không?
- Có! Có! Giống ngoại lắm! Mà... cũng giống rất nhiều người, con ạ!

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

SẮC ĐỎ

Truyện của Khuất Đầu

Tặng TTM.

¶Đỏ trong từng ngõ ngách khiến anh ngộp thở. Miếng da đầu kéo căng như mặt trống ếch. Anh nghe long bong, long bong. Nhưng khắp nơi lại rền vang muôn năm, muôn năm. ¶

1.

Những tiếng rít chói tai.

Những tiếng nổ rách toạc.

Một tia sáng lạnh buốt bay phớt qua đầu anh.

Sao mà nhanh và ngọt như con dao trên tay của cô gái xứ dừa Tam Quan khi chặt cho anh một trái dừa.

Ngọt đến tê mê.

Ngọt vì nước dừa và vì đôi mắt biếc.

Rồi lặng im.

Pháo kích và phản pháo kích.

Máy bay trực thăng đưa anh ra hạm đội Bảy. Đúng như một trái dừa chặt khéo: một miếng vỏ sọ bay mất để lộ chất xám như đậu hũ vừa múc ra chén. Những sĩ quan quân y Hoa Kỳ đã khéo léo khâu kín bằng lớp da đầu còn lại.

Anh sống. Như một phép lạ.

Rồi người ta đưa anh vào đất liền, an dưỡng, chờ lắp một miếng vỏ sọ bằng plastic.

Khoác lên người bộ đồ màu xám nhẹ tênh của bệnh viện, anh có cảm giác như không mặc gì trên người. Cứ như lúc mới sinh ra, trần trụi và mong manh. Anh đột nhiên nhớ mẹ đến muốn khóc. Nhớ, không phải vì thèm một bát cháo thơm ngon do mẹ nấu. Nhớ, cũng không phải vì thấy thiếu một bàn tay thô ráp và run rẩy sẽ lên đặt lên trán. Mà nhớ, vì suýt chút nữa anh đã chết mà không được gặp mẹ. Ý nghĩ ấy khiến anh bàng hoàng. Nó làm anh buốt nhói tưởng chừng miếng da đầu trên đỉnh sọ bọc ra và óc não có thể trào ra như nước mắt.

Mình nhớ ra rồi. Lúc ấy mình đang ngủ. Trời cao nguyên se lạnh. Một giấc ngủ thật ngon. Nhưng những tiếng nổ lớn đánh thức mình dậy. Mình chỉ kịp tung chăn chạy ra ngoài vừa lẫn vào hồ cá nhân thì nó đã lao đến như một cái phản phát bờ, thiếu một chút nữa là làm bay mất đầu mình. Và khi ấy tội nghiệp cho mẹ biết chừng nào. Lúc tiễn con đi, tròn trịa lành lặn. Giờ đón con về, đầu một nơi mình một ngả.

2.

Sáng nay, anh được bác sĩ cho phép đi dạo. Quân y viện nằm dưới những hàng dương vĩ vút. Lá dương như mưa nhỏ rải đầy trên lối đi. Tiếng sóng vỗ mạn mạn khi trầm khi bổng. Nắng lấp loáng trên những mái lầu của trường trung học. Yên bình quá. Cứ như một buổi sáng thức dậy muộn ở quê nhà. Chim hót trên những cây cau mà lá óng ánh bạc như những lưỡi kiếm. Xa thật rồi những ụ súng làm bằng bao cát, những hồ cá nhân ngập nước mưa, những bao gạo sậy, những tiếng thét gào cùng những tiếng rên la trong tiếng đạn réo.

Bỗng dừng trong cái tĩnh lặng ngọt ngào ấy có tiếng keng. Không giục giã, hồi thúc, không cuồng quýt như tiếng keng tập hợp mà thông thả reo vui như tiếng chuông nhà thờ trong chiều chủ nhật. Tiếng keng tan trường mà từ lâu anh đã quên.

Liên đó, anh thấy những bộ đồ xám mỗi lúc mỗi nhiều thêm trên những hành lang, những thương binh xanh rớt ốm o đầu và tay hầy còn quần băng, những người cụt một chân chống nạng, có cả những người cụt cả hai chân ngồi xe lăn...Bọn họ rời bỏ cái giường lạnh lẽo hôi mùi cồn, lặng yên như nín thở để đợi chờ.

Chờ gì? Anh chưa kịp nghĩ ra thì như một con sóng thần tiên, con sóng trắng nhưng không phải bạc đầu, không từ biển Đông mà từ ngôi trường kia ủa ra đường. *Em tan trường về/ đường mưa nho nhỏ**. Đường không mưa nên càng đẹp hơn. Tiếng guốc khua trên đường, tiếng áo quần lụa bạch bay trong gió nghe xôn xao và vui ẩm. Anh hiểu vì sao họ quên đau nhức, khập khiễng gượng bước ra để được nhìn, được nghe và được thở. Anh cũng thở căng lồng ngực cái mùi hương dịu ngọt ấy và thầm cảm ơn mảnh đạn đã không cửa sâu hơn vào đầu mình. Tim anh như rung lên khi thấy thấp thoáng trong màu trắng bênh bồng, những mái tóc đen ướt như vừa

mới gọi, những đôi mắt bối rối đến gần bờ.

Cho đến khi những con sóng xinh đẹp êm ái đó qua đi, trả lại cái thường hằng của tỉnh lẻ, anh và nhiều người khác nữa vẫn chìm ngập trong một cơn mê y như những người vừa hít thuốc phiện. Không ai tham lam mong hết những tà áo đỏ là của riêng mình, nhưng ai cũng mong được một, chỉ một thôi để *mai xa lắm trên đường biên giới/ còn một chút gì để nhớ để quên**

Từ đó, anh chôn chân bên hàng rào, ngày hai buổi đón chờ cái giây phút tan trường, như đêm tối chờ bình minh. Anh thấy mình mỗi ngày mỗi khỏe hơn. Cái vết lõm trên đỉnh đầu không làm anh lo sợ nữa. Một đôi khi anh lấy tay ấn nhẹ, tuy có cảm giác sập sinh như đặt tay lên thóp của một đứa bé, nhưng anh không thấy đau. Anh thường hay mỉm cười và đôi khi nói một mình, nhưng anh không từng từng như nhiều người e ngại. Anh chỉ cần lấp một miếng plastic là có thể bình thường trở lại đời sống. Trong khi chờ đợi ngày ra hội đồng miễn dịch, anh lặng lẽ thưởng thức cái vẻ đẹp không một chút nhục cảm sáu ngày trong một tuần, bình yên diễu hành trước mặt anh mà không hề biết tới súng đạn.

Trong đám bồ câu trắng nói tiếng người ấy, cũng như bao thương phế binh khác, anh vẫn thầm chọn cho mình một con chim bé nhỏ. *Em tuy mới mười lăm**, có lẽ như thế, vì vẻ rụt rè, vì dáng đi e ấp, vì chiếc áo đơn sơ, vì đôi guốc mộc không tô vẽ và vì nhiều thứ khác nữa mà trái tim anh mách bảo. Cô bé ôm cặp đến trường mà anh có cảm giác như đang bước vào một ngôi nhà làm bằng ánh sáng. Ngôi nhà của tương lai không tiếng đạn bom chỉ có tiếng cười của người già và tiếng khóc của trẻ sơ sinh.

Nhưng kìa, sao nàng ngập ngừng không tiếp bước? Nàng ngồi thụp xuống như dẫm phải gai. Những tà áo trắng chum lại. Lạnh canh những tiếng cười khúc khích. Rồi như những con thiên nga nâng đỡ một con bị nạn, cô bé được các bạn vừa che chở vừa diu dắt mang đi. Thấm thiết trên nền trắng như mây, anh trông thấy giữa hai chân nàng một vết đỏ như mảnh vỡ của mặt trời.



tranh Thân Trọng Minh

Anh không bao giờ quên được cái sắc đỏ ấy, tự nó không một chút xấu hổ vì thẹn thùng, một sắc đỏ rất đáng tự hào vì hàm chứa một nguồn sống mệnh mang. Cũng là máu nhưng không phải như máu của chính anh và đồng đội đã đổ ra trên những ngọn đồi tội tã. Lại càng không phải là máu của những người bên kia chiến tuyến. Những dòng máu tương tàn, đổ bầm, đỏ khé như dung nham tràn tới đâu là hủy diệt tới đó.

Sau cái tháng tư tro bụi ấy, anh cũng như bao nhiêu người tàn phế khác bị đuổi ra khỏi quân y viện.

“Nơi đây không phải là chỗ của chúng mày!”

“Thế chỗ chúng tôi ở đâu?”

“Ở địa ngục”.

Địa ngục, đúng rồi, anh lắm bầm. Bước chân ra khỏi cổng, anh trông thấy rợp trời một sắc đỏ như trong những chiều nắng quái.

Đỏ trước nhà, đỏ trên đường phố, đỏ trên cánh tay, trên ve áo.

Đỏ nằm im trên những bức tường dài.

Đỏ chạy đi trên những chiếc xe đồ.

Đỏ trên miệng khi hô khẩu hiệu.

Đỏ trong hồn khi nói như vệt.

Đỏ trong từng ngõ ngách khiến anh ngộp thở. Miếng da đầu kéo căng như mặt trống ếch. Anh nghe long bong, long bong. Nhưng khắp nơi lại rền vang muôn năm, muôn năm.

Long bong, long bong!

Muôn năm, muôn năm!

Thôi, mình điên rồi, anh nghĩ.

Nhưng điên mà biết suy nghĩ là chưa điên.

Vậy là gì?

Là tung tung thôi.

Tung tung là gì?

Là muốn điên lúc nào thì cứ điên.

Vậy hả? Vậy cho tôi xin chiếc quần vậy máu kinh nguyệt của em. Tôi sẽ kiểm cán làm cờ. Tôi cũng có sắc đỏ của tôi.

Thế rồi anh kiểm đầu ra một chiếc quần trắng. Bọn anh cụt tay liền tháo băng ra, nện xuống một cái cộp như đóng dấu. Một vết tròn tóe máu tươi. Anh đã có lá cờ của mình, hiu hiu tự đắc bước đi trước đám phế binh què cụt. Bọn họ trở lại cái quân y viện nằm đối mặt với trường nữ trung học

Xung phong!

Anh vừa hô vừa cầm cờ chạy lên trước. Những người sau cầm nặng gươm lên. Cuộc chiến đấu ngu xuẩn diễn ra chưa được dăm phút đã bị dẹp tan. Ai đã què thì bị què hơn. Ai đã cụt lại phải cụt thêm một khúc nữa. Bọn họ bị vút lên xe như rác rưởi trong thành phố. Xe bị bùng chạy vút qua một đình đền. Bọn họ bị ném xuống một vạt rừng khô cháy ở một tỉnh khác.

Trừ anh, kẻ cầm đầu tay chân lành lặn. Anh bị khép tội chống phá cách mạng. Một ngày đẹp trời nào đó sẽ đem ra xử bắn.

4.

Giờ là mùa đông năm bảy lăm, một mùa đông mà cái rét lạ lùng như tràn tới từ đất Bắc, lạnh đến nỗi có người gọi đùa là cái lạnh thống nhất. Anh bị giam trong một cái nhà xí bỏ hoang. Nhà xí có chừa mấy viên gạch không xây trên cao để thông hơi. Suốt ngày anh đu mình lên để được nhìn bên ngoài.

Bên ngoài có mấy cây bàng đứng thành hàng. Những cây bàng đầy lá xanh lốm đốm những vết đục của lũ sâu róm. Trong rét mướt chúng càng trở nên xấu xí dơ bẩn.

Bây giờ biết tìm đầu ra một tà áo trắng. Và đến bao giờ mới nghe được một tiếng guốc khua. *Mẹ thà coi như là hạt bụi/ em thà coi như hơi rượu cay!**

Nhưng rồi mùa đông cũng sắp qua đi. Trời đã xanh và nắng đã ấm. Cái phút giờ chờ đợi ngày bị bắn cũng không còn làm anh mệt mỏi. Có gì đâu, cứ như đêm ấy cái lưỡi hái sắc lạnh kia hạ thấp hơn một chút.

Đầu anh đã không còn tung tung buốt nhức nữa. Chỉ vì anh

không còn chết ngộp trong cái màu đỏ bầm đỏ khé kia. Anh bắt đầu ngâm thơ và hát.

Tiếng anh vang xa.

Người ta quát: “Câm!”

Thế là anh hát thầm.

Cũng lại câm vì thấy môi anh động đậy.

Anh cười: “Thì tao hát trong hồn, làm gì được tao”.

Như để âm thầm hát cùng anh, những cây bàng trong một ngày cuối đông bỗng dung tinh tươm, sạch lâu và đỏ. Một sắc đỏ dị thường, nửa như da cam nửa như gấc chín, tươi hơn màu máu, mặc dù tươi để rồi lia cành. Những cây bàng vì thế bỗng trở nên đẹp như những đũng sĩ khoác áo choàng đỏ đứng canh riêng một góc trời.

Anh sưng sờ nhìn ngắm, quên mất cái đói cái lạnh.

Thực ra cây bàng đối với anh đâu có gì xa lạ. Lúc nhỏ anh đã từng lấy lá kết thành mũ đội đi nghênh ngang, đã từng đập trái để tìm ra chút béo ngọt. Mẹ anh vẫn thường dúi vào tay anh gói xôi đựng trong lá bàng. Anh cũng thường cùng chúng bạn tranh nhau nhặt lá bàng khô để mẹ đun bếp. Lớn lên khi đi học, anh đã hơn một lần bị rịn chia tay ai đó dưới gốc bàng. Lúc ấy trông lên không thấy trời, chỉ thấy lá bàng xanh mướt kết thành từng tầng lên tận ngọn, lọc cái nắng cháy bỏng của ngày hè trở nên trong và dịu như mật. Nhưng cái sắc đỏ như hôm nay, lần đầu anh mới nhận ra. Cái sắc đỏ tươi thắm ấm áp ấy sao bỗng dung bùng lên cùng một lúc như những cây bàng cùng cháy lên một lượt.

Các thứ lá ổi, lá xoài, lá mạn... đều úa vàng xem ra rất mệt mỏi, rất bệnh hoạn. Chỉ riêng có lá bàng là đỏ một cách khỏe mạnh hiên ngang. Lá bàng đỏ như uống hết cái nắng của mùa đông.

Đỏ như ráng chiều.

Đỏ như máu trinh nữ.

Đỏ đẹp để rồi chết.

Còn mình thì sao?

08/10/10

** Mượn thơ của Vũ Hữu Định, Phạm Thiên Thư, Thâm Tâm, Nguyễn Nhược Pháp*

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Một ngày nào đó, anh sẽ hiểu

¶ Nó ấm cúng và đầm ấm trong cảnh hạnh phúc bền vững không có gì để so sánh được. Vậy mà chỉ trong vài phút ngắn ngủi, cái ấm cúng, đầm ấm và hạnh phúc đó, nó đã rạn nứt rồi bể vỡ như một cái bình thủy tinh cắm hoa. ¶

Bà ra nhà ga thành phố trước vài giờ có chuyến tàu khởi hành đi San Francisco. Buổi chiều ở San Jose, đúng lúc bầu trời đang chuyển mưa, nếu thực sự có mưa, cơn mưa chắc sẽ lớn. Đứng ở chỗ đợi tàu, bà đã nhận ra trong mỗi cơn gió thổi tới, nó ngậm hơi lạnh của nước mà qua giác quan, bà cảm thấy chính xác nó là vậy. Dù gì đi nữa, những tầng mây đen kết thành khối trên bầu trời ở phía xa, nếu những đám mây kết tụ đó đùn về hướng nhà ga để mưa đổ xuống, thì chắc ở vùng này, mưa cũng còn lâu mới có thể tới được. Đùn lên nom khá nặng nề và chậm chạp, loang ra trên bầu trời một cách vất vả, những tầng mây như những tảng đá đen không ảnh hưởng bởi sức đẩy của những cơn gió, chúng thực sự di chuyển mà tưởng như không hề xô dịch. Dù ở xa cái vùng đang bị đe dọa dưới lớp mây mưa, mây nhìn như tấm vải đen màu hắc ín, đang căng ra và đang phủ xuống, bà cũng biết phở xá ở vùng sắp có mưa sẽ tồi hơn lúc bình thường. Vào giờ này, không có mưa vào buổi chiều đã thấy buồn. Vào giờ này, khi mặt trời vừa lặn, khi bóng tối vừa nhá nhem, mưa đổ xuống, nhìn cảnh vật ở khu phố nơi bà cư ngụ, bà thấy không làm sao vui được. Cây cối đứng ứ rữ. Nhà cửa nằm lặng lẽ dưới những hạt mưa. Đường phố không một bóng người. Chỉ thỉnh thoảng xe cộ chạy qua, bánh cuốn theo những hạt nước lóng bống ở mặt con lộ. Còn bây giờ, ở sân ga đứng đợi tàu, ngoại cảnh đang chi phối đầu óc bà, trong nội tâm, nỗi buồn trước lúc rời nhà ra sân ga, bà cũng đang trong tâm trạng ứ ệ buồn bã. Chỉ có mình bà mới biết bà đang sầu não, lòng dạ héo hon, còn người ngoài, chẳng có ai thấu hiểu bà đang cay đắng chua xót về chuyện gì. Đúng lúc đầu óc bà thả trôi vào những điều suy tư như thế, từ đằng xa, một tiếng còi vọng về báo hiệu con tàu đã đến. Đầu

máy lù lù chạy trên đường ray, rồi đẩy toa dài như thân một con trăn khổng lồ, trong tiếng động của sắt thép khua dội, đoàn tàu trườn mình chạy đến nhà ga, rồi đỗ lại.

Đã lên tàu và đã chọn cho mình một chỗ ngồi, bà lặng lẽ đưa mắt nhìn ra cửa sổ. Vào lúc này, bà thấy những tầng mây đen trước đây còn ở rất xa, nay chúng đã tiến gần đến khu vực nhà ga, nhanh chóng xâm chiếm bầu trời, như vậy là mưa sẽ đổ.

Đẩy ghế trong toa xe phần lớn không có hành khách ngồi. Ngoài bà ra, bà chỉ thấy có bốn chỗ là có người. Vì đã nhá nhem tối, trên trần toa tàu, những ngọn đèn đã được bật.

Sau khi đẩy toa rùng mình chuyển động, những cái bánh dưới sàn xe bắt đầu lịch kịch lăn, bà biết là đã tới giờ tàu khởi hành. Lướt đi trong bóng tối, qua những nơi có đèn sáng, mắt không thể nhận ra hình thù của cảnh vật ở bên ngoài, nhưng bà biết đây là phố xá ở những nơi tàu qua.

Với nhịp đong đưa nhẹ nhàng của con tàu, tư tưởng không kiểm soát được, bà để ý nghĩ tự nó điều khiển bản thân. Đây là lúc bà nghĩ đến những chuyện xảy ra trong gia đình. Gần suốt nửa tháng nay, bà phải ngậm đắng nuốt cay về chuyện chồng bà hiểu lầm bà, từ đó, những bữa ăn không còn đầm ấm như trước nữa, và từ đó, những câu chuyện không còn vui vẻ cởi mở như xưa, và cũng từ đó, không khí trong gia đình buồn tẻ, lạnh lẽo giữa chồng và bà. Ngồi theo dòng hồi tưởng mang đi, để mỗi lần nhớ lại, nước mắt bà lại tự động ứa ra. Câu chuyện mới chỉ xảy ra cách đây chưa đầy hai tuần.

Khoảng cách thời gian của hiện tại và quá khứ chưa thể được coi là dài, thì những diễn biến của buổi chiều hôm đó, bà nhớ như in trong óc. Trước khi rời khỏi nhà để đến nhà ông bà bạn dự lễ sinh nhật, bà và chồng còn vui vẻ chuyện trò trao đổi để dần dò qua lại như thường lệ. Như là:

“Ông nhớ nói với ông bà Phát là tôi có lời cáo lỗi không đến dự được nhé. Ông bà ấy có lòng mời mà mình không tới được cũng thật tình áy náy trong lòng”.

“Bà chẳng cần bận tâm nhiều về điều đó. Kỷ niệm ngày cưới của vợ chồng ông Phát nếu đến được thì nhất, còn không đến được, cũng chẳng ai phiền trách mình gì đâu”.

“Biết vậy. Chỗ gia đình mình và gia đình ông bà Phát là chỗ quá thân tình, mình không có mặt người ta cũng không được vui”.

“Thì một mình tôi đi là đủ rồi. Nếu cả bà và tôi không ai đi thì

mới có quyền trách với móc chứ!”.

Đó là những lời đối đáp giữa chồng và bà trước khi ông đi. Còn lại ở nhà một mình, bà mở TV để xem phim. Đĩa DVD với tựa đề Doctor Zhivago của đĩa con gửi cho bà. Chồng đi vắng, ở nhà một mình chẳng còn việc gì để làm, bà ngồi coi phim cho qua thì giờ. Trên màn hình, ở đoạn bà đang coi, bà thấy chiếu cảnh con tàu với những dãy toa dài chạy trên đường sắt. Ở một vùng trời và đất trắng xóa những tuyết. Tuyết bị xé ra làm đôi trước đầu máy đang tiến tới. Những nơi tàu qua, cảnh vật tiêu điều và hoang vu. Những ngôi nhà phần lớn đều đã đổ sập. Cạnh đường sắt, khi đoàn tàu chạy ngang qua, có vài người đàn bà và con nít đứng gờ cao tay lên vẫy vẫy. Đó là chuyến tàu chở đủ hạng người trong xã hội. Bà tự hỏi không biết đây có phải là tàu đưa họ về vùng Tây Bá Lợi Á hay không. Cuốn phim được thực hiện dựa theo tác phẩm của Boris Pasternak, ông là một văn hào người Nga.

Đang lúc thả mắt theo hình ảnh chiếu trên màn hình, bà bỗng nghe thấy có tiếng gõ cửa. “Mới đi đây sao đã về sớm vậy”. Bà nghĩ và định ninh cho là chồng đã trở về, nhưng khi cánh cửa mở ra, bà nhận thấy không phải chồng mà là ông Thảo. Người khách tên là Thảo trước 75 là người tình cũ của bà. Ngày ở tù, Thảo và chồng bà ở cùng trại nên mới quen nhau. Trong một chừng mực và giới hạn đúng mức, mỗi lần gặp bà, Thảo vẫn xưng hô đúng tư cách là người bạn của chồng mà không là người tình cũ như trước đây. Chính vì vậy, chữ “chị” mà không là chữ “em” khi nói chuyện với bà.

“Chào chị. Tôi đến hơi đường đột vì trên đường ngang qua đây, thấy gần nhà anh chị nên đã ghé vào. Đáng lẽ ra, muốn đến, tôi phải điện thoại báo trước cho anh chị mới phải”.

Nghe thế, bà chỉ cười rồi bảo:

“Anh đến bất ngờ quá làm tôi không biết để chuẩn bị. Anh thấy đầu tóc tôi chưa kịp chải, ăn mặc thì chưa chu tất gọn gàng”.

Khách cười xòa:

“Tôi đã xin lỗi chị rồi”.

Thấy người bạn của chồng cứ đứng chôn chân ngoài ngưỡng cửa, bà lại lên tiếng:

“Sao đã đến lại không vào? Bộ anh còn đợi tôi mời anh đẩy há?”

“Thì đúng là vậy. Không mời, tôi đâu dám vô”.

Tính cỏi mở phóng khoáng, bà đã vui vẻ nói mà không kịp giữ ý:

“Lại vẫn cái lối xưa cũ diễn lại. Anh chưa bỏ được cái thói khách sáo đó sao?”

Người khách vừa cười vừa bước vào trong nhà. Khi đã ngồi xuống, ông bạn mới hỏi:

“Ông ấy đâu rồi chị?”

“Trưa nay có người bạn tổ chức lễ sinh nhật, nhà tôi đến dự nên không có nhà”.

“Vậy sao? Cứ tưởng tới được gặp ông ấy, hóa ra ông bạn tôi lại đi vắng. Thật uổng!”

“Anh lúc này sống ở đâu và làm gì?”

“Sống ở Dallas. Ăn lương hưu nên ở nhà hưởng nhàn”.

“Đã thật. Vậy là hạnh phúc sung sướng rồi”.

“Sung sướng thì đúng. Còn hạnh phúc thì không còn hạnh phúc nữa, chị ạ”.

“Sao vậy?”

“Tụi tôi đã ly thân. Đòi ai người ấy lo, hồn ai người đó giữ. À, chị đang coi phim đấy hả? Mấy cái cảnh đang hiện ra trên màn ảnh, nếu tôi đoán không sai, nó là phim Doctor Zhivago đấy có phải không?”

“Phải. Như anh đã nói, tôi đang coi cái đoạn con tàu chạy giữa một vùng đầy tuyết phủ. Nếu trí nhớ của tôi bây giờ không đến nỗi tệ, thì tôi nhớ ngày còn ở Sài Gòn, cuốn tiểu thuyết của nhà văn này có lần anh đã cho tôi mượn đọc thì phải”.

“Còn thì phải gì nữa. Nhớ như thế là đúng quá rồi”.

“Trong phim tôi vừa mới coi cái đoạn đoàn tàu đi trên đoạn đường tuyết, tuyết phủ trắng xóa nom đẹp làm sao. Nhiều năm rồi, hình ảnh đó còn in dấu trong óc não tôi như mỗi lần tôi đi Reno vào mùa có tuyết”.

“Đó là kỷ ức thật tuyệt vời của những ngày mình còn trẻ. Lúc đó, tôi còn nhớ tình yêu mới chớm nở ở tuổi thanh niên như những bông hoa vừa mở cánh. Tôi nhắc về chuyện quá khứ của đời mình cũng là để gọi cho chị nhớ lại cái ngày ấy”.

Bà biết là ông bạn của chồng đang cố ý kéo lùi thời gian để đem cái quá khứ trở lại hiện tại. Nói những câu nói úp mở như thế, người bạn của chồng chính là người tình cũ của bà muốn có ý khơi lại cái thời bà và người khách đã yêu nhau. Không muốn để câu chuyện mỗi lúc mỗi đi sâu vào chuyện tình đang dở, bà đã như một người lái xe, lái cái xe quẹo theo hướng

minh muốn queo. Ông Thảo trong một lúc đã không còn tự chế được tình cảm, bồng từ cái ghế bên cạnh bước sang cái ghế bà đang ngồi, rồi ngồi xuống. Khoảng cách giữa hai người là khoảng cách khá gần, nhận ra điều đó, bà hoảng sợ nên có ý ngồi nhích ra xa hay tốt nhất là đứng dậy. Rõ ràng đây là một lời tỏ tình mà người bạn của chồng bà, người tình cũ của bà, đã nói với giọng nói mất tự chủ:

“Dù bây giờ em không còn là của anh, nhưng anh vẫn yêu em”.

Thảo mạnh dạn xấn đến gần bà rồi trong một phút cuồng nhiệt khó kiểm soát được lý trí, Thảo đã chồm tới ôm bà. Đúng lúc đó, chồng bà xuất hiện. Thường mỗi khi ra phố hay đi đâu trở về, chồng bà nếu không dùng cửa trước thì dùng cửa sau lối ở vườn, ông hay vào nhà bằng cửa đó. Thấy cái cảnh diễn ra trước mắt, chồng bà đứng sững như người ông đã hóa đá. Nhưng chỉ sau một lúc, ông lấy lại bình tĩnh trong lời nói, trấn tĩnh được cử chỉ không để hai tay có thể bắt ngờ vung lên, ông nói với một giọng nói cố gắng tự nhiên:

“Dù sao mình cũng phải cảm ơn cậu đã mất công đến thăm mình, còn cái việc vừa xảy ra, mình không là bậc thánh nhưng cũng cố bỏ qua cho cậu. Mình biết vợ mình trước đây là người tình của cậu, cậu vẫn còn nuôi nặng tình yêu đó cũng là điều tự nhiên cả thôi. Bây giờ, sau khi đã gặp mặt nhau rồi, cậu có thể ra về hơn là còn ở lại”.

Chỉ một lời nói như thế chồng bà thấy đã là quá đủ, thì ông cười và im lặng. Mỗi khi nhớ lại chuyện bất ngờ xảy ra như thế, bà cứ tưởng nằm ngủ thấy ác mộng. Dù sao, bà vẫn cho bà là người không có lỗi. Bà đâu phải là người chủ động thì nếu đứng trước vành móng ngựa, trong phiên xử, bà vẫn là người được hưởng quyền trắng án. Nhưng không có một phiên tòa nào để xử mà đối với chồng, bà vẫn bị coi là người đồng lõa với kẻ tội phạm.

Toa tàu vẫn lúc lắc đưa chạy mãi miết trên đường ray. Qua bao nhiêu ga rồi bà cũng không hay biết. Tiếng lịch kịch của sắt thép khua động vẫn đều đặn và nhịp nhàng đã đưa đẩy bà lúc ngồi nhớ lại, lúc dâng trào xúc động. Bà cảm thấy nước mắt chốc chốc lại ứa ra. Chẳng có ai quen ngồi cạnh bà để bà nói ra hết nỗi niềm u uất lắng đọng trong tận cùng cõi lòng. Từ cửa sổ nhìn ra bên ngoài, trong bóng tối đã thấy những ngọn đèn ở xa xa đang lấp lóe. Có phải ở đó là thành phố cảng với

nhà cửa phổ xá khi con tàu mỗi lúc mỗi gần nhà ga không? Có phải giờ này ở sân ga con bà đang đứng đợi con tàu tới về tới bãi đầu ở trạm chót mà trong con tàu đó có bà đang ngồi? Đúng vậy. Khi tàu ngừng rồi vừa đặt bước xuống sân, đứa con trai bà đã đến bên bà, reo lên một tiếng: “Mẹ!”. Như thế đủ để bà không còn cảm thấy cô đơn và một mình chịu đựng nỗi buồn uất nghẹn. Trên đường xe chạy, con bà đã hỏi về bố nó, bà chỉ có thể trả lời cho con biết là bố vẫn khỏe. Còn chuyện khác, bà không muốn cho nó biết vì biết để làm gì. Bà vẫn tin rằng, tất có một ngày, chồng bà sẽ hiểu. Và ngày ấy, xa hay gần, bà hoàn toàn không biết. Nhưng một người vô tội, bà có quyền tin vào điều đó. Một cách vô thức, bà nhớ đến chuyện một cô gái mãi dâm bị người ta ném đá. Chúa đã phán bảo nếu ai là người tự cho mình là người không có tội thì cứ cầm đá mà ném cho chết cô con gái mãi dâm. Chẳng ai thấy mình là người không có tội nên tự ý họ đã ngưng ném những hòn đá trong tay đang cầm. Bà không là cô gái mãi dâm thì bà không phải sợ những hòn đá đó ném về bà. Hết dốc núi rồi đến đường bằng, xe con bà ngừng lại tắt máy, bà biết là đã tới nơi. Bà xuống theo con đi vào nhà. Sau chặng đường dài tàu chạy, bà thấy đã thấm mệt. Vào phòng vừa đặt lưng xuống giường, bà ngủ thiếp đi. Buổi sáng thức dậy, hai vợ chồng đưa con đã tới văn phòng. Còn lại một mình trong căn phòng trống trải, bà ngồi ở phòng khách âm thầm lặng lẽ. Cảm thấy cô đơn và buồn bã, bà đứng ở cửa sổ ngó ra bên ngoài. Nhìn xa gần, mắt bà chỉ thấy nhà cửa trên những sườn dốc và những con đường ngoằn ngoèo như rắn bò. Tít tắp dưới tầm mắt, phẳng và xanh là mặt biển rộng và dài. Bỗng chốc, lòng bà thất lại khi nghĩ đến chồng. Rồi cùng lúc, bà nhớ đến căn phòng là nơi hai vợ chồng bà đã ở. Nó ấm cúng và đầm ấm trong cảnh hạnh phúc bền vững không có gì để so sánh được. Vậy mà chỉ trong vài phút ngắn ngủi, cái ấm cúng, đầm ấm và hạnh phúc đó, nó đã rạn nứt rồi bể vỡ như một cái bình thủy tinh cắm hoa.

Những ngày bà sống với con, bà cố không để cho các con bà nhận thấy bà buồn. Bà cũng giữ kín chuyện xảy ra giữa chồng bà và bà để đi đến việc bà rời nhà lên đây ở.

Cũng có lần bất gặp thấy bà buồn, con bà có thắc mắc hỏi. Để trả lời, bà chỉ cười và chối là bà có buồn gì đâu. Đã gần một tháng từ ngày bà đến ở với con trai và con dâu, bà chẳng thấy chồng bà điện thoại hỏi thăm sức khỏe. Bà biết sự im lặng đó

chẳng qua chỉ vì chồng còn giận bà. Chịu đựng sự hiểu lầm của chồng, bà chỉ biết cắn răng chấp nhận để hy vọng có một ngày, cái oan ương mà bà phải gánh, nó sẽ được tháo bỏ như cái còng ở tay một người tù. Ngày ấy theo mong đợi của bà đã đến. Đó là một buổi sáng bà đang ngồi ở phòng khách, mắt rời lên màn ảnh TV, thì bà bỗng nghe thấy tiếng chuông báo có khách đến nhà. Không biết là ai nên bà tuyệt đối không mở, nhưng bà đã mở khi mắt nhìn qua kính cửa sổ, bà thấy đúng chồng bà đang đứng bên ngoài, thì vừa mừng vừa vui, cánh cửa được bà mở ngay ra.

Vừa bước vào nhà, chồng bà đã dang hai tay ra để ôm chặt lấy bà. Cử chỉ và hành động đó làm bà xúc động, bà khóc nức lên. Diu vợ vào phòng khách, đã ngồi xuống cái sofa, chồng bà nhìn bà âu yếm vừa chậm chậm nói:

“Chỉ vì hiểu lầm đáng tiếc, anh đã làm em khổ. Bây giờ khi hiểu ra sự thật, anh rất thực lòng ân hận. Tối qua, Thảo đã điện thoại xin lỗi anh. Hẳn thế là hẳn đã tự ý xúc phạm đến em chứ em không hề có tư tưởng đồng lõa với hẳn. Sống với em, anh hiểu vợ anh không cư xử tệ hại đến độ hành động như thế. Từ ngày lấy anh, anh biết em vẫn coi Thảo chỉ là một người tình đúng với nghĩa của nó, và em vẫn sáng suốt để phân định chỗ đứng của một người tình cũ và người chồng hiện tại của mình. Câu chuyện hiểu lầm của anh đến đây được coi là chấm dứt. Anh vẫn quý em và yêu em”.

Nghe chồng nói, bà thấy nỗi buồn suốt một tháng nay như một bầy chim sổ lồng vỗ cánh bay đi. Nếu là hồi còn trẻ, bà đã ôm lấy chồng rồi hôn chồng thay cho lời cảm ơn. Còn bây giờ đã có tuổi, cái hôn đó được thể hiện bằng cách, bà cầm bàn tay chồng để biểu lộ bà vẫn yêu chồng hết lòng.

Vẫn một nhà ga và con tàu lúc đi và đến, bây giờ con tàu ở nhà ga từ điểm đến lại trở về chỗ đã đi, họ trở về thành phố cư ngụ sau đoạn đường dài tàu chạy.

Không còn thấy đêm tối như lần đi trước đây, nhìn ra cửa sổ, mắt chỉ thấy những ngọn đèn nhấp nháy, mà nhìn ra cửa sổ trong lúc tàu chạy, mắt bà đã thấy những nhà ga khi tàu qua, những nhà phố và những vùng đất có cây cối khi tàu lướt tới, cho đến lúc, đoàn tàu ngừng lại ở nhà ga của thành phố nơi hai vợ chồng bà cư ngụ.

3/2011



NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Sinh năm 1945.
Học tại Dran, Dalat

1964 dạy học tư thực ở Dran

Khóa 27 Thủ Đức.

Đại đội trưởng ĐPQ Bắc Bình Thuận cho đến 1975.

Sau 1975 bị đưa đi “cải tạo”.

1977 trở về làm rẫy, làm vườn ở Đà Lạt.

Làm thơ từ 1962, không phổ biến trên báo chí, chỉ chuyển tay bạn bè đọc.

Năm 1999 và 2000 tham gia hai tập thơ in chung: BIÊN CỦA MỘT THỜI và SƯƠNG MÙ MỘT THUỞ.

LỬA TRÊN ĐỒI

Sáng nay ta đốt lửa trên đồi
lửa soi ta nhìn ta sống sót
lòng mặc áo sương nên lòng quá lạnh
mắt mở từng đêm nên mắt quá sâu

Ôi đêm qua đạn mưa súng bão
ta là ai giữa đồ trận sẵn người?
cuối mặt trời sau đuôi C.47
viên đạn đồng vỡ giọt máu tươi

Kịch đêm qua trên đồi đã dứt
ai kéo màn từ một rừng xa
có tim người ứa một giòng sông máu
chảy âm thầm suốt cõi hồn ta

Hỡi người anh em đêm qua nằm xuống
lửa ta nhen xin ấm hồn người
tay đã nhẹ không còn nâng ngọn súng
hãy bình yên như giòng nước trôi

Cám ơn người đã tặng ta khẩu súng

mai về đem đổi chiếc huy chương
buổi chiều tha thẩn trên đường phố
mà quên người nằm lại sa trường

Hồi bếp lửa quê nhà yêu dấu
khói tranh đèn sương sớm rủ nhau tan
chân mới bước mà đã xa quá đổi
và chút hồn mới lớn đã lang thang

Hồi bếp lửa trên đồi hoang vắng
làm sao soi từng ngõ ngách mơ hồ?
đời vẫn sống dài theo năm tháng
vết hồn mòn theo để giày saut

Dẫu thế nào cũng xem là hạnh phúc
chiến tranh sờn vai áo trận màu rêu
có hề gì lửa reo như nhịp súng
viên đạn đồng mủm mím thân yêu.

1970

Đêm bến lạ

Nước triều chưa ghé, thuyền trơ bãi
hồn ta nhờ cạm mái em say
trăng chớm rằm mơ vàng cát bãi
em qua rằm lơ lửng nồng say

Một ly .. hai ly .. rồi ba ly ..
quán cà phê khách gió nhấp đôi khi
đời ta trắng nhuộm cảnh dương bạc
và em đêm giữ nét xuân thì

Gió cuối đông lùa tung liếp lá
cánh ngà mở rộng ngát xuân sang
tóc em bủa xuống lòng ta rồi
trắng lên .. lên .. trắng ngõ đầy vàng

Đêm tàn đông mất nồng mắt nhau
trăng chằm cao vàng chung đôi đầu

rượu chuyển môi rượu nồng môi nhau
quê nhà xa song thưa cùng sầu

Ta hứng ngâm bài thơ lỡ vận
ý lời lão đảo, giọng nghêu ngao
em ngược vờ nghe vờ chậm chậm
lả đầu cho dạ khách lao xao

Bài thơ em hát bài thiên cổ
não dạ còn nghe não đất trời
cổ nhân sao dạy người muôn thuở
phong trần, kỹ nữ một đêm thôi

Triều lên .. triều lên .. triều lên rồi.

Liên Hương, 1970

CHIỀU TIỀN BẠN ĐI XA

Gửi Đ.

Đi Mỹ, có sao người lại mếu?
ta vốn kiêng nước mắt đàn bà
sông kia gặp khúc chia dòng nước,
bạn bè phải lúc thì chia xa

Đã biết đời chỉ là cơn mộng
tắm lòng nên thả theo mây bay
giang hồ hảo hán cùng trời đất
chiều chiều rót tương cụng ly nhau

Ta đã sống những ngày như đùa
với trần gian mù mờ vinh, nhục
vô ích như lời thơ, tiếng hát
chuyện đời ai luận lẽ thắng, thua?

Mấy đứa con người nhìn thương quá
nặng chiều man mác mắt trẻ thơ
mấy bà to nhỏ nhau màu áo
màu mắt người đỏ tự bao giờ?

Mấy mụ hát đi, bài tiễn biệt
bạn ta gõ chén bập bùng say
hay lắm! bài ca xưa buồn quá
lòng ta sao nặng lụn chân ngày?

Trái đất hình như đâu có lớn
về đi, sửa soạn mai lên đường
trắng bên này mặt trời bên ấy
thương nhau thì cũng để mà thương

1991

KHÔNG ĐỀ

Vừa mọc trong căn phòng lặng lẽ này
cây bồ đề già lá non mươn mướt
ta dựa lưng vào thành giường nhắm mắt
thấy lơ mơ có một cõi hư không
những bầu trời luôn đổi sắc bao năm
đang dòn dập tranh giành nhau hiển hiện
đang âm thầm dất dừ nhau tan biến
đám côn trùng rả rích mãi hồi chuông

Tâm hồn ta trót một sân khấu tuồng
những vận nước, mệnh người cười dờ khóc
vẫn còn đó nụ cười chen nước mắt
tiếc thời gian tàn lụi những tấm hoa

Đóa hạnh nào sẽ nở sót trong ta
cánh đồng trống hay bờ sông hoang vắng?
còn bóng tối hòa tan vào tịch lặng
đưa hai tay ôm tường gốc bồ đề
kính không lời trời đất tưng ...
... đêm khuya.

1992

KHUẤT ĐẦU NGƯỜI TỬ TÙ

truyện vừa
(tiếp theo số 46)

7

Vọt thẳng lên cao với tất cả kiêu kỳ hiếu thắng, mặt trời khoái trá xua đám thổ phi hung hãn ra sức vây hãm người tù bé nhỏ. Mặt trời cười oang oang như công chiên được đánh lên rộn ràng trước lúc con trâu tội nghiệp bị thọc sâu con dao vào cổ họng. Và núi đá cũng đang reo hò bắt tận với những âm thanh rền rĩ. Núi uống hút cái sức nóng dữ dội của mặt trời, rồi dùng trái tim nham hiểm tội luyện cho đến khi bốc khói. Và như những cuộc hành quyết bằng cách ném đá cho đến khi tội nhân gục xuống, đá và cả mặt đất đều ném không ngừng vào thân thể người tù những hòn lửa nóng ran. Người tù gục xuống trên cây gậy trong khi xác chết phơi mở tênh hênh, căng phồng như con nhộng vừa ném vào chảo dầu.

Đã nhiều lần, người tù đuổi sức ngã quy, nhưng chỉ ít lâu sau, anh cố gượng dậy, nghiêng đầu trên cây gậy khốn khó bước đi từng bước một. Nằm được một lần là nằm mãi, anh nghĩ, mình không được nằm, mình phải gượng đứng lên thôi. Mình phải đi, phải đi, muốn sống là phải bước đi, không thể không đi. Mà anh đi đâu vậy? Đào thoát chăng? Không. Mình phải đi như là phải thờ. Mình phải bước tới chứ không thể dừng lại. Đứng lại là chết.

Bước tới, mặc dù phía trước là đá khô đỏ khé.

Bước tới, mặc dù trên cao kia là thành lũy khó vượt qua.

Anh chẳng hề hy vọng tìm được một bờ khe hay hang hốc nào êm mát giữa cái nhà tù kheo khu này. Anh đi khập khiễng, xiêu vẹo từng bước thấp, hệt hẫng từng bước cao. Cái xác trên lưng cũng nghiêng ngả theo như một người đồng hành cùng số phận. Mỗi bước đi của anh bây giờ là cả một năm dài. Cuộc đời anh, tuổi thọ anh, giờ được tính theo từng bước chân. Đi để

được sống nhiều hơn, sống dài hơn cho dù chỉ là một bước ngắn.

Đi,
đi đi.

Ngay cả trong xà lim chỉ nửa mét vuông.

Nắng mỗi lúc một đỏ chói và mặt trời ghê rợn như thu nhiếp tất cả sức mạnh tốt đẹp của mình, chỉ để hành hạ một con người đơn độc yếu ớt. Cái xác được sức nóng hà hơi càng lúc càng phồng căng như một cái bong bóng của cá vược. Nó phơi cái mặt vàng ệch với hai con mắt ốc nhồi như muốn rớt ra ngoài, cái mũi đầy lông và cặp môi vênh cong không che nổi cái miệng đang xì hơi thúi hoắc. Nó nằm ngửa trên lưng anh, phơi cái bụng to kềnh như một thằng trọc phú đang đùa giỡn với lũ gia nhân.

Nó là ai vậy cà? Nó từ đâu tới, sao bỗng dưng nhảy xổ trên lưng tôi. Sao bắt tôi phải làm phu đòn để đưa tới huyệt. Sao chết rồi mà vẫn còn muốn dạo chơi vào nơi quỷ quái này? Là đàn ông hay đàn bà, là già hay trẻ, giàu hay nghèo, quyền quan cỡ bự hay không cửa không nhà, cùng một quê hương nghèo đói hay xứ lạ giàu sang, là bậc trí giả hay kẻ tiện nhân?

Anh mơ hồ nhớ lại những cơn sóng ngầm đã không ngớt lay động đời anh, nhớ tới cái đêm hãi hùng khi thức dậy thấy mình bị buộc chặt với một cái xác không phải của một tù nhân vừa bị giết đêm qua, mà cũ xì, mốc thối, hôi hám khiến anh có cảm giác như mình đang bị chôn sống trong huyệt mộ hay một lăng tẩm nào đó vừa mới khai quật.

Trong cái nhà ngục chật hẹp bằng đá, lớn không hơn một chiếc chiếu, đã không còn những mặt người đầy sẹo, những con mắt sắc lạnh, những bàn tay thép nguội, không còn những tiếng cười man rợ, những tiếng quát tháo âm ào, không còn những khẩu tra man dã thời trung cổ, không còn những lực vắn về nguồn gốc cha ông, không còn truy đuổi bè đảng này hay bày đàn nọ. Chỉ còn một mình anh với cái xác được buộc chặt trên lưng, như một quái thai là một cặp song sinh dính liền nhau ở lưng, mà một đứa thì đã chết từ lâu trong tử cung, đứa còn sống phải một mình mang tới bờ huyệt.

Anh đã bật dậy với tất cả sức mạnh của một người trai trẻ và một nỗi căm giận tràn đầy. Anh quay mấy vòng, cổ hất tung cái xác trên lưng, nhưng với bao nhiêu là thùng là xích, cái xác vẫn đeo cứng trên anh như một cái bấu khốn nạn. Anh gào lên, hãy bỏ cái xác này ra, hãy băm vằm bắn giết gì tôi cũng được, nhưng đừng bắt tôi phải sống với nó. Trời hỡi, làm sao có thể sống được với một xác chết mục rữa!

Anh đã thức suốt phần đêm còn lại để suy đoán cái xác là của ai. Anh cầm cái bàn tay đang chìa ra không phải để bắt tay chào đón mà để thử đoán xem là của một người nào. Cái bàn tay không còn thiết tha gì đến phép xã giao, không còn chút sinh khí đó làm anh giật mình.

Mặc dù nắng nóng, anh vẫn cảm giác như đang chạm vào từ khí lạnh lẽo. Một nỗi hãi sợ truyền kiếp chạy suốt dọc sống lưng anh. Có một điều gì đó bí ẩn như vừa mở ra một cánh cửa tuyệt vọng. Anh biết chắc đây là bàn tay của một người đàn ông vì những ngón tay thô và ngắn nung núc như củ khoai. Bàn tay của một người nông dân hay của một người thợ, thì anh chưa biết và cũng không muốn biết. Nhưng không hiểu sao anh lại nghĩ đây là bàn tay của kẻ đã từng giết người, không chỉ một người mà nhiều người. Có thể bóp cổ, có thể siết cò, cũng có thể chỉ một cái phẩy tay ra lệnh là có hàng trăm kẻ đầu rơi máu chảy. Cái ý nghĩ ấy làm anh buồn nôn và tức giận. Anh, kẻ yêu đồng loại còn hơn chính bản thân mình, giờ đây phải kẻ vai sát cánh với một tên giết người, quả là điều ô nhục.

Vẫn chưa hết những điều lạ lùng khi cánh cửa ngục được mở ra, anh lại bị nhét vào một cái thùng sắt. Một đoàn người ngựa đưa anh ra khỏi những ruộng đồng phố quận, đến những miền hoang vắng không dấu chân người. Suốt một ngày dài, anh bị nhồi xóc trong chiếc hộp tối đen tưởng chừng như đang đi vào địa phủ. Rồi họ đột đốc đưa anh qua một đường hầm sâu hút dài thăm thẳm, sâu và dài như xuyên vào ruột đêm. Họ bố thí cho anh một ít nước, một ít bánh và điều cốt cho anh thêm cây gậy.

Và như thế, người ta đâu có muốn anh chết không kịp ngáp như cha anh đã từng lãnh một đại cuộc sau gáy. Họ muốn hành hình anh mà không phải tốn một chút công sức nào. Cái xác trên lưng anh sẽ thay họ nhọc mạ anh, nguyên rửa anh, khiến

anh sống dở chết dở, vừa vâng phục nó vừa hèn hạ kêu xin. Cay độc hơn nữa, họ muốn tâm hồn anh vật vã, lụn bại trước khi xác thân mục rã.

Anh dừng lại, nhìn bốn hướng và nhận ra cái miệng hang xa títt đen ngòm mà bọn họ đã đưa anh vào. Đây là con đường ra, là cái cuốn rốn chưa lìa nối với chùm nhau xã hội bên ngoài. Biết rằng không cách gì thoát ra được, nhưng anh vẫn cảm thấy một niềm yêu sống mạnh mẽ. Anh quyết phải đi tới đó. Phải đi cho dù không bao giờ tới. Phải đi cho dù cái xác nhọc nhằn cứ muốn lôi anh nằm xuống.

Trưa.

Ở đây lúc nào chẳng là buổi trưa, anh cảm giác núi non nghiêng ngả vì uổng nắng say khật khừ. Anh cũng say, cũng thấy mình cuồng quay điên đảo. Anh gục xuống, tưởng chừng mình đang biến thành hơi và bay lơ dờ trong nắng đỏ. Nhưng mặt đất bỗng rất làm cho anh tỉnh lại. Anh cố gượng dậy. Anh cảm bầu nước nhấp một chút cho ướt môi, mặc dù anh muốn ngửa cổ nốc một hơi dài. Anh phải dè sẻn cho tới giọt nước cuối cùng. Anh đi lảo đảo. Cái xác trên lưng anh như muốn sôi lên. Độ căng phồng của nó đã đến lúc sắp vỡ ra. Phải chi là một người tù còn sống thì hẳn và anh sẽ đổi vai cho nhau. Anh sẽ nói, tao mệt quá, mày thay tao cõng tao một lát. Anh sẽ nằm ngửa ra mà nhìn đất trời. Anh sẽ cười lớn, coi khinh hết thảy mọi sự. Anh sẽ thách đố mặt trời, xem ai có thể nhìn lâu mà không chớp mắt.

Nhưng con gì kia, phải chăng là một con dòi?!

Anh chợt rùng mình nghe lạnh tận tim óc. Một con dòi, tức là một sinh vật, với những hàng lông trắng như tóc bạc đang cố níu cánh tay anh để khỏi rơi xuống đất. Một con dòi như trong xác chết thối rữa của gà vịt, trong các hố xí công cộng, sao lại xuất hiện ở đây. Nó từ đâu ra nếu không phải từ thịt da đang tự hủy của cái xác trên lưng anh. Có nghĩa, nó sinh ra từ chính con người.

Mà sinh ra từ đâu?

Từ hai lá phổi khép mở như cánh quạt, từ trái tim nhún nhảy phập phồng, hay từ óc não ngọt mềm như sữa đặc? Nó được sinh ra từ ruồi hay đã được sinh ra cùng lúc với hẳn ta từ trong

bụng mẹ?

Chưa bao giờ anh ngao ngán và tuyệt vọng như lúc này. Anh lắc tay cho con dòi rơi xuống đất, nhìn nó ngo ngoe chống chọi với cái nóng, cảm thấy nó chẳng khác gì mấy so với thân phận anh. Cũng được sinh ra không biết vì sao, rồi cũng chết mà chẳng biết vì lẽ gì. Nhìn cái cách nó cong mình lên đợi chết, anh thấy nó dẫu sao cũng còn may mắn hơn anh. Ít ra nó cũng không phải mang trên mình một con dòi thối rữa nào, và, điều này mới dễ chịu làm sao, nó chẳng cần tra vấn, hỏi tường hay trông đợi điều gì ngoài cái chết đang đợi chờ nó trong chớp mắt.

Nhưng, có lẽ nào một con người với trái tim quý hơn mọi viên đá quý, với đầu óc chứa đầy tri thức, với môi miệng để hôn, để nói, để cười, một con người được cho là tác phẩm hoàn mỹ nhất của tạo hóa, được sinh ra để thống lĩnh muôn loài, một con người chỉ thua thượng đế có mỗi cái chết, một con người như thế rốt cuộc cũng chỉ để sinh ra dòi sao? Không phải chỉ một con mà nhiều con, cả ngàn cả vạn nhưng nhúc trong từng thớ thịt đường gân. Không phải chỉ một người mà nhiều người, tất cả những sinh vật thượng đẳng từ xưa tới nay và tới tận mai sau, đều sẽ sản sinh ra dòi.

Ồ tôi, trong tôi, từ tôi cũng sẽ sinh ra dòi! Tôi, với thân thể đã từng tỏa mùi thơm nồng nàn làm ngất ngây một người con gái, tôi và trời ơi, cả nàng nữa sao, nàng với thân mình láng cuộn, với ngực và bụng thơm như hoa quỳnh, với môi miệng ngon ngọt hơn hết thảy mọi thứ ngon ngọt của trần gian, cái tâm thân xinh đẹp đáng quý nhường ấy, trời hỡi, rồi cũng sinh ra dòi sao?

Người tử tù cảm thấy như chảy tuột tất cả mọi sinh lực. Anh đánh rơi mình xuống đất như một chiếc tháp cũ xưa ngã nhào trong cơn địa chấn. Mặt trời ý chí lặn xuống trong anh. Trên nền cao rộng của lý trí đã bao lần rực sáng giờ chỉ còn hắt hiu chút phần của hoàng hôn ngậm ngùi. Anh không thiết gì gây, không thiết gì nước, không thiết gì bước đi, anh muốn được chết ngay, dễ dàng và vô vị như con dòi vừa chết. Chết như đầu hàng, như trốn chạy, như gì gì cũng được, miễn là chết.

Chết và mặc kệ tuốt. Mặc kệ nắng, mặc kệ nóng, mặc kệ cái xác đang là hang ổ của dòì.

Và dòì, nếu các người đã chặt ứ thịt da ta thì cứ việc thức dậy đi. Các người cứ hò reo đập phá cái thân thể tù ngục này mà mở hội cuồng say. Ta mỗi rụi cả rồi.

Ta đuổi sức và thua cuộc.

8

Ta muốn uống một con sông đầy
ta hạn hán như cả một cánh đồng khô hạn
ta muốn uống cả một cơn mưa
nước ời nước
ta muốn uống, ôi, cái bầu bé xíu khốn nạn chỉ làm cho cơn
khát trong ta bùng lên như hỏa hoạn
lửa trùm kín môi miệng ta, trái tim ta, một bầu nước như một
be rượu nào có ăn thua gì
ta muốn uống một con sông đầy
ta muốn uống hết thấy những hồ ao
đầu óc ta đang là một cái lò rèn phì phò lửa reo không ngớt,
luôn vang động những tiếng búa nện xuống trên đe, tiếng cụp
cắt gỗ liên hồi trên miếng sắt nung đỏ, tiếng xèo xèo cháy khét
của thép mới trui, hai lỗ mũi ta, môi miệng ta và cả trái tim ta
phun khói không ngừng, hai lỗ mũi như hai ống bễ khô khè
nhọc mệt, miệng ta là chậu nước ớt bắn thủi đầy những dao và
rựa, những lưỡi cuốc lưỡi cày, ta nghe bắt tận tiếng leng keng
xoáy thùng óc não ta
và ta vẫn muốn uống cho bằng được một con sông đầy

Những con sông hào sảng mệnh mông ngày đêm vẫn miệt mài
xuôi chảy, đang uốn khúc nơi đâu sao không đổ về đây mà lại
phung phí đổ vào biển mặn, sao không tung mình lên như
những con rồng vĩ đại phun nước vào đây?!

nước ời nước,
ta thèm được chết trong nước biết chừng nào
ta sẵn lòng uống cả một đại dương nếu có thể uống được, cho
dầu bụng ta muối kêu lạo xạo, còn hơn là chết tại đây trong
biển lửa ngút trời

lửa trào lên từ lòng đất, lửa phun xuống từ trời cao, lửa reo phè
phè như rần hồ mang, lửa hát ca cợt cười, lửa chạy tròn quanh
ta, uốn lượn như rần và quật đập như sóng
ta bị căng như tấm da thuộc trên mặt trống, ta mỗi lúc một
nâng cao như chiếc bè trong cơn hồng thủy, ta bị nâng lên cho
tới gần trời và ta nghe tiếng hỏi xuân ngốc của mặt trời ngạo
nghe

mày chịu thua chưa hả thằng người lì lợm?

mặt trời, mặt trời,

nếu có một con dao chủy thủ trong tay ta sẽ làm Kinh Kha đâm
vào người lút cán

ta là tên thích khách, tiếc thay, chưa lên đường đã bị tước mất
dao

ta vẫn nghe tiếng gõ đập leng keng, ta vẫn trông thấy một màu
đỏ láng ướt trơn như dầu

tiếng leng keng làm ta lắc lư, màu đỏ làm ta ngộp thở

ta mơ thấy một con sông đầy và ta thả mình trong đó, mặc tình
cho dòng nước đưa ta đi cùng trời cuối đất

em thân yêu, tôi khát đến nỗi thèm uống nước tiểu em
em đang ở đâu, ngọn đồi đã cháy và dòng suối thân ái uốn
lượn bên dưới đã không còn nữa, nước đã hóa thân bay lên
đỉnh trời, chim không tìm ra chỗ đậu và một con chồn đứng
khóc là em

phải vậy không

một con chồn dù thế nào vẫn chảy ra nước tiểu

xin hãy gửi cho tôi những hạt nước màu lưu ly nồng mặn, xin
hãy tạo thành một dòng suối mới bằng nước tiểu và nước mắt
của em

ô, tôi muốn cắn vào mạch máu tôi cho máu trào ra rồi uống
vào

tôi thèm uống, thèm uống

ngay cả nước tiểu tôi

tôi đang là con cá nướng, là con heo quay, sắp giòn tan trong
cái miệng đầy răng đá nhọn của ngục tù này

tôi vẫn nghe tiếng gõ đập trong đầu và tôi rút nước như một
trái táo khô

tôi cùn mẫn, bần tiện, hèn hạ, tôi không là tôi nữa trong cái
biển lửa không bốc cháy mà nóng kinh người này

tôi muốn uống nước tiểu em, tôi chỉ còn có em là có thể cho tôi nước tiểu và cũng chỉ có em sẵn sàng cho tôi làm quỷ Dracula hút máu

thế nhưng em đang ở đâu, em có nghe tôi gọi em hụt hơi không nào?

ô, phép màu cho một con người chỉ là nước và nước
hơi mẹ trái đất tốt tươi, mẹ nở lòng nào để cho đứa con bé bỏng của mẹ khát sữa như thế này

Và những con dòi, thực phẩm cho kẻ bần hàn này sao?

ta uống nước tiểu ta, ăn dòi để rồi cũng thành dòi sao?

ôi, trái tim ta, mi gây thơ và tội nghiệp biết chừng nào, tại sao mi vẫn còn miệt mài đập mãi trong lồng ngực ta như dòng sông là phải chảy, tại sao mi vẫn kiên trì mà không hề đói ăn khát uống?

mi vẫn đập, vẫn đập, ta nghe tiếng mi trầm buồn như tiếng chuông chiều, ô hay, đến lúc này mà mi vẫn ca hát được sao?

ta chịu thôi, mi gây thơ như đứa trẻ nhưng lại dửng dưng cảm như một vị tướng, mi cũng là người mẹ dịu dàng, mi đập như mẹ không ngớt lên tiếng gọi con

mi vẫn đập, đó là tất cả nỗi bi thống và sắt đá can trường của mi

ta cảm ơn mi, mãi mãi biết ơn mi

9

Trong khi người tù nằm đợi chết trong một chiều nắng quái thì một bóng ma ngồi xuống bên anh. Hắc rì rầm như đang đọc một bài kinh cứu khổ.

Ông là ai? Người tù hỏi

Ta là chủ của cái xác đang nằm trên lưng anh

À ra thế, xin cho biết quý danh

Hãy gọi ta là lãnh tụ

Lãnh tụ là gì?

Là người quyền lực hơn tất cả mọi quyền lực, là người sáng suốt hơn tất cả mọi sự sáng suốt, nhưng cũng là người sai lầm hơn tất cả mọi sự sai lầm.

Và vì vậy ông nằm trên lưng tôi?

Đúng vậy. Ta đã được ngợi ca, được tôn xưng và sau cùng là

bị nguyên rửa. Ông bị giết?

Không, ta chết già đó chứ. Ta đã sống một đời đáng sống, một đời hơn cả Néron, Tần Thi Hoàng. Ta đã có lúc còn hơn cả chúa Trời. Mọi ý tưởng của ta đều được rằm rắp tung hô và đều được thực thi hoàn hảo

Thế tại sao ông nằm trên lưng tôi?

Thì đó là do những sai lầm. Khi sống ta không phải trả giá, nhưng khi chết, ta bị dày dọ như thế này.

Ông có biết vì sao tôi bị bắt?

Vì anh ngây thơ quá. Anh yêu những thứ không đâu. Nào là cỏ cây muông thú, nào là trời mây bát ngát, nào là sông biển núi rừng, nào là dân tộc khổ đau, nào là tự do dân chủ...toàn những thứ vớ vẩn. Muốn sống yên, chỉ có thể yêu và nên yêu duy nhất một người thôi, đó là lãnh tụ.

Nhưng, ông chết rồi kia mà.

Ta chết, nhưng còn chán vạn kẻ khác vẫn muốn làm lãnh tụ

Ông có biết cha tôi không?

Cha anh là một người yêu nước ngu dại. Cái gì mà không thành công cũng thành nhân. Một khi đã không nắm được quyền uy, thì thành nhân chỉ là chút an ủi khi thất bại mà thôi. Ông có xấu hổ không?

Xấu hổ là một từ không hề có trong đầu lãnh tụ.

Ông có yêu ai không?

Lãnh tụ không yêu ai cả ngoài lãnh tụ.

Hèn nào tôi gặp ông ở đây.

Đúng rồi, ta vẫn yêu ta ngay cả khi cái xác thối rữa.

Vậy thì lũ chim đen là kẻ thù của ông?

Không, ta biết ơn chúng là đấng khác. Rồi anh sẽ thấy, nhờ chúng mà đời đời ta còn được nghe nói tới. *Quạ quạ*, nghe như *dại họa* phải không? Một nghĩa nào đó, ta bắt từ, cho dù là tiếng xấu.

Ông thích bắt từ quá nhỉ?

Bắt từ là một cách khẳng định rằng ta đã làm nên lịch sử. Ta yêu sự bắt từ như quý ma yêu bóng tối.

Vậy mà có lúc tôi tưởng ông là một người anh em. Tôi đã xót xa, thương cảm cho cái xác trên lưng mình. Tôi nghĩ đây là một con người, cũng có môi miệng để hôn, có trái tim để xúc cảm, có đầu óc để nghĩ suy, một người rất mực nhân ái. Nhưng tôi đã lầm! Phải thú thực rằng, tôi rất xấu hổ khi buộc phải mang cái xác của ông trên lưng.

Ừ, cứ thoải mái nguyên rửa ta đi. Có lãnh tụ nào trên thế giới mà khi chết đi không bị nguyên rửa.

Lúc người tù biểu lộ sự phẫn nộ, bằng cách nắm hai cẳng chân của cái xác lác mạnh như muốn bẻ cho rời ra, thì bóng ma lãnh tụ liền biến mất.

10

Đã có lúc, giữa khi những ngôi sao chợt mờ đi, bởi một lượt sương kết tụ bằng hơi thở của hằng triệu bông hoa, những lá cỏ sắc run lên khe khẽ, một con dế chợt gáy lên lạnh lớt đầu đó trong bụi rậm và chàng cảm thấy đêm dài như một đời người. Chàng đã nghe một tiếng rên nhỏ nhỏ vừa thê thiết mà cũng vừa tha thiết, tiếng rên của nàng và chàng chợt hiểu tại sao những cánh hoa nở ra tuy có vẻ dịu dàng nhưng cũng vô cùng khốn khó, những cánh hoa có lẽ cũng đã rên như thế khi con ong mang phấn tới cho hoa kết thành nụ, một hạnh phúc cao ngất trời và một khổ đau sâu hút, cả hai như ngày và đêm, như sáng và tối, như sống và chết, như một cặp song sinh buộc chặt lấy nhau đến tận cùng cuộc sống miên viễn.

Chàng nghe tiếng rên ầm ướt của nàng và chàng hiểu nàng đang vỡ ra như hạt mầm cựa mình trong đất. Chàng cảm giác bầu trời như thu nhỏ nóng sốt trong khi trái đất mỏng manh ầm áp trong tay. Chàng nghe tiếng rên ướt át kéo qua hồn mình như một dòng sông nhỏ đang tỏa hơi ngào ngạt trong buổi bình minh êm dịu. Chàng cảm thấy vừa phấn khích vừa ân hận. Một nửa giọt nước mắt nàng lấp ló giữa hàng mi đã được chàng làm vỡ ra bằng đôi môi, rồi lại hôn ngọt ngào thay cho một lời xin lỗi.

Người nàng chợt run lên như chiếc lá khẽ run dưới hơi thở mạnh mẽ của một loài chim đêm. Nhưng nàng yên lòng khép mắt bơi qua một con sông rộng, căng ngang từ bờ cõi sinh đến bờ cõi tử. Nàng thấy mình được nâng đỡ một cách trọn vẹn, an toàn, đến nỗi nàng tưởng chừng có thể bay lên cùng với mùi

hương thâm kín. Một đôi lần giữa cơn mê đắm, nàng hé mắt nhìn chàng như đứa bé mới sinh lần đầu được nhìn thấy ánh đèn. Nàng hơi sùng sốt nhưng đôi môi dễ thương và ngoan hiền của nàng lại hé cười như một lời cảm tạ, rằng anh đây phải không, anh quen thuộc sao bỗng dưng lạ lùng quá đỗi, anh dịu dàng sao lại thô bạo dường ấy, anh đáng giận nhưng cũng đáng yêu xiết bao, anh vừa giết chết em mới đó, rồi lại cũng chính anh cứu sống em mới đây, mà sống dữ dội, sống mãnh liệt hơn cả trăm lần. Nụ cười ấm áp của nàng như một lời khen tặng và cái điều tưởng chừng thô bạo khiến nàng phải rên lên đau đớn hóa ra chỉ là tiếng pháo lệnh của hạnh phúc. Giống như dòng nước đã băng qua được thác ghềnh, đến lúc bình yên duỗi dài giữa hai bờ cỏ, chàng cũng tuôn chảy vào nàng và nàng cũng bình yên duỗi dài trong mê mịch.

Một lúc lâu gần như là một lúc ngủ ngon, cả hai cùng mở mắt nhìn nhau như thể vừa sống qua một cuộc đời khác. Chàng có vẻ lúng túng ái ngại vì ngực và lưng quá đồ sộ, còn nàng thì thẹn thùng vì nhớ ra mình đã rên lên nho nhỏ.

Nhưng đó là một đêm xinh đẹp hơn hết thảy mọi đêm, những vì sao được tắm trong hơi thở của muôn hoa và không khí thoảng mùi hương của cỏ sắc và hương thâm của phấn bông lau, hai người đã chìm trong lối đi ngập tràn cỏ phấn hồng và trong tiếng ca ngân dài của côn trùng quen thuộc, hai người đã đuổi nhau như hai con chồn lông trắng chạy bồng bềnh giữa đám cỏ bành bồng, cho đến khi mệt nhoài hay là cố ý mệt nhoài để được ngã lên nhau.

Đó là một đêm mà sự sống và sự chết gặp nhau một cách bàng hoàng, sự sống và sự chết ôm riết nhau thân ái như hai người bạn tri kỷ, sự sống mạnh mẽ và quyến rũ như một người nam, còn sự chết đắm thắm và dịu dàng như một người nữ, sự sống và sự chết lướt tới như hai tia lửa điện gặp nhau trong mây.

Và trong mùi hương của cỏ bồ xít, dưới những vì sao đẹp như hạt lệ mừng và trong khi dòng suối của ấu thời cất tiếng ca quen thuộc, chàng cảm thấy hơi nóng của thân thể nàng đã làm cho khuôn mặt mình ứng chín.

Đột nhiên bẽn lẽn vì thân thể giàu có tinh khôi của mình trông trơn dưới mắt chàng, nàng giấu mặt trong mái tóc dài cứ như hờn dỗi, thực ra là náo nức đợi chờ như mặt đất ẩm ướt chờ

mùa xuân.

Chàng mạnh khỏe ào ạt như dòng nước mát tưới lên thịt da nàng đang nứt khô hạn hán, làm nở rộ những bông hoa chưa nhìn thấy bao giờ.

Và nàng, nàng mệnh mỏng như biển, ôm choàng tất cả, dung chứa tất cả, nàng không tan chảy như chàng, nàng lớn lên như bầu trời và mệnh mỏng như đêm tối, chính nàng nâng đỡ chàng, dạy bảo chàng, chính nàng nghiêm mặt răn đe, nhưng cũng chính nàng ngợi khen khích lệ.

Cả hai đưa nhau lên tột đỉnh của sự sống và xuống sâu tận cùng của sự chết, cả hai đều cháy âm và thịt da reo lên như lửa mừng gặp củi.

Nàng cảm giác hôm nay mình mới thực là mình, đường bệ và lộng lầy, nàng ngự trị trên ngai kết bằng dải hoa do chàng mang tới và chàng chẳng phải là hoàng tử mà là một thị đồng ngoan ngoãn.

Cả hai đều muốn nói cảm ơn lẫn nhau.

Khi đó, những thần linh đang bay lượn đã cùng những vì sao thân ái nhìn xuống, họ hiểu là trên mặt đất xanh thẳm kia quả thật là một địa đàng tuyệt hảo, họ chúc phúc cho hai người, còn sao băng vội vàng đi báo tin cho những vì sao xa khuất, trong khi một bầy hạc bay qua hãy còn ngân vang tiếng kêu trong vắt.

Chàng nằm sát bên nàng trên mặt đất hăng nồng mùi cỏ bồ xít, chàng luồn tay dưới chiếc cổ trắng và sáng như một ý tưởng nhân hòa thánh thiện, lùa những ngón tay vào trong tóc nàng với vẻ lười biếng, lặng nghe cảm giác rã rời nhưng hết sức dịu êm lan tỏa khắp châu thân, chàng nói khẽ,

ngủ đi em, ngủ một chút nghe em

và nàng ngoan hiền khép mắt,

nhưng chàng biết cũng như mình, nàng không ngủ, nàng thờ thật nhẹ nhưng hơi thở nàng vẫn cứ lay động chàng bởi mùi thơm như ướp bằng hương lá chanh và không chỉ ở ngực nàng mà cả người nàng cũng bồng bênh như một con thuyền nhấp nhòe muốn ra khơi

Và con nước lại lên, gió lại nổi, buồm lại phồng căng, họ lại đưa nhau đến những miền trù phú tịch liêu là vương quốc của riêng hai người. Họ nhìn nhau yên lặng như chưa bao giờ được nhìn nhau no nê như thế.

Chàng thấy khuôn mặt nàng sáng lên trong đêm tối với hai con mắt nửa dỗi hờn nửa dịu ngọt, nhưng miệng nàng lại tỏa sáng một nụ cười ấm áp rất bao dung. Chàng hiểu đó là một ân sủng sẽ đỡ nâng chàng trong suốt cuộc đời.

Còn nàng, trước mặt nàng không còn bầu trời, sao đêm, bóng núi mà chỉ có chàng mạnh bạo như một đám mây sưng nước. Có lúc nàng đã muốn nâng mình lên hôn phớt cái khuôn ngực mướt mồ hôi của chàng, liếm láp cái vị mặn ngọt ngào từ cơ thể săn chắc. Nàng nương theo hai cánh tay vững chãi như hai trụ chân cầu, cổ đưa cằm cho môi chạm vào ngực và trong một thoáng mơ hồ nàng nghe tim chàng đập như một hồi trống thúc quân.

Nàng bàng hoàng đánh rơi mình xuống, không phải vì giật mình mà vì biết chàng đã vào thật sâu, nàng nhớ ra mình đã kêu lên, không biết có phải tên chàng hay một tiếng gì tựa như tiếng khóc, một tiếng rất nhỏ nhưng lay động đến cả đất trời, nàng nghĩ thầm, mình chết, sung sướng được chết

Và với cái chết êm ái ngọt ngào như thế, nàng thấy trong người ứ căng niềm sống. Ngực nàng như buồm no gió với hai núm vú đỏ hồng đã ngả màu nâu ướm. Cả người nàng như được thay da nên rất mỏng, rất mới, rất thơm đến nỗi cảm nhận từng chút hơi ấm của người chàng. Nàng có cảm giác mình là ngôi nhà xây xong đẹp đẽ nhưng lại đóng kín, nay đã được mở cửa bởi bàn tay của chủ nhân thanh lịch. Ngôi nhà thân thể nàng giờ đây là của chàng. Lại lòng làm sao, nhờ có chàng nên mới biết được mình có bao nhiêu là kho báu, bao nhiêu là khoái cảm, bao nhiêu là rẫy run. Chàng đã ân cần đưa tới những nơi giàu có, phát sáng, khiến nàng hiểu được rằng, từ đây nhịp máu chạy dưới thịt da nàng, ngân vang trong các đường gân mạnh khỏe đều vọng âm hơi thở và nhịp máu của chàng. Giọng nói của nàng cũng trầm ấm, thiết tha và nũng nịu hơn, như thể là hạ xuống nửa cung bậc cho vừa với bản hòa ca của chàng. Bằng cái nhìn rất mới, nàng nhìn chàng như thể chiêm ngưỡng một vị thần bốn mạng. Nàng muốn nói hết những ý nghĩ của nàng cho chàng nghe, muốn cảm ơn chàng một lần nữa và nàng tin chàng cũng muốn như thế.

Thật dịu dàng, nàng nghe tiếng chàng gọi nhưng không phải ở

sát bên tai mà ở tận một dòng suối xa, một tiếng gọi nhẹ làm sao nhưng cũng vang dội xiết bao. Nàng nhìn chàng, không lên tiếng cũng không gật đầu, nàng muốn được hôn lên cái miệng nồng nàn đó, đôi mắt thắm thiết đó, cả bàn tay điệu nghệ đó, nàng muốn được nói với chàng không chỉ một lần mà còn nhiều nữa trong suốt cuộc đời dài màu mỡ. Nhưng nàng e thẹn không nói nên lời, chỉ đáp lại chàng bằng một nụ cười mà chàng hiểu như một lời mời gọi. Nàng thấy chàng một lần nữa nghiêng xuống như một đám mây sũng nước, hơi thở chàng lại đun nóng khiêu khích nàng để rồi cả hai cùng tan ra hòa nhập với bóng đêm vô tận.

Và bây giờ nàng hiểu được tại sao dưới ánh nắng mặt trời hoa lại nở, nhựa lại chảy trong cây, trái nhú lúp xúp trên đầu những đài hoa, hiểu được tại sao lúa trổ đồng đồng, lúa chín, tại sao con tằm bụng chứa đầy kén và nàng thầm kêu tên chàng như gọi tên một nguồn phúc.

Bây giờ mọi sự hoàn hảo và tự nhiên như những lần đã tắm không quần áo, những lần gối đầu lên nhau nằm ngủ như chó con. Bây giờ hạnh phúc là một cái gì gần gũi và có thật.

Và như dòng suối vẫn chảy, như trái tim xinh đẹp của các vì sao vẫn đập, hai người đã nhu thuận khôn ngoan trong nhịp điệu âm thầm của trời đất, hai người đã chết hằng triệu lần và cũng hằng triệu lần được tái sinh, trong những phút giây của thiên thu ngắn ngủi, đã dạo chơi từ địa ngục đến thiên đàng, đã bay bổng trong những phút thoát thần vi diệu như cái chớp đỉnh điên cuồng của các đại nghệ sĩ trong khi sáng tạo đã vươn tới.

Một lần nữa các vị thần linh ca ngợi hai người

Một lần nữa những vì sao xa tít hay tin thức dậy

Một lần nữa nàng thấy mình lớn bằng trời đất, nâng đỡ chàng, dạy dỗ chàng

Một lần nữa nàng hạnh phúc vì được ban cho hạnh phúc

(Còn tiếp)

MỘT VÌ SAO CỦA VĂN HỌC MIỀN NAM VỪA RỤNG: PHẠM CÔNG THIỆN

Phạm Công Thiện sinh năm 1941 tại Mỹ Tho và qua đời vào ngày 8-3-2011 tại Houston Texas thọ 71 tuổi.

Chúng tôi xin được đăng lại sáng tác của ông trước 1975 do chúng tôi sưu tầm tại một số thư viện đại học Hoa Kỳ, gọi là nén hương lòng tưởng nhớ đến một người đã đóng góp rất lớn cho văn học miền Nam.



Phạm Công Thiện qua trí nhớ
sơn dầu trên giấy plast. 22x 24 in
Đình Cường
(nguồn: vanchuongviet.org)

Trích sáng tác của Phạm Công Thiện

New York, tháng 11, 1965

Tôi là người lái xe ô-tô-buýt giữa thành phố New York
Mỗi ngày tôi lái ô-tô-buýt đi trên những con đường không
người những con đường chim chết
Những con đường của mỗi ngày
Từ Riverside Drive đến Broadway đến đại lộ thứ Năm rồi đến
Washington Square công trường nghệ sĩ tóc bay em hát

Từ Greenwich Village tôi đi về Chinatown
Mười lăm xu mỗi chuyến
Dù xa hay gần hay mau hay chậm
Tôi vẫn lái cuộc đời tôi trên những con đường quen thuộc
không mây
Dù mùa lá rụng hay dù tiếng kèn nửa đêm có căng buồm thổi
đến Honolulu nhiều gió
Xa rồi Việt nam Đà Lạt và cà phê Tùng cuối năm
Anh gục đầu trong hầm cà phê Figaro Nữ Ước
Chuyến ô-tô-buýt của đời tôi vẫn chạy hoài
Trên những con đường Mỹ châu trống rỗng
Chuyến xe không về Harlem đói khổ
Bởi vì Mỹ châu trống rỗng như chuyến ô-tô-buýt chiều nay tóc
bay em khóc
Tôi vẫn lái chuyến xe này đi về đêm tối
Đêm tối Nữ Ước như đêm tối nhà xác
Tôi đốt đèn cây để nhìn xác tôi giữa nhà mồ Mỹ châu lạnh lẽo
mưa đen
Đêm qua tôi thấy máu đỏ trong hầm xe điện IRT giữa con
đường 42nd hay Times Square
Tôi thấy Việt nam huy hoàng như mặt trời vẫn mọc trên máu
đỏ
Trên mái xe ô-tô-buýt chiều thu.

Xuân màu trắng

mùa xuân bay thành khói
tôi ca hát một mình
suốt đời không biết nói
nước chảy tràn con kinh

quá khứ bay lên trời
biến thành cánh chim non
tôi qui hôn lá mới
đau khổ trắng linh hồn

hư vô đổ ra khơi
kỷ niệm trôi qua cầu
bãi chiều không người tới

tình nhỏ quên từ lâu

xuân bay trắng núi đồi
tôi nằm ngủ mơ chim
bỗng hét lên trong tối
ngồi dậy thức trắng đêm

trời cuối năm gác trọ
đèn tắt suốt đêm dài
con chim mười năm đó
bay về đậu nơi đây

hơi thở giết thời gian
bướm nằm chết thang lầu
tiếng chim ru ngày tháng
máu chảy về sông sâu

suốt đời không biết nói
tôi ngồi thức một mình
đốt thuốc lên nhìn khói
đêm vọng về vô minh

ca sĩ

cô đơn về trắng sương rừng
anh nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm
khuya buồn tủi nhục môi em
mưa run lặng lẽ trên thêm bơ vơ
tiếng em vàng xuống đôi bờ
hoang vu anh đứng đợi chờ chim kêu
tay dài ôm chặt tình yêu
anh về phổ gục những chiều hư vô
đời đi trên những nấm mồ
đau thương em hát cơ hồ khăn tang
phổ chiều tôi bước lang thang
như con sông nhỏ mơ màng biển xanh
nửa đêm khói đốt đời anh
yêu em câm lặng như ngày thu đông
đời em như một dòng sông

đôi bờ anh đứng giữa lòng hoa niên
mưa chiều nước chảy triền miên
một con chim đại lạc miền hoang lương
về đâu thương những con đường
lê thê phố cũ nghe buồn hè xưa.

PHẠM CÔNG THIỆN

Biển xanh trộn lẫn với mặt trời

*Đà Lạt có phải là một thực tại?
Không, Đà Lạt là một giấc mộng.*

1.

Cái gì rồi cũng trở thành thói quen. Ngay đến mộng ảo cũng trở thành thói quen. Tôi không ngờ Đà Lạt trở thành thói quen. Có một đêm, tôi nằm chiêm bao thấy mình nghe chim kêu, không phải một con, hai ba con, hình như một bầy, hai ba bầy chim kêu. Khi thức giấc thì chẳng nghe con nào kêu cả, tôi liền dụ dỗ tôi ngủ lại để được nghe chim kêu lại, nhưng thức tỉnh lại là một thói quen khác nữa.

2.

Hoàng Đại Dương tại sao ông lại mang một cái tên lãng mạn kỳ khôi như vậy? Nhân loại thích lãng mạn, cho nên đại dương không phải là một thực tại. Không, đại dương là một giấc mộng, dường như một thi sĩ nào đó nói như vậy. Xin đạo văn mà gọi to lên cho tứ phương thiên hạ biết rằng Đà Lạt không phải là một thực tại: Không, Đà Lạt là một giấc mộng.

3.

Buổi chiều cuối năm, một bầy con nít chạy lung tung báo động lẫn nhau: có một tên cướp giết người vừa mới mãn hạn tù đang dọn đồ đạc lại thuê phòng ở nhà bà giáo. Có một thằng khai rằng chính nó thấy tên cướp ấy bị bắt trói tay cách

đây năm năm lúc nó còn học tiểu học, một thằng bé con khác cãi lại và bảo rằng chính ba nó ngày trước thường đánh phé với tên cướp ấy. Thằng Tư lùn thì ít nói hơn, nó chỉ đưa ra một ý kiến: tất cả mười thằng con nít ở xóm này phải làm thành một đạo binh bí mật để dò xét hành vi của tên cướp để chuẩn bị “thanh toán” tên cướp ấy, vì sớm hay muộn gì tên cướp ấy trở mặt giết bà giáo để cướp gia tài của bà.

4.

Thằng Tư lùn ra lệnh cho anh em gặp nhau đằng sau vườn nhà thờ cha xanh (chúng gọi là “cha xanh” vì ông cha ấy mới đổi lại và bắt ông cai Bé sơn xanh hết ngôi nhà dài làm trường tiểu học trong xóm, rồi lại bắt chúng đi học phải mặc đồng phục màu xanh). Thằng Hưng, con ông cai Bé, cũng có mặt trong buổi họp cha xanh.

- Tại sao nó không thuê phòng ở nơi mù Tía, vì chỉ có mù Tía mới cần tiền và chịu ngăn phòng cho thuê?

- Mày ngu quá, nó ăn cướp thì phải tìm cách ở chung với bà giáo để dò xét bà giáo cất tiền nơi nào mà đánh cướp chứ, còn mù Tía nghèo chết, nó lại ở đó làm chi...

- Không phải, ba tao nói với ngoại tao rằng chính đứa cháu của bà giáo làm cảnh sát trưởng ở Sài Gòn gửi nó về bà giáo để bà mướn nó làm gác-dan.

- Ai lại đi mướn thằng ăn cướp làm nghề gác-dan?

- Nó đã “cải tà qui chánh”...

- Không, cậu Cung tao thì lại cho rằng bà giáo muốn mướn thằng ăn cướp ấy, vì nó võ nghệ cao cường. Có nó ở trong nhà bà thì không có trộm cướp nào dám lón vô nhà bà hết, vì nó biết hết mọi đường đi nước bước của bọn đồng nghề.

Thằng Tư lùn dùng chữ “đồng nghề”, ngoại trừ thằng Hưng, còn mấy đứa khác thì ngơ ngác không biết “đồng nghề” có nghĩa là gì. Thằng Tư lùn sờ dĩ lên chân đầu đang được là nhờ nó ăn nói cao xa, chữ nghĩa nhiều. Có một lần nó dùng chữ “phức tạp”, không ai hiểu “phức tạp” là cái gì, nhưng từ ngày đó, trẻ con hàng xóm bắt đầu bắt chước cách nói của thằng Tư lùn. Có một lần chúng nghe lóm được chữ “phức tạp” trong buổi giảng chủ nhật của cha xanh ở nhà thờ và từ đó chúng bắt đầu gọi “cha xanh” là “cha xanh phức tạp”. Thằng Tư lùn có một chiếc xe đạp sơn xanh, chúng gọi xe đạp của Tư lùn là “xe đạp phức tạp”.

5.

Một ngôi nhà trên một ngọn đồi cao, bông hồng to bằng cái tay chum lại. Con ngựa cột ở giữa sân, hàng rào dây bụi cao. Cái gì cũng cao trên đó. Một cái chuồng sắt ở đằng sau, tận cuối khu vườn, một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi bị nhốt trong chuồng, ông dăm dăm nhìn qua song sắt, hịt hịt lỗ mũi, rồi ngồi xếp chân lại như ông Phật, ngồi lặng im. Trời tối sầm lại, mưa hột. Tiếng bàn ghế bên hông vườn kéo nghe động một phía, rồi im lặng như cũ. Người làm vườn già nua vừa ôm con ngựa con mới đẻ vào trong bếp rơm trong ngôi nhà cây. Con ngựa cha bị cột giữa sân, con ngựa mẹ nằm bên kia nhà bỏ hoang ở bên mặt khu vườn. Mưa càng lúc càng đập mạnh vào đất, cỏ, cây, hoa, củi, hàng rào dây bụi.

6.

Buổi trưa ngày 31 tháng chạp dương lịch, một người đàn ông trạc chừng ba mươi tuổi đi lui vào sân vườn, rồi lấy chìa khóa mở cửa lớn vào phòng khách, ông đi thẳng lại chiếc ghế cây đặt ngay cửa lớn sau nhà. Ông ngồi ở đó, lưng thẳng, ông ngồi bất động, ông ngồi từ trưa cho đến chiều, không động vai cũng không động thân, hai tay để dài xuống vế, hai chân đặt thẳng xuống sàn. Ông ngồi bất động từ trưa cho đến chiều, hai mắt vẫn mở và nhìn thẳng bất động vào đám cây tùng cao sau vườn. Ông già làm vườn, lúc dắt ngựa đực ra cột giữa sân, có gặp người đàn ông ấy đang mở cửa vào nhà. Hai người nhìn nhau, không nói năng, không chào hỏi gì cả. Như không có ai đi vào nhà, như không có ai cột ngựa. Cái chuồng sắt đằng sau vườn, ở đằng sau đám cây tùng, khuất hẳn sau những cành lá đen, người đàn ông trạc bốn mươi đang đứng im lặng trong song sắt, ông đứng im lặng bất động. Như không có ai đứng trong chuồng. Mưa bắt đầu thổi nhẹ trên đỉnh đồi. Khu vườn bà giáo bất động, cái cổng vẫn đóng chặt. Mỗi năm chỉ mở một lần vào ngày cuối năm dương lịch.

7.

Trên tầng lầu thứ ba của ngôi nhà, phía bên trái là phòng bà giáo, trong phòng là một cái bàn đầy bụi, trên bàn chỉ có một quyển sách được lật dở phân nửa, một cây đàn nhỏ bằng gỗ, nhỏ bằng cây thước học trò, chân ngang trang sách. Bụi

đóng trên trang giấy, người ta có thể tò mò đọc được một câu được gạch đỏ, màu đỏ đã phai:

“Đại dương có nghĩa là một thực tại? Không, đại dương chỉ là một giấc mộng” (Gottfried Benn).

8.

Đúng mười hai giờ khuya, người đàn ông ngồi ghé cây, đứng dậy, bước từng bước chân chắc chắn, đập mạnh lên thang cầu bằng gỗ, leo lên phòng khách trên tầng lầu thứ ba, rồi lại ngồi ngay ghé bàn, ngồi thẳng lưng, thẳng tay và thẳng chân, bất động, im lặng. Tiếng chuông đồng hồ treo giữa phòng vừa gõ đến tiếng thứ mười hai thì bà giáo mở cửa phòng riêng bước ra. Rồi bà lại bước đến ngồi ở ghé bàn đối mặt người đàn ông, bà cũng ngồi thẳng lưng, thẳng tay và thẳng chân. Hai đôi mắt nhìn nhau như hai thói quen, như hai Đà Lạt, như hai giấc mộng.

Hai người ngồi thẳng, đối mặt, nhìn nhau im lặng, không ai nói gì cả. Chỉ có tiếng đồng hồ lên tiếng gõ cách khoảng thật lâu, từ một giờ khuya đến năm giờ sáng.

Hai người vẫn ngồi im lặng, nhìn nhau bất động tới sáng tinh sương, một cánh bồ câu đập vù lên hơi thở.

9.

Cái gì cũng trở thành thói quen. Ngay đến mộng ảo cũng trở thành thói quen. Cái cổng chỉ mở một lần, mỗi năm, ngày cuối năm dương lịch. Bốn cái bóng dài như bốn cây tùng cao. Mỗi cái bóng bước đi thì một đường dài đen trải ra từ đầu vườn đến cuối vườn. Cái bóng đứng dậy thì một đường dài dựng đứng lên cao chót vót bằng cây tùng gãy. Cái bóng ngồi xuống thì một đường thẳng bị gãy xéo đi ngay chính giữa.

Trong khu vườn rộng, đó đây vài ba bông quỳ rùng đã héo.

(Vấn Đề - Xuân Canh Tuất)

(nguồn: VĂN MIỀN NAM Tập II, Thư Án quán xb 2009)

thơ nguyên thanh châu

nỗi đợi

thấp thỏm
đợi ngày về như giấc mơ
ôm trái tim rỗng
những thân cát. dật dờ

mút mùa nắng hạn
vẫn cơn khát triền miên
ta nắm nuôi hư ảnh xế đời
đâu giếng nước xưa sâu. đắm

thăng thoát hồi kinh chiều
lũ quạ đen vây khốn vùng trời
nỗi đứng dừng một thời hôn ám
buông lung. hôn viễn khơi...

2/2011

biệt khúc

cào xước bóng trắng
những đợt gió hoang mạc. rất bóng
thôi đi. thối qua lũng xế ngàn
biền biệt. nhớ

cối đêm ràn rụa
mùa đi. người xa tiếng thạch cầm
rỉ máu. mi mắt úa
thao thức. trời quê cầm cầm

thương ai. thương em đời bạc
cẩn đắng tình si
thiên thu. gọi theo niềm hư lãng
biết vì đâu...

3/2011

TRẦN HOÀI THU

Cho con, mùa tựu trường

¶...như thể một bài học thuộc lòng của Thanh Tịnh: « Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc. Mẹ tôi âu yếm ...». Nó đã đậu lại, chẳng bao giờ bay đi. Nó dịu dàng ngủ yên, để rồi dịu dàng trở lại khi mình khôn lớn. Như buổi sáng tựu trường này. Như khi con ngồi bên ba, khi ba lái xe đưa con đến trường. ¶



tranh Trần Quý Thoại

Cuối cùng, mùa hè cũng đã chấm dứt. Cuối cùng con cũng phải trả lại những ngày vui cho những chú sóc, chú chim, và biển nắng trong vườn. Cũng như ba ngày nhỏ dại, ba đã hiểu đất trời thì vui vô hạn, nhưng đôi khi mình không thể hưởng

được trọn vẹn niềm ân sủng của đất trời. Phải đến trường. Phải giam mình đằng sau khung cửa lớp. Phải nghe lại những lời giảng. Phải nhìn lại những bài học nặng nề. Phải thấy đôi khi một giờ là cả một thế kỷ, và mơ ước vô cùng con chim sẽ tinh nghịch ngoài sân. Và phải về nhà, không còn dịp để xem những chương trình hoạt họa hay đọc những trang tuổi thơ. Phải làm homework, phải luyện thêm Toán, học thêm bản cửu chương. Ba đã hiểu nỗi lòng của con một khi phải bỏ lại đằng sau những cái gì tươi đẹp nhất. Chắc con vẫn còn nhớ lại những buổi trên chiếc xe đạp hay chạy skateboard cùng với đám bạn nhỏ. Con vẫn còn nhớ những buổi sáng con có quyền dậy muộn và những buổi chiều có quyền về trễ, để những giọt mồ hôi vàng ánh trên vầng trán nhỏ, để đôi mắt sáng như ánh sáng tươi đẹp của mùa hè. Của tiếng cười, tiếng la, tiếng gọi. Của con, bạn nhỏ, của baseball, soccer, skateboard. Của bát ngát trời xanh và rực rỡ mặt trời.

Ba đưa con đến trường. Có điều gì con không được vui. Bạn bè con sẽ gặp lại. Con đường có hai hàng phong rậm bóng con sẽ bước qua, lá nhuộm vàng. Tại sao con không bao giờ kể cho ba về những kỷ niệm cũ, hay con không thể tìm ra ở đây những gì mà ba đã tìm thấy ở quê nhà?

Cuối cùng mùa hè cũng đã chấm dứt. Và một bầu trời trong xanh dạo nào, một mặt trời chói lọi dạo nào, những hàng cây phong, dẻ, sồi, trắc bá xanh tươi trong khu vườn của chung cư cũng phải nhường lại cho một khoảng mệnh mông hiu hắt, cho những áng mây buồn chẳng muốn trôi đi, cho mặt trời như làm biếng dậy trễ, cho những chiếc lá nhuộm vàng càng lúc càng đắp trên ngói mộ của mùa. Ba đã rạo rức nhìn thiên nhiên tuyệt vời và ân sủng. Nhưng ba vẫn còn có những thứ mà có lẽ không thể bắt gặp ở nơi này. Đó là hồi trống trường được đánh lên sáng, trưa và chiều, như vọng xuống xóm, qua làng, như bay trên những mái tranh, mái ngói. Đó là những tiếng dế mèn khe khẽ gáy lên từ bờ ruộng để thằng bé phải nín thở, và để hằng năm, còn mãi vương vít, băng khuâng. Đó là tuổi thơ, dù là tuổi thơ trong chiến tranh, nhưng là tuổi thơ ba gìn giữ. Bởi nó quá đổi êm đềm như thể một bài học thuộc lòng của Thanh Tịnh: *« Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc. Mẹ tôi ầu ỹm ... »* Nó đã đậu lại, chẳng bao giờ bay đi. Nó dịu dàng ngủ yên, để

rồi dịu dàng trở lại khi mình khôn lớn. Như buổi sáng tự trường này. Như khi con ngồi bên ba, khi ba lái xe đưa con đến trường.

Con cô độc làm sao. Cánh điều trên đồng cỏ năm xưa của ba nay được thay vào những hàng điện trời, những vách lầu vô tâm, những xe cộ dập dùi. Chỉ có chẳng là lá vắn nhuốm vàng, tiếp tục rụng, rụng để một ngày chờ xe công cộng tới hốt.

Ba vẫn còn nhớ ngày đầu đến Mỹ con lên sáu tuổi. Đất Mỹ đã làm con thích thú và kinh ngạc. Chiếc xe chữa lửa màu đỏ thắm, chạy hú còi inh ỏi trên đường đã làm con vỗ tay reo mừng: " Xe chữa lửa, ba mẹ ơi, xe chữa lửa ! ". Con ngựa mà thầy cảnh sát cỡi, mỗi ngày qua lại trước apartment cũng làm con phải nín thở. Những hàng, kệ đồ chơi từ bên trong khung cửa kính cũng làm con bỏ mặc ba mẹ mà đến nhìn vào thềm thường. Cái thế giới ấy đã vượt ra khỏi tầm mắt của con trong suốt những năm khi ba còn ở trong tù, và khi mẹ thì gian truân vì ba xa cách. Cái thế giới mà đối với con chỉ là cơn mơ. Nhưng con đã đến cùng thế giới ấy. Bằng đôi chân nhỏ bé của một thằng bé tị nạn. Bằng đôi vai nhỏ bé vô cùng của tuổi nhỏ Việt Nam. Bằng cả cái giá đắt nhất, sợ hãi trên biên cảnh, giữa dao, mã tấu, lựu đạn của lũ cướp biển. Bằng cuộc ra đi vào đêm bão. Bằng sấm bằng chớp. Bằng cả con tim thơ ngây khi con chưa hiểu thế nào là một chuyến đi. Đối với con, thế giới đều xinh đẹp. Con đã mau chóng quên những thảm kịch cũ, để bắt đầu thích nghi với thế giới mới. Con chẳng cần thắc mắc về màu da, giọng nói, hay thân phận. Bởi vậy, ngày đầu tiên đến ngôi trường Mỹ ở Chevy Chase, con vẫn can đảm bước theo ba đến văn phòng. Con chẳng khóc, chẳng hề than, chẳng sợ hãi khi bước vào một cái thế giới quá sức xa lạ, trước những cặp mắt xanh, tóc vàng. Một người lính nhỏ cô độc làm sao! Ngày xưa, ba đã khóc, đã bầu chặt vào tay bà nội của con trong buổi học đầu đời. Ngày xưa, bà nội đã đứng suốt buổi bên khung cửa lớp, để khuyến khích an ủi ba, như nói với ba, đừng sợ cái roi mây và cặp kính hung dữ của thầy. Dù vậy, ba vẫn còn trách bà nội. Khi không bắt ba nhốt vào cái nơi lạ lẫm chỉ đầy những hình phạt. Bây giờ, giữa lúc con cần ba mẹ nhất, là lúc ba mẹ không được gần. Ba làm dấu. Mẹ làm dấu. Tiếng Anh tiếng Mỹ của ba mẹ là cái miệng câm trừ tay chân bộ điệu. Mẹ chỉ vào lớp, rồi đến bên cửa sổ, rồi ra dấu với bà giáo, van nài

bà cho mẹ được đứng đấy. Bà giáo hiểu, lắc đầu, rồi ra đầu trở lại. Bà chỉ tay ra ngoài đường, rồi đẩy ba mẹ đi. Rõ ràng người ta không biết, mà cũng chẳng cần biết về một đứa bé sáu tuổi, không hiểu cả một tiếng yes no, không có cả một mái tóc đen, một màu da vàng, đang chịu đựng trong bốn bức tường xa lạ đến bi thảm. Ngày xưa, chỉ trong giờ chơi đầu của buổi học đầu, ba đã có bạn nhỏ. Bởi vì ba và bạn nhỏ có cùng một tiếng nói, cùng chung một tâm trạng, cùng chung hàng xóm. Bây giờ tiếng nói ấy ở đâu? Tâm trạng của con ai biết được? Làng xóm của con ai lớn lên để có chung một con đường đi học, một lối trở về, một con dốc bụi, một đồng cỏ để nghe lại tiếng con đẻ gáy lạc loài ?

Bởi con không có con đường thân thuộc nên chuyển xe bus màu vàng đã đỗ con xuống tại một nơi mà bây giờ nhớ lại, ba vẫn còn cảm thấy hãi hùng. Người ta nói lớp mẫu giáo bãi lúc mười hai giờ trưa, nhưng mãi đến một giờ con vẫn chưa về. Cứ mỗi lần thấy một chiếc xe bus vàng đậu lại, đồ đám con nít Mỹ xuống đường, là mỗi lần ba chạy đến. Nhưng con vẫn không có mặt. Ba nhờ người bảo trợ gọi trường thì được biết, chuyển xe bus cuối cùng đã rời sân từ lâu, không còn chuyển nào nữa. Bà thư ký đã thông báo cho bà giáo phụ trách. Bà giáo tự lái xe đi tìm. Bà thư ký thì gọi cảnh sát. Cả trường rung động. Ba thì ôm tim ôm ngực chạy xuống phố. Con đường Bradley là con đại lộ nên trăm ngàn chiếc xe phóng hết tốc độ. Chợt ba thấy từ xa cái dáng bé nhỏ của con, thẳng bé con sáu tuổi, đang băng qua đường. Rồi ba nghe cả tiếng rít của chiếc bánh khi xe được thắng mạnh, nghiêng trên mặt lộ. Mắt ba hoa lên. Ba kêu con, vừa kêu vừa chạy. Tiếng la của ba chìm trong tiếng máy và tiếng còi. Xe đầu dừng lại. Cả đoàn xe dừng lại. Ba chạy đến ôm con, ôm xiết lấy thân thể nhỏ bé, như thể đang bám lấy một cái gì thân yêu nhất sắp vượt mất. Tiếng còi nhàn của người tài xế cất lên. Nhưng ba cũng chẳng cần để ý. Ba dắt con trở về apartment. Ba hỏi: « Tại sao con lại không chịu xuống tại nhà, ba đã dặn nhiều lần rồi mà ? ». Con trả lời: «Tại ba bảo con theo con nhỏ bên cạnh cửa, nó xuống đâu, con xuống đó. Ba dặn con như thế mà ». Phải, ba đã dặn con, dặn rất kỹ. Nhưng đôi khi, có những điều mà ba không thể ngờ được. Chẳng hạn, con bé hàng xóm đã không xuống tại chung cư nhưng xuống tại ngôi nhà của bà ngoại. Chẳng hạn chuyển tự

nhiên cả một miền Nam bị cướp đoạt, và tự nhiên gia đình chúng ta có mặt tại một nơi xa lạ đến độ không ngờ này.

Từ buổi học đầu tiên ấy, con vẫn tiếp tục đến trường, đến lớp bằng tất cả sự can đảm, chịu đựng thật thâm lặng. Từ những ngày không biết một tiếng Anh, và không bạn nhỏ, con đã tiến lên, bằng đôi chân vững chãi. Từ những ngày ba mẹ đi làm, con mang chiếc school bag trên vai, đi đi về về dưới bóng những tòa lầu cao, qua những ngã đèn xanh đèn đỏ, hay những ngôi nhà mà con cứ nhắc: "Nhà này có ma. Nhà này có thằng khùng...". Con đã biết đứng trên ba viên gạch ba kê ngoài cửa để mở khóa lầu hai. Con đã biết chịu đựng một mình cùng cái còi vắng lặng của căn phòng, trong khi ở tuổi con, ba đã có cả một cõi yêu thương đùm bọc. Như những buổi đến trường, nội con không bao giờ quên cho ba một đồng bạc cắc. Như những ngày mưa đột ngột, di của ba đã mang chiếc áo mưa đến tận trường. Có phải hạnh phúc của một đời là khi mình được một lần nhỏ bé ? Như kẻ lưu lạc giang hồ về lại mái nhà xưa, để người mẹ cứ coi mình như đứa con bé nhỏ đạo nào. Còn con, ba hiểu, con không có dịp để bé nhỏ. Con phải cần chiến đấu.

Con chiến đấu như một con chim vô tội. Từ ngôi trường ở Chevy Chase, con lại về ngôi trường ở Logan. Logan, dân ty nạn vẫn quen gọi là Lò gan. Lò gan có những bức tường không còn chỗ để chứa đủ những giòng chữ viết bậy, xanh đỏ che lấp, chất chồng. Lò gan với những con đường rác rến bẩn thỉu, những khu nhà bỏ hoang cây dại phủ ngập. Lò gan với drug, tội ác, với vỉa hè khai nồng mùi nước tiểu và những tay say rượu nghiêng ngã, những chai, lon vất bừa bãi... Lò gan ít ai dám ra đường ban đêm. Lò gan với những căn lầu giá thuê rẻ mạt, và giá mua trên dưới một ngàn đô la. Nhưng chúng ta đã về ở đây. Con đã đến đây. Đi đến trường ở đây. Tiếp tục lớn khôn từ đây. Ngày tựu trường, ba lại dẫn con đi, và đọc lại cho con nghe những câu mà ba ưa thích: « Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc... ». Lớp hai, con hỏi: « Đám mây bàng bạc là gì ? ». Ba nhìn lên bầu trời, qua những vòm lá dẻ đã trở vàng, thấy bầu trời xám trắng. Đám mây bàng bạc ấy ở đâu? Bạn nhỏ ấy ở đâu? Nhưng không sao, con không thắc mắc nữa. Nơi nào cũng vậy, dù ở Chevy Chase tóc vàng mắt xanh hay Lò Gan da

đen tóc quăn. Con vẫn đến, bình thản. Con vẫn đi không mẹ không ba. Con vẫn về không ai đưa đón. Con lớn khôn trong cánh bản cùng đề hiểu rõ hơn về những đứa bé Mỹ đen và những ngược đãi. Con tiến lên từ cỗi mà ai ai cũng sợ hãi khi nghe tên. Ông Shannon đã bỏ giờ dạy con thêm, để con từ chót nhảy lên đầu. Thử hỏi trong xã hội này, mấy ai được một vị thầy như ông. Ba đã nhìn con từng bước tiếp theo từng bước bên ông, từ kinh ngạc này qua kinh ngạc khác. Từ trang giấy đầy lỗi văn phạm thành trang giấy không còn lỗi. Đến nỗi vào năm lớp sáu, trang giấy kia đã trở thành một hãnh diện cho toàn trường trong cuộc thi về heritage (di sản) của thành phố và năm lớp 12 thành một phần thưởng học bổng...Như vậy, con có nhiều điều để nhớ ở những ngôi trường cũ, nhưng chắc chắn có một người để con phải hãnh diện và cảm tạ : Ông Shannon. Người Mỹ đen. Đôi mắt sáng. Nụ cười vui. Ông coi học trò như con, mang con tim trải rộng để chúng tiến lên. Để sau này con vẫn tìm lại trường cũ, để gặp lại vị thầy và nói: « Thank you, Mr. Shannon ». Con đã kể với ông về những gì con gặt hái được từ khi giã từ ngôi trường ở Logan. Ông sẽ vui và sẽ vỗ đầu con: « My child, I am proud of you !»

oOo

Thêm một mùa thu nữa lại về, thêm một mùa tựu trường nữa để con trở lại cùng với thế giới của kiến thức. Nhưng khác với mọi năm, bây giờ con đã trở thành cánh chim bay xa, bay bổng: con đã bước chân vào ngưỡng cửa của Đại Học.

Trường mới của con cách nhà chỉ gần hai giờ xe. Ngày ba mẹ đưa con đến trường thì mùa thu đã bàng bạc cả đất trời. Dù lá vẫn chưa đổi màu, dù ngọn gió vẫn chưa tê lạnh, nhưng trong cõi không gian, mùa đã chuyển. Bầu trời với những đám mây làm biếng, xám trắng như ngủ yên tự một kiếp nào, và những hàng cây bên đường như gục đầu chờ đợi một ngày lá rụng. Nhưng ở trong lòng ba mẹ, là cả một biến động đến sững sờ. Nào ai biết một ngày đứa con phải xa vòng tay dùm bọc. Nào ai biết một ngày cánh chim nhỏ bé lại sổ lồng. Bởi vậy, mẹ con đã khóc như chưa bao giờ được khóc. Khóc thút thít suốt đường. Giấu đôi mắt đỏ hoe khi mang va-li của con lên lầu nội trú. Và khi từ giã con, xuống lại xe, thì mẹ lại khóc òa.

Ba đã lái xe ra ngoài cổng trường. Mẹ lại van ba lái vào trường thêm một lần nữa. Ba chiều mẹ. Xe đậu dưới lầu. Mẹ ngồi trông lên nói: "Không biết con có quen với đời sống mới hay không? Không biết đưa bạn cùng phòng có kỳ thị hay không? Không biết trái gió trở trời, đau bụng đau dạ nó có xúc dầu hay không? " Ba dô quạu, gắt: "Minh cứ xem nó còn con nít mãi. Nó đã trưởng thành rồi. Để cho nó tự lập cho quen." Rồi ba đạp ga lái ra ngoài đường. Ba phải có quyết định dứt khoát. Nếu không mẹ cứ ngồi ở đây suốt cả đêm.

Phải, con đã trưởng thành. Ba đã nhìn con mỗi ngày mỗi lớn từ thể xác đến trí khôn và sự suy nghĩ. Ba đã thấy con đọc những sách triết học. Ba đã nhìn con lý luận qua bài văn « Tuổi Trẻ và Hòa Bình ». Ba sẽ trọng con như một người lớn. Ba sẽ coi con như một người bạn. Ba sẽ để con bay nhảy, và tự vạch lấy con đường cho riêng con.

Xe lại về nhà. Ba mẹ bước vào cửa. Cối trống vắng đến đứt đoạn từng sợi. Mẹ vào phòng con, sờ tay lên tấm drap, tấm chăn, chiếc gối. Hình như trong từng thớ thớ của không khí đều vương vít hình ảnh con, tiếng cười, tiếng nói của con. Ở đâu cũng thấy con, trên sofa, mở lại TV, nghe lại bản nhạc, thấy cái show quen thuộc... Rõ ràng ba mẹ đã không chuẩn bị cho một sự chia ly, dù sự chia ly ấy chỉ là tạm thời, và khoảng cách ngăn chỉ trên dưới trăm dặm. Một người ở đầu sông, một người ở cuối sông cũng đã nhớ nhung rồi, hướng hồ ba mẹ chỉ có mỗi một mình con, gần mười tám năm chưa rời nhà một ngày. Bởi vậy, mẹ con mới khóc, đôi vai cứ bật run trong bóng mờ của căn phòng.

Mẹ bảo mẹ muốn đi chợ một lát. Mẹ ra xe rồ máy. Còn lại ba một mình. Ngực ba như nhói bởi một sức nặng vô hình. Đó là khối buồn, cộng thêm khối mất mát, khối nhớ nhung trộn thành vôi hồ đông cứng, bắt ba phải hết ngồi lại đứng, nhìn ra ngoài đêm, quay quắt...

Mẹ con đã giấu ba. Mẹ đã lái xe lên trường thêm một lần nữa. Lên đó để làm gì? Ngồi trong xe và nhìn lên. Vì sao? Không ai có thể cắt nghĩa nổi.

Trần Hoài Thư

CHA TÔI

Tác giả: Trần Quý Phiệt
Người dịch: Nguyễn thị Hải Hà

Lời Tòa soạn:

Chủ trương của tạp chí Thư Quán Bản Thảo là tạo một sự cảm thông giữa hai thế hệ nên những số trước đây, chúng tôi đã đăng những bài giới thiệu về những người viết trẻ gốc Việt viết bằng tiếng Anh như Angie Chau, hay tiếng Pháp như Kim Thuy v.v... Kỳ này chúng tôi hân hạnh giới thiệu một tác giả thuộc thế hệ thứ nhất cũng qua ngòi bút dịch rất quen thuộc Nguyễn thị Hải Hà.

Được biết tác giả Trần Quý Phiệt nguyên là giáo sư về bộ môn văn chương Mỹ tại đại học Schreiner University Kerrville, TX. Sau khi về hưu, ông được phong chức giáo sư danh dự về Anh văn (Professor Emeritus of English).

Ông là bào huynh của nhà văn Trần Hoài Thư.

Hiện ông và gia đình ngụ tại Houston, TX.

- Nguyên tác bài văn này được đăng lại ở phần phụ trương để giúp các bạn trẻ không thông thạo Việt ngữ.

(TQBT)

¶ *Tôi muốn khóc cho thật thỏa thuê. Như thể những giọt lệ thâm*

lặng không thể làm thỏa mãn, tiếng nước nở của tôi vang lên sau nhiều năm dồn nén: « Ba ơi! Ba ơi! ». Tôi khóc suốt con đường về khách sạn. Hơn bao giờ tôi cảm thấy cần sự hiện diện của cha tôi mặc dù tôi biết là tôi sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại Ba ¶.

Một nhân vật quan trọng trong gia đình tôi đã không lên đường đến Hoa Kỳ đoàn tụ với tôi. Cha tôi, từng trải qua cuộc sống rày đây mai đó (ông rời bỏ Quảng Bình nơi chôn nhau cắt rốn, vào Đà Lạt tìm cách sinh sống. Ông gặp mẹ tôi, hai người lập nghiệp ở đây và sinh ra tôi là đứa con đầu lòng), bảo với cô con dâu đang rơm rớm nước mắt rằng cha tôi không muốn “bỏ xương nơi xứ người.” Khi nghe tin tôi nộp đơn bảo lãnh cả gia

đình sang Mỹ (sau khi mọi cố gắng hồi hương của tôi đều không thành), ông cụ nhiều lần thúc giục vợ tôi phải nắm lấy cơ hội này ngay lập tức. Vợ tôi kể lại ngày lên đường cha tôi rời nhà từ sáng sớm, viện cớ phải đi thăm gia đình em tôi trong Đà Nẵng, có lẽ vì ông không chịu được cảnh chứng kiến đàn cháu nội xa rời ông vĩnh viễn. Nhưng khi vợ con tôi sắp sửa ra nhà ga để lên xe hỏa, cha tôi đột nhiên trở về, người rũ xuống. Khi vợ tôi và các con đến ga xe hỏa, vợ tôi hoảng hốt vì đứa con lớn của chúng tôi bỗng dung biến mất. Thì ra nó nhảy xuống xe trốn về với ông nội. May sao, vắng lời ông nội, nó quay trở lại vừa kịp chuyến tàu.

Đã hai năm từ ngày chúng tôi đoàn tụ, tôi có cơ hội nghĩ đến Ba tôi. Công việc giảng dạy và gia đình đã làm tôi bận bịu đến độ quá khứ và những người liên quan đến quá khứ không có chỗ, hay có rất ít, trong tư tưởng tôi. Hôm nay là lần đầu tiên tôi nhớ đến Ba tôi sau khi tôi đã uống một liều Tylenol thật mạnh để trị cơn cảm sốt và chìm vào giấc ngủ. *Trong cơn mê, anh mơ thấy anh đang sống ở Trung Quán, một làng nhỏ ở Quảng Bình, họ tạt cư đến từ Văn La, quê cũ của họ, khi nghe lính Pháp đổ bộ. Để nuôi hai đứa con, người cha đã phải cứ hai tuần một lần đến những làng hẻo lánh chữa bệnh cho dân làng. Sau khi ông đi, đứa con trai lớn ngã bệnh với cơn sốt cao độ. Có người nào đó đến bảo anh đừng chờ cha về nữa vì ông đã ra đi vĩnh viễn. Anh òa khóc và tỉnh giấc.* Vợ tôi đang ngồi cạnh giường, mắt nhắm lẹ, trong tay cầm tờ điện tín. “Ba đã ...”, vợ tôi mếu máo. Tôi biết ngay chuyện gì đã xảy ra. Tôi được báo tin cái chết của Ba tôi trong giấc mơ, chỉ có chi tiết là bị biến đổi: Tôi bị đưa về thời niên thiếu để sống lại cái hạnh phúc của người có cha và nỗi đau buồn khi mất cha. Người mang tin buồn trong giấc mơ là vợ tôi. Nhà tôi nhận được điện tín nhưng không muốn báo cho tôi biết vì e rằng tin này sẽ làm tôi đau đớn. Nhưng không thể giấu tôi mãi mãi.

Có lẽ vì tôi chưa hoàn toàn tỉnh cơn mộng dữ hay là vì tin này gây chấn động quá mạnh, tôi không khóc được. Tôi chỉ nhìn chòng chọc vào khoảng không gian trước mặt. Trí óc tôi trống rỗng. Tôi kinh ngạc nhận ra sự vô cùng khác biệt giữa hai con người, tôi trong vô thức và tôi trong ý thức. Chỉ khi tôi đang sống trong mơ tôi mới có thể kết hợp quá khứ với người cha

mà tôi vô cùng thương yêu và hoàn toàn sống thật với chính tôi.

Không ai bắt hạnh hơn tôi, không nhỏ một giọt nước mắt khi hay tin cha qua đời, không thể về quê nhà để dự đám tang (lúc ấy khó mà xin được giấy nhập cảnh Việt Nam nếu không có quan hệ với chế độ mới), không thể báo cho trường anh ta đang làm giáo sư là cha anh ta vừa qua đời (anh ta sẽ hết sức hổ thẹn, có thể nói là nhục nhã, nếu có người hỏi tại sao không về dự đám tang của cha). Tôi đi làm mỗi ngày, vào lớp giảng dạy, nhưng trí óc tôi trống rỗng. Tình trạng này kéo dài mấy ngày, sau đó tôi mới bắt đầu cảm thấy đây là sự mất mát to lớn nhất trong đời tôi.

Ba tuần sau (mọi liên hệ với Việt Nam đều phải qua trung gian của một quốc gia khác, vì thế đôi khi lâu hơn liên lạc thẳng với thân nhân đang sống ở Hoa Kỳ), tôi nhận được thư của em trai tôi. Chú ấy kể vào lúc người ta tâm liệt thì Ba tôi chột mồm mắt và hỏi đến tôi. Em tôi không nói đã trả lời với cha như thế nào về tôi, và từ khi chú và gia đình đến Hoa Kỳ định cư tôi vẫn chưa hỏi chú ấy về giây phút cuối cùng của Ba. Ba qua đời đã mười lăm năm mà tôi vẫn chưa đủ can đảm nghe những lời trần trối của người mà em tôi đã ghi âm và mang đến Mỹ. Tôi có nhìn thấy đồ dùng của Ba – cái chuông nhỏ Ba dùng để gọi em tôi hay người trong nhà bởi vì Ba bị nằm liệt giường, một cái mũ ni đã sờn mà tôi thường nhìn thấy cha tôi đội lúc còn ở Huế với tôi. Nhìn thấy những kỷ vật này thường làm tôi cảm thấy đau đớn nên vợ tôi mang giấu chúng đi.

Người ta thường nói rằng thời gian là liều thuốc nhiệm mầu để chữa những vết thương tâm hồn. Nhưng trong trường hợp của tôi, nỗi đau buồn dường như tăng theo với thời gian. Tôi giữ về bình thân ở trường và khi về nhà, nhưng hết giờ dạy tôi lên văn phòng, đóng cửa và lặng lẽ khóc. Về yên tĩnh của tôi có thể lừa dối người ngoài nhưng không thể lừa dối chính tôi và nỗi đau buồn tôi cố nén khi tôi ở trước mặt mọi người đã tấn công tôi để trả thù khi tôi trở về thế giới của riêng tôi.

Sức khỏe tôi suy sụp bởi vì tôi sống với nỗi buồn mà tôi cố che giấu nên vợ tôi khuyên tôi thay đổi không khí một thời gian. Theo lời mời của Kathy Parrington, một đồng nghiệp ở Boston College, bà đưa sinh viên đi tham quan thế giới và cần tôi thông dịch tiếng Pháp, vì thế tôi cùng đi với bà và nhóm sinh viên đến Paris. Khi không phải tháp tùng đám sinh viên, tôi đi tìm hiểu thành phố. Trong tuyệt cùng của cô đơn, con người “xã hội” của tôi hoàn toàn bị đốn ngã. Lần đầu tiên tôi nhận thức rất rõ ràng cái chết của cha tôi và tôi mang tâm trạng trẻ mồ côi ở tuổi trung niên! Tôi viếng một vài hiệu bán sách ở Paris, hy vọng sự tiếp xúc với bầu không khí trí thức sẽ làm vơi đi cơn đau buồn nhưng điều này chẳng mấy hiệu quả.

Hôm nay khi tình cờ mắt tôi lướt qua cuốn tự điển *Larousse* bản mới nhất ở cửa hiệu bán sách trên bờ sông Seine, tôi muốn mua một cuốn để dùng khi về Mỹ. Nhưng đột nhiên tim tôi nhói lên. Đó là cuốn sách cha tôi quý nhất nhưng vẫn cho tôi phá nghịch khi đòi xem những hình vẽ trong ấy. Cả một tuổi thơ êm đềm sống bên cha hiện về ở cả Đà Lạt và làng quê ở Quảng Bình. Tôi vội vã rời hiệu sách để giấu dòng nước mắt chảy ràn rụa trên mặt tôi!

Tôi muốn khóc cho thật thỏa thuê. Như thể những giọt lệ thầm lặng không thể làm thỏa mãn, tiếng nức nở của tôi vang lên sau nhiều năm dồn nén: « *Ba ơi! Ba ơi!* ». Tôi khóc suốt con đường về khách sạn. Hơn bao giờ tôi cảm thấy cần sự hiện diện của cha tôi mặc dù tôi biết là tôi sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại Ba. Khi còn sống ở nhà với Ba, tôi đã lập gia đình, và đời sống lúc ấy khá an toàn, tôi vẫn xem Ba là dấu hiệu của tiếp tục được bảo bọc. Đã kết hôn và có ba con, tôi vẫn sống một cuộc sống nối liền với tuổi ấu thơ, không chú ý mấy đến sự hiện diện của Ba, không bao giờ nghĩ sẽ có ngày Ba ra đi vĩnh viễn. Kể từ cái ngày định mệnh tháng Ba năm 1975, mặc dù tôi biết tôi sẽ chẳng bao giờ có cơ hội gặp lại Ba và bức điện tín ấy một ngày nào đó cũng sẽ đến, tôi đã – và vẫn như thế trong giấc mơ – không chuẩn bị để đón tin này. Thật khó mà chấp nhận cái chết của người thân yêu, vẫn còn rất sống động trong tâm hồn chúng ta và chúng ta có rất nhiều kỷ niệm với người

ấy. Ngay cả người đã chết cũng không chấp nhận được cái chết bởi vì họ vẫn tiếp tục thương mến người còn sống. Chẳng phải là cha tôi đã sống lại một khoảng thời gian ngắn ngủi để hỏi về tôi sau khi ông đã chết một ngày trước đây hay sao?

Người chết ám ảnh chúng ta bằng giọng nói và hình ảnh của họ. Chúng ta nhìn thấy họ và lắng nghe họ chăm chú hơn là khi họ còn sống và nhớ họ vì họ vẫn là người chúng ta rất thương yêu. Nhớ thương họ là điều đau buồn nhưng cần thiết, và lại, chúng ta không thể tránh được điều này vì mối liên hệ thương yêu lâu dài của chúng ta đối với họ. Bởi vì chúng ta sẽ mất họ vĩnh viễn, tất cả những gì liên hệ đến họ - kể cả những thứ chúng ta muốn gạt qua một bên cho là không quan trọng và tin là chúng ta sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến nữa - giờ đây trỗi dậy và chế ngự toàn tư tưởng của chúng ta. Mặc dù Ba đã qua đời, tôi vẫn dễ dàng hình dung Ba của năm tháng xa xưa vì cuộc chiến tranh Đông Dương. Ba đã đưa anh em tôi từ làng này sang làng khác để tìm nơi cư ngụ sau khi căn nhà của chúng tôi bị Việt Minh đốt cháy rụi trong chiến dịch *tiêu thổ kháng chiến*. Ba gầy gò trong chiếc áo the đen đã phai màu, mệt mỏi vì cuộc sống khó khăn nhưng vẫn nhất quyết bảo đảm an toàn cho anh em chúng tôi. Cái lồng đèn mầu nhiệm quay vòng, và trong khung cảnh tiếp theo tôi thấy người trở về sau chuyến đi khá lâu (Ba thường đi xa lâu ngày chữa trị bệnh nhân ở các làng hẻo lánh để kiếm tiền nuôi anh em tôi) với xâu cá thu trên tay; chiều hôm ấy tôi và em tôi sẽ có một bữa ăn thịnh soạn. Những khoảnh khắc quá khứ hiện ra trong trí tôi như những đoạn phim không lời trong đó tôi vừa là người xem vừa là nhân vật. Vì là những bóng ma của quá khứ, những hình ảnh trong phim lặng im nhưng chúng im lặng vì một lý do khác: chúng tượng trưng cho khoảng thời gian khó khăn nhất, đau đớn nhất trong quãng đời niên thiếu của tôi khi cảm nín chịu đựng là điều duy nhất chúng tôi có thể làm khi đối diện với nghịch cảnh. *Chỉ khi tôi đi ngược lại Thời Gian quay về với thời thơ ấu, quãng thời gian hạnh phúc nhất trong đời tôi, thì đoạn phim mới bật lên âm thanh*. Đó là giọng của người đàn ông trung niên ngâm bài thơ Đỗ Phủ đề ru cậu bé sáu tuổi nằm trong lòng ông. Bệnh bông trong cơn sóng của lời ru êm dịu và đắm mình trong hạnh phúc tuyệt vời của thời thơ ấu, cậu bé đi vào giấc ngủ nhanh chóng. Chỉ vồn vện lần ấy là tôi được nghe giọng nói của cha

tôi. Những lần khác, hình ảnh của người chớp qua thật nhanh trong tâm trí tôi. Chiếc đèn lồng màu nhiệm quay thật nhanh và không ngừng bởi vì biết bao kỷ niệm bùng phát từ quá khứ đang được tái tạo. Tôi sống lại đoạn đời ba mươi năm mà tôi đã sống với cha tôi chỉ trong khoảng tưởng nhớ ngắn ngủi. Mặc dù trong giấc mơ thỉnh thoảng tôi nghe thấy tiếng cha tôi, nhưng tiếng của người từ đáy mộ sao mơ hồ, rời rạc và xa lạ đến độ tôi không hiểu được. Cha tôi đã không còn nói được, thuộc về một thế giới khác, và tôi chỉ có thể cảm thông với ông qua những kỷ niệm xa vời. Chúng tôi bị trừng phạt phải sống ở hai thế giới khác nhau, và thời gian sẽ làm chúng tôi trở nên xa lạ nhau. Tôi sẽ hoàn toàn lãng quên cha tôi. Có lẽ vì thế mà trong giấc mơ ông trông buồn bã, thường im lặng, và biến mất rất nhanh. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể nắm bắt lại quá khứ, tìm lại thiên đàng một cách trọn vẹn. Cuối giấc mơ thường là lúc tôi giật mình tỉnh giấc và khóc “*Ba ơi!*” khi cuộc đoàn tụ của chúng tôi bị chấm dứt đột ngột. Trong trạng thái nửa mơ nửa tỉnh khi ý thức chưa hoàn toàn phục hồi, tôi thường không nhận ra là cha tôi đã qua đời. Tôi có cảm giác mình là đứa bé bị bắt phải xa lìa cha mẹ. Khi đã tỉnh ngủ, tôi nhận ra tôi không phải là một cậu bé buồn khóc của thời xa xưa và đó chỉ là giấc mơ, nước mắt tôi lại trào ra. Sau khi hoàn toàn tỉnh ngủ tôi vẫn còn cảm thấy nỗi đau lòng bị chia lìa với cha tôi trong giấc mơ (một giấc mơ thật sống động) và nỗi tiếc nhớ cha tôi vì người đã thật sự đã qua đời.

Em tôi mang sang Hoa Kỳ một vài đồ dùng của cha tôi. Một trong những vật ấy là cái nón ni tôi thường nhìn thấy người đội khi ra đường, bản thảo viết tay rất nắn nót một quyển sách về y học cổ điển, bản dịch thơ cổ Trung Hoa và Việt Nam (cha tôi chăm chỉ thực hiện những dự án này khá lâu trước khi tôi rời quê hương, cảm thấy hơn bao giờ hết, như cha tôi thường nói, sự mong muốn truyền lại cho đàn cháu gia tài quý giá này trước khi người qua đời), cuốn băng thâu lại những lời cuối cùng của cha tôi nói với tôi và gia đình tôi, một cái chuông nhỏ em tôi nói cha tôi thường dùng để gọi từ giường bệnh). Những di vật này (có đủ để tượng trưng cho cuộc sống phi thường của cha tôi không?) chiếu một vệt sáng lơ mơ vào những điều tôi không biết về cha tôi trong những năm tháng dang dở tôi vắng

mặt – sức khỏe của cha bị suy tàn, cha bệnh liệt giường, cái chết của người. Tôi xúc động mãnh liệt. Trong ký ức và tưởng tượng của tôi, cha tôi, mặc dù tuổi đã cao nhưng vẫn minh mẫn, vẫn khỏe mạnh, không phải là người hoàn toàn tùy thuộc vào cái chuông nhỏ xíu ấy cho sự sống của mình, không phải là người giờ đây đã nằm yên dưới mộ! Tôi không dám hỏi em tôi về giây phút cuối của cha. Bây giờ đã quá muộn màng để có thể phụng dưỡng cha tôi, tôi đã chẳng ở cạnh người trong giây phút cuối, tôi sẽ chẳng thể nào trở về quê hương để thăm mộ của người, và nói đến kỷ niệm của chúng tôi với người thật là điều đau buồn.

Nhìn thấy những vật dụng kỷ niệm cuối cùng của cha tôi khiến tôi thêm sầu khổ và hối hận. Những ngày cuối đời hẳn rất khó khăn cho ông, tôi nghĩ như vậy. Trong đầu tôi hằng ngàn câu hỏi quay cuồng, nhưng tôi không dám – và không muốn – hỏi em tôi. Tôi chỉ tự tưởng tượng ra câu trả lời thôi. Cha tôi có lẽ đau yếu và nằm liệt giường rất lâu nên phải nhờ vào cái chuông nhỏ. Nhưng nhu cầu của cha là gì và còn đủ sức diễn đạt nhu cầu ấy không? Còn cuốn băng cassette? Cha tôi nói gì trong ấy nếu không phải là thương nhớ tôi đến dường nào và muốn được nhìn thấy tôi lần cuối cùng biết bao nhiêu? Tôi dặn vợ tôi và đứa con trai lớn của chúng tôi chỉ nên nghe cuốn băng khi vắng mặt tôi và xin đừng kể với tôi những gì hai mẹ con đã nghe. Nghe lại giọng nói của cha tôi sẽ làm lòng tôi tan nát như thể đây là lời chia tay cuối cùng, nỗi bất hạnh lớn nhất đời tôi, chứ không là giọng hát ru tôi vẫn thường nghe ở quê nhà trong giấc ngủ thời thơ ấu, nhẹ nhàng đưa tôi vào những giấc mơ thần tiên.

Chúng ta thường có phản ứng nhạy bén với âm thanh, vì thế âm thanh là phương tiện rất hữu hiệu làm sống lại quá khứ. Quá khứ tiếp tục hiện hữu bởi vì tất cả những hoài niệm về quá khứ đã được giữ gìn trong những ngõ ngách sâu thẳm của vô thức. Giống như âm thanh của một nhạc cụ sẵn sàng rung lên những cung bậc, hoài niệm rung động và xuất hiện từ cõi vô thức mỗi khi tâm hồn chúng ta bị kích thích của giác quan. Tôi là người đã từng chứng kiến của sự hồi sinh của quá khứ trên

vùng cao nguyên khi tôi trở về thăm viếng Đà Lạt sinh quán của tôi vào cuối thập niên năm mươi. Trong một buổi chiều mù sương, tim tôi run rẩy khi nghe tiếng hót của chim rừng rón rén thăm dò sự yên tĩnh của một khu rừng hầu như chưa có người khám phá được đáp lại bằng những đợt sóng âm thanh vang vọng lại từ một thiên nhiên sống động tràn trề.

Trái tim con người rất cứng rắn trong việc bảo vệ quá khứ, nhưng lại rất yếu mềm trước sự nghiệt ngã của hoàn cảnh hiện tại. Lời ru của cha tôi tiếp tục vang vọng trong tôi, nhưng dù ông qua đời đến nay đã mười lăm năm tôi vẫn không có can đảm lắng nghe lời trấn trối của cha tôi. Nhìn thấy đồ dùng của cha tôi vẫn làm tôi đau buồn vô hạn, nhưng tôi say mê đọc tập thơ của người, ngấu nghiến hết trang này đến trang khác. Qua nghệ thuật, cha tôi vẫn còn đang sống trong tôi, duy trì tình cảm tôi, giữ vững đạo đức trong tôi. Khi tôi đọc thơ của cha tôi, dường như tôi được trở về quê hương và sống lại thời thơ ấu đầy hạnh phúc. Trong nghệ thuật tôi tìm thấy quá khứ thân thiện, cha tôi chưa qua đời, gia đình tôi đoàn tụ, cuộc đời của chúng tôi đơn giản mà hạnh phúc, và tất cả chúng tôi đều có cuộc sống an lành.

Trần Quý Phiệt

Trích “Pangs of Love and Memory” (Nỗi Đau của Tình Yêu và Kỷ Niệm). Tiểu thuyết chưa xuất bản.

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO *Phạm Văn Nhân phụ trách*

LTS: Mục Giới thiệu Sách Báo do anh Phạm văn Nhân phụ trách. Chúng tôi hứa sẽ cố gắng đọc kỹ, và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị có nhã ý gởi tặng. Xin gởi về

Phạm văn Nhân

2004 Heather Street

Amarillo, TX 79107



Thanh Thi: *Tập thơ Luân Hoán. Do Thư Ấn Quán in và xuất bản lần thứ nhất. Tháng 7 năm 2011. Layout: Trần Hoài Thu. Bìa: Tác giả trình bày.*

Thanh Thi được in trên giấy đặc biệt. Dành cho thân hữu của tác giả và độc giả Thư Quán Bản Thảo. Không bán.

Tập thơ dày 126 trang. Gồm 55 bài thơ.

Tác giả giữ bản quyền.

Với nhà thơ Luân Hoán, độc giả miền Nam không lạ gì với anh. Ngay tập thơ đầu tay, xuất bản năm 1964, tập Về Trời, anh đã có một chỗ đứng trong nền “ Văn học Miền Nam” trước 1975. Và sau đó với gần 20 tập thơ đã xuất bản.

Thanh Thi không biết có phải là tập thơ cuối của một nhà thơ đã qua cái tuổi “thất thập cổ lai hi” này không? Nhưng với **Thanh Thi**, đọc hết, tôi nghĩ anh vẫn còn tiếp tục cho độc giả đọc thơ anh. Vì: *tròng kính lão chừng như mờ dần lại/ khăn giấy lau vệt bụi mảnh như tơ/ chợt thấy khát sẹ mở chai nước*

lộc/hộp nhẹ nhàng hồn chưa nở ra thơ.

Thơ anh vẫn như xưa. Vẫn những con chữ giản dị, gần gũi như những công việc hằng ngày thức dậy hộp một ngum trà thơm là đã có thơ rồi.

Thanh Thi như tác giả viết: *Thanh Thi không phải thánh thi/thơ xanh, chẳng ả ý gì xin thưa...*

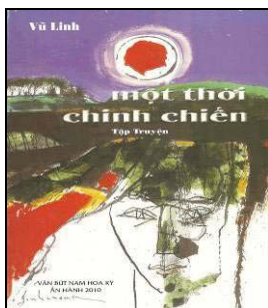
Hay và giản dị như thế đấy. Đó là Thanh Thi.

Độc giả Thư Quán Bản Thảo cần có tập thơ của Luân Hoán xin liên lạc với nhà văn Trần Hoài Thư qua địa chỉ email:

tranhwaithu@yahoo.com

Hay tác giả: lebao_hoang@yahoo.com

Để biết thêm chi tiết.



Độc: Một Thời Chinh Chiến để nhớ về Vũ Linh (*)

Phạm Văn Nhàn

Nhà văn Vũ Linh, trước 1975 tôi không quen anh, cũng chưa có duyên đọc được tác phẩm nào của anh. Và cũng không biết anh có một thời gian khá dài phục vụ ở Bình Định, Sư đoàn 22, mà trên chiến trường này tôi cũng có một thời gian đóng quân ở đó. Cho mãi tới năm 2001 nhà văn Trần Hoài Thư cùng với tôi và vài người bạn rủ nhau làm tờ báo mang tên Thư Quán

Bản Thảo, một tạp chí hoàn toàn văn học đã trên 10 năm, anh Trần Hoài Thư mới giới thiệu tôi với nhà văn Vũ Linh đang sống tại Houston. Từ đó, tôi quen anh vào những năm đầu của tờ tạp chí này, cùng với một vài anh em cầm bút khác đang định cư tại Houston.

Mỗi lần có dịp về thăm con và các cháu tại thành phố đông người Việt định cư ở đây, thỉnh thoảng tôi thường hay gặp anh, cùng với hai người bạn khác: nhà văn Trần Bang Thạch và anh Phạm Quang Tân chủ nhiệm tạp chí Văn Hóa Việt Nam.

Với nhà văn Vũ Linh, anh lớn hơn tôi chẳng bao nhiêu, nhưng trên gương mặt của anh có vẻ vẫn còn nét phong sương của người lính cũ. Vàng trán rộng, đôi mắt sáng. Anh đang nghĩ gì trên gương mặt trầm ngâm, ít nói này? Nhưng trong những lần gặp nhau ấy, anh không bao giờ nhắc lại những việc làm của anh trước đây trong “đời binh nghiệp” mà anh đã dọc ngang. Và, tôi cũng thế. Có lẽ đây cũng cùng chung một “ý nghĩ” với tôi sau tháng 4 năm 1975. Tôi muốn quên nó đi, nhắc lại làm gì mốc “lịch sử” đau buồn ấy. Có nhớ chẳng là trong tiềm thức của một người lính già như tôi. Còn anh, vẫn trầm mặc bên tách trà mỗi lần gặp. Không ồn ào như vài người bạn mỗi lần tôi gặp tại thành phố đông người Việt này.

Trên nét mặt sạm đen, với vàng trán rộng mênh mông ấy, “*Vàng trán anh mang trời quê hương*” nơi xứ người. Từ đây, tôi đọc được văn của anh. Từ đây, tôi cảm mến anh qua nhân cách của một người lính già năm xưa vừa cầm súng, vừa cầm bút. Với tôi, có một quan niệm của riêng tôi là: thường những người lính cũ vừa cầm súng vừa cầm bút thường hay có một tấm lòng “nhân hậu” dù đang đứng ở vị trí nào trong hàng ngũ quân đội miền Nam trước đây. Rất tiếc tập thơ “*Mùa Lá Rụng*” xuất bản ở Sài Gòn trước 1975 của anh, tôi không có dịp đọc. Nhưng, qua những truyện ngắn anh mới viết sau này khi định cư tại Hoa Kỳ trong “*Tuyển Truyện Vũ Linh*” năm 2000 anh gởi tặng, rõ ràng lối dựng truyện của Vũ Linh qua những nhân vật thật gần gũi với xã hội đời thường và mang một tấm lòng rất “nhân ái”.

Gặp anh, những câu chuyện trao đổi với nhau, từ tốn, chậm rãi,

cẩn thận, dù chỉ gặp nhau nói chuyện văn chương chữ nghĩa. Vũ Linh đối với tôi là thế. Nhưng, tháng 2 năm nay (2011) , tác phẩm “*Một Thời Chinh Chiến*” của anh gửi đến tôi, dù muộn, nhưng là một món quà rất quý giá của một người bạn “văn” vừa năm xuống.

Đọc “*Một Thời Chinh Chiến*” của Vũ Linh, tôi mới chiêm nghiệm được hai câu nói của hai người bạn văn của tôi: một trong nước, và một ngoài nước. Trong nước, nhà văn Lữ Kiều (bác sĩ Thân Trọng Minh) nói: “*Lịch sử chọn chúng tôi, chứ chúng tôi không chọn lịch sử*” . Còn nhà văn Trần Hoài Thư, ngoài nước, thì nói: “*Thế hệ chúng tôi là thế hệ chiến tranh*”. Hai câu nói của hai người bạn về ý thì không khác nhau. Rõ ràng “*lịch sử chọn chúng tôi*”, và cũng rõ ràng chúng tôi sinh ra trong “*thế hệ chiến tranh*”.

Sinh ra và lớn lên trong một đất nước mà chiến tranh triền miên. Phải lấy cái mốc từ khi có tiếng súng của thực dân Pháp bắn vào cửa biển Đà Nẵng năm 1858. Chiến tranh Việt Nam bắt đầu từ những tiếng súng đầu tiên ấy, cùng với đoàn quân lê dương đã ào ạt đổ vào đất nước nhỏ bé của chúng tôi.

Từ năm ấy (1858) cho đến năm 1939 là năm anh sinh ra đã trải qua 81 năm. 81 năm chiến tranh triền miên trên mảnh đất nghèo khổ này. Giữa Pháp. Nhật. Năm 1945, Nhật đầu hàng Pháp, cậu bé Võ Công Linh vừa tròn sáu tuổi, thì cũng thời Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ đánh đuổi bọn xâm lược Pháp ra khỏi quê hương. Cho đến năm 1954, cậu bé Võ Công Linh (Vũ Linh) này vừa tròn 15 tuổi. Hiệp định Genève 1954 ký kết, đất nước qua phân. Tưởng có hòa bình thật sự sau hai năm (1956), nhưng hòa bình không thấy mà lại thấy tiếp một cuộc chiến khác đang xảy ra trên mảnh đất nhỏ bé này. Hết chiến tranh Việt - Pháp - Nhật, tiếp đến là cuộc chiến ý thức gay gắt sau khi đất nước chia đôi. Năm 1961, chàng thanh niên Võ Công Linh phải *xếp bút nghiên* lên đường nhập ngũ giống như bao chàng thanh niên khác ở miền Nam. Sau tháng 12 năm 1960 Mặt trận Giải phóng Miền Nam hình thành. Như vậy, không phải là lịch sử chọn, không phải thế hệ chiến tranh như hai nhà văn Lữ Kiều và Trần Hoài Thư đã nói thì là gì!

Vâng! Tôi nghĩ, anh cũng như tôi thôi, anh hơn tôi 3, 4 tuổi, có nhằm gì đâu. Đọc lại tiểu sử ngắn gọn của anh, tôi hình dung cậu bé 6 tuổi biết gì ngoài những lần theo chân người lớn chạy giặc. Năm 1954 đất nước qua phân, tưởng hai năm sau sẽ có hòa bình theo như hiệp định Genève đã ký. Nào ngờ, sự qua phân không thống nhất đó đã trở thành một cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai nền chính trị gay gắt: Quốc Cộng phân chia rạch ròi. Từ đó, anh và tôi và những người bạn sinh cùng thời không còn cách lựa chọn nào khác: bên này hay bên kia. *Lịch sử và thế hệ chiến tranh* có lẽ đã làm cho anh suy nghĩ nhiều lắm. Nhất là sau 1975. Tôi với anh và những người lính miền Nam cũ lại cùng chung một mẫu số: vào trại cải tạo của chế độ đương đại bấy giờ.

Qua tác phẩm “*Một Thời Chinh Chiến*”, Vũ Linh như gợi gắm tâm sự của một người lính già ngồi nhìn lại khoảng thời gian qua khi anh còn trẻ qua nhân vật Luân từ trang 20 đến trang 124. Trong “Phần Một”, tác giả chia ra nhiều “tiểu truyện” ngắn như một “hồi ký” từ ngày ra khỏi trường Thủ Đức cho đến những đơn vị mà Luân tham dự. Có điều Vũ Linh nghĩ thật và dám viết thật, mà tôi nghĩ ngay trên đất “tạm dung” này, một đất nước được gọi là “tự do” nhất, nhưng chẳng thấy nhà văn nào dám viết, vì sự tế nhị. Nhưng sự thật ai cũng biết rất rõ, nhất là ai đã trải qua và tham dự dưới hai chế độ ở miền Nam trước 1975 (hành chánh hay quân đội). Nơi trang 21, phần Gãy Cánh, anh viết: “...sau khi rời quân trường Thủ Đức anh về một Quân Trường khác, không bao lâu anh bị đưa đi Dakto với lý do thật mơ hồ được ghi trong lệnh chuyển ‘không chu toàn nhiệm vụ’. Anh nghĩ đây chỉ là cái cớ, không chịu đối đạo, không chịu gia nhập đảng phái theo chủ trương của nhóm người cầm quyền ở đây mới là lý do chính...”. Nhìn lại tiểu sử năm 1961 anh vào Thủ Đức. Đọc, tôi nghiệm ra được điều này.

Tuy nhiên, đọc tác phẩm “*Một Thời Chinh Chiến*” của anh, đã gợi lại cho tôi rất nhiều kỷ niệm buồn nhiều hơn vui khi hành quân ở Bắc Bình Định một thời. Như trong tiểu truyện 5 : Một Chút Gì Để Nhớ Để Thương, Vũ Linh đã gợi lại những hình ảnh một thời tôi đã đi qua: Bồng Sơn, Tam Quan, Hoài Ân, Phù Cũ, và giồng sông Lại (Lại Giang). Đến tiểu truyện 8:

Chiến Trường Xưa của Vũ Linh, nhưng lại là những kỷ niệm của tôi một thời sau khi Sư đoàn 4 của Mỹ rút về nước. Căn cứ Hàm Rồng một thời gian tôi đến đó. Pleiku gần mà xa, đi thăm bước là hết phố. Thành phố nhỏ bé đầy lính và xe cơ giới. Đọc tác phẩm của anh, tôi nhớ Pleiku lạ lùng.

Thế mà, trong những năm gặp anh ở Houston, không bao giờ anh nói đến những nơi anh đã qua. Vẫn vằng vặc trống rỗng mênh mông ấy mà tôi có lần vui ngồi nói chuyện với anh, trong cỏi riêng tư “văn nghệ văn gừng” với nhau. Nhìn anh “vằng vặc mang bầu trời quê hương” ấy, bây giờ anh mới viết ra. Cảm nghĩ của anh trong phần II của tập truyện mang một thông điệp gần giống nhau của những người lính già năm xưa gãy cánh, vào tù cải tạo rồi qua Mỹ định cư. Có điều, dưới ngòi bút của Vũ Linh, giọng văn vẫn nhẹ nhàng, không oán trách.

Đọc “*Một Thời Chinh Chiến*” của Vũ Linh. Tôi viết về anh, dù muộn, gần một năm sau khi anh bỏ cuộc chơi về với thế giới vĩnh hằng, không còn hận thù nữa. Chỉ còn lại “cái tình” của anh trong lòng bạn bè hôm nay.

Đọc một đoạn viết của nhà thơ Túy Hà viết về anh: “*Một Thời Chinh Chiến*” là sáng tác mới của anh gồm một số truyện ngắn và tạp chí văn nghệ. Lần gặp ấy anh thề thào: “*Tớ chưa kịp in*”. Và chúng tôi, một số thân hữu cầm bút đã liên lạc với gia đình mượn bản thảo lo phần in ấn mong anh sớm thấy đứa con tinh thần. Biết đâu lại không là liều thuốc hồi sinh trước khi vĩnh biệt, hôm ấy là ngày 19-4-2010. Tiếc thay anh đã ra đi hai ngày sau đó”.

Đọc đoạn văn ngắn trên, nghe sao buồn quá đỗi. Phải chi anh nhìn thấy đứa con tinh thần và tấm lòng của bạn bè dành cho anh trước ngày anh đi thì hay biết mấy. Tôi nghĩ, chắc anh sẽ mãn nguyện vì đứa con tinh thần của anh được ra đời. ...Tới đây, tôi nhớ lại nhà thơ Từ Thế Mộng, trong nước. Trước ngày anh đi vào cỏi vĩnh hằng, sau một cơn bệnh ung thư ngặt nghèo, con gái của anh là Giao Tiên mới gom hết tất cả những bài thơ anh đã làm chưa kịp xuất bản giao cho nhà thơ Lê Ký Thương trình bày, in cho kịp. Lê Ký Thương đã nói với tôi anh phải làm ngày làm đêm như chạy nước rút vì thấy bệnh tình của anh Từ Thế Mộng chắc chẳng còn bao lâu. Chỉ sợ anh

không kịp nhìn thấy đứa con tinh thần. Thế là tập thơ mang tên “*Thơ Từ Thế Mộng*” ra đời kịp lúc. Tập thơ in đẹp, bề thế. Từ Thế Mộng đã nhìn thấy đứa con tinh thần của mình, tay run run ký tặng cho bạn bè vài ngày trước khi anh nhắm mắt. Còn anh thì sao, Vũ Linh? Anh chưa nhìn thấy “*Một Thời Chinh Chiến*” của anh. Nhưng, chính tác phẩm này mãi mãi sẽ là những kỷ niệm của bạn bè cầm bút trong nhóm của anh.

Và tôi, có nó, dù muộn. Anh đã viết và cho tôi trở về vùng kỷ niệm trên những mảnh đất nghèo khổ đầy nỗi oan khiên trong cuộc chiến, mà trong lúc còn sinh tiền, anh không bao giờ nói tới với tôi, mỗi lần gặp.

Viết về anh để nhớ về một người bạn cầm bút cũ .

(*) Muốn có sách tặng có thể liên lạc với Thư Án Quán qua địa chỉ phamvannhan1942@yahoo.com.

DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM

TIẾNG SẦM ĐẦU MÙA TRẦN THANH DIỆU

Tác giả Trần Thanh Diệu mất ở tuổi 49, vào thời điểm đen tối nhất của miền Nam: Tháng 7-1975.

*Bài này được trích từ tập **Truyện ngắn Giải thưởng Văn chương Trung Tâm Văn Bút Việt Nam**, Nxb Tin Sách, 36/59 Cô Bắc Sài Gòn, 1965.*



Hình chụp buổi lễ phát giải thưởng. Tác giả là người thứ hai (từ phải sang trái)

¶...Sáng hôm sau, nằm lì trên giường như một người ốm, tôi lắng nghe – qua ánh nắng trong lành của ban mai – những tiếng đồng hồ, của từng đoàn học sinh trường tôi và nhiều trường khác, từ ngoài đập đá vọng về : “Đại-Nam vạn-tuế” ... “Hoàng-Đế vạn-tuế” ...

Tôi khóc thầm và tự hỏi :

“Không biết có ai nhận ra trong những loạt khẩu hiệu đồng hồ kia đã thiếu tiếng của tôi”.

Từ phút ấy, một ý nghĩ chưa xót đến chiếm cứ lòng tôi :

“Vĩnh biệt ! ... tuổi thơ và diễm ảo !” ¶

Tôi có một tệ tính không bỏ được, đó là tính sợ sấm. Nhưng tôi không sợ những tiếng sấm xé trời, mang theo những cơn mưa tầm tã, mà chỉ sợ những tiếng sấm vang dài, thoát ra từ một bầu trời hỏ-hoàng nóng bức, oi ả của những buổi chiều báo hiệu mùa hè như chiều hôm nay.

Tôi chưa bao giờ tìm ra nguyên nhân của tâm trạng ấy, nhưng cứ mỗi năm, vào những ngày đầu hè thì cảnh tượng trời đất này thường làm tôi hồi tưởng đến một câu chuyện, hay đúng hơn, một kỷ niệm cuối cùng của những ngày thơ dại trên đất đai, trong thôn xóm của quê hương. Một câu chuyện tầm thường nhưng đã biến chuyển cuộc đời tôi từ chỗ chưa kịp thanh xuân đã đến trưởng thành quá sớm, như một trái cây lia cành với lớp phấn dày bao phủ ngoài da, để rồi chín đi trong thùng gạo hay trong thùng trấu mà chất chất giữa lòng không bao giờ hóa thành đường.

ooOoo

Hồi ấy, tôi còn là một học sinh chỉ gần cuối bậc tiểu học ở một trường làng.

Làng tôi ở ngay mé sông Bình-Lục, nhánh của sông Hương-Giang. Nói là nhánh nhưng kỳ thật con sông của làng tôi bị ngăn cách sông Hương bằng một cái đập xây bằng đá rất kiên cố. Mỗi năm, về mùa nước lũ là một dịp vừa vui nhộn vừa hoảng sợ cho cái tuổi của chúng tôi, bọn con nít trong làng. Vui nhộn trong những cảnh sang ngang của khách bộ hành bị nước lớn tràn ngập làm cản trở sự giao thông. Ngày đêm chúng tôi không ngớt nghe tiếng nước đổ ào ào như thác. Mặt sông thì mênh mông. Phố xá làng mạc như bị thu hẹp lại. Mưa tầm tã rơi, nhưng chúng tôi vẫn lũ năm lũ ba đi lội nước, hoặc theo cha mẹ đi vớt củi “rêu”, hoặc có khi đứng hàng giờ ở mé nước mà nhìn ra sông để hồi hộp cho những chiếc đò chở đầy khách cứ chòng chành theo sóng nước. Tuy thế cũng có nhiều khi, với tuổi của bọn tôi, không làm sao ngủ được với tiếng nước gào thét trên đê, xen lẫn với hình ảnh đắm thuyền hay chết đuối.

Nhưng dù sao, cứ mỗi lần nghe tin nước sắp ngập bờ là chúng tôi không khỏi mừng thầm vì có những ngày nghỉ học ngoại lệ. Một hôm, cũng trong ngày nước tràn đập với mực độ khá cao

đến nổi suốt trong ngày ấy không một chiếc đò nào dám chở hành khách sang sông. Trong làng chúng tôi, mực nước lên tới đầu gối. Cổ nhiên, bọn con nít như chúng tôi mà được một dịp như thế thì cho là vui hơn ngày hội. Trừ những người già cả và những đứa bé chưa đủ sức lội nước, mọi người đều ra ngoài, hoặc với mực đích thỏa thích như chúng tôi, hoặc với mực đích vớt củi như người lớn.

Tôi đang trần truồng chạy nhảy cho tóe nước để làm một chiếc xe hơi lội nước. Theo tôi là một toán độ ba bốn đứa cùng tuổi và cùng trường. Cứ thế chúng tôi chạy quanh xóm. Lúc bấy giờ cái vui thái quá làm chúng tôi quên rằng trong làng cũng có nhiều con gái học sinh với trạc tuổi ngang chúng tôi mà ngày thường mỗi khi có dịp gặp nhau nói chuyện thì hoặc chúng tôi hoặc bọn họ có lúc đã biết tỏ ý rụt rè, thận trọng.

Chạy đến ngõ rẽ của đường làng, tôi đi chậm lại, miệng thét lên những tiếng còi cho ra vẻ là xe qua “cua”. Bỗng tôi nghe một tiếng kêu cùng với sự đụng chạm của thịt da vào eo lưng tôi.

- Anh Lâm, cho Tư theo với, chờ cho Tư theo với.

Tôi ngoảnh nhìn lui không một chút ngạc nhiên :

- À, Tư, ừ thì leo lên không có thì xe chạy.

Thế là đoàn xe của chúng tôi lại có thêm một ông khách tí hon nữa. Nhưng đáng lẽ nó nhỏ – thua tôi đến ba tuổi – tôi phải cho nó đeo lưng của đứa nhỏ sau cùng mới thuận. Đằng này tôi lại cho nó đeo vào lưng tôi một cách vất vả, vì nó phải vói lên và thẳng sau nó lại phải khòm lưng xuống mới quàng được hai tay vào bụng nó.

Từ đó đoàn xa của chúng tôi cứ trục trục mãi, hoặc vì chỗ bắt đồng về chiều cao, hoặc vì một yếu tố tâm lý nào đó tôi không hiểu được. Có điều tôi nhớ chắc là thằng Tư có mặc một chiếc quần “sọt” có dây treo, bằng vải xanh, trong lúc bọn tôi, kể cả tôi là người cầm lái đều trần truồng như nhộng.

Đến ngang chợ tôi tự ý giải tán đoàn xe mà trong bọn không ai biết lý do. Thằng Tư mới dự cuộc chưa được bao lâu nên nó tiếc và gọi tôi, nhưng tôi cứ cầm đầu chạy về nhà. Sau khi mặc vội chiếc quần cụt lại chạy ra đúng vào lúc cả bọn đang còn ngơ ngác, không hiểu vì sao đoàn xe của chúng lại không chạy nữa.

Tôi đến gần thằng Tư, cầm tay nó tách rời khỏi bọn. Khi đã khá xa, tôi hỏi :

- Sao Tư dám đi chơi một mình ?

Nó vừa nhảy nhót, trả lời :

- Tư thích lội nước mà ba, má không cho nên Tư trốn đi.

- Chết ! Lỡ ra má đánh sao ?

Nó không nghe câu hỏi của tôi, đưa tay chỉ một cái hộp gỗ đang trôi bèo bồng trên mặt nước. Tôi vội vàng chạy lại nhặt lên, đó là một chiếc hộp gỗ đựng thuốc điều xì-gà. thằng Tư thích lắm, nhưng ngay lúc ấy tôi lại nghĩ đến công dụng của chiếc hộp. Tôi chợt nhớ đến những chiếc hộp đẹp đẽ của những đứa bạn khá giả, có ngăn kéo, có viết chữ “le plumier” ở trên nắp.

Tôi quay về phía thằng Tư :

- À cái hộp này còn đang ướt lắm, để anh về phơi khô rồi vài ngày nữa anh mang lại cho Tư. Vả, nếu Tư mang về ngay bây giờ thì ba, má sẽ biết Tư đi lội nước ?

Câu chuyện đang như thế thì bỗng tôi nghe một tiếng bịch sau lưng tôi. Đau quá, tôi nhìn quanh để tìm thủ phạm ném đá trong khi một loạt cười và bêu tôi vang lên từ sau ngói miếu nhỏ ở đình chợ :

- Lêu lêu, thằng Lâm nịnh ... thằng Lâm nịnh !

Tôi lấy làm lạ, không hiểu tại sao chúng gọi tôi là nịnh. Mà nịnh ai? Nhìn quanh tôi, chẳng có ai ngoài thằng cu Tư cả. Không lẽ chúng lại biết thâm ý của tôi về chiếc hộp nhặt được. Vả lại, chỉ như thế cũng chưa đủ để gọi là nịnh. Tôi đứng lại suy nghĩ : “Hay có lẽ chúng bảo tôi nịnh thằng Tư vì ba nó là một thầy giáo và chị nó là một học sinh trường tỉnh”. Thật hư chưa rõ, nhưng khi ấy lòng tự ái trẻ con của tôi nổi lên, nhất là trước sự hiện diện của “một người” như là thằng Tư, tôi phải làm anh hùng, dù xưa nay tôi chưa đánh lộn hơn một đứa nào ngang tuổi tôi ở trong làng cả, huống nữa lúc này chúng nó có những bốn đứa. Thằng Tư lo sợ kéo tay tôi đi, nhưng trong cử chỉ ấy đã có một động lực gì khiến tôi phải dừng lại. Một tay chống nạnh, tôi quay về phía bọn kia nói :

- Nịnh cái “tổ cha” bây.

Vừa dứt lời thì cả bọn ủa về phía tôi một cách đáng sợ. Nhưng may thay, lúc ấy có tiếng thét từ trong một quán nhỏ mà tôi nhận ra là tiếng chú kiểm Tỉnh, một hương kiểm trong làng :

- Ê ! Tụi bây tính đánh lộn phải không, tao đem cùm cả đám vào điểm canh bây giờ.

Cảm thấy yên bụng, tôi tự cho là đã thắng bọn chúng.

Ngày hôm sau mực nước đã hạ nhiều, những chiếc dò chờ đầy người đã qua lại trên sông. Học sinh các trường tỉnh đã đi học. Riêng trường làng của chúng tôi ở miệt dưới Vĩ-Dạ, nhiều quãng đường còn bị ngập nước. Ngay cả những lớp học của trường cũng còn ẩm ướt cả bùn non nên học trò chúng tôi còn được nghỉ thêm vài ngày nữa. Tuy thế, sáng hôm ấy tôi cũng dậy sớm, ra con đường ở mé sông, xen vào những đám người trong làng đi xem xét tình trạng lụt lội, với ngụ ý chờ thằng Tư, vì biết rằng nó sẽ phải đi học cùng với chị nó. Cầm cái hộp gỗ ở tay, trong hộp tôi đã cẩn thận viết trên một mảnh giấy, đại ý là tặng cho thằng Tư. Bây giờ nghĩ lại thì thấy rằng mình đã có một cử chỉ lỗ bịch. Nhưng chính lúc cầm viết, viết mấy chữ ấy thì tôi lại tự nghĩ rằng đã làm một việc rất cao : thằng Tư chỉ mới học lớp tư mà chữ của tôi lúc ấy chưa chắc đã đủ rõ ràng để nó xem được. Biết thế, nhưng mục đích chính yếu của tôi là chỉ cần có một dấu tích gì của mình nơi thằng Tư, không hiểu để làm gì.

Chờ mãi, tôi bắt đầu thất vọng đã tính quay về nhà, nhưng không biết một sự lưu luyến nào khiến tôi đi mấp mé sông về hướng nhà thằng Tư. Vừa đến ngang nhà ông thợ rèn, cách tôi vài trăm thước, có bóng một người con gái nhỏ bằng tôi, mang một chiếc toi đột dài đến chân. Tôi đoán đó là Liên-Hy, chị của thằng Tư. Nhưng lạ, không có thằng Tư theo sau. Tôi nhanh chân vội nép ở góc nhà ông thợ rèn, chờ khi Liên-Hy qua khỏi mới bước ra, và cứ thế, tôi theo sau Liên-Hy với cái hộp cầm ở tay mà không biết để làm gì.

Đi được một quãng thì Liên-Hy nhìn lui lại một cách vô tư, và bất gặp cái nhìn nghiêm trọng của tôi đã từ lâu đắm đắm nhìn “nàng” (!). Liên-Hy thản nhiên, thản nhiên đến độ tôi tự hỏi không biết “nàng” có nhận ra tôi không. Dẫu sao tôi cũng cảm thấy một sự gì khó nói, lẫn lộn vừa sung sướng, vừa oán trách, lẫn với một chút mặc cảm khi sức nhớ đến tiếng “nịnh” mà bọn trẻ xóm ngoài đã gán cho tôi hôm qua.

Đang suy nghĩ vẩn vơ, bỗng một tiếng chuông xe đạp làm tôi giật mình nhìn lui và nhận ra thầy Minh, ba của Liên-Hy và thằng cu Tư. Thầy Minh tánh vui vẻ, thường ngày rất mến tôi vì cái tính không nghịch ngợm và hỗn láo của tôi. Có khi thầy ghé nhà tôi với tư cách người tai mắt trong làng, hỏi han sức khỏe những người trong nhà tôi, hay hỏi về sự học của tôi. Biết thế nhưng lúc ấy quá bất thần, và nhất là có cảm tưởng như bị

bắt quả tang một hành vi không chính đáng nên tôi sợ, đến nỗi không trả lời kịp câu hỏi của thầy.

- Lâm không đi học rằng mà đi chơi sớm rứa ?

Tôi còn nhớ nghe tiếng nói của thầy Minh nhỏ dần theo trốn đi nhanh của chiếc xe đạp. Đứng tần ngần một lúc, nhìn chiếc toi đọt của Liên-Hy và chiếc xe đạp của thầy Minh khuất dần sau am Hô-Lâu, tôi bất giác nhớ đến thằng Tư : “Tại sao nó không đi học, có thể hôm qua đi lội nước, nó bị cảm lạnh chẳng ?” Nghĩ đến đó tôi thấy hối hận và chạy một mạch đến cổng nhà thằng Tư để thăm dò tình hình. Nhưng không, nó không ốm mà chỉ vì trong nhà thấy nó bé quá, không đi đò được, nên cho nó nghỉ.

Tôi lân la dưới lũy tre rậm trước nhà cu Tư. Gió thổi từng hồi làm rơi từng loạt nước còn đọng trên lá từ trận mưa lúc sáng sớm. Tôi rùng mình vì lạnh, nhưng vẫn cố nán lại. Sau một hồi sáo miệng tôi thổi theo điệu hướng đạo thì thằng cu Tư thập thò ở ngưỡng cửa. Vừa thấy nó, tôi thò người ra khỏi rặng tre, tay cầm chiếc hộp gỗ chia ra. Thấy tôi, thằng cu Tư chạy ra ngay, theo nó là tiếng gọi từ trong nhà của cô Minh vắng ra làm tôi hoảng sợ.

Thằng cu Tư cũng sợ quá, nắm tay tôi kéo bừa vào nhà. Tôi chưa kịp kháng cự thì cô Minh đã ra tới sân. Thằng Tư la lên để mình chứng :

- Con ra kêu anh Lâm vào chơi với con.

Tôi rụt rè bước theo chân thằng cu Tư vào nhà. Nó đưa tôi đi chơi cùng trong nhà. Thấy cái gì tôi cũng lấy làm lạ. Thật ra thì không có gì đặc biệt, nhưng sánh với sự trang hoàng quá bình dị và thô sơ của nhà tôi, thì cách bày biện trong nhà thằng Tư đã quá sang trọng. Dù tôi rất quen thuộc với bề ngoài của nhà nó, trên mảnh sân kia tôi đã nhiều lần dự lửa trại, lúc ấy tôi là sói con do thầy Minh trưởng đoàn tổ chức, nhưng chưa bao giờ tôi tưởng tượng được bên trong nhà như thế nào. Có khi tôi cũng hình dung ra sự bày biện theo ý tưởng của tôi, nhưng đều sai cả.

Những người trong nhà thấy tôi không quan trọng, nên để tôi tự do với thằng Tư. Trong thời gian buổi sáng ấy, tôi đã trải qua từ sự say sưa này đến sự say sưa khác. Thằng Tư đưa ra một thùng đồ chơi của nó. Toàn là những thứ đồ chơi thật, có máy móc, có sơn thếp. Nhìn thấy vật nào tôi cũng mê. Nghĩ lại những thứ đồ chơi của tôi thì toàn là tự tay tôi làm lấy cả.

Bỗng nhiên tôi thêm cái cảnh sống của nó. Tôi thêm được có một chút gì liên quan với gia đình nó, không biết để làm gì, và có ý nghĩa gì.

Sau khi đã chán với những thứ đồ chơi ấy, thằng Tư đưa tôi vào phòng học của nó và chị nó. Nhìn thấy sách vở và những dụng cụ học sinh trên bàn và trong tủ, tôi có cảm tưởng như đây là một phòng học của một sinh viên. Nhưng vật làm tôi chú ý hơn cả và còn nhớ lâu hơn cả là tấm hình bán thân của Liên-Hy, phóng đại treo ở vách. Tấm hình thì chẳng có gì lạ, nhưng tôi lạ là vì tấm hình ấy là chị của thằng Tư. Tôi tần ngần im lặng trong khi thằng Tư đưa ra những sách hình trẻ con, cứ tíu tít mời tôi xem. Từ phút đó tôi bỗng trở nên trầm tư mà chính tôi cũng không biết lý do, bởi vì với cái tuổi lên mười, tôi không thể tự phân tích lòng mình được. Thằng Tư cầm tay tôi trì xuống một chiếc giường :

- Anh Lâm ngồi xuống đây xem hình này đẹp lắm!

Nó kể tôi nghe những câu chuyện trẻ con bằng tranh mà nó đã được nghe ba nó kể lại. Cái lối kể đầu Ngô mình Sở của nó cộng thêm trạng thái sững sờ của tôi, tôi không nghe thấy gì ngoài những cảm nghĩ của tôi. Chốc chốc tôi lại trở mình và dịch người về chiếc gối có thêu hai chữ “L.H.” ở góc bằng chỉ xanh nhạt. Tôi nhận thấy một hơi ấm chuyển quanh trong cơ thể tôi.

Chiếc đồng hồ gỗ mười giờ. Dù tôi không muốn rời khỏi căn phòng có sức thu hút ấy, nhưng lại có một cái gì làm tôi e ngại. Tôi đứng dậy bước đi ra khỏi phòng, vờ bỏ quên chiếc hộp gỗ ở chỗ tôi ngồi và ra về trong sự im lặng của trời đất và sự rộn rã của lòng mình, lòng của một học sinh tiểu học.

Những gì xảy ra trong hai ngày qua không phải là mục đích của câu chuyện mà tôi muốn ghi lại trên trang giấy này, vì chính nó và riêng nó thì không có gì đáng kể.

Từ ngày biết được nội trạng của nhà thằng Tư, tôi cảm thấy muốn gần gũi nó nhiều. Ý muốn ấy không phải là khó thực hiện đối với tôi. Nhưng khó hiểu thay ! Càng gần thằng Tư bao nhiêu, càng được dịp chơi đùa với nó bao nhiêu, tôi lại càng hiểu thêm rằng việc thân với nó vẫn không làm cho tôi mãn nguyện.

Từ đó, mỗi khi nói chuyện với chị tôi, tôi thường lái câu chuyện sao cho có liên quan đến Liên-Hy. Chị tôi chỉ hơn tôi hai tuổi, nên chúng tôi rất thân nhau và thường hay nói chuyện

với nhau. Tôi lại cũng biết chị tôi thường chơi với Liên-Hy dù hơn kém nhau đến ba tuổi. Liên-Hy rất mến chị tôi. Lâu lâu “nàng” ghé lại hỏi han về bài vở học hành hay nhờ chị tôi vẽ cho những kiểu thù hoặc đan. Và cứ sau mỗi lần Liên-Hy đến chơi, tôi la cà đến hỏi dò chị tôi xem Liên-Hy đến có chuyện gì và đã nói những gì. Nhưng không lần nào tôi được biết gì hơn là những chuyện tầm thường như học hành thù thù. Đáng lẽ trong những dịp ấy tôi phải kiếm cách đến gần chị tôi để xen vào câu chuyện của hai người thì trái lại, tôi mất cả tự nhiên và dù có đang làm việc gì cần thiết tôi cũng bỏ chạy ra sau vườn, ghé mắt ở một kẹt phen tre để nhìn lén vào. Tôi muốn cho Liên-Hy được tự nhiên để có thể ngồi lâu với chị tôi hơn. Tôi sợ sự hiện diện của tôi có thể làm cho “nàng” ngại ngùng mà bỏ ra về.

Một buổi sáng vào dịp lễ Noël, tôi đang ngồi ở ngưỡng cửa, mẩn mẩn xem xét chiếc máy bay chạy bằng cao-su tôi vừa chế tạo xong thì Liên-Hy và thằng Tư bước vào ngõ. Tôi lúng túng nhưng lại bình tĩnh ngay trước cử chỉ vồn vã của thằng Tư. Nó rút khỏi tay chị nó và chạy xộc về phía tôi, làm tôi chỉ kịp đứng dậy nép về một phía lấy lối cho Liên-Hy bước vào. Lần này nhờ có thằng Tư mà tôi khỏi phải đi tránh chỗ khác như mọi lần trước. Ngoài ra tôi còn được tự do chơi với nó ở trước sân mà biết rằng ngồi trong nhà nhìn qua khung cửa sổ, Liên-Hy có thể nhìn thấy tôi, hoặc tôi được Liên-Hy nhìn thấy rất dễ dàng.

Tôi đem chiếc máy bay ra biểu diễn chuyến bay đầu tiên để khoe với thằng Tư. Thật ra trong thâm tâm, tôi muốn khoe với Liên-Hy. Tôi chỉ tưởng tượng rằng “nàng” chú trọng vào óc kỹ xảo của tôi, chứ không hề dám nhìn vào để biết “nàng” có quan tâm hay không. Cho đến khi thằng Tư xin tôi để phóng thử một lần, tôi trao chiếc máy bay cho nó sau khi lên giây cao-su đầy đủ. Không hiểu nó phóng thế nào mà chiếc máy bay không lên mà đâm ngang vào cửa sổ đánh đùng một cái, méo cả cánh và gãy cả đuôi. Tôi vội chạy lại nhặt chiếc máy bay và thừa cơ nhìn vào trong thì thấy Liên-Hy vẫn ngồi yên, đối diện với chị tôi, quay lưng ra ngoài, thản nhiên như không có gì xảy ra.

Cuộc gặp gỡ ấy diễn ra và kết thúc khá đơn giản. Tôi được biết Liên-Hy đến nhờ chị tôi khâu lại chiếc áo len. Một chiếc áo len đỏ đã phai màu mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ nó bị sút chỉ

ở chỗ nào và cả cách đan ra làm sao.

Sau khi Liên-Hy ra về, và thừa lúc chị tôi giặt quần áo sau vườn, tôi nhẹ nhàng bước lại gần chiếc áo và cũng nhẹ nhàng cầm nó nâng lên tận mặt. Một mùi hương, không thể ví được hương gì, tôi chỉ thấy một cảm giác mê mê, ngây ngất. Không hiểu sao lúc ấy tôi lại dạn quá, như một người say không còn biết mình đang hành động gì, tôi tròng chiếc áo vào người, nhưng chiếc áo bé không thể qua được đầu tôi. Tháo chiếc áo ra, tôi nghe một cái gì vướng nhẹ trên da mặt. Đó là một sợi tóc. Chắc chắn là sợi tóc của Liên-Hy đã dính vào chiếc áo từ bao giờ. Tôi vội vã cầm nó đến lật một quyển vở và thận trọng bỏ vào trong.

Đại khái những kỷ niệm của tuổi trẻ cũng chỉ có thế. Chỉ là những biến thiên nhỏ nhất của một tâm hồn chưa thành hình mà thôi.

Ngày tháng trôi qua với những cảm giác buồn vui tùy theo tâm trạng của tuổi trẻ trước thiên nhiên, trước mọi vật, và đôi khi trước cả những ý tưởng huyền hoặc của tuổi thơ nữa.

Tôi bắt đầu thay đổi những thú vui trong những khi rảnh rỗi của tôi. Thay vì những ngày nghỉ, hay ngoài những giờ học, tôi đến ông thợ rèn hoặc ra rạp mộc để miệt mài trong công việc chế tạo đồ chơi, thì tôi lại trở nên thích xem sách. Những sách hồng với những truyện thần tiên, hoang đường cứ mãi làm giàu cho trí tưởng tượng của tôi. Cái tuổi của tôi trong khoảng ấy đã bị ám ảnh bởi những cảnh tượng kỳ quan lầu vàng gác ngọc, cây trường sinh, suối vĩnh cửu. Và không bao giờ nghĩ đến những nhân vật trong truyện mà tôi lại không ao ước rằng tôi là hoàng tử một xứ nầy, Liên-Hy là một công chúa của một xứ láng giềng kia, hoặc tôi là một ông vua tí hon, và Liên-Hy là hoàng hậu nhỏ bé của vị vua ấy.

Cái đà bay thoát của linh hồn và nẩy nở của trí tưởng đang ở độ mãnh liệt như một mảnh sao băng giữa lòng vũ trụ ...

... Một buổi chiều, một chiều kết thúc mùa xuân và khai mầm cho mùa hạ. Những cánh diều đã bay bổng đầy trời. Mùi lúa rom trên sân của những nông gia đã bắt đầu nồng lên cái hương vị của đồng quê. Những ngày giao mùa của năm nay đối với tôi như có một chút gì khác thường, mùa xuân từ già có sớm hơn và do đó, mùa hạ đến cũng có phần vội vã.

Chiều hôm ấy trời rất nóng. Bầu trời phía tây một màu hồng hoàng xen lẫn với những đám mây đen xám. Tôi có cảm tưởng như xứ nào ở chân trời tây ấy đang bị hỏa hoạn. Không một gợn gió. Những cánh diều lao đao từ trên không rơi xuống đất như những con chim bị nạn. Mấy rặng tre trước cổng chùa đều đứng yên như trong một bức sơn thủy. Bỗng nhiên một tiếng sấm xé trời phát ra từ nơi nào không biết mà âm vang lại tận lòng tôi, rồi một cơn gió lốc hút cả bao nhiêu cát bụi bốc lên mù trời.

Bọn tôi ngừng cuộc đá bóng đang tiếp diễn đầy thú vị trên một đám ruộng vừa gặt được vài hôm. Một linh tính gì, một trực giác nào hay một động lực vô hình nào thúc giục tôi rời ngay bọn đồng đội, tắt tả chạy về nhà. Dọc đường tôi hồi hộp, tôi bàng hoàng, tôi xao xuyến và hồi hải. Tôi linh cảm một việc gì chưa hiểu là may hay rủi đang chờ đón tôi ở nhà. Rất có thể có người khách đến cho quà, cũng có thể ba mẹ tôi đang cãi nhau về một sự gì.

Đến đầu ngõ, nhìn vội vào nhà, tôi thấy một cô gái nhỏ, đó là Liên-Hy, đang ngồi với chị tôi trên chiếc giường ở chái bên như thường lệ. Tôi chạy vụt ra sau nhà kê tai vào kẽ phen nghe ngóng. Người tôi đang nóng bừng vì hoạt động và vì thời tiết, thì tôi bỗng cảm thấy một sức lạnh từ lồng ngực chuyển nhanh ra cả toàn thân. Mồ hôi của hai trạng thái nóng lạnh cứ nổi tiếp nhau chảy từ đầu đến chân. Tôi nghe tiếng chị tôi hỏi :

- Mẹ ơi ! Mẹ có cất chiếc áo dài bông-bay màu xanh lơ của Liên-Hy mà con treo ở mắc áo không ?

Mẹ tôi lúng túng chưa kịp trả lời thì chị tôi vụt chạy xuống bếp nói thầm với mẹ tôi mấy câu rồi trở lên lại với Liên-Hy. Tôi trông thấy chị tôi biến sắc trong khi nói với nàng :

- Liên-Hy à ! Chị đã làm xong cái “nơ”, chỉ còn kết vào là xong, nhưng sáng nay đi vắng, mẹ chị sợ mất nên cất vào rương. Em ngồi chơi một lát, cậu chị về có chìa khóa chị lấy đưa em. Hay nếu không gấp thì sáng mai chị vào chơi sẽ mang cho em.

Từ đó tôi bắt đầu suy nghĩ. Tôi lắng nghe tiếng nói nhỏ nhẹ của Liên-Hy :

- Chị Tâm ơi ! Sáng sớm em phải đi rước lễ Vạn-Thọ. Và chừ còn sớm, em ngồi chơi với chị một chút chờ bác về chị lấy đưa em cũng được.

Chị tôi gặt đầu miễn cưỡng. Tôi biết có sự gì không lành đang

diễn ra trong nhà. Bỗng chị tôi đứng dậy như có một sự suy tính trước, cầm tay Liên-Hy chị tôi nói :

- Em đi với chị ra đầu xóm chơi coi có gặp cậu chị thì lấy chìa khóa.

Hai người ra khỏi ngõ, mẹ tôi chạy lên nhà, vào phòng lục soát một lúc rồi gọi tôi vào trao cho tôi một gói bọc bằng chiếc khăn quàng mỏng mà tôi thường thấy chị tôi dùng trong mấy tháng lạnh vừa qua. Mẹ tôi bảo khế vào tai tôi :

- Con đem gói ni ra ngoài đi Hạnh mà nói : thưa dì mẹ con biểu con đưa gói ni nhờ dì giữ và thế vô gói ngày bữa qua mẹ con đã đưa nhờ dì cầm giùm.

Tôi vâng lời mẹ tôi. Dì Hạnh hỏi tôi với về bận rộn của một bà nhà giàu :

- Có phải cái áo bông-bay xanh ngày hôm qua không ? Làm chi mà lôi thôi lắm rứa.

Tôi ngơ ngác chưa kịp trả lời thì dì Hạnh đã tháo tung cái gói của tôi ra. Tôi thấy rõ một chiếc áo đen dài vải ba-ga và một quần trắng vải quuyến. Đó là bộ quần áo duy nhất tôi mặc đi học hằng ngày. Cũng bộ quần áo ấy, sáng mai tôi đi rước lễ Vạn-Thọ và lãnh bánh như mấy năm qua. Tôi nghẹn ngào đến ứa nước mắt.

Sau khi thỏa thuận, dì Hạnh soạn trong tủ chứa đồ một gói khác, gói bằng giấy báo rách, trao cho tôi. Tôi cúi ngùi mang về. Nhìn qua những lỗ rách của manh giấy báo, một màu xanh lơ lộ ra làm đen tối cả mắt tôi. Cả người tôi run lên. Hai chân tôi nặng trĩu, nặng đến nỗi tôi cảm thấy không đủ sức về tới nhà. Lòng tôi suy nghĩ liên miên. Tôi buồn rầu và thất vọng.

Bỗng một tiếng sấm xé trời, tiếp theo là những giọt mưa lất rắt. Tôi bất giác chạy một mạch về nhà trao chiếc áo cho mẹ tôi rồi chạy thẳng ra góc vườn ngồi khóc.

Sáng hôm sau, nằm lì trên giường như một người ốm, tôi lắng nghe – qua ánh nắng trong lành của ban mai – những tiếng đồng hồ, của từng đoàn học sinh trường tôi và nhiều trường khác, từ ngoài đập đá vọng về : “Đại-Nam vạn-tuế” ... “Hoàng-Đế vạn-tuế” ...

Tôi khóc thầm và tự hỏi :

“Không biết có ai nhận ra trong những loạt khẩu hiệu đồng hồ kia đã thiếu tiếng của tôi”.

Từ phút ấy, một ý nghĩ chưa xót đến chiếm cứ lòng tôi :

“Vĩnh biệt ! ... tuổi thơ và diễm ảo !

KHOA HỮU

CHÂN DUNG VĂN THI SĨ MIỀN NAM SAU 30/4/1975

Trong những trang viết sau đây, chúng tôi muốn được về lại những chân dung khôn đọa của những người đã từng viết lách của Miền Nam sau ngày quốc nạn.

LÝ HOÀNG PHONG MỘT XÁC ƯỚP

Anh ngồi như một xác ướp thời trung cổ được đặt trong lồng kính viện bảo tàng. Khuôn mặt, màu da như đã biến dạng, như một người đàn ông đã chết qua mấy nghìn năm tuổi. Chuyện cổ tích ư? Không, đó là sự thật mười mươi trên quê hương tôi vào những thập niên 70 - 80. Có những con người được đắp lên mặt mình, khoác lên người lớp áo của tro bụi và thời gian hủy diệt. Anh đã đi qua mấy đoạn đường, bao nhiêu buổi sáng, buổi chiều, ngày mưa, tháng nắng đến cái lều đường Trương Minh Giảng tội nghiệp này. Cái lều đường tội nghiệp bao dung một nhà văn cùng đường tội nghiệp. Anh ngồi lên chiếc ghế gỗ, không có chỗ tựa lưng, suốt 8 giờ của một ngày thử thách, cùng sự chịu đựng và lòng nhẫn nhục. Anh đưa những tờ báo cho khách ghé đến, và nhận lại vài đồng bạc lẻ. Cái vỉa hè ấy, và cả những người khách lạ vắng lai, chẳng hề biết anh là ai, cùng lắm là kẻ già nua độ nhật bởi Sài Gòn bây giờ đã quên anh. Tôi đau lòng nhưng kiêu hãnh lắm, anh Lý Hoàng Phong. Cái vỉa hè định mệnh ấy ví như một chiếc chiếu hoa đã trải sẵn và chiếc ghế gỗ lưu đầy anh chẳng phải là chỗ ngồi trang trọng của văn học Sài Gòn thập niên 60 và đầu 70 sao ?

Có gã họ Đỗ đốt sách để tìm trong lửa, khói, hình ảnh một

chân lý. Tần Thủy Hoàng xưa đốt sách để làm ngu dân. Nhưng chữ nghĩa không thể cháy được và cũng chẳng thể bị tổn thương. Bởi chữ nghĩa được bảo vệ bởi tư tưởng và hơi thở của tự do.

Một lần, tôi nói với anh, có một nhà thơ nữ từ Hà Nội muốn gặp. Anh nói ở đây bất tiện lắm. Và anh hẹn gặp ở một lễ đường khác rộng hơn, có cỏ chết và cây cao vút. Một buổi sáng, tôi đưa nhà thơ nữ ấy đến. Sau phần giới thiệu của tôi, hai người ngồi tiếp nhau, trên hai chiếc ghế nhựa thấp, một chiếc khác đặt làm bàn, hai ly cà phê mang tới từ một quán “cốc” đã nguội không đủ nóng bốc hơi. Tôi tránh không nghe câu chuyện trao đổi, nhưng tôi lắng nghe tiếng gió chạy cùng ánh sáng trên không trung, những chiếc lá khô than vãn trên mặt đường và đám cỏ chết dưới chân tôi đang cự mình sống lại. Tôi nghe trời đất lặng lẽ trong trái tim và có thể nhà thơ nữ từ phía khác đến, đã mang cho anh một tình cảm quý trọng.

Nhiều người cầm bút cùng thời với anh (không cùng tuổi) đã được tha. Nhưng tác phẩm của họ đang bị cầm tù. Biết đến bao giờ ? Như vậy là văn chương đã có tội và còn có tội.

Bác xích lô già trên chiếc xích lô cũ kỹ chở sách báo từ nhà in đến nhà phát hành, đâu? Những con người trầm tư của Sài Gòn từng vào nhà sách mua một tờ báo “Thế kỷ 20” hay “Văn nghệ”, một cuốn truyện ngắn, truyện dài của nhà xuất bản Văn Nghệ bây giờ đâu ? Chẳng lẽ đã thuộc về một quá khứ cần phải xóa bỏ ?

Mỗi lần tôi ghé thăm, vẫn thấy anh trong dáng ngồi trầm tư như thế. Ai đã mang đặt ở lễ đường Trương Minh Giảng này một xác ướp ? Một xác ướp bằng sự tuyệt vọng. Anh còn như thế bao lâu nữa ? Rồi một ngày anh sẽ ngã xuống, bên phải, bên trái, xấp mặt xuống đất, hay ngửa mặt lên trời. Anh sẽ bật ngửa ra từ từ, thản nhiên như vị thượng tọa Quảng Đức trong ngọn lửa xăng thiêu sống. Chẳng có ai cầu mong được điều gì hơn.

Một thời gian lâu không gặp anh, hỏi thăm bạn bè nói anh vào nằm nhà thương trị bệnh. Có một điều lạ lùng, những người thân yêu trong gia đình, không ai hiểu rõ bệnh tình của anh, mỗi người nói một cách, chung chung... hay tại bởi mỗi ngày anh lại có thêm một bệnh khác?

Sự tỉnh lại của anh kéo dài được khoảng nửa năm. Tôi nghi ngại, có khi nào ngọn lửa tự bùng lên, để tắt ?

Thình thoảng tôi ghé nhà anh sáng sớm đưa anh đi chơi xa, tìm nụ cười cho bớt căng thẳng. Bản thân tôi cũng cần như thế. Nhà anh không có điện thoại bàn, phải gọi số của hàng xóm, họ sẽ báo tin anh nhận.

Anh không còn lên Trương Minh Giảng ngồi bán báo lẻ đường phụ cháu Châu - con gái anh. Anh ngồi nhà đợi. Tôi đến hoặc anh đi cùng một người quen nào đấy đến tôi. Sau năm 1975, phố tôi có một quán café nhỏ, rất ngon do một cặp vợ chồng trẻ từ tỉnh lên thành phố lập nghiệp làm chủ. Anh Lý Hoàng Phong, Kếu và những người bạn khác thường đến đây mỗi khi ghé thăm tôi. Khi hết tiền đãi các bạn, tôi chỉ cần giơ một ngón tay lên, chủ quán đã hiểu ý và ghi sổ. Anh thường nhắc tôi thình thoảng xuống anh, đọc thơ. May mà có bạn. Thời gian tôi quen biết anh ngắn ngủi (trước 75 chỉ biết chứ chưa quen) mà mau chóng thân thiết. Có thể trước kia tôi và anh có nhiều khác nhau : tuổi tác, nghề nghiệp, hoài bão, mơ ước. Bây giờ mỗi chúng tôi chỉ còn lại là hai giọt nước vô vọng. Hai giọt nước dễ nhập lại một. Chúng tôi thường ngồi trước sân nhà, hoặc bên kia đường đá số 1, với vô số những vật dụng bị con người vứt bỏ, lãng quên. Tôi đọc thơ tôi, anh nói nghe nõi da gà, anh lấy tay này vuốt lên cánh tay kia. Tôi nói tôi là kẻ giác đầu, cầm bút làm vũ khí. Khuôn mặt anh chợt rạng lên nụ cười. Thương tích khắp thân thể, kiệt sức rồi. Anh im lặng thở ra. Đấy, những lần đọc thơ cho anh nghe thường kết thúc như thế. Anh thích từng đoạn hoặc nguyên một bài thơ ngắn. Anh thích nhưng không nhớ, lần khác, anh bắt tôi đọc lại, đoạn thơ gì đấy... bài thơ hồi bạn nằm trong Chợ Quán... hình như tâm trí anh phân lìa, khuôn mặt anh thêm thêm nhiều lớp thời gian đau khổ?

Có lần tôi kể anh nghe, Thanh (vợ tôi) đăng ký mua tờ Sputnik từ thời còn Xô Viết. Vào khoảng 1989, thời hậu Xô Viết trong tờ Sputnik nhận được, có hai bài viết lạ lắm. Một bài viết về ngày xử bắn Nga hoàng và gia đình, có in kèm hình ảnh. Một bài viết về nhà thơ, văn được trao giải Nobel-Boris Parternak, không phải ca tụng ông, mà là về quãng đời nhọc nhằn trước cái chết. Và chính ngay trong cái chết đau thương của ông. Tám ảnh đen trắng chụp bốn người đàn ông vồng chiếc quan tài (không phải khiêng trên vai) ra khỏi khung cửa hẹp một ngôi nhà nhỏ. Sao lại phải vồng ông như mang bỏ đi một thứ gì đáng ghê tởm ? Đó là cái chết. Còn khi sống?

Nhiều năm liền, cho đến hết cuộc đời, ông phải xếp hàng để được mua bánh mì đen (ông là thứ dân mà bánh mì trắng chỉ dành bán cho công dân của chế độ). Mùa đông thờ ra tuyết, chiếc áo lạnh khoác ngoài chẳng chịt vết ố mục thời gian, một chiếc mũ kiểu Cô-Dắc chụp xuống kín cả vầng trán và hai tai. Một người đáng kính nào đó đã lén ghi lại tấm hình, đã lén cất giấu bao nhiêu năm, chờ đợi một ngày mang ra ánh sáng, công bố cho nhân loại này nhận ra một thảm kịch. Ông từ chối giải Nobel, cả tác quyền toàn bộ sự nghiệp thi ca, đang được mời mọc, chào đón từ thế giới bên ngoài. Ông chỉ muốn làm một công dân Nga, một nước Nga có những nhà văn, những tác phẩm vĩ đại.

Bài báo viết về chuyến công du của ngoại trưởng Mỹ Bê-Cơ đến Matxcova, ông xin được đi thăm mộ nhà văn, nhỏ bé, trong một vùng hẻo lánh, nhưng trên mộ đầy những bó hoa tươi. Ông Bê-Cơ đã nghiêng mình bày tỏ lòng kính trọng và chắc hẳn ông cũng nhận ra vô số những người Nga chân chính cũng biết bày tỏ lòng kính trọng và vô cùng yêu quý đối với nhà văn bằng những đóa hoa tươi của họ.

Nhiều năm sau, còn có hai người Việt Nam, ngồi cúi đầu bày tỏ lòng quý trọng, tưởng nhớ.

Tôi xúc động muốn dứt hơi, ngưng lại thở. Nói tiếp đi. Tôi tỉnh ra và bình thần trở lại: “Về mai đến”. Ngày mai không phải là ngày hôm sau, mà là một ngày khác. Tôi đứng dậy tạm biệt anh. Anh không đứng lên nổi, sự xúc động đang nhấn anh xuống. Tôi nói thêm một ý kiến của mình: “Tôi chắc chắn nhà văn Boris Parternak hạnh phúc, bởi ông đã không muốn đổi thành người khác. Và tôi cũng tin chắc có hàng triệu triệu người Nga kiêu hãnh vì có ông, một người Nga biết chọn sống như thế và chọn chết như thế”.

Không có lời phê phán về sự ra đi hay ở lại của người cầm bút. Miễn sao sự chọn lựa là xác lập một thái độ.

Một ngày khác đã không đến. Bỗng nhiên anh trở bệnh nặng. Thế cũng may, anh không phải nghe thêm một câu chuyện tàn nhẫn. Bầy từ tội trong một bức ảnh đen trắng đã hoen ố. Nga hoàng, năm người con, hoàng tử, công chúa và một nữ quân gia trung niên. Người thứ tám, một bác sĩ riêng của gia đình Nga hoàng, được tha nên vắng mặt. Người quân gia cũng được tha nhưng bà tự nguyện cùng chết. Buổi sáng mùa đông nơi một vùng băng giá nào của nước Nga. Có tuyết

trắng xóa trên mặt đất và những gốc cây sồi (thân cây đã được cưa và lấy đi) phía sau lưng là những hố sâu đã được đào sẵn bằng xe ủi. Buổi sáng ấy họ sẽ bị hành quyết, không phải sự kết tội của nhân dân Nga, bản án từ tòa án, mà là một mệnh lệnh từ quyền bính. Ân huệ sau cùng của họ không phải là một bữa tiệc, cũng không phải một lời ước nguyện. Họ xin được mở mắt, đừng bị mất họ. Và như thế, buổi sáng ấy, những loạt đạn của cuộc cách mạng vô sản Xô viết đã bắn vào những trẻ em và một người đàn bà vô tội. Xô ngã xuống. Ủi đất lấp bằng. Mất tích. Mai kia đâu còn dấu vết.

Tôi trở lại không còn được đọc thơ tôi cho anh nghe. Không đề nhắc đến chuyện gia đình Nga hoàng. Mà đề thấy chị diu anh từ trong phòng ra, gần như đặt anh ngồi xuống ghế, tiếp khách. “Anh Khoa Hữu đến thăm”. Anh gật đầu nhẹ, nhưng hỏi lại : “Khoa Hữu nào ?” Lời nói ngắt quãng, âm thanh khàn rè không còn rõ nữa. Chị không ngồi xuống ghế mà đi vòng vòng quanh bàn, nói như than thở: “Cháu Châu bán báo ế ảm sắp đổi nghề khác. Đưa con trai làm công nhân xa nhà, một tuần mới về. Anh thì ngã bệnh nặng”. Tôi xin lỗi chị, xin lỗi cả những người thân yêu của chị. Lẽ ra không nên viết ra những dòng chữ này, nhưng tôi đã viết ra vì sự kiêu hãnh. Gia đình chị đang chịu đựng với sự chịu đựng chung vận mệnh đất nước.

Khi tôi xin phép về, chị không thể tiễn tôi. Tôi băng ngang sân gạch tự mở cổng. Một con chó cái xích ở góc sân hực lên những tiếng gầm gừ. Khi ra đến đường, nắng hắt dưới chân, cây cảnh trên cao thành những hình thù cổ quái. Khe hai bờ đá đang mọc lên những loại cỏ cây vô danh, và một loại hạt hèn mọn cũng đã nảy mầm. Tôi bước vội, thoáng qua tâm trí một về câu đối của Cao Bá Quát : *“Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái”*. Chưa bao giờ tôi thấy thấm thía một nỗi buồn như thế. Về đến nhà, Thanh hỏi thăm bệnh tình anh. Tôi trả lời: “Còn thở, đã gần như vô tri giác”. Thanh đòi tôi đưa đến viếng anh. Tôi sững sờ: “Sao lại nói thế ?”. Thanh cãi tôi: “Thăm người bệnh nhưng viếng người chết. Anh Lý Hoàng Phong chẳng như đã chết rồi còn gì ?”

Một buổi tối, tôi nhận điện thoại của Dương Nghiễm Mậu. Từ đầu dây bên kia nghe giọng anh rất lạ, ngập ngừng, xúc động. Tôi hỏi có tin dữ hả? Anh Lý Hoàng Phong mất rồi. Sáng mai 8 giờ làm lễ tại nhà thờ Cát Lái, rồi hỏa táng. Tôi hỏi

lại Mậu mới biết tin à. Mậu nói : tôi không có ý định báo tin cho ai, dạo sau này nghe anh ấy nhắc đến bạn luôn, nên báo tin. Rất ít người biết. Cảm ơn.

Buổi sáng, tôi dậy sớm, đi và đến sớm. Con đường Điện Biên Phủ một chiều thẳng tắp. Xa lộ. Cầu Sài Gòn. Rẽ trái đường đá bụi làng báo chí. Đường số 1. Ngoại ô, gió thổi bạt, mây xám có mưa hạt nhỏ. Những đoạn đường trong trí nhớ tôi thỉnh thoảng đến đón anh, anh ngồi nhẹ tênh, cho tôi cảm giác anh đã rớt xuống một chỗ nào đó dọc đường.

Hôm nay tôi lại qua đoạn đường này có thể lần cuối cùng.

Tôi dừng lại trước linh cữu anh, những cánh cửa nhà đã mở rộng, im lặng, chiếc quan tài gỗ, di ảnh anh, không vòng hoa, không vòng cườm, không cả tiếng khóc. Có lẽ vì nỗi đau thương quá lớn. Tôi đứng im lặng, cúi gập người, không thấp nhang, nhưng trong tâm can tôi những nén nhang vĩnh biệt đang cháy rực đỏ. Tôi cúi người một lần nữa rồi quay ra. Nơi những chiếc bàn trước cửa, xa tận ngoài con lộ số 1 đã có 5 - 7 người quen biết anh đang cười nói, nghe như đang tranh luận vấn đề gì. Tôi xách theo một cái ghế, kiểm chỗ ngồi một mình. Cái xác ướp đã ngã xuống thật rồi, bật ngửa. Bây giờ, anh nằm lặng lẽ xuôi tay, hai mắt khép lại trong áo quan, chẳng thèm nghe, chẳng thèm nói. Cái im lặng thân nhiên, bất cần. Anh đang giả chết hay đã chết thật lần thứ hai?

Dương Nghiễm Mậu đến, rồi Nguyễn Nghiệp Nhượng đến. Mậu không biết đi xe nên người con trai chở anh. Hai người cùng vào lễ viếng, rất lâu. Hai nhà văn nổi danh một thời cộng sự với anh thân thiết. Mậu thường nói với tôi: “Anh Lý Hoàng Phong là người được Mậu quý trọng nhất”. Chúng tôi bắt tay nhau, bắt chợt như một câu hỏi còn bao lâu nữa đây? Cũng sẽ đến. Giờ động quan. Đám đông những người quen biết anh quanh khu làng báo chí cũng lần lượt ra về, vui vì một câu chuyện vui nào đó chưa kết thúc. Chín người tiễn đưa anh: vợ con anh và ba người bạn trẻ gồm tôi, Mậu và Nhượng. Chiếc xe chạy từ từ hướng trở lại xa lộ rẽ trái vào nhà thờ Cát Lái. Nhà thờ đang sửa chữa hoặc đang mở mang, gạch, đá, cát để đồng ngoài sân rộng. Trong thánh đường một số đồng giáo dân đã ngồi sẵn chật kín những hàng ghế đầu. Vị cha xứ ra tận cửa đón linh cữu anh.

Khi thánh lễ bắt đầu, tiếng nhạc, tiếng kinh cầu, tiếng hát lễ hòa lẫn trong sự trang nghiêm mềm lòng. Những ngọn nến

trắng cháy - ngọn lửa như bùng lớn trong mắt tôi. Tôi cúi đầu xuống .

Hơn hai mươi năm anh đã được sống như một loài thú. Hôm nay chị, các cháu, bạn hữu anh và những người Kitô-hữu xa lạ trong ngôi thánh đường này tiễn biệt anh trong tình yêu thương thật của đấng Christ và dâng anh lên Ngài.

Cầu mong anh bước qua cửa địa ngục, nơi chúng tôi còn ở lại.

Saigon, KHOA HỮU

TRÍCH VĂN LÝ HOÀNG PHONG

Sơ lược tiểu sử: Tên thật Đoàn Tường, sinh tại Huế. Là anh ruột của nhà thơ Quách Thoại. Trong nhóm chủ trương tạp chí Sáng Tạo, Văn Nghệ. Biên tập viên đài phát thanh SG. Ông mất tại Saigon

LÝ HOÀNG PHONG

Sự đuổi bắt không cùng

¶*Mí mắt hần mỗi lần, hần nhắm mắt lại, và đến lúc hần sắp chìm vào giấc ngủ, trong một tiếng nổ vang động và một tia chớp sáng chói, hần tưởng như đã vượt khỏi bức tường của tâm tôi và đã cảm nhận được sợi dây của sáng tạo, cũng chính trong giây phút đó, hần hiểu rằng, cái thực tại mà hần tìm kiếm hần chỉ có thể đạt tới trong giây phút ngắn ngủi và nơi biên giới mong manh đó của đời sống và sự đuổi bắt của hần vẫn là một sự đuổi bắt không cùng...* ¶

Tiếng la của thằng nhỏ thức hấn dậy. Hấn chồm ra ngoài phía bếp, chụp lấy cái xô, chạy vào phòng, nâng thằng bé dậy, kéo quần nó xuống. Thằng bé dựa người vào vai hấn đái xuống xô. Xong nó nằm ngay xuống giường, nhắm mắt ngủ. Hấn đặt cái xô xuống dưới gầm giường, ngả người xuống. Hấn nhìn về phía cửa sổ nơi phòng ngoài. Hình như trời sắp sáng. Hấn xây nghiêng người, cố tìm lại giấc ngủ. Hấn chợp đi một lúc. Mờ mắt ra thì đã nghe tiếng xe chạy ngoài đường phố. Bên cạnh hấn, thằng bé vẫn còn ngủ say. Hấn bấm cây đèn ngủ, cầm tờ báo đặt bên gối, mở ra. Hấn đọc những tin tức chính trị ở trang đầu và đọc qua bài xã luận. Hấn lật vào trang trong đọc những tin tức trong nước và những tin văn đô thành.

Hấn đặt tờ báo xuống, suy nghĩ lan man một lúc rồi rời khỏi giường, đi ra phía sau. Hấn thấy vợ hấn ngồi giặt đồ bên bể nước. Hấn đến nơi bếp, châm lửa vào lò, bắt một ấm nước. Hấn cầm cái khăn lớn ở dưới chân bỏ vào trong cái xô, đặt nơi vòi nước, vặn nước cho gần đầy rồi ra đằng trước. Hấn nói với đứa con lớn đang ngồi làm bài nơi bàn học: "Đi mua bánh mì đi". Hấn đặt cái xô nước xuống, cầm cái khăn ở trong vắt nước và bắt đầu lau nhà. Hấn lau từ nhà ngoài ra đến bếp. Thằng con hấn đi mua bánh đã về. Hấn mở một hộp cá nhỏ đưa cho nó. Thằng nhỏ để bánh và hộp cá trên khay mang ra đằng trước. Hấn đến nơi vòi nước, rửa mặt và đánh răng. Nước đã sôi. Hấn súc cái bình nước, bỏ vào trong một nhúm trà rồi rót nước nóng vào. Hấn đợi một lúc rồi rót nước trà vào một cái tách, ngồi xuống trên một cái ghế đầu, hớp từng ngụm. Thằng bé lại la lên trong phòng. Hấn chạy vào cởi quần cho nó và đặt nó xuống trên cái xô. Hấn trở ra uống cạn tách trà. Thằng nhỏ ở trong phòng đi ra. Hấn đưa nó đến nơi vòi nước rửa đít, vào trở lại lấy cái quần ra mặc cho thằng bé. Rồi hấn trở lại trong phòng, cầm cái xô đưa ra sau nhà cầu. Vợ hấn nói: "Anh cho thằng Bê uống thuốc đi". Hấn trở vào đến nơi tủ thuốc, lấy cái gói nhỏ, đổ một thứ bột xam xám vào trong cái ly rót vào tí nước lạnh, đem ra ngoài trước.

Thằng nhỏ đang say ngủ trên đi-văng. Hấn đập vào đùi nó cho đến khi nó mở mắt. Hấn kéo nó ngồi dậy, đưa cái ly vào miệng cho nó uống rồi đặt nó nằm xuống. Hấn trở vào phòng, mặc áo quần, cởi lên xe gắn máy, ra đi.

Hắn gặp Hoàn trước cửa tòa báo. Hoàn nói: "Hình như ông chủ bút muốn nói gì với anh". Hắn vào tòa soạn đến nơi bàn Duy, hỏi: " Cái gì vậy?". Duy nhìn hắn với vẻ mặt sa sầm, chỉ xuống tờ báo trên mặt bàn, hất hàm: "Cậu viết bài gì kỳ vậy?". - "Thế nào?". - "Cậu viết vậy không sợ đụng chạm sao?". - "Nhưng sự thật là như vậy". - "Tôi có bảo cậu viết sự thật đâu". - "Nhưng, nhưng...". - "Cậu nên nhớ là cậu đến đây không phải để tìm sự thật". Hắn như sực tỉnh, gục đầu, nói nhanh : "Tôi quên mất. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi viết như vậy. Có lẽ vì hôm qua mệt quá." Duy nhún vai: "Ồ quên, quên...".

Hắn ra ngoài tiệm hủ tiếu, kêu một tô mì và cốc cà phê nhỏ. Hắn ngồi xoay lưng ra ngoài nơi cái bàn ở góc trong. Làm thế nào để có thể khỏi quên, khỏi quên. Làm thế nào để nhớ luôn luôn là mình kiếm ăn chứ không phải đi tìm sự thật. Làm thế nào để nhớ luôn luôn như vậy, suốt đời, kiếm ăn, kiếm ăn, kiếm ăn. Làm thế nào để quên lãng sự thật, quên lãng sự thật. Vợ hắn thì lại nói khác : "Anh lúc nào cũng sống trong mây. Anh không bao giờ biết sự thật là cái gì." Ông chủ bút nói cũng đúng, vợ hắn nói cũng đúng. Hắn không bao giờ biết sự thật là cái gì. Hắn phải kiếm ăn chứ đừng đi tìm sự thật. Không bao giờ biết sự thật là cái gì. Hắn không phải là một đứa con nít. Thế nhưng hắn không thể nào nhớ mãi được. Một lúc nào đó hắn sẽ lại quên đi. Có lẽ hắn phải đổi việc. Thế nhưng có việc gì mà không một lúc nào đó, quên đi.

Hắn ăn tô mì, uống cà phê rồi trở về. Hắn ngồi vào bàn, trước cái máy chữ. Hắn lấy mấy tờ báo ngoại quốc trong cái sơ mi trên bàn, cầm đọc. Hắn nhìn cái hình của Mao Trạch Đông, cái trán cao, đôi mắt lộ lộ.

Hắn nhìn cái mặt vuông vắn, bất động và ngĩ: " Con người này chắc không bao giờ quên". Hắn đọc xong mấy bài báo rồi lấy giấy bỏ vào máy, bắt đầu đánh. Hoàn đến bên cạnh hắn hỏi: "Anh viết cái gì đó?". Hắn nói: "Công xã nhân dân". Giữa bài viết hắn dừng lại nhìn vào mấy bức hình trên tờ báo mở ra trước mặt. Hắn nhắm mắt lại, và thấy những đoàn người mênh mông, lúc nhúc như sâu bọ và trên đoàn người đó là con người vĩ đại không bao giờ biết quên. Và bỗng nhiên con người vĩ đại ngã xuống chết, chết như mọi người, trở thành bộ xương, và đoàn người tan biến đi. Hết, không còn cái chủ nghĩa đó nữa, và hắn được giải phóng, hắn khỏi phải mãi mãi ngĩ đến nó.

Làm sao có thể không quên đi, quên lãng, quên lãng bởi vì thực tại là một cái gì không thể nào cầm nắm được trong tay như một đồ vật, nó tan biến đi trong nắm tay như khói mù. Hấn cúi xuống bàn máy, tiếp tục đánh nốt bài báo.

Quá trưa, hấn ghé đến tiệm cơm và gặp Hoạt ở đây. Sau bữa ăn, Hoạt hỏi hấn: "Hồi này không thấy cậu viết gì?". Hấn nói: "Tôi viết mãi một cái truyện không xong". "Truyện gì?". Hấn suy nghĩ một lúc: "Tôi không biết phải gọi nó là truyện gì. Tôi cũng chưa đặt được đầu đề. Tôi đã có cốt truyện. Nhưng khi tôi viết nó ra rồi thì không phải như vậy. Thật ra tôi muốn viết về cuộc chiến tranh này". Hoạt lắng nghe, không nói gì. Hấn mỉm cười nói tiếp: "Viết truyện là một sự đuổi bắt không cùng. Lúc đầu mình chỉ muốn nói đến một sự việc. Nhưng nó lại dẫn dắt mình đến những chỗ không ngờ. Viết về cuộc chiến tranh này thật mệnh mông."

Hoạt ra đi. Hấn ngồi lại với ly cà phê đã nguội. Quán đã vắng hấn, chỉ còn một mình hấn. Câu truyện lại trở về với hấn. Những nhân vật, những hình ảnh quen thuộc lại hiện ra, và bắt đầu hoạt động trong trí tưởng của hấn. Hấn nghe một tiếng nói rõ ràng: "Tôi không ngần ngại nói lên sự phi lý của cuộc chiến này. Tôi chấp nhận sự phi lý trong lúc chiến đấu. Tôi khác anh. Tôi không tự dối tôi. Tôi không tự bịt mắt trước thực tế của cuộc sống mà tôi thấy được. Có lẽ tôi đau khổ hơn anh nhưng tôi còn hy vọng tìm được sự thật."

Có phải như thế chăng? Có phải nhân vật đã nói, phải nói như vậy? Còn nhân vật đối diện, sẽ nói thế nào, sẽ nói thế nào? Hấn biết gì về cuộc chiến này. Ngoài những bài báo, những tin tức, những lời tuyên bố, những lời bình luận, phán đoán, tiên tri, và sự im lặng của những xác chết. Hấn không bao giờ biết hết được. Mỗi ngày hấn ngụp lặn, chìm đắm giữa những tin tức, những bình luận, những tuyên bố, những phê phán, những tiên tri đó, thế nhưng hấn đã biết được gì?

Ngoài đường ánh nắng đã dịu. Hấn tự hỏi không biết phải mượn ai số tiền để tiêu đến hết tháng. Hấn nhớ đến những số nợ phải trang trải. Hấn trả tiền cơm, lên xe, trở về tòa soạn. Hoàn còn ở đây. Hấn hỏi mượn Hoàn số tiền dự tính. Hấn nhẹ hấn người khi Hoàn chịu cho hấn vay đủ số. Bỏ tiền vào túi, hấn thấy lúc này là cơ hội để hấn đi mua một cuốn sách hấn

định mua từ lâu. Hấn lên phố, thả bộ dọc theo những hàng sách. Hấn nhìn thấy nhiều cuốn sách mới mà hấn chưa nghe nói tới và hấn không hiểu khi nào hấn mới mua được, và đọc được. Đến khi thấy được cuốn sách hấn định mua, hấn lại ngần ngừ không muốn mua nữa. Hấn tự hẹn thôi để tháng sau.

Về đến nhà hấn thấy vợ đang nấu cơm nơi bếp. Hấn đưa số tiền cho vợ. Vợ hấn hỏi: "Thế còn tiền trả nợ?". Hấn nói: "Để tính sau". Hấn vào phòng, thay quần áo, nằm xuống giường, cầm cuốn sách đọc dở đặt bên gối lên. Hấn đọc hết những trang còn lại. Khi hấn trở dậy ra ngoài trời đã tối. Thằng con lớn của hấn đã đi học về. Hấn cởi áo quần hai đứa con nhỏ của hấn, tắm cho chúng nơi cái vòi nước. Vợ hấn đã dọn cơm trên bàn.

Sau bữa cơm, vợ hấn dỗ mấy đứa nhỏ đi ngủ.

Mấy đứa nhỏ đã ngủ. Hấn đến ngồi bên cạnh vợ trên đi-văng. Vợ hấn hỏi hấn mượn tiền ai. Hấn kể lại chuyện mượn tiền cho vợ hấn nghe. Thằng nhỏ đang ngủ đái mé trên đi-văng. Vợ hấn đi ra sau lấy khăn lau. Hấn đứng dậy, ra phòng ngoài, ngồi xuống nơi bàn viết. Hấn ngồi một lúc trước bàn máy đánh chữ, cố gắng dự tính những điều hấn sẽ viết trong những trang tiếp theo của cuốn truyện. Hấn nhớ đến câu nói của một nhân vật trong truyện hấn nghe vọng lên khi hấn ngồi trong quán sau bữa cơm trưa. Hấn bắt đầu đánh lên trên mặt chữ.

Đến khuya hấn được ba trang giấy. Hấn đã thấy mệt mỏi. Hấn cầm lấy mấy trang giấy và đọc lại. Hấn thấy thất vọng. Những giòng nhạt nhẽo, vô vị. Hấn mở cái kẹp giấy lấy ra tất cả những trang hấn đã viết được và đọc lại từ đầu. Hấn đọc nhanh, vô vấp những giòng chữ. Đọc hết câu cuối cùng, hấn đặt cả xấp giấy lên bàn máy dựa người ra đằng sau ghế. Hấn đã không nói được những gì hấn muốn nói về cuộc chiến tranh này. Hình như càng đi tới, hấn lạc dần giữa những mê lộ. Hấn không còn nhận được phương hướng. Hấn sa lầy và mất tích. Hấn nhớ lại câu hấn nói với Hoạt: "Viết về cuộc chiến tranh này thật mệnh mông". Nhưng hấn vẫn không mất tin tưởng một khi nào đó hấn sẽ cảm bắt được điều hấn theo đuổi và đối với hấn thì đó là lúc hấn tìm gặp được hòa bình, hòa bình trong tâm trí, đối với người đang chiến đấu cũng như người đã chết. Hòa bình bởi vì sự thật đã được trông thấy.

Hấn bước ra sân, đến dựa người vào cánh cửa ngõ, nhìn ra

ngoài. Đêm yên tĩnh làm dịu những xao động trong trí tưởng hấn. Hấn trở vào nhà, tắt đèn và nằm xuống giường bên cạnh đứa con hấn đang ngủ say. Trong bóng tối, hấn nằm mở mắt, dần dần cuốn truyện lại trở về với hấn và những nhân vật, những hình ảnh lại bắt đầu hiển hiện như một cuốn phim trên màn bạc. Mí mắt hấn mở dần, hấn nhắm mắt lại, và đến lúc hấn sắp chìm vào giấc ngủ, trong một tiếng nổ vang động và một tia chớp sáng chói, hấn tưởng như đã vượt khỏi bức tường của tâm tối và đã cảm nắm được sợi dây của sáng tạo, cũng chính trong giây phút đó, hấn hiểu rằng, cái thực tại mà hấn tìm kiếm hấn chỉ có thể đạt tới trong giây phút ngắn ngủi và nơi biên giới mong manh đó của đời sống và sự đuổi bắt của hấn vẫn là một sự đuổi bắt không cùng.

(Tuần báo Khởi Hành, số 30 ngày 20-11-1969)

(nguồn: Văn Miền Nam Tập II, Thư Án Quán xuất bản năm 2009)

SƯU TẬP NHỮNG TRANG BÁO CŨ

Tạp chí Sóng

Bộ mới số 1 phát hành ngày 1 tháng 5 năm 1971

NỘI DUNG

SÓNG

SỐ NÀY

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐÓNG MỖI NĂM THU NHƯ SỐ 1 THÁNG 5-1971

Trung tâm ca	1	Bertold Brecht, HÀ THỨC SINH dịch
Em gái cánh tay hư vô đen	3	CUNG TÍCH DIỄN
Phông văn Võ Hồng	14	SÓNG
Chiều cuối năm	21	VIỆM DINH
Thơ năm chữ	23	CHU TRẦN NGUYỄN MINH
Những đêm nằm rừng Katum	26	LÂM CHƯƠNG
Chỗ đứng	28	NGUYỄN LỆ UYÊN
Thư gửi Nhất Hạnh	35	NGUYỄN BÁC SƠN
Miền lệ xanh	41	KIM TUẤN
Năm ba mươi tuổi	43	LÔI TAM
Thư tình tháng tư	44	TẦN VY
Con đường trắng	46	TRẦN HOÀI THU
Điện khúc buồn trong quán		
cà phê màu vàng	53	HẠC THÀNH HOA
Ru hồng giọt nắng ru tà áo bay	55	TÙ THẾ MỘNG
Trước mặt sau lưng	56	NGUYỄN LÊ LA SƠN, THUY MIÊN
		HỒ SƯƠNG HUYỀN, TRẦN PHÚ THẾ
Nhà tướng số	71	Vilhelm Moberg NG. NGỌC BÍCH dịch
Một cõi đời riêng	81	MANG VIÊN LONG
Thời những trái tim hồng	92	VÔ HỒNG, TÙ KÊ TƯỜNG, PHAN THỊ
		THU MẠI, THUY MIÊN cộng tác và
		phụ trách
Sóng xa gần, Hợp Sóng	100	

phụ đính đặc biệt
nhạc **VŨ THÀNH AN**
họa **NGUYỄN NHO CHÂU**

Đại Ấn Quán **KIM CHÂU** 24, Nguyễn An Ninh — SAIGON

KD Số 13/DDTT/QKA/GP ngày 08-4-1971.

*Tạp chí Sóng, số đầu tiên phát hành tại Tuy Hòa vào năm 1969. Hai năm sau, tạp chí dời tòa soạn về Saigon. Qui tụ hầu hết những người viết trẻ thời chiến
Rất tiếc, tạp chí chúng tôi hiện có, bìa bị mất, chỉ còn ruột.
Chúng tôi xin được trích/ sao chụp một số bài trong tập này.*

ĐIỆP KHÚC TRONG QUÁN CÀ PHÊ MÀU VÀNG hạc thành hoa

Mưa tha thiết để trời hôm mau tối
Khói bên sông rời mái lạnh bay lên
Mưa vật vờ giữa đất trời tuyết vọng
Mưa bàng hoàng trông theo một cánh chim

Có một lần mưa sa vào quán trọ
Gặp vàng trắng non trong tách cà phê
Vàng trắng nhỏ nụ cười no ánh sáng
Nhạc đưa lòng lên nhịp vỗng đam mê

Vàng trắng đã khiến người yêu cảnh lạ
Lòng ngại về trên lối cũ đường quen
Hồn lượn quanh vành ly chờ trắng hiện
Uống trắng đầy cho vàng cội trời đêm

Mưa từ đó bỏ dòng sông đi biệt
Theo nguyệt vàng lạc giữa cánh đồng sao
Mưa từ đó dựng tượng sầu trong quán
Lặng cúi đầu trên mặt nước xanh xao

Từ độ đất trời mưa mù mịt
Ta và người vẫn cách núi sông ngăn
Chân đã mỏi mà người chưa chịu đến
Cây đã vàng mà nụ chưa đơm hoa
Tim đã héo mà người chưa chịu hái
Chiều sắp tàn nắng ủa đọt cây xa

Chỉ một lần người cho ta được thấy
Nụ cười thơm bông sứ ngát trong hồn
Và một thoáng sương mù trong mắt biếc
Một chút lời xa vắng của sao hôm
Rồi từ đó mây lang thang đầu ngõ
Tóc dây leo không chịu hướng vai mềm
Pho tượng cúi đầu giữa vườn hoa tím
Muôn hồn sao ấy nẩy giữa trời đêm

Nhịp vỗng vẫn đưa buồn trong mưa rụng
Sao đã nở mà trăng vẫn mù khơi
Sương đã trắng ở đầu non chờ đợi
Mà thu vàng còn e ấp xa xôi

Rồi bỗng một ngày sương tan đầu ngõ
Nhịp vỗng ngừng còn lại tiếng mưa vang
Vàng trắng nhỏ tách cà phê đã mất
Nhạc đưa hồn vào xa vắng mênh mang

Mưa tha thiết để trời hôm mau tối
Khói bên sông rồi mái lạnh bay lên
Mưa vật vờ giữa đất trời tuyệt vọng
Mưa run run nhìn cỏ khóc trước thềm...



TRUNG TÂM CA **bertold brecht** **(Hà Thúc Sinh dịch)**

Và người tình đã cất bước ra đi
vị hôn thê chạy theo chàng níu kéo
Níu kéo và khóc than,
khóc than rồi dặn dò:
"Anh yêu, anh yêu dấu của em
Khi anh ra mặt trận như lúc này đây
Khi anh đánh giặc vào một ngày mai

Dừng nhào lên hàng đầu
 Dừng thụt lại hàng sau
 Tuyên đầu là lửa đỏ
 Khói đỏ ở phía sau
 Hãy len vào chính giữa
 Ở gần bộ đầu số chiến tranh
 Người đi đầu luôn luôn bỏ mạng
 Người đi sau cũng bị bắn nát
 Chỉ những tay đi giữa mới trở về nhà ..."

dịch theo một đoạn thơ nhan đề *The song of the center* trong vở kịch
The Caucasian Chalk Circle

Bản tin Sóng .. Xa Gần

SÓNG



● Khí nhà văn nhà giáo tháo mồ hôi

Những nhà giáo văn nghệ sĩ vừa mới vào quân trường, trong khóa vừa qua, kẻ cũng hơi đông như Nguyễn lệ Uyên, Cao huy Khanh, Huỳnh Phan, Vũ Đức Sao Biển... Quân trường tháo mồ hôi, lại thêm kỷ luật sắt thép của nhà binh, có lẽ các anh sẽ đổi những giọt mồ hôi đó bằng những sáng tác phẩm thật ưng ý sau khi mãn khóa.

Giai đoạn quân trường thì mệt rồi, phải để thi giờ cạo râu, đánh giày và nằm tuyến. Hy vọng sau khi được biệt phái về dạy học lại, các anh vừa gỡ đầu trẻ, vừa sáng tác mạnh, để khỏi làm buồn lòng những độc giả đang trông chờ.

● Mừng cho nhà thơ Phạm văn Nhân một phát.. (1)

Được tin mừng nhà thơ Phạm văn Nhân vừa tìm được người mệnh đề du dương bắt đầu từ ngày 17/4/71. Anh em văn nghệ mừng một phát cho nhà thơ đã già từ chiếc ghế bố chật hẹp. Riêng anh em Sóng thành thực chúc hai người giữ chặt nhau trọn đời, thương nhau hết kiếp, sáng tác mạnh đều đều... để đứa con đầu lòng sớm có mặt. ■

SONG 1

● Tập chí Nguồn và tập thơ đầu tay của người đã chết (2)

Mặc dù gặp nhiều khó khăn đủ mọi khía, anh em Nguồn : Vinh Điện ở Quảng Nam cũng đã cố gắng ra số 2 và 3. Trong những số đã có mặt, Nguồn đã thu thập được rất nhiều tài liệu về hai nhà thơ chết trẻ là Nguyễn Nho Sa Mạc và Nguyễn Nho Nhựn. Song song với tờ báo, anh Đĩnh trâm Ca, người chủ trương tạp chí cũng đang sửa soạn cho ấn hành tập thơ đầu tay của Nguyễn nho Nhựn, một nhà thơ nổi tiếng trong những năm 1966-1968. Mong thi phẩm trên sớm ra mắt, cho anh em yêu thơ được thấy bóng người chết về theo những dòng thơ tuyệt diệu. Cũng nên nhắc lại Nguyễn nho Nhựn là một trong những người cộng tác thường xuyên với Sóng bộ cũ. Tính đến nay đã có ba người bỏ Sóng ra đi vĩnh viễn : Y Uyên, Nguyễn nho Nhựn và Tô đình Sự.

● Cơ sở Vườn lên ra quân

Cơ sở Vườn lên do Hà thúc Sinh chủ trương vừa ra quân với hai tác phẩm : Ta đi trong vườn địa đàng, thi phẩm của Yên Bằng và tuyển truyện các tiểu quốc Âu Châu gồm 9 truyện do Hà thúc Sinh và Nguyễn ngọc Bích dịch. Theo anh Hà thúc Sinh, Vườn lên sẽ tiếp tục in một quyển tiểu luận về thơ Kinh tự, và 1 tập truyện của một tác giả ít viết truyện nhưng mỗi truyện viết là một độc đáo. Được hỏi tên các tác giả hai tác phẩm trên, anh chỉ cười và bảo chờ sẽ biết. Thời, chúng ta đành chờ vậy. Cũng nên biết thêm, khi Vườn lên chưa ra quân, Hà thúc Sinh bị trộm cạy cửa vào nhà lấy hết đồ đạc, đáng tiếc là những kỷ vật yêu quý nhất đời của anh cũng bay mất. Sóng thành thật chia buồn với nhà thơ, và mong nhà thơ lo cho Vườn lên sẽ Vườn lên mãi chứ không xui xuống.

● Nhà thơ Luân Hoán mở sạp sách.

Nhà thơ Luân Hoán, sau khi đã hiến tặng một bàn chân trái

SONG 1

cho cuộc chiến tranh này, đã giải ngũ và sinh sống qua ngày với nghề dạy học tại Đà Nẵng.

Gần đây, anh lại mở một quán sách tại số 12N đường Hùng Vương, Đà Nẵng. Quán này mang tên đứa con gái đầu lòng của anh (Quán Hòa Bình). Từ nay, các bạn ở Đà Nẵng muốn có đầy đủ sách báo tạp chí văn chương, hãy đến quán Hòa Bình của Luân Hoàn, và cũng mong các bạn cố động cho quán sách này hầu giúp anh đủ sống trong thời buổi khó khăn này.

● Cơ sở Đồng Dao và tập thơ Nguyễn Bắc Sơn (3)

Khi Sóng số 1 ra mắt bạn đọc, cũng là lúc nhà xuất bản Đồng Dao cho lên khuôn tập thơ Nguyễn Bắc Sơn. Đây là một dòng thơ mới xuất hiện như một hiện tượng gây ngạc nhiên thích thú cho những người yêu thơ trong thời gian qua. Hy vọng khoảng trung tuần tháng 5 tập thơ sẽ có mặt khắp nơi. Sau đó Đồng Dao sẽ cho ấn hành tiếp tập thơ Ngà cánh tay Nường của Từ thế Mộng, tập thơ của Hoàng Lộc và một tập truyện của Nguyễn Lệ Uyên. Đây là một nhà xuất bản tạo nên những mối lạ về nội dung cũng như hình thức, mà người chủ trương nó lấy vốn làm lời.

● Nhà thơ Nguyễn Phương Loan sắp... khùng (4)

Một lá thư viết về từ căn cứ số sáu nhà thơ Nguyễn phương Loan cho biết anh sắp khùng đến nơi, vì những trận bom những lần tấn công, những lần thất thủ. Anh nói báo chí viết nhiều đến căn cứ số 6, nhưng chỉ bằng 1/10 so với những người trong cuộc. Tuy nhiên giữa hoàn cảnh sống dờ chết dờ đó, anh cũng đã viết được tập nhật ký rất dày và sẽ trình làng 1 ngày gần đây. Cũng mừng cho anh, sống được đã là may, viết được càng may hơn nữa.

● Một bức tượng đồng cho Y Uyên (5)

Nhân ngày giỗ thứ ba của Y Uyên, một số thân hữu của nhà văn quá cố, đã nhờ điêu khắc gia Đỗ Toàn tạc cho Y Uyên một bức tượng. Bức tượng này sẽ đúc bằng đồng và sẽ được đem về dựng trước mộ Y Uyên tại nghĩa trang quân đội Gò Vấp.

Công việc đúc tượng này, theo nhóm tổ chức, « chỉ là một chút đóng góp lưu lại bên nấm mộ của người bạn, một người đã thực sự hy sinh xương máu và công lao cho kẻ còn ở lại »

Nhóm tổ chức cũng mong mỗi sẽ nhận thêm được « sự tiếp tay đóng góp của bằng hữu và đồng nghiệp xa gần ». Thư từ liên lạc, xin gởi cho người đại diện : Trần huyền Ân, Ty tiểu học Phú Yên.

● Nhắn tin

Đề cho mục Sóng Xa Sóng Gần đầy đủ sinh hoạt khắp nơi mong quý bạn gửi tin về chúng tôi để tạo nên những nhịp cầu văn nghệ. Chúng tôi sẽ đăng tất cả những bản tin văn nghệ nhận được, ngoại trừ những bản tin đã quá mất thời gian tính cũng như những bản tin quá dễ cao : cá nhân hay một nhóm dễ gây hiểu lầm cho bạn đọc. Mong sự cộng tác của các bạn. Thành thật cảm ơn trước.

Tòa soạn chú thích:

- (1) PVN không phải là nhà thơ. Anh hiện chủ trương tạp chí TQBT.
- (2) TQBT đã sưu tập và thực hiện thi phẩm **Vàng Lạnh** của Nguyễn Nho Sa Mạc, cùng một số TQBT chủ đề NNSM. (Tập 19 tháng 4-2005)
- (3) TQBT đã sưu tập và tái bản thi phẩm **Chiến Tranh Việt Nam và tôi** cùng một số chủ đề về NBS (tập 20 tháng 7-2005)
- (4) Nhà thơ Nguyễn Phương Loan đã tử trận sau đó vì một miếng đạn pháo trúng và nằm ngay trong phổi. Anh đã vĩnh viễn nằm xuống sau một cơn giải phẫu không thành. Xin đọc TQBT tập 34 tháng 12-2008)
- (5) Tạp chí TQBT đã thực hiện một số chủ đề Y Uyên, đồng thời phát hành tập truyện "**Y Uyên - Tuyển truyện thời chiến**", nhằm bảo trợ việc tái trùng tu tượng đồng Y Uyên (bị kẻ gian xẻo lổ tai sau 1975). Mời đọc tập 18 tháng 2-2005.

Phiet Q Tran

My Father

An important member of my family did not travel to the US to reunite with me. My father, who had experienced so much transmigration in his lifetime (leaving his native place in Quảng Bình to seek fortune in Dalat where he and his bride had made their home and I was their firstborn), did not want, as he told his tearful daughter-in-law, “to see my bones deposited in a foreign land.” When learning that I was making application for the family to come to the US (after all my attempts to repatriate had failed), the old man repeatedly urged my wife to seize the opportunity immediately. The day of their departure, my wife reports, Father left home early, saying that he was going to visit my brother’s family in Đà Nẵng, probably he couldn’t bear seeing his grandchildren leave him for good. But as soon as the family was about to go to the railroad station to board the train, the old man showed up, breaking down. As the family reached the railroad station, my wife panicked to discover that our oldest son had vanished. He had leaped out to return home to be with his grandfather. Luckily, the kid listened to him and barely made it back barely for the train.

It had been two years since our reunion that I had a chance to think of my father! Work and family had preoccupied me so much that the past and things and people connected to it had little or no room in my mind. Today for the first time I have remembered the old man after I had taken a strong dose of Tylenol for my fever and had fallen asleep. *In his heavy slumber the man dreamed that he was living in Trung Quán, a small village in Quảng Bình, where they arrived after their evacuation from Van La, their hometown, at the news about the advance of French troops. To provide food and lodging for*

him and his brother, the old man would take a trip every fortnight to distant villages to practice medicine. After he had left the boy fell ill and had a very high fever. Someone came to tell him not to expect his father's return because he had gone for good. The man broke down in tears, awake completely. My wife was sitting on my bed, tears in her eyes. I saw a telegram in her hand. "Father has---," she moaned. I knew what had happened. My father's death was announced to me in my sleep through a dream, except that the fact had been distorted: I had been brought back to my adolescence in order to relive the happiness of having a father and the sorrow of losing him. The person who had come with the sad news in my sleep is my wife who had the telegram but didn't want to share it with me for fear that the news would hurt me. But she couldn't keep it from me forever.

Maybe because I am still not recovered from the nightmare or maybe because the news is so shocking, I can't cry. I just stare in front of me. My mind is blank. I am amazed at how much I am different in my unconscious life from what I am in my consciousness. It is only when I live in a dream that I can connect to my past and the man I loved so deeply and be my real self.

I don't know anyone who is more unfortunate, who can't shed a tear at his father's death, can't go home to attend his burial (it is not easy to get a visa from the Vietnamese government these days when you have no connection with them), can't even tell his school his father has passed away (it would be embarrassing, even shameful, to be asked why he is not going home for his father's burial). I go to work every day, give class lectures, but my mind is blank. This goes on for several days, and then after that I start feeling the greatest loss ever in my life.

Three weeks later (communication with Vietnam is possible only via a third country, so it sometimes takes longer than that to reach relatives in the US), I get a letter from my brother. He wrote that the day after my father was about to be dressed for burial he opened his eyes and asked for me. My brother didn't

say what he had told Father about me, and when he and his family moved to the States to live I never tried to find out from him about my father's last moments. It has been fifteen years since his death now, and still I can't embolden myself to listen to his last words that my brother taped and brought to the States. I did see my father's belongings—a small bell for him to call my brother or his family because he was bedridden, a crumpled felt hat that I had seen him wear at home in Hué. But seeing such mementos would make me break down, so my wife hid them away from me.

It is said that time is the best cure for psychic wounds. But in my case for the time being my grief is increased with the passage of time. I stay quite calm at school and in class, but after work would go up to my office, close the door, and cry quietly by myself. Affectation of calm can fool others but I can't fool myself, and sorrow that I have repressed when I am in front of people comes back striking at me with a revenge when I return to my own world.

Because my health takes a toll when I perform that sort of double standard, my wife suggests that I go away a while for a change. At the invitation of Kathy Parrington, a colleague at Boston College, who takes her students on an international tour and who needs me with the French language, I join her and her students in their trip to Paris. When not accompanying the group, I explore the city. At these moments when I am all by myself my "social" self breaks down. For the first time I become so acutely aware of my father's death and my condition as an orphan at middle age! I visit some bookstores in Paris, hoping my exposure to this intellectual ambience will alleviate my depression. But it doesn't always help. Today when happening to browse a new edition of *Larousse Dictionary*, once my father's favorite reference material, at a bookstore on Rue de Seine, I am seized with a fit of intense grief. I leave the bookstore in a hurry to hide tears that are rolling down on my face!

I want to cry as much as I can. As if silent tears are not enough, sobs tear themselves from my pent-up lungs: *O Papa!*

O Papa! I moan on my way back to my hotel. More than ever do I feel the need for him though I know I cannot find him anymore. When living at home with him though I already started a family and life back then was safe, I still saw my father as a mark of continued security and protection. Married with three young children I still *lived* in an extended childhood, took for granted my father's presence in the family, never thought about the possibility of his leaving us for good some day. Since that fateful day of March 1975 though I knew I would never see my father again in this lifetime and that telegram would come some day, I was—and still am in my sleep—unprepared for the news. It is difficult to accept the death of a loved one, who is still vitally alive in us and with whom we have so many memories. Even the dead don't accept their death because of their continued love for the living. Didn't my father revive for a very short moment and ask for me after he had died the day before?

What makes the dead haunt us is their voice and their image. We see and hear them more intensely than when they were living and miss them because they are still so dear to us. Remembering them is painful but necessary, and besides we cannot help it because of our long endearing relationship with them. Because of our permanent loss of them, all that was connected to them—including what we tended to brush aside as insignificant and thought it would not cross our mind again—now surges through us and dominates all our thinking. Though Father is dead, I can easily picture him in those years gone by of the Indochina war lead me and my brother from village to village in search of a new home after ours was destroyed by the Việt Minh in their *tiêu thổ kháng chiến* [Scorch the land warfare] campaign. He is so thin in his old faded black silk tunic, worn out because of hardship but determined to see to it that his children were safe. The magic lantern turns, and in the next scene I see him return from a long business trip (he used to be away for days to see patients in remote villages to make a living for the family) with a string of mackerel in his hand and that evening my brother and I would have a sumptuous feast. These moments of the past enfold themselves in my mind like the episodes of a silent film in

which I am both a viewer and a character. Ghosts of the past as they are, the images in the film are silent but they are silent for another reason: they represent the hardest, the most painful period of my entire adolescence where mute endurance is our only course of action in the face of adversity. Only when I go down in Time to my early childhood, my happiest time ever, does the film's sound track come on. It is the voice of a middle-aged man who recites a Tu Fu's poem to lull his six-year old son to sleep on his lap. Floating with the waves of his father's soothing tune and immersing in the bliss of happy childhood the boy falls asleep fast. That is the only time I hear the sound of my father's voice. At other times his images just flit by in my mind's eye. The magic lantern turns fast and without interruption because so many memories are spawned out of the past that is being recreated. I relive some thirty years of my living with my father in the span of a few moments of remembering. Though in my dreams I occasionally hear my father, the language he speaks from the grave is so vague, inchoate, and unfamiliar that I can hardly catch its meaning. My father has lost the power of speech, belongs to a different world, and I can only communicate with him through distant memories. We are condemned to living in separate worlds, which with time will eventually alienate us from each other. I will also forget him completely. Probably because of that in my dreams he looks so sad, is often silent, and vanishes so quickly. We can never recapture the past, regain our Paradise in their entirety. In the course of a dream I always end up awakening and crying out tearfully "O Papa!" when our reunion comes to an abrupt end. In my half-awake state when consciousness is not yet fully restored in me it doesn't occur to me that my father is dead. I feel like a little child who cries because he is severed from his parent. As I become awake and realize I was not a sobbing child of years gone by but it was only a dream, tears gush out of my eyes. After waking up I still feel the pain of being separated from my father in my dream (which was so vivid) and the sorrow caused by his death in my real life.

My brother brought with him to the States some of our father's belongings among them an old faded felt hat that I

used to see him wear at home when he went out, neatly handwritten manuscripts for a book of traditional medicine and translations of classical Chinese and Vietnamese poetry (he had been hard at work on these projects for quite a while before I left the country, feeling more than ever a desire, as he had always said, to pass on his fortune to his grandchildren before his death), a tape recording of his last words to me and my family, and a little bell that my brother said he had used to ring for help from his sickbed). These mementos (are they enough to represent my father's extraordinary life?) which shed a dim light on what I did not know about my father during these long years of my absence from home—his deteriorating health condition, his being bedridden, his death—shake me tremendously. In my memory and in my imagination my father who in spite of his advanced age has a sound mind and is in good health, not one who is completely dependent on that little bell for survival, not one who is now in his grave! I dare not ask my brother about my father's last moments. It is too late to do anything for my father, I *was* not with him during his final moments, I *will* not be able go home again to visit his grave, and it is painful to speak about our memory of him now.

Seeing my father's last keepsakes deepens my grief and awakens in me an intolerable sense of guilt. His mementos that suggest the last years of his life must be tough for him. My head swarms with tons of questions, but I dare not—and don't want to—ask my brother, I only answer them to myself using my imagination. He must have been sick and bedridden for a long time. Why did he rely on that little bell if this didn't mean that there was nobody around to watch him? And that cassette tape. What does he say in it, if not to tell me how much he misses me, how much he wants to see me for the last time? I tell my wife and our oldest son to listen to the tape when I am not around, and insist that they not report to me what is in it. Hearing my father's voice again will break me down as it means his farewell to me, my greatest misfortune ever, not his singing that I used to hear at home in sleep in my childhood which lulled me to sleep, gently drifted me to pleasant dreams.

Because we tend to respond spontaneously to sounds, they provide us a powerful tool to evoke the past. The past continues to exist because our memories of it are stored in the deep recesses of our subconscious and, like the chords of a sensitive instrument, vibrate and come to the fore when our soul is struck by a sense stimulus. I for one witnessed the resurrection of the past on the highlands when I returned to my native place Dalat for a visit in the late 1950s. On a misty late evening my heart fluttered at the cry of a wild bird timidly exploring the stillness of the quasi-virgin forest to be answered by a wave of echoes from the teeming restless Nature.

The human heart is very powerful in protecting the past, but it is vulnerable to the harshness of present circumstances. My father's lullaby continues to echo in me, but though he was dead for fifteen years now I still dare not listen to his deathbed message. Seeing his belongings still breaks me down, but I eagerly devour page after page of his poems. Through his art my father is living in me, sustains my emotional life, strengthens my moral well-being. When reading him, I seem to be returning to my homeland and reliving my happy times. In art I find my ethereal past, my father is not dead, my family is united, our life is simple but happy, we are all safe and secure.

Qui-Phiet Tran

From "Pangs of Love and Memory," unpublished novel.

Editor's note:

Qui-Phiet Tran(1937-) is Professor Emeritus of English at Schreiner University Kerrville, TX.

Webpage: <http://schreiner.academia.edu/QuiPhietTran>

GIỮA TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tòa soạn nhắn tin chung:

■ Khác với những tạp chí Liên Mạng (Internet), tạp chí Thư Quán Bản Thảo là tạp chí in, phải tốn nhiều công sức và tiền bạc, nên chúng tôi tha thiết mong quý bạn nào nếu yêu mến tạp chí này, xin đừng dùng bài đã gởi cho các trang mạng hay tạp chí khác để gởi cho TQBT.

Trường hợp chờ đợi quá lâu muốn đăng báo khác, xin vui lòng tin chúng tôi để chúng tôi rút bài ra.

■ Tòa soạn cảm tạ quý thân hữu đã tự nguyện đóng góp bài vở một cách vô vị lợi. Thay vì quà nhuận bút để cà phê cà pháo, chúng tôi xin được gởi thêm báo tặng. Nếu quý bạn cần thêm bao nhiêu tập để tặng thân hữu, hoặc muốn tòa soạn thay mặt gởi tặng, xin vui lòng cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ thỏa mãn.

■ Có nhiều bạn rất lâu không nhận tin tức, chúng tôi không biết quý bạn có thay đổi nhà hay không còn muốn nhận TQBT nữa. Mong quý bạn vui lòng tin cho Tòa soạn biết, để chúng tôi cập nhật lại danh sách. Nếu quý bạn nào cảm thấy áy náy vì ngại phải "mang nợ", xin cứ bỏ tem thư tượng trưng vào trong phong bì. Loại tem \$1, \$2 hoặc \$5 là tiện nhất. (Thật ra trong lá thư Tòa soạn kỳ này, chúng tôi viết chính quý bạn mới mang niềm vui đến chúng tôi).

■ Trong hai tháng qua, cơ sở Thư Án Quán đã sưu tập, sao chụp và lưu trữ trong máy computer những tác phẩm sau đây, chỉ tặng khi có yêu cầu

- tạp chí Văn số đặc biệt về hội họa
- tạp chí Văn chủ đề Viết trong khói lửa.
- giai phẩm Văn chủ đề: Tuyển tập tháng 10, năm 1973.
- Hai số Sáng Tạo 20 và 27
- Sóng số 1 Bộ mới tháng 1-1971 (bìa mất)

Mặt khác, chúng tôi vẫn còn tặng biếu những tác phẩm đã được rao trên những số báo trước đây, nếu có yêu cầu..

■ Chúng tôi cũng vừa hoàn tất việc sưu tập, sao chụp, layout và lưu trữ trong máy một tập báo cũ tương đối khá dày và tốn nhiều công sức. Đó là Tập san **Văn hóa Nguyệt san** số đặc biệt tháng 11&12 năm 1965 chủ đề **Kỷ niệm Đệ Nhị Bách Chu Niên Thi Hào Nguyễn Du** do Nha Văn Hóa thuộc Tổng Bộ Văn Hóa Xã Hội của Việt Nam Cộng Hòa chủ trương và xuất bản. Sách dày 384 trang, khổ giấy lớn 8.5"x11" gồm những bài vở của G.S Nguyễn Khắc Hoạch, thi sĩ Đông Hồ, T.T Thích Thiên Ân, Bửu Cầm và Tạ Quang Phát, Trịnh Huy Tiến, Trần Cửu Chấn, Phạm văn Sơn, Thạc Nhân, Đàm Quang Hậu, Phạm Như Nghĩa, Châm Vũ, Thẩm Quỳnh, Lê Mạnh Liêu v.v....

Muốn có tập san đặc biệt này , xin vui lòng gửi kèm tem phí tượng trưng về tòa soạn. Chúng tôi sẽ in và gửi về quý bạn. Nhưng xin vui lòng chờ một thời gian vì sách quá dày, lại in toàn bằng graphic tốn nhiều memory thay vì Text nên rất chậm..

*** Nhà thơ LVT (VN)**

Đã nhận.. Sẽ đi dần dần

*** Họa sĩ Thân Trọng Minh (VN)**

Cảm kích lắm về mấy bức tranh bạn tặng TQBT mang qua từ quê nhà cùng một CD gần 1 Gigabyte về tranh TTM. Tại sao LK lại im lặng dài dài ? .. TQBT rất mong bài tập bút của LK. Chúc mọi điều tốt đẹp. (THT)

*** Nhà thơ Nguyễn Thanh Châu (AZ):**

Cám ơn anh đã tặng hai số báo Văn cũ. Hiện tại một số chúng tôi đã hoàn tất việc sao chụp để tặng bạn đọc. Số kia đang chuẩn bị.

*** Anh Lưu Quang Đức (PA):**

Cám ơn anh đã gửi tặng tạp chí Sóng (số 1 Bộ mới tháng 5-1973) và Thế Đứng số 1 tháng 10-1969, số 2 Xuân Canh Tuất chủ trương bởi Tô Đình Sự và Trăng Thệ Hải cùng một số tư liệu về văn học rất giá trị.

Không thể nào lại ngờ mấy mươi năm sau, chúng tôi lại được thấy lại những trang báo cũ mà chỉ nghe tên cũng đã quá bồi

hồi. Cả một thời si đắm vẩn chương như thấy lại !

■Thư của Bác sĩ LDK (Hoa Kỳ) (trích)

Tôi đã nhận được sách của Anh sáng hôm nay. Tôi đọc một ít trang đầu của Những tháng năm cuồng nộ của anh KD thực hấp dẫn quá. Sách Thư Quán Bản Thảo tôi cũng đọc được vài trang trong giờ lunch, thật là tuyệt vời hơn cả quyển Văn và Văn Học trước thời 75. Tôi sẽ gửi thư cho Anh vào ngày mai và muốn làm độc giả của Thư Quán của Anh.

■Thư của anh Phong (Boston) (trích)

Hôm ghé nhà anh chị, vợ chồng tôi có một ấn tượng thật lớn về căn phòng in ấn và công việc anh chị đang làm. Phải có một tình yêu sâu đậm với văn chương nghệ thuật mới đủ kiên tâm nhẫn nại sưu tập từ máy móc, kỹ thuật đến văn thơ chữ nghĩa để hình thành những tập sách trang nhã, gửi tặng bạn bè và những người yêu văn nghệ. Chính nhờ anh chị mà rất nhiều tác phẩm thơ văn trước 75 còn giữ lại được, nếu không chúng sẽ từ từ biến mất theo thời gian. Công việc thầm lặng, khiêm tốn của anh chị thật đáng trân trọng biết bao...

■Thư của một thân hữu ở Maryland (trích)

À, tôi có ý này anh nghĩ xem thế nào nhé - Tôi thấy người nước ngoài họ sưu tầm / ghi lại những câu danh ngôn của những người nổi tiếng nước họ rất kỹ - Ngay cả những cuốn phim hay cũng được ghi lại những lời thoại hay ...

Trong khi đó thì mình chưa làm như thế với các nhà văn nước mình. Chắc chắn có rất nhiều câu nói hay, chưa hẳn là danh ngôn nhưng vẫn thú vị, của văn nghệ sĩ miền Nam - Tại sao chúng ta không tìm và ghi lại? Như câu của Đoàn Dân : Nếu sống trong một đất nước có chiến tranh thì chết như người lính là cái chết hợp lý nhất - Tôi thật thích câu đó....

.....

TQBT trả lời : Chúng tôi xin ghi nhận ý kiến của anh. Kể từ số này, chúng tôi bắt đầu thực hiện. Trân trọng.

